

NEW YORK TIMES BESTSELLER

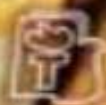
Hậu duệ thần đèn

Children of the Lamp

Hồ Manợ Chúa
Kathmandu

The Cobra King of Kathmandu

P. B. KERR



NHA XUẤT BẢN TRẺ

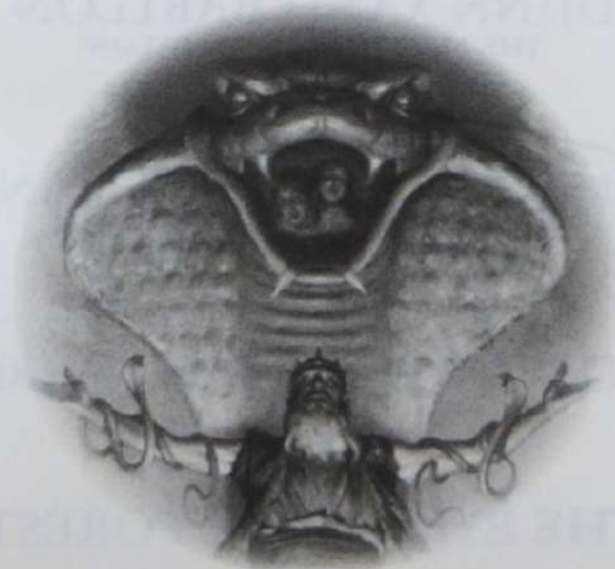
Hậu duệ thàn đèn

Children of the Lamp

TẬP

3

Hồ Mang Chúa
Kathmandu



P. B. KERR

Trương Văn Hà dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRÈ

ebook©vctvegroup

26-06-2018



Cuốn sách này dành tặng Brian Bookman



Lời của Tác Giả

cho những độc giả “lỡ” quên mất chuyện đã xảy ra
trong hai tập đầu tiên

John và Philippa Gaunt là hai bạn nhỏ sống ở New York. Sau khi nhớ rằng khôn, cả hai bất ngờ phát hiện ra mình là djinn. Răng khôn, cũng giống như sự thông minh, xuất hiện sớm hơn đối với những đứa trẻ djinn.

Cậu Nimrod của John và Philippa, một djinn cực kỳ mạnh sống ở London, là người đã hướng dẫn hai bạn “nhập môn” djinn ở Ai Cập, một đất nước với khí hậu nóng bức phù hợp cho quá trình phát triển sức mạnh djinn. Được tạo ra từ lửa, djinn vốn không ưa gì cái lạnh, và những djinn trẻ chưa trưởng thành như John và Philippa gần như không thể “vận” được sức mạnh djinn khi ở trong vùng khí hậu lạnh.

John và Philippa vẫn còn rất nhiều điều phải học hỏi về djinn, và sức mạnh của chúng vẫn còn đang trong giai đoạn phát triển. Tuy nhiên, đừng xem thường hai bạn trẻ này. Là một cặp djinn sinh đôi - không phải dạng giống nhau như đúc đầu nhé - khi hợp sức lại với nhau, chúng có được một sức mạnh to lớn như bất kỳ djinn trưởng thành nào.

Điều này giải thích tại sao hai bạn có thể giúp cậu Nimrod ngăn chặn kế hoạch lợi dụng 70 djinn thất lạc của Akhenaten để thay đổi sự cân bằng sức

mạnh giữa ba tộc djinn Tốt và ba tộc djinn Xấu - còn gọi là Sự Điều Bình - của Iblis, gã djinn độc ác nhất thế giới.

Trong khi tất cả những chuyện đó xảy ra, người mẹ djinn của chúng, bà Layla, ở nhà và cố không liên hệ gì với thế giới djinn, để giữ an toàn cho chồng, ông Edward Gaunt, một người bình thường và là một giám đốc ngân hàng. Mọi việc đều ổn thỏa, ít nhất là khi sức mạnh đặc biệt của cặp sinh đôi vẫn chưa bị phát hiện.

Nhưng khi Philippa bị bắt cóc bởi Ayesha, vị djinn tối cao của thế giới djinn, người có vẻ đã quyết định lựa chọn cô bé làm người kế vị vị trí Djinn Xanh Babylon của mình, Layla nhận ra bà không thể bỏ mặc tương lai của con gái. Để có thể có được sự tôn trọng của tất cả djinn - cả phe Tốt và phe Xấu - Djinn Xanh buộc phải có một sự độc lập hoàn toàn về lý trí. Nó còn là một vị trí đòi hỏi sự hy sinh cá nhân đáng kể, vì Djinn Xanh buộc phải từ bỏ gia đình để sống một mình, đứng bên ngoài phạm trù Tốt và Xấu. Và vì thế, Layla đã quyết định can thiệp và âm thầm hỗ trợ John trong nhiệm vụ giải cứu em gái tại Iravotum - quốc gia ngầm dưới lòng đất của Djinn Xanh ở Babylon.

Nhưng rồi, Layla phát hiện ra người mà Djinn Xanh thật sự nhắm tới không phải là Philippa mà chính là bà. Và, để tuổi thơ của con gái không bị đánh cắp, Layla đã chấp nhận điều kiện của Ayesha: khi Ayesha qua đời, chính bà, chứ không phải Philippa, sẽ trở thành Djinn Xanh Babylon đời tiếp theo.

Philippa và John dĩ nhiên rất sốc khi phát hiện ra Ayesha là bà ngoại của mình. Tuy nhiên, chúng lại hoàn toàn không biết rằng chẳng bao lâu nữa, người mẹ yêu dấu của chúng sẽ rời khỏi nhà vĩnh viễn.

Trong khi Iblis tiếp tục là kẻ thù lớn nhất của cặp sinh đôi, Philippa và John đã có được một vài người bạn tốt. Đầu tiên là ông Rakshasas, vốn là một người bạn thân của cậu Nimrod, một djinn lớn tuổi có sức mạnh đang hao mòn dần, nói tiếng Anh với chất giọng của người Ai-len dù sinh ra ở Ấn Độ. Tiếp theo là ông Groanin, quản gia kiêm tài xế trung thành của cậu Nimrod đến từ Manchester, người chỉ còn một cánh tay do tích tắc bất cẩn

trước một con hổ đói tại Bảo tàng Anh quốc. Cũng phải kể đến Dybbuk, một cậu bé djinn sống ở Palm Springs, California, cùng mẹ là bác sĩ Jenny Sachertorte. Ông bà Gaunt còn có một bà quản gia trung thành tên Trump, người vẫn tiếp tục làm việc cho nhà Gaunt sau khi Philippa đã bí mật biến điều ước được trúng giải độc đắc xổ số New York của bà thành hiện thực.

P.B. Kerr, tháng Hai năm 2006



Chương 00

Chuyện đã xảy ra chỉ vài tuần sau khi cặp sinh đôi John và Philippa ra đời ở Thành phố New York

Như tất cả mọi câu chuyện kinh dị, câu chuyện kinh dị của chúng ta bắt đầu vào lúc nửa đêm, khi hầu hết mọi người đã yên giấc. Căn nhà nơi sự cố kinh hoàng này xảy ra là một tòa nhà chính phủ ở London. Một căn nhà bằng gạch to lớn với kiến trúc xây theo phong cách của kiến trúc sư Palladio (sống vào thế kỷ 16) tại khu Whitehall, với số địa chỉ lâu đời và trứ danh nhất thế giới. Bên ngoài cánh cổng trước màu đen nổi tiếng có một viên cảnh sát đứng canh, và ở phía đối diện bên kia đường là một số tòa nhà chính phủ khác nằm xếp hàng đến tận khu Westminster và Tòa nhà Quốc hội. Đằng sau chúng là dòng sông Thames xám xịt.

Giờ khắc nửa đêm vừa mới trôi qua trong một buổi tối tháng Tư lạnh giá vào năm cuối cùng của thiên niên kỷ cuối cùng. Trong căn nhà số 10 đường Downing, mọi thứ có vẻ hoàn toàn im ắng. Một bé gái mười một tuổi ở một mình trong phòng, và đang còn thức. Bên dưới lớp chăn bông che kín người, cô đang mãi mê đọc truyện dưới ánh sáng một cây đèn pin. Cha cô, Thủ tướng Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, cùng mẹ cô đang say ngủ ở căn

phòng phía cuối hành lang, trong khi dưới lầu, tại văn phòng đằng sau Phòng Nội các, nhân viên mật vụ của Thủ tướng cùng thư ký báo chí của ông đang làm việc. Vào đúng 00 giờ 40 phút sáng, cô bé ngược mặt khỏi cuốn sách của mình với một cái chau mày ngạc nhiên, cô nghĩ hình như mình vừa nghe thấy tiếng cười của ai đó. Và thật kỳ lạ vì đó là tiếng cười con gái. Tiếng cười khúc khích của một đứa trẻ tinh nghịch.

Lạ thật.

Thò đầu ra khỏi cái lều tự tạo bằng chăn bông của mình, cô bé giông tai nghe ngóng trong vài giây, rồi gạt bỏ suy nghĩ vừa rồi.

Chắc mình nghe nhầm.

Nhưng tiếng cười con gái lại vang lên. Lần này, không còn tập trung được nữa, cô bé ngồi dậy và quăng quyển sách qua một bên.

Tiếng cười khúc khích ấy. Nó làm mình nổi cả da gà.

Cô bé đứng dậy để đi kiểm tra. Choàng cái áo khoác ngoài ở nhà lên người, cô bé mở cửa phòng và liếc nhìn xuống phía cuối hành lang. Tiếng cười khúc khích dường như phát ra từ phòng ngủ của ba mẹ cô.

Chuyện gì thế nhỉ? Đó không phải tiếng cười của mẹ. Mẹ chẳng cười như thế bao giờ. Từ khi chuyển đến sống trên đường Downing, mình chẳng lúc nào thấy mẹ cười.

Cô bé rón rén bước về phía cuối hành lang và tiếng cười thành linh lớn lên, tinh quái hơn, thậm chí có phần hiểm ác, nhưng khi cô đẩy cửa phòng ngủ của Thủ tướng và bước vào trong, tiếng cười lập tức ngưng bật - dù chỉ trong giây lát.

Chuyện quái gì đang xảy ra thế này?

Mẹ cô đang ngồi thu lu trong một góc phòng, cặp mắt mở to với sự kinh hãi thấy rõ. Cha cô thì đang ngồi thẳng đơ trên giường với hai mắt nhắm nghiền và hơi thở nặng nề như thể ông vừa chạy marathon một quãng đường thật dài. Nhìn ông không giống như bình thường chút nào. Mặt ông trắng bệch, bộ đồ ngủ trên người ướt đẫm mồ hôi, và mái tóc dính bết trên đầu

như những sợi rơm ẩm ướt. Rồi mắt ông hé mở, hai con ngươi xoay vòng trong hốc mắt như những hòn bi, trước khi nhắm nghiền trở lại.

Điều tiếp theo cô nhận ra là cái nóng. Căn phòng. Nó y như một cái lò nướng, cô bước về phía cửa sổ. Mở nó ra. Chạm vào bộ tản nhiệt. Lạnh ngắt.

Quá lạ.

Cô hỏi nhỏ:

– Mẹ không ổn hả mẹ?

Mẹ cô thì thầm trả lời với vẻ lo lắng:

– Mẹ ổn. Nhưng cha con thì không.

Cô đi đến bên giường. Nghiêng người về phía cha, cô dùng mu bàn tay đẩy nhẹ con gấu Teddy của ông qua một bên và hỏi thăm:

– Ba? Ba ổn không?

Lại thêm vài hơi thở nặng nề qua cánh mũi phập phồng của cha cô. Ông nhe răng cười như một con sói, rồi cặp mắt xanh lục của ông mở ra và nhìn thẳng vào cô với ánh nhìn làm cô thấy rợn cả người.

– Ngừng lại đi ba. Chuyện này chẳng vui chút nào. Ba làm mẹ sợ đó.

Đó là khi ông bắt đầu bật cười. Ngoại trừ việc, không phải ông là người đang cười. Bật ra từ miệng ông là tiếng cười của một đứa con gái, như thể có ai đó đang ở bên trong người ông, một ai đó xa lạ, không được hoan nghênh và có lẽ cũng không tốt đẹp gì. Một ai đó hoặc *một cái gì đó*.

Nếu ba cố tình làm vậy, ba à, nếu đây chỉ là một trò đùa của ba, thì nó không vui chút nào đâu, vì ba đang làm con sợ chết được đấy, ba biết không?

Cặp mắt lạnh lẽo, vô hồn trông hoàn toàn trái ngược với tiếng cười khúc khích như hút hồn cô trong suốt mấy giây, trước khi giọng nói của một đứa con gái - có vẻ không lớn hơn cô bao nhiêu - lên tiếng.

Giọng nói ra lệnh:

– Gọi Bộ trưởng Bộ Nội vụ đến đây. Và Chánh Thanh tra Cảnh sát Thủ đô. Và Trưởng phòng Ủy viên Công tố. Và Viên Chương lý. Ta muốn bắt

một người và ném hãn vào nhà ngục Tháp London. Ngay lập tức. Tối nay. Không còn dư thời gian đâu.

Cô bé nói:

– Ba không thể ném ai đó vào Tháp London được Không phải như thế. Phải theo trình tự phù hợp. Theo luật.

Giọng nói lại ra lệnh:

– VẬY thì gọi điện thoại cho Nữ Hoàng. Ta muốn ban hành một luật mới. Ngay bây giờ. Một luật cho phép ta bắt giữ và xử tử hãn. Ngay tối nay.

Cô bé cảm thấy quai hàm của mình sắp rớt xuống đất vì ngạc nhiên.

– Đứng đó chờ gì nữa hả, con bé ngu ngốc kia? Làm đi chứ. Người không biết ta là ai sao? Ta là Thủ tướng. Và trong khi làm, ngậm cái miệng của người lại giùm. Trông cứ y như một con cá vàng ấy. Một con cá vàng ngu ngốc. Mấy cái mặt đồng hồ vỡ nhìn còn đỡ ngu hơn mặt người bây giờ đấy, nhóc con.

Thật sự khiếp sợ, cô con gái Thủ tướng bước lùi xa khỏi cha mình, cố gắng trấn an trái tim đang đập thành thạch liên hồi trong lồng ngực.

– Và nhóc con mặt cá kia? Nhớ nói rõ cho mọi người biết là ta hoàn toàn nghiêm túc đấy nhé. Nếu không đừng trách ta sử dụng quyền lực trấn áp. Hiểu chưa, đồ mặt cá?

Vị Thủ tướng lại bật cười khúc khích với giọng con gái. Và đó là lúc đứa con gái nhỏ của ông bắt đầu hét lên.

* * *

Cậu Nimrod nhận xét:

– Trẻ sơ sinh là những sinh vật thật kỳ quặc. Ý em là, chúng y như mấy con thú ấy.

Đến New York để thăm hai đứa cháu trai và cháu gái mới sinh, John và Philippa, cậu Nimrod nhìn cặp sinh đôi đang nằm im trong hai cái nôi bệnh

viện với ánh mắt gần như kinh hãi. Ông ghét mấy đứa trẻ sơ sinh lắm lắm, và việc ông có thể nhớ rõ mồn một từng khoảng khắc khủng khiếp khi còn là trẻ sơ sinh của mình chẳng khác nào “đổ dầu vào lửa” cho sự căm ghét ấy. Đây là trường hợp thường xảy ra cho những djinn trưởng thành: nhiều người trong số họ có một trí nhớ hoàn hảo về tất cả mọi thứ đã xảy ra với họ, và cố đến mấy cũng chẳng thể nào quên được chúng.

– Mà chị không thấy lạ sao? Việc đứa trẻ sơ sinh nào nhìn cũng y chang Winston Churchill ấy. Hoặc Benito Mussolini. Lúc nào cũng tè dầm và cáu kỉnh. Mà đó là chưa kể đến khuynh hướng thích được làm trung tâm mọi sự chú ý của chúng.

Chị gái của cậu Nimrod, bà Layla, vốn cũng là một djinn, ngồi cứng đờ trên giường bệnh và lắng nghe những lời nhận xét chả tế nhị chút nào của cậu em trai với sự bức mình ngày càng tăng cao. Dường như cảm nhận được sự chán ghét của ông cậu kén cá chọn canh, cặp sinh đôi bắt đầu đồng thanh khóc rống lên như một cặp mèo đói.

Nâng cao âm lượng để mong át được tiếng khóc của lũ trẻ, cậu Nimrod nói thêm:

– Lại còn sinh đôi nữa chứ! Chị yêu dấu, em cá là chị sắp bận rộn đến chết cho coi. Nhìn hai cái loa to mồm này, em bắt đầu tin vào truyền thuyết sáng lập La Mã rồi đấy. Chuyện cặp sinh đôi Romulus và Remus bị bỏ vào một cái máng xối và ném xuống sông Tiber, chỉ để được giải cứu bởi một con sói cái và một con chim gõ kiến ấy. Nhìn chúng xem, cứ như đang muốn bạt tai ai đấy. Đặc biệt là cái cách vẫy tay vòng vòng như hai con tôm trụng nước sôi ấy.

Mỉm cười một cách đầy kiên nhẫn, bà Layla hỏi:

– Cậu còn gì khác để nói không? Hay là cậu lặn lội từ London đến tận đây chỉ để xỉ vả con chị thô lỗ như thế hả?

Cậu Nimrod cười cầu hòa:

– Thô lỗ? Em ấy à? Làm gì có.

Và nhặt lên một cái hộp đựng giày để dưới đất nãy giờ, cậu vui vẻ tuyên bố:

– Trên tư cách là người cậu duy nhất của chúng, em mang đến cho chúng món quà truyền thống của djinn chúng ta đây. Một cái đèn dầu đèn hoàng. Mỗi đứa một cái. Mà chẳng phải mấy cái đèn bằng hộp kim thiếc vớ vẩn ở Malaysia đâu nhé. Đây là bạc thật. Nguyên chất 100%. Từ triều đại Ottoman. Với nội thất do chính đứa em trai yêu dấu của chị thiết kế đấy nhé.

Bà Layla lẳng lặng nói:

– Rất tiếc, nhưng cậu làm ơn mang nó về. Con chị sẽ không được nuôi dạy như một djinn, mà sẽ như một con người.

Cậu Nimrod ngạc nhiên hỏi:

– Hử, Layla, ý chị là...?

Bà Layla trả lời:

– Cậu không có nghe lầm đâu. Cha chúng là người. Tại sao không chứ?

Cậu Nimrod nói:

– Và là một con người dễ chịu. Em biết chứ. Nhưng những đứa trẻ này không phải, và không thể nào là mundane. Chị biết điều đó mà.

Bà Layla thở dài:

– Chị sẽ cảm ơn cậu nhiều nếu cậu không sử dụng cái từ đó.

Cậu Nimrod thốt lên:

– Từ “mundane” ấy à? Tại sao không? Đó là mô tả chính xác về con người mà, bà chị yêu dấu. Chúng ta không thể nào phủ nhận việc sức mạnh djinn chỉ truyền từ mẹ sang con. Đến một lúc nào đó trong tương lai - em cá chỉ chừng mười đến mười hai năm nữa, khi những chiếc răng khôn của chúng cần được nhổ - chị và anh Edward chồng chị sẽ phải đối mặt với thực tế. Răng cặp sinh đôi của anh chị là ai, là cái gì. Chúng là những hậu duệ của thần đèn, chị Layla à.

Bà Layla vẫn cương quyết:

– Chị sẽ cảm ơn cậu nếu cậu quên điều đó. Và để yên cho anh chị. Vĩnh viễn. Chị không muốn có liên hệ gì với thế giới djinn nữa. Và nó bao gồm cả cậu, em trai của chị.

Cảm thấy nhói đau trong lòng, cậu Nimrod gượng cười bảo:

– Được thôi. Nếu chị muốn vậy. Nhưng em chỉ muốn nhắc chị nhớ một điều: chị có thể tách rời con chị khỏi những djinn khác, nhưng chị sẽ không thể tách rời chất djinn khỏi người chúng.

Và ngay trong ngày hôm đó, cậu Nimrod bay về London.

Quay về từ New York chưa được bao lâu, cậu Nimrod vẫn còn đang ở dưới hầm hi hục gói giấy báo quanh hai cây đèn dầu triều đại Ottoman mà cậu định tặng cho John và Philippa thì người tài xế một tay của cậu, ông Groanin, xuất hiện trên bệ cửa.

– Có khách ở ngoài sảnh, thưa ngài.

Ông Groanin thông báo. Cái cách mà ông nói chữ “khách” nghe giống như ông đang nói “heo” hoặc “linh cầu”.

– Ông ta bảo có chuyện gấp muốn nói với cậu, Nimrod.

– Thế vị khách đó có tên không?

– Tôi không nghĩ tôi có thể nói được cái tên đó, thưa ngài.

– Tại sao? Mèo ăn mất lưỡi của anh rồi à, Groanin?

– Đó không phải là điều tôi muốn nói, thưa ngài. Ý tôi là, ông ấy có một cái tên khó phát âm.

– Thì anh cứ nói thử xem.

– Được thôi, thưa ngài.

Rồi ông Groanin tập nung suy nghĩ, đảo cặp môi và cái lưỡi của mình, và nói:

– Bác sĩ Ruchira P.Warnakulasuriya.

– À vâng, tôi có thể hiểu rắc rối của anh, Groanin. Đúng là một cái tên dễ làm người ta trọ cả lưỡi. Thế anh có biết ông ấy muốn gì không?

– Ông ta không nói chính xác mình muốn gì, thưa ngài. Chỉ bảo đó là một vấn đề nghiêm trọng cấp an ninh quốc gia. À phải. Ông ta còn nói cậu biết cha ông, thầy tu Murugan.

– Tốt nhất anh nên dẫn ông ấy vào thư viện chờ, anh Groanin.

– Vâng, thưa ngài.

Rồi ông Groanin quay lưng bước đi, miệng không ngừng cầu nhàu gì đó chỉ đủ lớn để mình ông nghe được.

Cậu Nimrod khóa hai cây đèn dầu vào trong hòm, rồi đi, gặp vị khách của mình. Người cha quá cố của vị khách này, một trong những vị thánh sống nổi tiếng ở Ấn Độ, là người quen của ông. Sự hiến thân vì đạo và tính thần thánh vĩ đại của thầy tu Murugan được thể hiện qua việc ông dành trọn mười năm cuộc đời để ngồi thiền trên một cây cột cao với tám con dao găm cắm ngập vào ngực và vai. Đó là một việc mà các vị thánh sống ở những nơi như Ấn Độ thường làm. Thật sự đến giờ cậu Nimrod vẫn không hiểu được lý do tại sao họ lại làm như vậy, tuy nhiên có vẻ nó làm họ thấy hạnh phúc, và cậu Nimrod là người chẳng bao giờ can thiệp vào khái niệm hạnh phúc của người khác.

Chờ ông bên trong thư viện là một người đàn ông mập lùn đeo kính màu, vận áo vest xanh sọc nhỏ với một cái đồng hồ bằng vàng bảnh chọe trên cổ tay. Trông thấy cậu Nimrod, gã cúi chào, rồi hôn lên tay ông một cách kính cẩn. Thầy Murugan biết cậu Nimrod là một djinn, và Nimrod đoán chắc con trai ông cũng biết.

Không vòng vo, tay bác sĩ đi thẳng vào vấn đề:

– Quý ngài đáng kính, xin tha lỗi cho tôi vì đã đột ngột đến làm phiền như thế này, tuy nhiên, một vấn đề có tầm nghiêm trọng cấp quốc gia đã nảy sinh.

Châm một điếu xì gà, cậu Nimrod nói:

– À vâng, anh Groanin cũng đã thông báo thế với tôi.
– Xin tự giới thiệu, tôi vốn hành nghề bác sĩ ở phố Harley - một bác sĩ rất thành công. Một trong những khách hàng của tôi là phu nhân Thủ tướng, bà Widmerpool. Sau một thời gian dài làm việc với nhau, tôi đã trở thành một người bạn đáng tin cậy của bà ấy.

Vừa giới thiệu, bác sĩ Warnakulasuriya vừa vâng vâng cái cà vạt của gã như thể hơi xấu hổ khi phải tiết lộ một cái tên nổi tiếng và có ảnh hưởng như vậy.

Nhưng cậu Nimrod, chẳng có vẻ bị ấn tượng một chút nào, chỉ nói:

– Ờ, thật tốt khi được khách hàng coi như bạn thân.

Bác sĩ Warnakulasuriya nói tiếp:

– Vâng. Và đó là lý do tại sao tôi, chứ không phải bác sĩ riêng của ngài Thủ tướng, đang liên quan đến một tình huống hệ trọng đòi hỏi phải được giải quyết một cách thận trọng và tế nhị nhất có thể.

Thở ra một vòng khói mang hình những cái lỗ tai người thật lớn, cậu Nimrod bảo:

– Ông làm tôi tò mò đấy.

Mải nhìn những cái lỗ tai bằng khói, bác sĩ Warnakulasuriya lơ đãng nhận xét:

– Ô, thế thì tốt quá. Rất tốt.

Rồi chợt nhớ ra sự khẩn cấp trong nhiệm vụ của mình, tay bác Sĩ vội nói tiếp:

– Thưa ngài, vấn đề ở đây là, tôi nghĩ Thủ tướng Widmerpool đang bị một djinn nhập xác, và tôi đến đây để thỉnh cầu ngài làm lễ trừ tà giùm.

Cậu Nimrod chau mày hỏi:

– Lễ trừ tà à? Tại sao ông lại nghĩ việc này có liên quan đến djinn chứ không phải một thứ gì khác? Ma nhập chẳng hạn?

Bác sĩ Warnakulasuriya nói chắc như đinh đóng cột:

– Tôi không phải là cha tôi, thưa ngài. Tuy nhiên, với kiến thức giới hạn về djinn của mình, tôi có thể cam đoan việc này có bàn tay djinn nhúng vào. Ví dụ như nhiệt độ trong phòng ngủ của Thủ tướng Widmerpool, nơi ngài Thủ tướng hiện đang bị tạm giữ, nóng chứ không phải lạnh. Ngoài ra, tôi đã thử đốt một que diêm ngay sát miệng Thủ tướng, và ngài ấy chẳng hề thổi tắt nó. Thay vào đó, ngài ấy hút lấy ngọn lửa vào miệng, như thể người ta uống trà từ đĩa.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Mô tả tốt đấy. Còn gì nữa không? Một mùi đặc trưng nào đó chẳng hạn?

Bác sĩ Warnakulasuriya gật đầu:

- Vâng, trong phòng còn có mùi lưu huỳnh nồng nặc nữa.
- Chắc ông đã thử nói chuyện với Thủ tướng, đúng không? Giọng ông ấy thế nào?

Tay bác sĩ cho biết:

– Đó là giọng một con bé, khoảng chừng mười hai tuổi. Có học thức, người Mỹ. Tinh quái và xác xược. Nó ra lệnh cho tất cả những ai đến gần, như thể nó cho rằng mệnh lệnh của nó sẽ được thực hiện chỉ vì được phát ra từ miệng ngài Thủ tướng. Lúc đầu, tất cả các mệnh lệnh của nó đều giống nhau: bắt giữ một người đàn ông, nhốt hẳn vào Tháp London, rồi xử tử hẳn ở đó bằng cách chặt đầu.

– Ồ, vậy à? Thế tên của kẻ đó là gì? Người đàn ông mà cô bé kia muốn bắt giữ ấy?

– Một cái tên lạ. Nghe như tên người nước ngoài. Ý tôi là, không phải tiếng Anh. Đây, tôi đã viết lại cái tên đó.

Nói rồi bác sĩ Warnakulasuriya lục trong túi áo vest và đưa cho cậu Nimrod một tấm danh thiếp với một cái tên được viết sau lưng. Gã nói thêm:

– Nhưng tôi cũng không chắc mình đánh vần cái tên đó có đúng không...

Cậu Nimrod im lặng nhìn cái tên trong mấy giây liền, rồi, bỏ tấm danh thiếp vào túi quần, cậu bảo:

– Ông nói tiếp đi. Ông có nói lúc đầu tất cả các mệnh lệnh đều như nhau. Vậy về sau cô bé ấy yêu cầu gì?

– Khi nhận ra sẽ không có ai bắt giữ người đàn ông ấy, con bé bắt đầu thay đổi mệnh lệnh của nó. Và lần này, có vẻ như chúng chỉ nhằm mục đích làm mất mặt Thủ tướng Widmerpool, làm người khác tưởng ngài ấy bị điên. Ví dụ như, con bé yêu cầu thư ký báo chí của Thủ tướng gửi tối hậu thư đe dọa sẽ bắt giữ Tổng thống Mỹ vì tội phản quốc nếu ông ấy không xé Bản Tuyên ngôn Độc lập, rồi ngay lập tức bay đến gặp Nữ Hoàng Anh và thề sẽ trung thành vĩnh viễn với bà.

Cậu Nimrod không khỏi mỉm cười:

– Ý hay đấy. Có thể thành công cũng nên.

Rồi suy nghĩ trong giây lát, cậu hỏi:

– Bác sĩ Warnakulasuriya, có con mèo nào sống trong tòa nhà số 10 đường Downing không?

– Mèo à? Vâng, tôi nghĩ là có đấy. Tại sao?

– Bởi vì chúng ta sẽ cần một con mèo cho lễ trừ tà.

– Vậy có nghĩa là ngài đồng ý giúp?

Liếc nhìn ra ngoài cửa sổ, cậu Nimrod mỉm cười:

– Tại sao không chứ? Hôm nay là một ngày tuyệt vời cho lễ trừ tà mà.

* * *

Con mèo sống ở tòa nhà số 10 đường Downing có tên Boothby. Vốn là một con mèo hoang được nhặt về nuôi, con Boothby lông dài với hai màu trắng đen này đặc biệt thích gặm bánh quy. Bất chấp biệt danh “sát thủ chim non” của nó, Boothby rất được coi trọng trong tòa nhà số 10. Trước khi cậu Nimrod đến đây vào một buổi sáng tháng Tư, rắc rối duy nhất mà Boothby gặp phải từ khi chuyển đến sống trên đường Downing chỉ là việc xém bị chiếc Cadillac bọc thép nặng hai tấn của Tổng thống Mỹ cán phải một lần.

Đặt chân vào tòa nhà số 10, cậu Nimrod đã làm bác sĩ Warnakulasuriya không khỏi ngạc nhiên khi yêu cầu được gặp Boothby chứ không phải Thủ tướng Widmerpool. Cậu Nimrod được dẫn đến chờ trong Phòng Trụ cột^[1], nơi bác sĩ Warnakulasuriya xuất hiện sau đó vài phút với con mèo giữ chặt trên tay. Tay bác sĩ vốn chẳng ưa gì loài mèo, vì gã không muốn bộ vest đặt may riêng của mình bị dính đầy lông mèo. Và quan trọng hơn, gã cực kỳ ghét những vết cào xước mà con mèo đã “thân tặng” cho gã trong cuộc đào thoát không thành vừa rồi của nó.

Xuýt xoa trước những vết trầy chảy cả máu trên mu bàn tay, tay bác sĩ thiếu điều trừng mắt với con mèo:

– Ôi ôi ôi... đồ ăn bám ghê tởm! Sao mà dám? Đồ quái vật thô lỗ.

Trong một giây, nhìn gã như thể sắp đá con mèo đến nơi. Nhưng cậu Nimrod, người cảm nhận được lý do hoảng loạn thật sự của con mèo, đã kịp bế nó lên và giải thích:

– Căn phòng này bị ma ám, bác sĩ ạ. Bởi hồn ma của bà Gladstone. Tốt hơn chúng ta nên kiếm một căn phòng khác, không thì con mèo sẽ chẳng thể nào đủ bình tĩnh để tôi làm... ờ... làm những chuyện cần làm.

Vốn cũng biết rõ đường đi nước bước trong tòa nhà số 10, bác sĩ Warnakulasuriya dẫn cậu Nimrod vào Phòng Đất nung^[2], nơi cậu Nimrod, vẫn bế con mèo trên tay, ngồi xuống một cái ghế bành và bắt đầu vuốt ve người bạn mới họ nhà mèo của mình.

Nimrod nói với tay bác sĩ:

– Phiền ông đưa giùm tôi cái gạt tàn.

Tay bác sĩ đưa cái gạt tàn cho cậu Nimrod.

– Tôi muốn hỏi một chút: ông có đưa cho Thủ tướng uống cái gì không? Một cốc nước lọc chẳng hạn?

– Không. Tôi đã bắt mạch cho Thủ tướng - nó đập rất nhanh - lấy ít máu của ngài ấy đi phân tích, kiểm tra đồng tử và lưỡi của ngài ấy, và đã ấn thử tuyến bạch huyết bên trong cổ ngài ấy để xem chúng có bị sưng không. À, đúng rồi, nhắc mới nhớ, cái mùi lưu huỳnh mà tôi đã nhắc đến lúc nãy ấy, hình như tôi chỉ ngửi được nó sau khi ấn vào tuyến bạch huyết của Thủ tướng Widmerpool.

Cậu Nimrod cho biết:

– Đó là vì tuyến bạch huyết chính là trung tâm của sự nhập xác. Nói đơn giản thì đó là nơi djinn chọn để trú ngụ trong cơ thể vật chủ. Chỉ cần xoa bóp nhẹ những cái tuyến ấy cũng đủ để lưu huỳnh nguyên chất thoát ra khỏi người Thủ tướng Widmerpool. Djinn có liều lượng lưu huỳnh trong cơ thể cao hơn mundane... à, ý tôi là, cao hơn con người. Chắc ông cũng biết, một cơ thể người bình thường chứa một lượng lưu huỳnh đủ để tiêu diệt tất cả bọ chét trên người một con chó lớn. Nhưng lượng lưu huỳnh trong cơ thể một djinn bình thường sẽ đủ để diệt sạch bọ chét trên người một con voi ma mút rậm lông. Vì lý do đó, con người có một cái mũi thính hơn djinn nhiều. Đó

là một trong những lợi thế hiếm hoi mà loài người các ông có được so với chúng tôi.

Cậu Nimrod nói tất cả những điều này cho bác sĩ Warnakulasuriya nghe không phải vì muốn cải thiện kiến thức của tay bác sĩ về djinn - nếu như nó có để còn được cải thiện. Là người thường rất kín miệng về các vấn đề bí mật, ví dụ như những chuyện liên quan đến djinn, lần này cậu đặc biệt phá lệ cũng chỉ vì con mèo. Cậu Nimrod có thể dễ dàng nhận ra giọng nói trầm vang của mình có tác dụng xoa dịu sự bất an của con mèo, làm nó bình tĩnh lại dần trong vòng tay cậu.

Cậu Nimrod muốn Boothby cảm thấy đủ thoải mái để cho phép cậu đụng vào hàng ria mép của nó.

Một con mèo có 24 cái ria cử động được, chia đều mười hai cái mỗi bên mũi. Và cậu Nimrod cần bảy cái để thực hiện nghi lễ trục xuất djinn, hay còn được gọi là nghi lễ Katto (dù lý do của nó chẳng có gì liên quan đến mèo cả). Cậu Nimrod vốn không phải là một người độc ác, và cậu nghĩ thật không may khi djinn bị cấm dùng sức mạnh của mình để tự tạo ra ria mèo, vì chắc chắn Boothby sẽ chẳng đời nào tự nguyện từ bỏ một phần ba bộ ria yêu quý của nó. Và ngay bây giờ, dù ngoài miệng vẫn cười nói bình thường với bác sĩ Warnakulasuriya, trong đầu cậu Nimrod vẫn đang cố nghĩ cách đền bù xứng đáng cho Boothby sau khi bị xin mất mấy cọng ria.

Lo lắng liếc nhìn lên trần nhà, bác sĩ Warnakulasuriya nhắc:

– Ừm, xin lỗi vì đã ngắt lời, nhưng tình hình hiện rất khẩn cấp, thưa ngài. Thủ tướng Widmerpool có cuộc gặp với Thủ tướng Đức vào buổi trưa mai. Vì thế, nếu được, mong ngài sớm đến gặp ngài ấy để xem chúng ta cần phải làm gì.

Vừa nói, bác sĩ Warnakulasuriya vừa gượng gạo mỉm cười. Gã thật không hiểu tại sao cậu Nimrod lại coi trọng con mèo đến thế, nhất là trong lúc nước sôi lửa bỏng như thế này, khi mà ở căn phòng trên lầu, ngài Thủ tướng đáng kính của họ đang làm nhảm như một con bé học sinh tinh quái. Tuy nhiên, gã cũng biết một số djinn nổi tiếng nóng tính và, theo như những gì người

cha quá cố của gã đã nói, cần được xoa dịu và tăng bốc chút xíu trước khi họ đồng ý làm gì cho con người. Vì thế, gã khúm núm cúi đầu và vợ nói thêm:

– Ý tôi là, khi nào ngài chơi với con mèo xong, thưa ngài.

Cậu Nimrod không nói gì mà vẫn tiếp tục gãi cằm con Boothby. Con mèo rên lên gừ gừ một cách thỏa mãn. Trong một giây, tay bác sĩ chỉ biết nhắm mắt chứ không dám nói gì thêm. Tuy nhiên, ngay trong giây sau đó, gã gần như nhảy bật khỏi ghế khi Boothby rít lên một tiếng lớn như nữ thần báo tử và hoảng loạn bò ngược lên tấm rèm cửa như đang bị cả một tiểu đoàn chó becgiê truy đuổi. Cậu Nimrod thả một thứ gì đó vào trong cái gạt tàn, trước khi đứng dậy và nhanh chóng bước về phía cửa sổ.

– QWERTYUIOP!

Bác sĩ Warnakulasuriya há hóc miệng khi một đĩa cá sống to dùng đột ngột xuất hiện trên bàn tay giơ ra của vị djinn. Gã không biết tại sao con mèo lại bỏ chạy trốn chết như vậy, nhưng điều đó dường như không đáng ký lô gì so với sức mạnh siêu nhiên mà gã vừa được chứng kiến. Đây là lần đầu tiên gã tận mắt trông thấy sức mạnh của djinn, và nó làm gã rất, rất ấn tượng.

Trong khi đó, cậu Nimrod giơ đĩa cá về phía thanh treo rèm nơi con Boothby đang tạm trú và nhẹ nhàng xin lỗi nó.

Tay bác sĩ thều thào nói:

– Con cá. Ngài biến ra chúng. Từ không khí. Chỉ như thế. Đúng không?

Cậu Nimrod giải thích:

– Tôi nghĩ đó là điều ít nhất tôi có thể làm được cho Boothby để cảm ơn sự hỗ trợ của nó. Ông không nghĩ vậy sao?

Rồi cậu để con mèo đánh hơi được mùi cá trước khi đặt cái đĩa xuống đất.

– Vâng, tôi không hoàn toàn rõ lắm về điều đó. Chính xác nó giúp được gì cho chúng ta, thưa ngài?

Nhặt cái gạt tàn lên, cậu Nimrod chỉ cho vị bác sĩ xem bảy cái ria mèo mà cậu đã bứt khỏi mặt của Boothby tội nghiệp.

– Nó đã giúp chúng ta rồi. Với ria của nó.

Hiểu lầm về mặt ngạc nhiên của tay bác sĩ rằng gã đang bị sốc và không hài lòng với hành động ngược đãi động vật vừa rồi của mình, cậu Nimrod trấn an:

– Đừng lo. Chúng sẽ mọc lại thôi.

Rồi gật đầu chi về phía cửa ra vào, cậu bảo:

– Đi thôi. Có cả một lễ trừ tà đang chờ chúng ta, đúng không?

Cậu Nimrod từ tốn bước vào phòng ngủ của ngài Thủ tướng. Ông Widmerpool đang nằm ngửa trên giường, đầu kê trên một cái gối bự. Đứng cạnh ông là một phụ nữ tóc vàng cao ráo mà cậu Nimrod lập tức nhận ra là phu nhân Thủ tướng, bà Sheila. Hai tay ôm siết vào nhau, trông bà có vẻ rất căng thẳng và mệt mỏi. Ở một góc phòng, một bé gái chừng mười một, mười hai tuổi đang ngồi thu lu trên ghế; cậu đoán đây chắc là cô con gái bé nhất của Thủ tướng, tên Lucinda. Đứng sau lưng cô là thư ký báo chí của Thủ tướng, người liếc nhìn bác sĩ Warnakulasuriya dẫn cậu Nimrod vào phòng với một vẻ mặt nhẹ nhõm pha lẫn bực dọc.

Liếc nhìn đồng hồ đeo tay, ông nói:

– Đến đúng giờ quá nhỉ.

Và rồi quay sang nhìn cậu Nimrod trong bộ vét đỏ chót, như không tin vào mắt mình, ông hỏi:

– Còn ông là ai? Santa Claus à?

Nhưng bà phu nhân Thủ tướng thì đón nhận sự hiện diện của cậu Nimrod với vẻ nồng nhiệt và biết ơn hơn. Mắt đắm lệ, bà nắm lấy tay ông xiết thật chặt và thốt thức:

– Ôi, ơn Chúa, ông đã đến. Chúa phù hộ ông.

Khẽ hít thở không khí trong phòng, Nimrod vừa dẫn bà rời xa cái giường vừa an ủi:

– Xin bà cứ bình tĩnh, quý bà đáng kính. Ngài Thủ tướng sẽ ổn ngay thôi. Tôi có thể đảm bảo điều đó.

– Ồ, vậy à? Thế người là ai nhỉ?

Lần này đến lượt ngài Thủ tướng lên tiếng - hay đúng hơn là cô bé djinn hiện đang sống trong cơ thể ông. Cậu Nimrod không nghi ngờ gì về kết luận đó: mùi lưu huỳnh toát ra mỗi khi ngài Thủ tướng mở miệng không lẫn vào đâu được.

Ngồi xuống một bên giường, cậu Nimrod nói:

– Ta có thể hỏi cô điều tương tự đấy, cô bé. Nhưng ta quan tâm hơn đến việc *tại sao* cô làm chuyện này. Thề là cô có thể đóng chai ta nếu ta không khó chịu khi thấy cô đối xử với ngài Thủ tướng một cách vô lễ như vậy.

– Người khó chịu thì đã sao nào? Người không thể thấy ta. Trừ khi ta quyết định điều ngược lại.

– Ta đang lịch sự yêu cầu cô rời khỏi Thủ tướng đấy. Ngay bây giờ.

Cô bé bên trong người Thủ tướng cười khúc khích:

– Nếu ta không muốn thì sao nào?

– Vậy thì đừng trách ta mạnh tay với cô.

– Ồ? Người thì làm gì được ta chứ?

– Cô sẽ không muốn biết đâu.

Cô bé lại cười khúc khích. Làm ngài Thủ tướng ngồi dậy, cô tuyên bố:

– Đang vui thế này thì ngu sao ta bỏ chứ.

Cậu Nimrod vẫy nhẹ tay và thầm thì cái từ mà cậu dùng để tập trung sức mạnh của mình:

– QWERTYUIOP!

Ngay lập tức, cô bé djinn nhận ra một chuyện gì đó không ổn đã xảy ra.

– Gì thế này? Người đã làm gì? Tại sao ta không thể cử động?

Cậu Nimrod bảo:

– Không có gì đáng lo đâu. Chỉ là một phép trói buộc nho nhỏ thôi.

Giọng nói bên trong người Thủ tướng hét lớn:

– Tại sao? Người định làm gì? Người đâu, gọi cảnh sát bắt tên này cho ta!

Nhặt một cọng ria mè lên khỏi cái gạt tàn, cậu Nimrod nói:

– Cô đã ra mệnh lệnh cuối cùng của mình rồi đó. Đến lúc đi rồi, cô bé. Ngài Thủ tướng lo lắng nhìn cọng ria mèo trên tay cậu Nimrod và hỏi:

– Cái gì thế?

Rút một cái hộp quẹt ra khỏi túi áo khoác màu đỏ của mình, cậu Nimrod cười khinh khỉnh:

– Chắc cô đã nghe câu tục ngữ “một con mèo cháy lúc nào cũng tốt hơn vẻ ngoài của nó”^[3] rồi nhỉ? Cối biết không, không cò mùi gì djinn chúng ta ghét bằng mùi mèo cháy. Trong thời cổ đại, nghi lễ trục xuất djinn Katto đòi hỏi cả một con mèo sống. Nhưng may phước là hiện nay, chúng ta không đến nỗi độc ác như thế. Tất cả những gì chúng ta cần chỉ là bẫy cọng ria mèo.

Cậu Nimrod lúc lắc những ngón tay không cầm gì của mình và một cái kẹp mũi chuyên dụng của vận động viên bơi lội hiện ra từ không khí trong sự ngạc nhiên cao độ của bác sĩ Warnakulasuriya, người đang đứng ngay bên cạnh cậu. Kẹp cái kẹp lên mũi mình để tránh hít phải mùi ria mèo cháy, cậu nói:

– Ta nghĩ là cô muốn tạo ra một rắc rối chính trị bằng những gì cô đã làm.

Cô bé djinn trong người Thủ tướng thanh minh:

– Không phải. Ít nhất ban đầu ta không định thế. Ta chỉ muốn Iblis bị bắt giữ thôi. Đó là lý do tại sao ta làm việc này. Bắt giữ, xử tử, hoặc tra tấn. Cái gì trước cũng được. Chắc người phải nghe nói đến Iblis rồi chứ? Cũng vì hấn mà cả gia đình ta tan nát.

Cậu Nimrod gật đầu khi cô bé djinn giải thích lý do của mình. Iblis là một cái tên mà cậu biết rất rõ. Là tộc trưởng tộc Ifrit, một trong ba tộc djinn Xấu, Iblis được biết đến như djinn độc ác nhất thế giới.

Cậu Nimrod hỏi:

– Sao cô nghĩ ngài Thủ tướng có thể giúp chứ?

Giọng nói trả lời:

– Không có djinn nào, bao gồm cả cha ta, dám đụng đến Iblis. Vì thế ta phải tìm kiếm sự giúp đỡ từ loài người. Thủ tướng Anh. Nhưng ông ta lại không phải người như ta nghĩ. Mẹ mà biết được sự thật thì thế nào cũng thất vọng. Bà lúc nào cũng ca ngợi ông ta mà. Lúc nào cũng bảo ông ta là một người tuyệt vời. Nhưng ông ta chẳng tuyệt vời gì. Một kẻ chẳng có chút sức mạnh nào.

Cậu Nimrod nhắc nhở:

– Đây là cơ hội cuối cùng để cô tự nguyện rời khỏi ngài Thủ tướng đấy.

Nhưng cô bé djinn chỉ cười khinh bỉ:

– Một kẻ thậm chí không thể bắt nhốt người khác theo ý muốn thì không đáng lãnh đạo một đất nước. Cho nên ta muốn ông ta phải trả giá cho sự vô dụng của mình. Bằng sự rắc rối chính trị mà ông ta sắp gặp phải.

Cậu Nimrod chau mày nói:

– Người sắp gặp rắc rối chính là cô đấy.

– Người chỉ giỏi khoác lác.

– Để xem ai khoác lác nhé.

Với cái đầu và thân thể của ngài Thủ tướng bị giữ bất động bởi phép trói buộc djinn của cậu Nimrod, cô bé djinn không có cách nào tránh được cái ria mèo bốc cháy mà cậu Nimrod giữ ngay bên dưới lỗ mũi ngài Thủ tướng.

– Á! Không! Ngừng lại! Cái mùi kinh khủng. Bỏ nó ra chỗ khác!

– Chính cô ép ta làm thế.

Thả tro tàn của cái ria mèo đầu tiên xuống đất, cậu Nimrod tiếp tục châm lửa đốt cái thứ hai, cái thứ ba, rồi lần lượt đến từng cái ria còn lại. Mùi ria mèo cháy khét giờ đây đã nồng nặc khắp phòng, đến nỗi Lucinda Widmerpool phải đưa tay bịt chặt mũi và miệng cô lại. Nhưng điều đó chỉ diễn ra trong khoảnh khắc, vì ngay sau đó, cái mùi kinh khủng ấy không ngăn được cô đưa tay chỉ vào chuyện đang diễn ra với cái giường.

Cái giường đang bay khỏi sàn nhà.

Tất cả những gì cô có thể làm là trở mắt nhìn vào nó. 30 phân, 60 phân, 1 mét. Trọng lượng của cha cô và người đàn ông mặc vét đỏ hiện đang cầm

một cái ria mèo bốc cháy khác dường như không là gì ngoài một con số 0 tròn trĩnh. Cái giường lại bay cao thêm 30 phân nữa và lơ lửng trong không khí như một ảo thuật gia trong màn ảo thuật bay lượn.

Trong khi vị thư ký báo chí buột miệng chửi thề lớn tiếng đến mấy lần vì không tin vào mắt mình, bà Widmerpool thốt lên:

– Ôi, lạy Chúa lòng lành!

Châm lửa đốt cái ria thứ sáu, cậu Nimrod trấn an bà:

– Không có gì phải lo đâu, quý bà đáng kính. Chúng tôi gọi đây là giai đoạn thăm thần của nghi lễ trục xuất, khi ước muốn được bay đi chỗ khác của một djinn trở nên quá sức chịu đựng. Gần xong rồi. Chỉ cần một cái ria nữa thôi.

– Lạy Chúa tôi!

Bà phu nhân Thủ tướng lại nói, nhưng lần này không phải vì việc cái giường bay lên mà vì những thứ hiện ra bên dưới nó: một miếng bánh pizza ăn dở, mấy tờ báo cũ, những mẫu cắt móng tay móng chân vụn vặt, vài tập tài liệu được đánh dấu TỐI MẬT, một đôi tất chân, một vé phạt đậu xe, một bức chân dung có chữ ký của Nữ hoàng Anh, vài miếng sing-gum (nhai dở), vài đồng xu ngoại quốc (phần lớn là đồng franc Pháp), và một cây vợt Tennis gãy đôi.

Cậu Nimrod hét lớn khi bà Widmerpool định cúi xuống nhặt bức hình Nữ hoàng:

– Đừng đến gần.

Một giây sau, cái giường thành linh rớt phịch xuống sàn, và cánh cửa sổ phòng ngủ bật mở toang khi cô bé djinn vô hình vội vã tháo chạy.

Cậu Nimrod lăm bằm:

– Người chiến thắng. Và thắng sát nút.

Rồi khẽ vẫy tay và nói nhỏ từ trọng tâm của mình, cậu Nimrod giải trừ phép trói buộc ếm trên ngài Thủ tướng, người hiện đang quay đầu nhìn xung quanh và, quan trọng hơn, nói bằng một chất giọng nghe có vẻ đã trở lại bình thường.

Ông ngập ngừng hỏi:

– Chuyện gì đang xảy ra ở đây vậy?

Cậu Nimrod đứng dậy và lùi khỏi cái giường để nhường chỗ cho bác sĩ Warnakulasuriya, bước tới bắt mạch rồi kê ống nghe lên ngực ông Widmerpool để kiểm tra nhịp tim ông.

Mỉm cười với con gái khi cô đưa ông con gấu teddy của ông, ngài Thủ tướng bảo:

– Tối thấy ổn mà. Thật đó.

Cậu Nimrod hỏi:

– Thủ tướng, ngài có nhớ chuyện gì đã xảy ra với mình không?

Ông Widmerpool có vẻ hơi ngượng ngùng khi trả lời:

– Một giấc mơ xấu. Tôi nghĩ vậy. Tôi đã không thể điều khiển lời nói hay hành động của mình. Nó giống như có ai đó bên trong đầu tôi và quyết định tôi phải nói gì, làm gì.

Liếc nhìn vị thư ký báo chí của mình trong một giây như thể ông muốn chắc chắn điều ông nói không có gì ảnh hưởng đến hình ảnh một vị nguyên thủ quốc gia, Thủ tướng Widmerpool nói tiếp:

– Là một bé gái, nếu tôi không lầm. Một cô bé còn khá nhỏ. Có lẽ cũng cỡ tuổi con gái tôi.

Cậu Nimrod hỏi:

– Cô bé ấy có tên không?

Ông Widmerpool suy nghĩ trong giây lát. Rồi khẽ lắc đầu, ông nói:

– Tôi không chắc. Hình như là Tina?

Liếc nhìn cậu Nimrod, đến lượt ông hỏi:

– Cái tên đó có quen thuộc với ông không?

Cậu Nimrod lắc đầu thay cho câu trả lời. Vẫy tay xua đi những vẻ mặt cảm ơn đang ném về phía cậu - ngay cả vị thư ký báo chí khó tính của ngài Thủ tướng giờ đây cũng đang rít cảm ơn - cậu tuyên bố:

– À đến giờ tôi phải đi rồi. Chắc, không cần phải cảm ơn tôi đâu. Hoàn toàn không cần. Đây chỉ là một nghĩa vụ cần thiết của một công dân Anh yêu nước thôi. Chúng ta không thể để Thủ tướng của mình phô diễn kỳ quặc trước mặt Thủ tướng Đức, đúng không? Không, điều đó nên dành lại cho Tổng thống Pháp.

Bác sĩ Warnakulasuriya hộ tống cậu Nimrod ra tận sảnh vào, nơi gã một lần nữa kính cẩn hôn tay cậu và nói:

– Cha tôi đã kể cho tôi nghe về djinn và sức mạnh vĩ đại của họ, nhưng thưa ngài, thật đáng xấu hổ vì tôi đã không tin tưởng lắm vào điều ông nói. Mong ngài hiểu cho, tôi vốn là một con người của khoa học. Không phải của sự mê tín dị đoan.

– Nhưng rồi ông lại là người mang tôi đến đây, không đúng sao?

– Sự thật là tôi cũng nửa tin nửa ngờ khi mời ngài giúp, thưa ngài. Cho đến khi ngài làm cái giường bay lên. Đó là chưa kể đến việc ngài hô biến ra cái kẹp mũi từ không khí. Hay là đĩa cá cho con Boothby.

Cậu Nimrod khiêm tốn nói:

– Ô, chỉ là một đĩa cá bình thường thôi mà. Chẳng phải thỏi vàng gì.

– Nhưng nó đã có thể là một thỏi vàng, không phải sao? Còn con bé djinn mà ngài đã đuổi khỏi người Thủ tướng Widmerpool nữa. Sức mạnh gì để điều khiển cơ thể người khác như vậy? Con bé gần như có thể làm được mọi chuyện ấy chứ.

– Cũng may là cô bé ấy không có nhiều kinh nghiệm trong việc nhập xác người khác đấy. Nếu cô bé ấy - Tina, hoặc bất cứ cái tên gì khác - kiểm soát được trung tâm điều khiển phát ngôn của ngài Thủ tướng thì thật không biết chuyện gì sẽ xảy ra.

Rồi liếc nhìn đồng hồ, ông nói:

– Giờ tôi phải đi tìm cô bé ấy đây. Sau vài tiếng sống trong cơ thể người khác, cô bé sẽ cần tôi giúp để khôi phục cơ thể mình. Thân thể người mà để quên đâu đó dễ bị mất cắp lắm. Ngay cả ở London này.

Vừa nói, cậu Nimrod vừa vui vẻ mỉm cười và vỗ vai tay bác sĩ.

Gỡ mắt kính ra, bác sĩ Warnakulasuriya hỏi:

– Có thật không? Chuyện ngài có sức mạnh ban ba điều ước ấy?

Cậu Nimrod có thể thấy được câu hỏi này dẫn đến đâu.

– Cha của ông, thầy tu khổ hạnh Murugan, một con người rất thông thái, đã từng nói với tôi rằng, người ta nên có một ý chí hơn là có một điều ước.

Tay bác sĩ gật đầu một cách nghiêm túc, nhưng cậu Nimrod có thể thấy rõ gã không đồng ý với cha mình. Trên thực tế, cậu Nimrod cảm nhận được có một sự thay đổi đáng kể hiện ra trong mắt người đàn ông trước mặt mình. Tuy nhiên, phải đến hơn mười năm sau, cậu mới có thể biết được chính xác sự thay đổi này đã tác động như thế nào lên gã bác sĩ trẻ đến từ Ấn Độ.



Chương 1

Hoạt họa

Đó là lúc 7 giờ sáng trong phòng Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Sonny Bono, ở khu Palm Springs, California. Như thường lệ, đây là lúc ông lao công Astor đã lau chùi xong sàn nhà, và đang chuẩn bị gỡ cái bịch nhựa đựng rác ra khỏi sọt giấy vụn kế bên bàn làm việc của cô Sarkisian. Gần phía trên mép bịch, bên trong một lon soda rỗng, cảm nhận được ông Astor đang bắt đầu nhấc cái bịch lên, Dybbuk Sachertorte nhanh chóng khóa mình vào một chiếc ghế chuyên dụng dùng trên máy bay phản lực mà cậu đã đặc biệt lắp đặt vào trong cái lon cho nhiệm vụ lần này. Rồi cậu đội mũ bảo hiểm lên đầu và cài chặt dây khóa cổ để ngăn chặn bất cứ chấn thương nào có thể xảy ra từ va chạm mà cậu bé djinn mười hai tuổi biết sắp sửa xảy ra.

Djinn hiếm khi bị gì khi đang ở bên trong một cây đèn hay một cái chai, hoặc với tình huống của Dybbuk là trong một lon soda, nhưng chấn thương vẫn có thể xảy ra: bà ngoại của Dybbuk đã từng bị choáng nặng khi cái chai whisky bằng thủy tinh mà bà dùng để di chuyển thành linh bị vỡ tung. Và Dybbuk đã hành động đúng lúc. Ngay trong giây sau đó, người lao công mở cửa sổ và thả bịch rác xuống thùng gom rác dưới sân trường.

Trong bất cứ tình huống nào, sự cẩn trọng của Dybbuk là quá đủ để đảm bảo cậu có được một cuộc hạ cánh tốt đẹp. Bên trong cái lon, cậu ngồi yên trên ghế cả phút, và chỉ đến khi chắc chắn ông Astor đã đi khỏi, cậu mới bắt

đầu thực hiện phép hóa thể. Lái cụm khói chứa đựng các nguyên tử, phân tử của mình ra khỏi lon, chui qua cái cổ buộc hờ của bịch rác, rồi ra khỏi cái thùng gom rác và lên trên mặt đất bên ngoài, cậu tập hợp nó lại thành cơ thể loài người của mình. Toét miệng cười khùng khục vì hài lòng với một nhiệm vụ thành công mỹ mãn, cậu đi thẳng đến nhà thẳng bạn Brad và gõ cửa số phòng ngủ của nó.

– Ê, mở cửa ra. Là tớ. Buck đây.

Vốn không ưa gì cái tên của mình, Dybbuk thích được gọi là Buck, lấy theo tên thần tượng văn học của cậu - một con chó dững cảm trong một tiểu thuyết tuyệt vời của Jack London.

Phải mất mấy giây, cánh cửa số mới mở ra, để Dybbuk có thể leo vào trong gặp một thẳng bé cỡ tuổi cậu. Thẳng bé loài người này khá cao, tuy vẫn không cao bằng Dybbuk, và gầy như một que củi, trong khi Dybbuk lại có bờ vai rộng hơn nhiều.

Brad lắc đầu:

– Không thể nào.

Dybbuk nhe răng cười với nó:

– Ô, thế mà có thể đấy.

Và cậu xòe ra cho thẳng bạn thấy vài tờ giấy.

– Cậu không đùa chứ? Đây đúng là câu hỏi cho kỳ thi sắp tới hả?

Dybbuk tự hào tuyên bố:

– Không phải chỉ câu hỏi không đâu. Tớ còn có cả đáp án đấy nhé.

Như không tin vào tai mình, Brad thốt lên:

– Không thể nào. Sao cậu làm được chứ? Ý tớ là, có hệ thống CCTV^[4] bên ngoài phòng cô Sarkisian mà. Cả còi báo động nữa. Và tớ có thể lấy đầu ra đảm bảo là mấy tờ giấy này được cất trong két sắt. Cậu là gì vậy, Buck? Siêu trộm à?

Dybbuk vẫn chưa nói cho Brad biết chuyện cậu là djinn, để phòng trường hợp nó xin cậu ba điều ước. Ngay cả người như Dybbuk cũng biết, việc loài người đạt được điều ước mãnh liệt nhất của họ không phải lúc nào cũng là

một điều tốt. Những điều ước luôn chịu ảnh hưởng của Hiệu ứng Hỗn mang, nghĩa là đôi lúc chúng có thói quen diễn biến theo một hướng mà không ai đoán trước được. Cho nên cậu lảng qua một bên và chỉ nói:

– Siêu trộm hả? Ờ, chắc cũng cỡ đó.

Sự ngưỡng mộ của Brad đối với Dybbuk giờ đây đã không còn giới hạn.

– Thật hả? Giống y như trong phim?

Quơ quơ xấp câu hỏi và đáp án, Dybbuk bảo:

– Giờ khoan quan tâm đến chuyện đó. Chúng ta chỉ còn vài giờ để nạp cái mớ này vào đầu, không thì xơi trứng ngỗng cả đám.

* * *

Một ngày sau kỳ kiểm tra - kỳ thi mà cả hai cậu nhóc đều đạt điểm cao nhất lớp - cha của Brad, ông Harry Blennerhassit, khao hai đứa một bữa trưa thịnh soạn tại một nhà hàng gần tiệm sách cổ của ông ở khu kinh doanh của Palm Springs. Mẹ Brad đã mất, và hai cha con nhà Blennerhassit rất thân thiết với nhau. Thân thiết đến nỗi Brad thậm chí còn tự thú tội với cha chuyện nó làm cách nào để đạt được một kết quả thi đáng nể như vậy. Nhưng, thay vì giảng cho cả hai đứa nghe một bài Moran dài thòng về cái tội gian lận - đó là điều Dybbuk sợ, và cũng là điều cậu đáng bị - ông Blennerhassit chỉ mỉm cười và cảm ơn cậu.

Xém sặc miếng hamburger trong cuống họng, Dybbuk hỏi lại:

– Chú vừa nói gì ạ?

Ông Harry Blennerhassit bình tĩnh nhắc lại câu nói của mình:

– Chú vừa nói là, những gì cháu đã làm chứng tỏ cháu là một người khéo léo và có tài xoay xở tuyệt vời. Không phải cậu bé nào cũng có thể đánh lừa hệ thống CCTV, qua mặt chuông báo động, và giải mã hệ thống mật mã phức tạp của một két sắt. Cháu đã thực hiện một vụ trộm vi đại đấy, anh bạn trẻ. Một kỳ tích về mạo hiểm.

Dybbuk chỉ nhún vai chứ không dám nói gì, vì cậu vẫn còn sợ đây chỉ là một cái bẫy buộc cậu phải thừa nhận tội lỗi của mình.

Ông Blennerhassit nhấp một ngụm cà phê và ngồi im một lúc. Với vầng trán nhăn nhó như đang lo lắng, nụ cười toét rộng nhưng đầy vẻ gượng gạo, và cái mũi to như trái anh đào, ông trông giống một chú hề không hóa trang.

Rồi ông hỏi Dybbuk:

– Cháu nghĩ mình có thể làm chuyện như thế một lần nữa không? Ý chú là, làm một vụ trộm nữa ấy.

Ngập ngừng liếc nhìn Brad, Dybbuk giận dữ hỏi:

– Cha cậu đùa đấy à? Vì nếu thế, tớ có thể nói thẳng là tớ không thích chuyện cậu mách lẻo cha cậu chút nào. Ngoài ra, tớ từ chối đề cập đến chuyện này vì lẽ điều đó có thể khiến tớ bị trừng phạt. Mẹ tớ mà biết chuyện này thì xin lỗi, tớ chỉ còn là lịch sử. Quan hệ mẹ con tớ giờ đã quá đủ xấu rồi.

Brad xoa dịu cậu bạn:

– Buck, không sao đâu. Tớ thề đó. Cậu cứ nghe ba tớ nói hết đã nào. Ba tớ đang muốn hợp tác làm việc với cậu đảng hoàng mà.

Dybbuk nhượng bộ:

– Thôi được. Cháu đang nghe đây, chú nói đi.

Ông Blennerhassit cho biết:

– Cách đây ít lâu, chú có đi công tác ở thành phố Munich của Đức. Để buôn sách cổ và bản in ấy mà. Và trong một cửa hiệu đồ cổ, chú đã mua được một hồ sơ bản vẽ kỹ thuật của Paul Fütterneid, một nhà thiết kế kim hoàn đã từng làm việc với Carl Fabergé^[5] danh tiếng. Một trong số đó là bản thiết kế gậy chỉ huy cho một tay Thống chế Đức. Một cây gậy dài chừng 50 phân làm bằng ngà voi, khảm hạt kim cương và hình đại bàng bằng vàng ròng.

Ngừng một giây để lấy hơi, ông Blennerhassit nói tiếp:

– Nhưng điều thú vị nhất ở đây là, cây gậy này được làm rỗng bên trong để chứa một ngăn đựng bí mật. Một ngăn đựng chỉ có thể mở ra bằng cách

nhấn đúng một tổ hợp mật mã của các hột kim cương và hình đại bàng. Và chú càng chắc chắn hơn việc ngăn chặn bí mật này được thiết kế để che giấu một thứ gì đó rất quý giá, một khi chú khám phá ra cây gậy đó thuộc về Hermann Goering.

Cái cách ông Harry Blennerhassit nhấn mạnh cái tên cho thấy đó phải là một người mà thường thì ai cũng biết. Rất tiếc đó lại là một cái tên xa lạ với Dybbuk. Cho nên khẽ nhún vai, cậu hỏi:

– Hermann Goering? Ai vậy chú?

Brad nhắc:

– Ông ta là phó tướng của Hitler, và là người đứng đầu quân đội Đức Quốc Xã.

Dybbuk hỏi:

– Vậy chuyện gì đã xảy ra với nó? Cái cây gậy chỉ huy ấy?

Ông Blennerhassit nói:

– Chú sẽ kể cho cháu biết. Vào năm 1945, một năm sau chiến thắng của quân Đồng minh ở châu Âu, khi quân đội Mỹ còn đang bận thu thập chiến lợi phẩm ở Đức, Tướng Patch, chỉ huy quân đoàn số 7 quân đội Mỹ, đã bắt giữ Goering và gửi tặng cây gậy chỉ huy cho Tổng thống Harry Truman để làm lưu niệm.

Brad tiếp lời cha:

– Từ đó trở đi, nó luôn được trưng bày trong bảo tàng quân đội ở Pháo đài Benning tại Georgia. Ý tứ là, nó chỉ nằm im ở đó, Buck. Hàng tá người đã đụng đến nó, nhưng cho đến giờ, dường như chẳng có ai khám phá ra cái ngăn đựng bí mật và, quan trọng hơn, cái mà Goering có thể đã cất giấu bên trong trước khi bị bắt. Như kim cương vô giá chẳng hạn. Ba tờ bảo Goering rất mê kim cương mà.

Dybbuk cảm thấy cực kỳ hứng thú. Cậu luôn yêu những câu chuyện về Thế chiến thứ II cùng những câu chuyện về các báu vật bị mất tích, và câu chuyện này lại có đủ cả hai yếu tố đó. Cậu chặc lưỡi mơ màng:

– Chà, không biết người ta có thể nhét bao nhiêu viên kim cương trong một cây gậy chỉ huy của tay Thống chế nhỉ?

Đặt một thứ được bọc ni lông kín mít lên bàn, ông Blennerhassit nói:

– Sao chúng ta không cùng nhau khám phá điều đó nhỉ? Cháu thấy đó, Buck, chú đã dựa theo bản vẽ thiết kế gốc để làm ra bản sao. Cây gậy chỉ huy này được làm từ nhựa thông khảm kim cương giả, nhưng chú đảm bảo nó giống y chang cây gậy thật.

Rồi gỡ lớp ni lông bọc ngoài ra, ông cầm cây gậy giả lên và bắt đầu ấn vào một số hột kim cương và hình đại bàng nổi trên cây gậy. Ông cho biết:

– Dĩ nhiên, cấu tạo hoạt động bên trong nó cũng y chang.

Ngay khi ông đang nói, phần chóp đuôi khảm kim cương của cây gậy bỗng bật mờ. Đốc ngược nó xuống, Harry Blennerhassit đổ ra bàn một mớ đậu phộng Brazil to cỡ mấy vốc tay và tuyên bố:

– Có tất cả 35 hột đậu trong đó. Cháu nghĩ thử xem, Buck, nếu mỗi hột đậu này là một viên kim cương thì chúng sẽ đáng giá bao nhiêu?

Buck nhe răng cười:

– Hàng triệu đô.

Brad đế vào:

– Và một phần ba trong số đó sẽ thuộc về cậu, Buck. Tất cả những gì cậu phải làm, chiến hữu của tớ, là sử dụng kỹ năng siêu trộm đặc biệt của cậu để tráo cây gậy này lấy cây gậy đang nằm trong bảo tàng quân đội ở Pháo đài Benning.

Dybbuk suy nghĩ trong giây lát. Tiền bạc đối với cậu không thành vấn đề. Là một djinn, cậu muốn có bao nhiêu tiền vào bất cứ lúc nào mà chẳng được. Nhưng ở một nơi đầy người lớn tuổi như Palm Springs, sự thú vị chẳng khác nào hàng quý hiếm, và trò mạo hiểm mà cha của Brad đưa ra nghe có vẻ khá thú vị. Và Dybbuk cũng không nghĩ cậu thật sự phạm tội ác tày đình nào, nếu sau khi xong việc cậu lại tráo ngược cây gậy về chỗ cũ. Còn về thứ bên trong đó, dù nó có là gì thì cũng không thể nói cậu ăn cắp nó. Làm sao bạn có thể ăn cắp một thứ mà thậm chí cả bảo tàng còn không

biết đến chứ. Tuy nhiên, liệu cậu có thể làm việc này mà không để lộ bí mật của mình cho gia đình Blennerhassit không? Bởi nếu họ biết thì sẽ hỏng hết cả: họ sẽ hứng thú với ba điều ước hơn là một thứ gì đó không chắc chắn bên trong cây gậy của Goering. Việc che giấu thân phận djinn xem ra có vẻ khó hơn nhiều so với việc trao đổi cây gậy.

Khó, nhưng không có nghĩa là không thể. Dybbuk bắt đầu gật đầu.

Brad hí hửng hỏi:

– Gật đầu nghĩa là cậu đồng ý, đúng không? Cậu sẽ làm chuyện đó, đúng không?

– Ok, không thành vấn đề.

Dybbuk nhe răng cười. Cậu nghĩ thầm trong đầu:

– Chuyện này vui à nhe.

* * *

Cả ba bay đến thành phố Atlanta ở Georgia, nơi họ thuê một chiếc xe và lái 60 dặm về phía Nam để đến Pháo đài Benning. Sau khi nhận phòng tại một nhà khách trong khu căn cứ, họ chỉ cần đi bộ về hướng Đông qua vài dãy nhà là đến được Bảo tàng Bộ binh, nơi trưng bày rất nhiều loại vũ khí, quân phục, mặt nạ, xe cơ giới cùng nhiều thứ liên quan đến bộ binh khác. Một trong số đó là cây gậy chỉ huy của Thống chế Hermann Goering.

Ngắm nhìn cây gậy, ông Blennerhassit nhận xét:

– Thật khó tin! Ngăn ấy năm trời nó đã nằm ở đây, thế mà không ai biết được nó rỗng ruột. Đúng không, các chàng trai?

Nhưng Dybbuk hiện đang nghe tai nọ xọ tai kia. Cậu còn đang bận phác thảo một kế hoạch an toàn nào đó trong đầu. Nhìn thấy mấy cái can nước đã chiến của Tướng Ulysses S. Grant được trưng bày gần đó cậu bỗng nảy ra một ý. Cậu có thể hóa thể và núp vào một trong những cái chai thủy tinh màu hổ phách đó cho đến khi bảo tàng đóng cửa. Chuyện đó thì quá dễ rồi. Vấn đề ở đây là làm sao thực hiện phép hóa thể lần thứ hai cùng cây gậy thật

trong tay, đơn giản là vì sức mạnh djinn vốn không có hiệu lực với kim cương. Có thể thấy rõ là cây gậy cần được giấu ở một chỗ khác, và cậu sẽ phải mang nó ra ngoài bằng cách khác. Nhưng cách nào đây? Dybbuk tìm thấy câu trả lời bên trong cửa hàng bán đồ lưu niệm của bảo tàng. Và nó hiển nhiên đến nỗi cậu bắt đầu cười lớn tiếng để tự khen trí thông minh của mình. Cậu sẽ giấu cây gậy chỉ huy thật bên trong một ống đựng poster, rồi sau đó chỉ đơn giản mua cái ống poster đó khi bảo tàng mở cửa vào sáng hôm sau.

Nghe tiếng cười đắc thắng của Dybbuk, Brad hỏi:

- Sao? Cậu nghĩ mình làm được không?
- Dĩ nhiên là được rồi. Tớ mà ly.

Dybbuk liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Bảo tàng sẽ đóng cửa trong vài phút nữa. Biết cái ba lô của ông Blennerhassit hiện đang đựng cây gậy giả, Dybbuk bảo Brad đưa nó cho mình. Rồi cậu chỉ đạo:

– Bây giờ hoặc chẳng bao giờ. Tớ sẽ làm chuyện đó tối nay. Nhưng từ giờ đến sáng mai, đừng chờ tớ nhé. Tớ sẽ về sau khi bảo tàng mở cửa. Ok?

Harry Blennerhassit gỡ cái ba lô ra và đưa cho cậu. Tuy nhiên, Dybbuk có thể thấy được ông đang lo lắng một chuyện gì đó.

Trợn ngược mắt lên, cậu cố tình thờ dài một tiếng rõ to và hỏi:

- Chuyện gì thế? Chú sợ rồi à?

Ông Blennerhassit nói:

– Có thể. Buck à, dù gì cháu cũng chỉ là một đứa trẻ. Nếu có chuyện gì xảy ra, chú sẽ là người vào tù chứ không phải cháu.

Dybbuk nói như đinh đóng cột:

– Chú cứ yên tâm đi. Cháu sẽ ổn thôi. Tin cháu đi. Cháu có một vị thần đền bảo hộ mà.

Dĩ nhiên đó là sự thật. Mẹ của Dybbuk cũng là một djinn, mặc dù bà có lẽ sẽ chẳng vui vẻ gì nếu biết điều con trai bà sắp làm. Bác sĩ Sachertorte nghĩ Dybbuk đang đi tham quan những chiến trường của cuộc Nội chiến Mỹ cùng với Brad và ông Blennerhassit. Đó là điều Dybbuk đã nói với bà. Cũng

không có nghĩa cậu thực sự chú tâm đến chuyên bà sẽ nghĩ gì. Ngay bây giờ, chuyện được làm gì đó vui vui mới là điều quan trọng nhất đối với cậu.

– Chú Harry à, cháu biết cháu đang làm gì mà. Tin cháu đi, chú sẽ ngạc nhiên nếu biết cháu có thể làm được những gì đấy.

* * *

Lâu rồi mới được một lần Dybbuk làm tốt như lời cậu tuyên bố. Đúng 10 giờ 30 phút sáng hôm sau, nửa tiếng sau khi bảo tàng quân đội mở cửa đón khách, cậu đã quay lại nhà khách của Pháo đài Benning với một nụ cười rộng đến tận mang tai và một ống poster lớn trên tay.

Cha của Brad thở phào nhẹ nhõm khi trông thấy cậu:

– Ôi, ơn Chúa, cháu không sao.

Buck hếch mũi nói:

– Dĩ nhiên cháu không sao rồi.

Brad hỏi:

– Cậu có nó chưa? Cây gậy chỉ huy ấy?

Giơ cái ống poster lên, Dybbuk nói:

– Chớ không lẽ cậu nghĩ tớ cầm bản đồ pháo đài. Dĩ nhiên tớ lấy được nó rồi.

Nói rồi cậu giở cái nắp ống ra và dốc cây gậy ở bên trong xuống giường của Brad.

Ông Blennerhassit thốt lên:

– Ôi, cậu ta đã lấy được nó.

Và ông ôm Brad nhảy vài vòng quanh phòng. Ngay khi dừng lại, ông thở ra một hơi dài nhẹ nhõm và đi khóa cửa phòng lại. Ông cho biết:

– Chú cứ lo cháu gặp chuyên gì đó, Buck. Cháu biến mất lâu thế mà.

Dybbuk nhún vai nói:

– Mấy chuyện như thế này cần phải bình tĩnh. Bình tĩnh thì cần thời gian. Đó là lý do tại sao người ta hay gắn hình ảnh các siêu trộm với loài mèo thay vì loài chó. Ít nhất cháu nghĩ vậy.

Rồi cậu quăng mình xuống giường kể bên cây gậy chỉ huy và đưa tay vuốt một lọn tóc dài ra khỏi mắt. Trong bộ quần jean, áo thun và giày đi xe mô tô của mình, nhìn cậu giống một ngôi sao nhạc rock trẻ tuổi hơn là một siêu trộm.

Brad, người mà hiện giờ lòng ngưỡng mộ đối với thằng bạn học đã không còn bút mực nào tả nổi, nói:

– Chắc cậu đói lắm.

Dybbuk xém nữa thì nói cậu chẳng đói bụng gì vì đã tự phục vụ bản thân một bữa ăn sáng thịnh soạn bên trong can nước của Tướng Grant, nhưng đã ngừng lại kịp lúc. Cậu chỉ nói:

– Tớ hào hứng đến quên cả đói ấy chứ. Hề hề, *dzu* này đúng là vui.

Rồi cậu và Brad hí hửng đập tay nhau cái bốp để thể hiện sự đồng tình.

Nhặt cái gậy lên và cầm nó trên tay một cách tôn kính, ông Blennerhassit nói:

– Không thể tin được chú thật sự đang cầm nó. Cứ y như chú đang cầm cả lịch sử trên tay ấy.

Dybbuk, người mà hứng thú với lịch sử chỉ giới hạn ở những bộ phim chiến tranh, mỉm cười một cách gượng gạo. Đang chờ ông Blennerhassit chuyển sang phần thú vị hơn của cuộc mạo hiểm lần này, cậu chỉ gật gù cho có lệ:

– Ờ, chắc vậy.

– Nói cháu đừng cười, nhưng bỗng chú hơi sợ mở nó ra đó.

Đúng là ông Blennerhassit đang khẽ run lên vì lo lắng. Mồ hôi bắt đầu túa ra trên trán ông. Căn môi, ông nhăn mặt nói:

– Lỡ bên trong không có gì thì sao.

Dybbuk giục:

– Chỉ có một cách để biết. Thôi nào, chú Blennerhassit, chú mở nó ra đi. Chú đang làm cháu và Brad chết vì tò mò đấy.

Harry Blennerhassit ấn vào những hột kim cương và hình đại bàng bằng vàng rỗng trên cây gậy chỉ huy theo một thứ tự được Futterneid mô tả trong bản thiết kế gốc. Ngay khi thứ tự đó được hoàn chỉnh, một tiếng “tách” nhỏ vang lên, và một đầu gậy - mô tả hình một con đại bàng bằng kim cương đang quắp chữ thập ngoặc tượng trưng cho Đức Quốc Xã - nhẹ nhàng bật mở.

– Tuyệt quá.

Dybbuk trầm trồ, rồi cậu nhảy ra khỏi giường, hào hứng chờ đón những viên kim cương túa ra khi ông Blennerhassit dốc ngược cây gậy lên trên tấm trải giường.

Nụ cười của họ chợt tắt trên khuôn mặt khi, từ bên trong cây gậy dài 50 phân, không có gì rớt ra. Không kim cương, thậm chí một đồng xu vàng cũng không. Ông Blennerhassit giơ cây gậy lên ngang mắt như một ống kính viễn vọng, và lo lắng liếc nhìn vào bên trong.

Những lời ông nói tiếp theo tạm ngưng lại sự thất vọng tràn trề của họ.

– Chờ đã. Có cái gì ở trong này. Nhìn giống như những tờ giấy cuộn lại.

Móc những tờ giấy ra khỏi cây gậy, ông cẩn thận mở chúng ra. Rồi ông thở gấp một tiếng lớn.

Dybbuk rên rỉ:

– Đừng nói với cháu là cháu vừa ăn trộm ống đựng poster của Goering nhé.

Harry Blennerhassit bật cười.

– Trên thực tế, Buck à, chú nghĩ đó chính xác là cái cháu đã trộm được. Ngoại trừ việc chúng không phải là poster. Chúng là hoạt họa.

Brad chau mày:

– Hoạt họa hả ba? Sao nhìn không giống mấy cái hoạt họa con vẫn coi vậy?

Đó là sự thật. Có hình vẽ trên những tờ giấy dày cộm, cũ kỹ - những hình vẽ giống như cảnh lấy từ Kinh Thánh.

Cười ngoác tận mang tai, cha Brad trả lời:

– Con lầm rồi. Đối với con, hoạt họa chỉ là mấy thứ giải trí vớ vẩn trên tivi thôi.

Dybbuk thừa nhận:

– Nhưng cháu cũng nghĩ vậy.

Ông Blennerhassit giải thích:

– Trên thực tế, hoạt họa là tên gọi phù hợp cho những hình vẽ được sử dụng như một thiết kế cho một bức tranh. Hermann Goering nổi tiếng là một nhà sưu tầm tranh ảnh nghệ thuật. Tuy chú không phải là chuyên gia, nhưng những bức vẽ này hình như thuộc về những họa sĩ lâu đời. Bức này nhìn giống của Leonardo da Vinci. Còn bức này của Michelangelo. Bức này cũng vậy. Và bức này có thể là của Raphael. Bức này thì chắc lại của da Vinci. Chú đoán những bức vẽ này được Goering cất giữ để lưu lại một phần phong cách sống của gã sau chiến tranh. Chỉ một trong số những bức vẽ này cũng đáng giá ít nhất 10 hay 15 triệu đô. Và chúng ta có tất cả sáu bức. Khoan, chờ đã. Năm thôi. Bức thứ sáu nhìn không giống những bức kia chút nào. Chú không chắc nó là gì. Nhìn nó có vẻ mới hơn. Mà, cũng không quan trọng. Với tư cách một nhà sưu tầm, chú có thể cam đoan năm bức vẽ kia sẽ mang về cho chúng ta ít nhất 75 triệu đô.

Lại vỗ cái bộp vào bàn tay xò ra của Brad, Dybbuk nói:

– Tuyệt! Tớ luôn thích hoạt họa.

Brad gật gù:

– Tớ cũng vậy. Thế giờ chúng ta làm gì đây ba?

– Chúng ta sẽ về Palm Springs. Ngay khi về đến nhà, ba sẽ gọi điện cho một bảo tàng nào đó có tiếng một chút, nhiều tiền một chút, để xem họ có hứng thú mua không. Và nếu họ không muốn mua, chúng ta sẽ thử sức với các nhà đấu giá.

Rồi gật đầu một cách quả quyết, ông tuyên bố:

– Cứ tin lời ta đi, các cậu bé. Sẽ không thiếu người mua đâu. Trên khắp thế giới, người ta thậm chí còn giết nhau chỉ vì một trong số những bức tranh này đấy.



Chương 2

Tiệc sinh nhật

John và Philippa Gaunt đang chuẩn bị đón mừng sinh nhật đầu tiên của chúng từ khi trở thành djinn. Đó là phong tục của cộng đồng djinn: rằng tất cả các sinh nhật trước đều không tính, và sinh nhật đầu tiên thật sự của một djinn chỉ diễn ra vào đúng ngày sinh nhật tiếp theo trên lịch sau khi họ đã nhớ rằng khôn và chính thức tiếp nhận sức mạnh djinn vào người.

John trở mắt hỏi người mẹ djinn của mình:

– Vậy có nghĩa là con mới chỉ một tuổi hả mẹ?

Bà Gaunt mỉm cười:

– Đúng thế, con trai.

Mặt John trắng bệch.

– Mẹ đùa hoài.

Philippa thì thắc mắc chuyện khác:

– Vậy là chỉ có một cây đèn cầy trên bánh sinh nhật của tụi con thôi hả mẹ?

– Chính xác. À mà hai đứa có biết cái phong tục đốt đèn cầy - đốt lửa - trên bánh kem ấy cũng là do con người vay mượn từ djinn chúng ta không nhỉ?

Nhưng John không dễ dàng gì bị đánh lạc hướng. Cậu rên rỉ trong giận dữ:

– Thật là bất công! Và con sẽ chết vì xấu hổ mất Mẹ cứ nghĩ xem, bọn bạn con đến dự sinh nhật mà trông thấy có mỗi một cây đèn cầy, thế nào tụi nó cũng lăn ra cười cho coi.

Bà Gaunt trấn an:

– Ô, mẹ chắc không có chuyện đó đâu, con trai. Nhất là khi chỉ có djinn được mời thôi. Mẹ rất tiếc, nhưng đó là truyền thống không thể phá.

Dù rất muốn mời những đứa bạn loài người của chúng đến dự sinh nhật, cặp sinh đôi có thể thấy rõ bà Gaunt đã có quyết định khác. Và hai đứa cũng không nghĩ tranh cãi với bà sẽ được gì. Từ sau khi trở về từ Babylon, bà Gaunt bắt đầu trở nên xa lánh và ít còn để chú ý mỗi khi bất đồng quan điểm với hai đứa con của bà. Hai đứa đến giờ vẫn chưa biết được rằng, chẳng bao lâu nữa thôi, người mẹ yêu dấu của chúng sẽ rời xa chúng vĩnh viễn để trở thành Djinn Xanh Babylon đời tiếp theo.

Bà nói tiếp:

– Mà cũng chẳng có nhiều djinn đến dự lắm đâu, yên tâm. Năm nay, sinh nhật của hai đứa trùng với lễ Samum của djinn, cho nên hầu hết djinn ở New York đều đi du lịch cả.

Rồi khẽ nhún vai, bà nói:

– Tuy là hơi tiếc, nhưng chúng ta không thể làm khác được. Truyền thống đã quy định rõ phải tổ chức sinh nhật djinn đầu tiên vào đúng ngày sinh của hai con mà.

Philippa hỏi lại:

– Samum? Là lễ gì vậy mẹ?

Bà Gaunt giải thích:

– Dịch chính xác thì nó có nghĩa là “khói không lửa”. Nghĩa là việc xảy ra trong một phép hóa thể. Samum là ngày djinn chúng ta ăn mừng việc là djinn.

John thắc mắc:

– Nhưng tụi con có quen đứa trẻ djinn nào đâu. Ngoại trừ Dybbuk.

Philippa nói thêm vào:

– Và con bé Lilith de Ghulle khủng khiếp. Con sẽ chẳng đời nào mời nó đến dự sinh nhật.

Bà Gaunt cho biết:

– À, thật ra là mẹ đã mời vài bạn rồi. Dĩ nhiên dịp này hầu hết những đứa trẻ djinn đều đi du lịch với cha mẹ. Nhưng cũng có vài bạn nói sẽ đến.

John nghi ngờ hỏi:

– Vài bạn? “Vài” là bao nhiêu mới được?

Bà Gaunt trả lời:

– Bốn người.

John nhận xét:

– Nghe giống như hẹn đánh bài hơn là dự sinh nhật á.

Bà Gaunt cười:

– Nó sẽ chẳng là gì, trừ khi bây giờ chúng ta đi mua sắm chút đồ cho nó.

Họ đi bộ qua vài dãy nhà để đến một siêu thị nhỏ trên Đại lộ Số 3, nơi bà Gaunt mua đủ đồ tiêu dùng và một tờ báo mới. Dòng tiêu đề to đùng trên trang đầu tờ báo cho biết lại có thêm một văn phòng nha sĩ nữa ở Manhattan - cái thứ mười trong tháng này - bị trộm viếng thăm. Bước nhanh vào trong siêu thị, John và Philippa cố lờ đi người đàn ông vô gia cư ngồi ngay lối vào đang giơ một cái ly giấy trống rỗng trên bàn tay nhem nhuốc của mình và hỏi xin họ ít tiền lẻ. Trước sự ngạc nhiên của hai đứa trẻ - đó là chưa kể đến sự ngạc nhiên của chính người đàn ông - bà Gaunt dừng lại, mở bóp, rút ra một tờ 50 đô, gấp nó lại, và nhét vào cái ly. Hơn cả vui sướng, người đàn ông vội đứng dậy, gỡ cái mũ bóng chày nhàu nát ra khỏi đầu, và cúi đầu cảm ơn bà lia lịa. Bên trong siêu thị, cặp sinh đôi nhìn mẹ với ánh mắt vô cùng ngạc nhiên. Có thể trước kia chúng chưa từng để ý mỗi khi mẹ cho tiền những người vô gia cư, nhưng bây giờ bảo chúng không để ý mới là lạ đó. 50 đô chứ đâu có ít.

Lắc đầu liên tục như vẫn không tin vào mắt mình John nói:

- 50 đô. Mẹ cho lộn rồi. Chắc mẹ chỉ định cho 5 đô phải không?
- Không, con trai. Ngay từ đầu mẹ đã muốn cho ông ta 50 đô.
- Nhưng đến 50 đô đó mẹ. Ông ta sẽ làm gì với 50 đô chứ? Ý con là, ông ta có thể mua nhiều thứ lắm.

Bà Gaunt gật đầu:

- Thì chính xác mẹ cho tiền để ông ta thích gì thì mua mà, con trai.
- Mẹ biết con muốn nói gì mà. Bộ lúc nào mẹ cũng cho những người vô gia cư 50 đô sao?

Mẹ cậu cười thật nhẹ:

- Có lẽ. Trước đây mẹ cũng từng vô gia cư mà. Mẹ biết cuộc sống trên đường phố khổ như thế nào, con ạ.

Nhìn bà Layla Gaunt hiện giờ với áo choàng lông thú, túi xách da đà điểu, và đôi giày hàng hiệu Manitas Del Plata, chẳng ai tin được điều đó, huống hồ hai đứa con của bà. Bà Gaunt toát ra vẻ sang trọng, quý phái, y như cách một chiếc kẹo dẻo mềm làm bằng sôcôla toát ra hương sôcôla. Tuy nhiên, Philippa bỗng nhớ ra một điều mà cậu Nimrod từng nói về mẹ cô.

- Cậu Nimrod có nói trước khi gặp ba, mẹ sống vô gia cư. Đó là sự thật hả mẹ?
- Đó là sự thật.

Và sau khi rời siêu thị, bà Gaunt kể cho hai đứa con câu chuyện đời bà. Bà hỏi:

- Có bao giờ hai đứa tự hỏi tại sao tất cả djinn đều giàu có chưa?

Philippa nhún vai:

- Làm sao djinn có thể nghèo chứ? Nếu mẹ có sức mạnh để ban điều ước hoặc những việc tương tự, con không nghĩ mẹ lại phải sống nhờ vào tiền trợ cấp xã hội.

John nói thêm:

- Trừ khi mẹ là một djinn ngoài vòng pháp luật. Người buộc phải sống trong Ngôi nhà Kafur ở Cairo, nơi mà sức mạnh djinn bị cấm sử dụng hoàn toàn.

Bà Gaunt cho biết:

– Nhưng sự thật có những djinn gần như không có chút của cải nào, các con ạ. Mẹ đang nói đến trường phái djinn Ấn Sĩ^[6]. Tiêu chí của những djinn thuộc trường phái này là bắt chước cuộc sống của thiên thần và các vị thánh, một cuộc sống không sở hữu bất kỳ của cải nào. Đã có thời gian mẹ là một Ấn Sĩ. Và con nghĩ đúng đấy, Philippa: mẹ đã gặp cha con như vậy. Cha con nghĩ mẹ chỉ là một trong vô số người vô gia cư ở New York, nhưng ông vẫn cố giúp mẹ. Và cũng chính bởi thế, mẹ đã yêu và cưới ông. Cha con có thể là một người nhỏ bé, nhưng ông có một linh hồn vĩ đại gặp nạn lần.

John hỏi:

– Vậy có nghĩa trong số những người vô gia cư ở New York, có những người thật sự là djinn hả mẹ?

– Không chỉ ở New York đâu. London. Calcutta. Cairo. Bất cứ đâu. Và không chỉ có djinn chọn lối sống như vậy. Còn có thiên thần nữa. “*Hãy để tình yêu nhân loại được tiếp tục, và đừng quên đối xử tốt với người lạ, vì sẽ có khi ta đối xử tốt với thiên thần mà không biết*”. Đó là triết lý sống của tất cả các Ấn Sĩ. Tất cả những gì họ tìm kiếm là mang đến sự may mắn cho những mundane thật sự xứng đáng. Những mundane đã giúp đỡ họ, mà không hề biết đến bản chất thực sự của người họ đang giúp.

Philippa gật gù:

– À, ra đó là lý do mẹ cho người đàn ông vừa rồi đến 50 đô. Vì ông ta có thể là djinn.

Bà Gaunt chinh lại:

– Vì ông ta có thể là một *thiên thần*, Philippa. Nói không phải khoe, nhưng mẹ luôn biết được người đứng cạnh mình là djinn hay không. Nhưng thiên thần thì khác. Họ mạnh hơn chúng ta, và khả năng nguy trang của họ cũng tốt hơn nhiều. Trên thực tế, họ hầu như có thể làm bất cứ chuyện gì họ nghĩ tới.

John nhận xét:

– Nghe có vẻ rất cao thượng, mẹ nhỉ. Việc làm một Ấn Sĩ ấy.

Mẹ cậu nói:

– Ừ, có thể cho là vậy. Nhưng việc đó cũng có nguy hiểm của nó. Đó là lý do tại sao mẹ muốn hai con hứa với mẹ là sẽ không bao giờ trở thành Ấn Sĩ. Ít nhất là đến khi hai con đủ lớn. Không phải lúc nào mẹ cũng ở bên cạnh bảo vệ hai con được.

Trong suy nghĩ của cặp sinh đôi, mẹ chúng vừa nói một điều thật kỳ lạ. Chúng dường như không bao giờ có thể nghĩ đến một cuộc sống không có bà bên cạnh. Nhưng dù gì thì hai anh em cũng hứa với bà sẽ không trở thành một Ấn Sĩ trước khi cùng về nhà. Sau khi đã xách đồ vừa mua xuống bếp, Layla tuyên bố bà có một thứ quan trọng cần cho cặp sinh đôi xem.

Bà bảo:

– Mới nãy, khi nhắc tới linh hồn của cha các con, mẹ nhớ đến một chuyện: sinh nhật djinn đầu tiên là cơ hội tốt nhất để hai đứa làm quen với gương *linh hồn* của mình.

Philippa ngơ ngác hỏi:

- Gương *linh hồn* là gì cơ?
- Gương soi lòng. Chẳng lẽ cậu Nimrod chưa nói gì với con sao?
- Chưa ạ.
- Vậy thì đi với mẹ. Sẽ dễ hiểu hơn nếu hai đứa tận mắt thấy nó.

Rồi bà Gaunt dẫn cặp sinh đôi lên tầng gác mái, nơi mà trước đây chúng luôn bị cấm cửa. Nhìn mẹ kéo cái cầu thang dẫn lên tầng gác mái xuống, Philippa thắc mắc:

- Mẹ luôn bảo có dơi trên đó mà. Con ghét dơi lắm.

Bà Gaunt cười:

– Cho nên mẹ mới nói thế. Để con không bao giờ nghĩ đến chuyện lên trên này.

Họ bước lên cầu thang. Bà Gaunt đẩy cánh cửa sập lên và với tay tìm công tắc điện. Tìm thấy nó, bà bật sáng một cái bóng đèn mờ mờ trên gác, trước khi bước lên gác và đứng lại. Theo sau bà, cặp sinh đôi bỗng cảm thấy

hơi lo lo, vì chúng chợt nhận ra mình sắp sửa nhìn thấy một thứ kỳ lạ gì đó mà cả hai chưa bao giờ thấy trước đây.

Khi đã yên vị trên gác mái, cặp sinh đôi đưa mắt nhìn xung quanh. Những thùng carton vô danh nằm rải rác trên sàn nhà làm bằng gỗ cứng. Nhưng không có bụi. Không mạng nhện. Và chắc chắn là không có dơi. Chỉ có mùi băng phiến khá nồng mà John lập tức nhắc đến khi người thấy.

Bà Gaunt cho biết:

– Dơi ghét băng phiến.

Mái nhà trông như mới được sửa sang hoàn chỉnh. Có một cửa sổ trên mái, nhưng hôm nay là một ngày mây đen phủ đầy trời, nên cả cái gác mái chìm trong bóng tối. Bất chấp điều đó, John vẫn nhìn thấy một vết nứt trên tường. Thậm chí cậu còn nhận ra nó.

John thốt lên:

– Nó là cái vết nứt trên đầu giường con. Cái vết nứt xuất hiện ngay trước khi tụi con nhổ răng khôn ấy. Ra là nó chạy lên đến tận trên này.

Mẹ cậu gợi ý:

– Mẹ nghĩ con nên đi theo nó, John à.

Vết nứt dẫn hai đứa trẻ đến phía sau gác mái, và, ở đằng sau một bể chứa nước lạnh, chúng tìm thấy một cặp giá vẽ cũ kỹ phủ kín dưới lớp vải chắn bụi.

Mẹ chúng bảo:

– Các con sẽ tìm thấy điều mình đang tìm kiếm bên dưới lớp vải ấy.

John nắm lấy lớp vải trên một cái giá vẽ, trong khi Philippa nắm lấy lớp vải trên cái giá còn lại.

Nhìn thấy sự ngần ngại của hai đứa con, bà Gaunt khích lệ:

– Mở ra đi chứ, John, Philippa. Hai đứa còn chờ gì nữa?

John thú nhận:

– Tự nhiên con thấy sợ phải mở nó ra.

Philippa gật đầu:

– Con cũng vậy.

Nhìn một vòng quanh gác mái, bà Gaunt nói:

– Được rồi. Chắc là tại trong đây hơi tối.

Rồi bà thăm thì cái từ dùng để tập trung sức mạnh djinn của mình, từ NEPHELOKOKKYGIA. Nó thắp sáng cả khu gác mái như một ngày mùa hè, và lớp vải chắn tuột khỏi những cái giá, làm lộ ra hai cái gương.

Đó là những cái gương có hình thù kỳ lạ, làm bằng kim loại. Chúng có bề mặt gương lồi, và phía sau lưng được trang trí bởi những họa tiết phức tạp. Điều kỳ lạ nhất về hai tấm gương này là, ánh sáng xuyên qua khung cửa sổ và phản chiếu trên mặt gương phía trước cho thấy hình ảnh dạ quang của lớp họa tiết sau lưng gương, chứ hoàn toàn không có hình ảnh của những thứ ở trước gương. Đứng ngay phía trước một cái gương và nhìn thẳng vào nó một lát, John thắc mắc:

– Con không hiểu. Hoặc con là ma cà rồng, hoặc con không có hình ảnh phản chiếu, hoặc phải có một mảnh lối soi gương nào đó ở đây.

Mẹ cậu bật cười:

– Đừng nhìn phía trước gương, cậu ngốc ạ. Nó sẽ không cho con thấy gì đâu.

Rồi vẫy tay theo một khoanh tròn, bà hướng dẫn:

– Đi vòng ra sau lưng ấy. Đó mới là đầu hoạt động của gương linh hồn.

Với trái tim đánh lô tô trong lồng ngực vì lo lắng, cặp sinh đôi bước ra đằng sau hai tấm gương kim loại kỳ lạ mà từ chúng, một hình ảnh dạ quang lung linh hiện ra, như hình ảnh phản chiếu của một nơi nào đó chứ không phải của một căn gác mái trong một ngôi nhà cổ xây bằng đá cát kết nâu ở New York. Và trong khi cặp sinh đôi dán mắt vào những hình ảnh trong gương như bị thôi miên - vì đó chính là linh hồn của chúng - bà Gaunt bắt đầu giải thích bằng những từ ngữ và khái niệm mà chúng không hoàn toàn hiểu rõ:

– Tâm linh và vật chất, thể xác và linh hồn, da thịt và tinh thần - nó chỉ được đưa cho djinn để lĩnh hội bí ẩn của nơi một thứ kết thúc và một thứ

khác bắt đầu, và để nhận ra sự vô lý ngớ ngẩn được phát ngôn bởi những linh mục chánh xứ^[7], những kẻ tự cao tự đại và những nhà tâm lý học. Để thấy suối nguồn sự sống hiện ra trước mặt con, các con của ta! Hãy nghĩ đến bao nhiêu mundane đã mơ ước được nhìn thấu vào trong họ và thật sự thấu hiểu họ là ai, họ là cái gì. Ở một mặt gương là một thế giới không có các con trong đó, vì tất cả da thịt rồi sẽ biến mất. Và ở mặt còn lại là linh hồn ẩn nấp trong bóng tối. Nhưng chỉ có các con nhìn thấy nó. Không ai ngoài các con nên đặt ánh mắt vào nó, vì chỉ các con có thể ảnh hưởng đến hình dạng của nó. Đó là lý do tại sao nó ở trên này, được giấu đi khỏi cả thế giới. Gương linh hồn là một vật bí mật, và cực kỳ riêng tư đối với một djinn.

Rồi bà im lặng trong mấy giây, để hai đứa trẻ có thể im lặng với suy nghĩ trong đầu chúng.

Philippa thăm thì:

– Thật kỳ lạ.

Cô chỉ mới nửa nhận ra, nửa không nhận ra cái mà cô hiểu được là chính bản thân mình, vì dường như cái hình ảnh đầy màu sắc tươi sáng trong gương luôn chuyển đổi không ngừng - làm nó càng mơ hồ và bí ẩn hơn. Trong giây trước, nó là một thứ, thế mà chỉ trong giây tiếp theo, nó đã là một thứ hoàn toàn khác. Tuy nhiên, nó luôn là một thứ dễ nhìn, và có phần nào đó giống như cái được gọi là phân dạng fractal mà cô đã có lần nhìn thấy trên máy tính, một dạng mô hình biến hình sẽ tự động sản sinh một mô hình biến hình khác theo thời gian.

John cũng đang suy nghĩ y chang em gái cậu. Tuy nhiên, trong một giây, cậu bỗng nghĩ tới 50 đô mà mẹ cậu đã cho người đàn ông vô gia cư. Sâu thăm trong lòng, cậu nhận ra lòng hảo tâm của mẹ làm cậu hơi phật ý. Cậu là con bà, đáng lẽ cậu xứng đáng nhận 50 đô ấy hơn là một người không quen biết chứ. Ngay khi suy nghĩ ấy xuất hiện trong đầu John, một thứ gì đó đen tối và không lấy gì làm dễ chịu bỗng hiện ra trên tấm gương. Nó nhỏ xíu thôi, nhưng vẫn dễ nhận ra. Như thể suy nghĩ bần xỉn ấy ngay lập tức hiện ra như một đốm mực đen trên linh hồn mà trước đó còn tinh khiết, không chút tì vết của cậu. Và nó làm cậu hơi hoảng sợ. Chỉ một suy nghĩ đã thế, vậy

linh hồn cậu sẽ trông như thế nào nếu cậu làm một điều gì đó thật sự xấu?
John thở hắt ra một tiếng và nhận xét:

– Thật đáng kinh ngạc.

Bà Gaunt nói:

– Bất cứ chuyện gì xảy ra với các con, bất cứ chuyện gì các con làm, các con sẽ thấy nó hiện ra ở đây, trong hình ảnh linh hồn của các con. Hãy lưu ý đến điều đó, vì trong tất cả mọi chuyện các con làm, ngay cả người tốt nhất trong chúng ta cũng có cả thiên đường và địa ngục bên trong. Và đây sẽ luôn là nơi các con học được bài học đó.

* * *

Thay vì bốn, chỉ có ba đứa trẻ djinn đến dự sinh nhật của cặp sinh đôi. Dybbuk không thấy xuất hiện, mặc dù mẹ cậu, bác sĩ Jenny Sachertorte, nói cậu sẽ đến. Nhưng Philippa không mấy ngạc nhiên trước hành động có vẻ quá thô lỗ đó. Qua hai lần gặp trước, cậu vốn chẳng để lại cho cô ấn tượng đẹp đẽ gì.

John thì hơi thất vọng khi không được gặp cậu bạn quậy phá. Tuy nhiên, sự thất vọng của cậu nhanh chóng tan biến trước sự hiện diện của Agatha Daenion, người gây ấn tượng với cậu cứ y như ba điều ước gộp lại thành một. Hai đứa trẻ djinn còn lại là Jonathan Munnay và Uma Karuna Ayer - cả hai đều lớn hơn, mạnh hơn, và ít bị ảnh hưởng bởi cái lạnh hơn John và Philippa. Trong suốt bữa tiệc sinh nhật “lửa” theo đúng truyền thống djinn với tôm pandan xốt rượu hạt hồi sampuca, bò sốt phủ tiêu, bánh kẹp caramen với nước cam, và bánh kem, ba vị khách trẻ tuổi của cặp sinh đôi tự giới thiệu về bản thân, và cho biết mỗi người dự định sẽ giúp đỡ mundane theo cách riêng nào.

Agatha nói:

– Mình sẽ làm một chuyên gia tư vấn điều ước. Mình muốn giúp mundane tránh lãng phí ba điều ước. Theo “Những quy luật Baghdad”,

những djinn ban điều ước bị cấm gợi ý cho mundane nên sử dụng những điều ước đó như thế nào. Nhưng nếu là một djinn ngoài cuộc như mình thì sẽ không sao. Như vậy, một djinn tốt có thể đưa danh thiếp của mình cho bất cứ mundane nào may mắn được ban ba điều ước. Và mình nghĩ vị djinn đó sẽ cảm thấy thoải mái hơn nhiều nếu ba điều ước của mình được dùng cho những việc xứng đáng. Vì thật tồi tệ khi buộc phải thực hiện điều ước của ai đó dù biết rõ nó là một điều xấu xa.

Dù Agatha nói gì John cũng gật đầu lia lịa. Cậu phải công nhận lập luận của cô rất đúng. Tuy kinh nghiệm ban điều ước của cậu không nhiều, cậu vẫn không thể nào quên được cảm giác tồi tệ dày xéo trong lòng khi cậu buộc phải biến Finlay Macreeby thành một con chim ưng.

Liếc nhìn anh trai, Philippa mỉm cười. Không phản đối gì chuyện John xem ra hơi bị thích Agatha, cô chỉ ước gì ông anh ngổ tồ của mình kín đáo một chút trong việc thể hiện tình cảm ấy. Bản thân mình, cô nghĩ thật sự không cần thiết phải có một chuyên viên tư vấn điều ước nếu như mundane được rèn luyện ngữ pháp thật đàng hoàng ở trường để có thể phát ngôn chính xác những gì họ muốn nói. Nhưng dù sao Agatha cũng là khách, và cô không muốn làm một người chủ nhà thô lỗ, nên Philippa quyết định giữ im lặng, không nhận xét gì.

Jonathan Munnay cho biết anh cũng có chung hướng suy nghĩ với Agatha, và anh dự định sẽ trở thành một chuyên gia tâm thần học. Anh giải thích:

– Anh nghĩ anh có thể lắng nghe rắc rối của người khác, rồi sử dụng sức mạnh djinn của anh để giải quyết nó. Bí mật giải quyết. Như vậy, nếu có ai đến gặp anh với tâm trạng khốn khổ hay tuyệt vọng, anh có thể âm thầm giúp họ vui vẻ hơn.

Cảm thấy không tin lắm, Philippa hỏi:

– Ví dụ như?
– Anh cũng không biết. Tất cả những gì anh biết hiện giờ là, có thêm một ít may mắn bao giờ cũng tốt đẹp hơn.

Uma Ayer gật đầu với Jonathan:

– Ờ, mình cũng nghĩ vậy.

Rồi hạ thấp giọng, chị cho biết:

– Đó là lý do tại sao mình quyết định sẽ từ bỏ bộ tộc, tài sản và của cải của mình để trở thành một Ản Sĩ. Bắt đầu từ ngày mai, mình sẽ gia nhập hàng ngũ những người vô gia cư ở New York, và mình sẽ giúp đỡ những ai thật sự xứng đáng có được ba điều ước. Bí mật giúp đỡ như cậu nói, Jonathan. Mẹ mình không biết việc này. Vì thế, mình muốn tất cả các cậu hứa sẽ giữ bí mật giùm mình.

Tất cả những thổ lộ mang tính tương lai này làm cặp sinh đôi bỗng thấy hơi xấu hổ vì đã tổ chức sinh nhật. Trước buổi nói chuyện, John và Philippa đã dự tính sẽ đem khoe với bạn cái máy tính xách tay mới của chúng - quà sinh nhật của cha - nhưng đến giờ, nó bỗng có vẻ gì đó quá tầm thường. Không ai trong cặp sinh đôi muốn mình trở nên nông cạn và ích kỷ trong cặp mắt nghiêm túc của những djinn trẻ khác. Và không hẹn mà gặp, chúng đồng loạt thở dài nhẹ nhõm khi buổi tiệc kết thúc và những vị khách của chúng ra về.

John than thở:

– Anh chẳng muốn sinh nhật như thế này chút nào. Mục tiêu chính của việc tổ chức sinh nhật là chúng ta được mọi người xúm xít vây quanh. Đó là ngày duy nhất trong năm mà chúng ta được phép ích kỷ một chút. Thế mà... anh cứ có cảm giác như nó không còn vì anh nữa, mà vì một cái gì khác.

Philippa gật đầu:

– Em cũng thấy vậy.

Nhưng một lúc sau, cô nói thêm:

– Dù sao, họ cũng làm em nhận ra, đúng là tốt nếu giúp được ai đó. Một người thật sự cần được giúp đỡ.

John nhận xét:

– Thời tiết mà lạnh như thế này thì có nghĩ đến chuyện đó cũng chả có ích gì đâu, Phil. Em biết mà, từ giờ cho đến khi là djinn trưởng thành, sức mạnh djinn của chúng ta chỉ xài được khi trời nóng.

– Ờ, dĩ nhiên em biết điều đó chứ. Chỉ là, nói chuyện với các anh chị djinn đó xong, em nghĩ mình cần phải có một mục đích. Một *nhiệm vụ*.

Và Philippa không biết rằng chẳng bao lâu nữa, cô và John sẽ lãnh một nhiệm vụ trên vai.

* * *

Là người tỉnh ngủ nhất nhà, John giật mình thức dậy với một cảm giác chắc chắn rằng có ai đó đang xâm nhập nhà cậu. Và cậu lập tức nghĩ đến ăn trộm, vì mới hôm trước, mẹ cậu có kể phòng khám trên Đại lộ Số 3 của ông “Mo” Larr, nha sĩ gia đình của nhà cậu, vừa bị trộm viếng thăm. Tuy không có gì bị mất cắp, nhưng tất cả hồ sơ bệnh án của bác sĩ Larr bị vứt lung tung khắp phòng.

Lặng lẽ bò ra khỏi phòng và liếc mắt nhìn qua thành cầu thang, John trông thấy có ánh sáng di chuyển đằng sau cánh cửa thư viện. Nếu là một đêm mùa hè nóng bức và được vũ trang đầy đủ với sức mạnh djinn của mình, John sẽ tự mình giải quyết vị khách không mời mà đến này. Nhưng đêm nay lại là một đêm trời lạnh và, hoàn toàn không có chút sức mạnh nào, John không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đánh thức cha mẹ cậu.

Cha cậu, ông Edward, là một người đàn ông nhỏ con, nhưng ông đã lấp đầy sự thiếu hụt về chiều cao của mình bằng một lòng dũng cảm phi thường. Ngay khi nghe John thông báo có trộm viếng nhà, ông lập tức phóng ra khỏi giường và móc cây gậy chiến của thổ dân Bắc Mỹ mà ông thủ sẵn dưới gầm giường lên, sẵn sàng tinh thần xông trận.

Liếc nhìn cây gậy chiến với ánh mắt nghi ngờ, bà Gaunt hỏi chồng:

– Thế anh định làm gì với cái này?

Ông Gaunt tuyên bố:

– Bảo vệ gia đình anh, dĩ nhiên rồi.

Choàng cái áo khoác ngoài mặc ở nhà bằng lụa lên người và xỏ chân vào một đôi dép đi trong nhà cùng chất liệu, bà nhẹ nhàng khuyên:

– Ed à, em nghĩ anh nên để em lo chuyện này thì hơn. Đây có thể không phải là một kẻ trộm bình thường. Có thể là một djinn tộc Ifrit, hoặc là chính Iblis, đến đây để trả đũa con chúng ta vì những gì chúng và em trai em đã làm với hắn ở Cairo mùa hè năm trước.

Rồi không hề sợ hãi, bà bước thẳng xuống cầu thang oai phong như một nữ hoàng chiến binh vĩ đại.

Ông Gaunt bỏ cây gậy chiến xuống với sự lưỡng lự thấy rõ. Ông biết Layla nói đúng, nhưng nó không có nghĩa ông thích chuyện đó. Lo lắng liếc nhìn xung quanh, ông hỏi John:

– Phil đâu rồi con?

John nói:

– Nó còn ngủ. Cứ để mẹ lo chuyện đó đi cha. Nếu đó đúng là một djinn, một cây gậy chiến thổ dân sẽ không đủ để ngăn hắn đâu.

Rồi cậu và cha mò xuống cầu thang theo sau bà Gaunt, vừa kịp lúc để thấy bà mở tung cánh cửa thư viện và bật đèn lên.

Xém nữa John đã hét lên sợ hãi khi cậu trông thấy không phải một mà là hai kẻ xâm nhập. Vận áo sơ mi và quần dài cùng tông màu cam, bộ mặt đầy râu ria lởm chởm của hai kẻ trộm sơn vàng vẫn vẹn như người hoang dã. Một tên đang giữ cái bóp da đà điệu của bà Gaunt, trong khi tên còn lại cầm một cái hộp tiền Tây Tạng cổ mà nếu không lầm, John luôn thấy nó nằm im trên bệ lò sưởi trong thư viện. Rồi cậu nghe mẹ nói từ trọng tâm của bà, và theo sau đó là một tiếng bùm lớn, vì sức mạnh djinn sử dụng khi đang giận dữ lúc nào cũng đi kèm với một tiếng động rõ rệt. Cùng lúc đó, cả John và cha bị lóa mắt trong tích tắc bởi một luồng sáng chói chang như ánh mặt trời và một đám mây khói mù mịt. Và khi họ đã có thể nhìn thấy rõ ràng, hai người đàn ông trong bộ đồ màu cam đã biến mất. Trên sàn ở nơi chúng vừa đứng trước đó là hai chai rượu vang đỏ.

Bà Gaunt xoa tay phủi bụi mấy cái, trước khi nhặt hai chai rượu lên và đưa cho chồng. Bà nói:

– Đây. Chút quà chuộc lỗi vì đã làm tổn thương danh dự đàn ông của anh.

Liếc nhìn nhãn chai, ông Gaunt nói:

– Coi như là có thay đổi từ việc biến người thành chó. Chúng ta có gì đây nhỉ? Một chai Chateau Lafite Rothschild năm 1966. Và một chai năm 1970. Lựa chọn tuyệt vời đấy. Nhưng sao lại có sự khác biệt về năm thế, Layla?

Vợ ông điềm tĩnh trả lời:

– Đó là năm sinh của hai vị khách bất ngờ này.

Tiến sâu vào trong thư viện, John hỏi:

– Họ tìm gì vậy mẹ?

Vừa gỡ một cái nút chai rượu ra và rót cho mình một ly đầy, ông Gaunt vừa nói với vợ:

– Anh cũng đang thắc mắc điều đó đây. Cái hộp này là món quà mà một vị Đạt Ma Tây Tạng đã tặng cho cha anh.

Không trả lời liền, bà Gaunt lẳng lặng gỡ cái dây chuyền bằng vàng mà bà luôn đeo trên cổ ra, và dùng cái chìa khóa treo trên đó mở khóa cái hộp tiền Tây Tạng. Khi nắp hộp mở ra, bà cầm lên một cái túi nhỏ bằng nhung xanh và dốc những thứ bên trong lên lòng bàn tay. Trong một giây, John nghĩ sẽ thấy vài hạt kim cương hoặc vài đồng tiền vàng. Nhưng thay vào đó, cậu trông thấy tám cái răng.

Nhận ra chúng, cậu nói:

– Đó là răng khôn của con và Phil. Ai lại cần chúng chứ? Mà những người vừa rồi là ai vậy mẹ? Họ có phải djinn không? Djinn tộc Ifrit?

Bà Gaunt lắc đầu:

– Không, họ là mundane.

Liếc thấy nụ cười rất chi là nhẫn nại của chồng, bà vội sửa lại:

– Xin lỗi. Ý em là, họ là con người.

Ông Gaunt nói:

– Không sao. Đừng lo cho anh, Layla. Anh biết anh là ai, và anh không xấu hổ gì về điều đó.

Và để chứng minh mình vẫn hoàn toàn vui vẻ, ông Gaunt nhấp một ngụm rượu, sục nó quanh miệng, răng và lưỡi như người ta sục miệng, trước khi nuốt trọn một hơi và nhoén miệng cười:

–Ồ, ngon. Ngon tuyệt.

Rồi nhấp thêm mấy ngụm đầy nữa, ông thở dài một tiếng đầy hài lòng và nhận xét:

– Thứ rượu này xâm nhập vào, lục soát vòm miệng, chiếm đoạt cả miệng, và cướp đi nụ vị giác. À, và còn ít vị thuốc lá tẩu, vị thuốc nổ Gêlinhit, vị của giày đế mềm cũ, và vị rượu lý đen phết mứt. Hay đó là vị của dụng cụ nạy cửa nhỉ?

Để ông Gaunt lại với thi hứng rượu của mình, bà Gaunt bỏ những cái răng vào lại trong túi và nói với John:

– Tất cả là lỗi của mẹ. Lẽ ra mẹ phải để chúng vào két sắt an toàn từ lâu. Ngay khi chúng được nhổ ra. Nếu chúng rơi vào tay người xấu, mẹ thật không dám nghĩ tới chuyện gì sẽ xảy ra.

John hỏi:

– Ví dụ như chuyện gì mới được?

Bà Gaunt chỉ nói:

– Chúng ta sẽ nói chuyện này vào sáng mai nhé, con trai.

Rồi rút một cuốn sách khỏi kệ - cuốn *Những chiến lược An toàn cho Tự do Tài chính* - bà mở nó ra. John trở mắt nhìn khi phát hiện ra bên trong cuốn sách là một khoảng rỗng, chứa một cái chìa khóa lớn. Cái chìa khóa mà bà Gaunt sau đó dùng để mở cái két sắt của gia đình họ. Bản thân cái két sắt là một vật rất đẹp. To cỡ một bộ ti vi lớn, màu xanh lá và đen, khảm vàng, nó từng thuộc về hoàng đế Pháp Napoléon đệ Tam. Bà Gaunt đặt cái túi nhung xanh vào trong két, đóng sập cửa, và khóa nó lại.

Ông Gaunt vừa thưởng thức xong ly rượu thứ hai, tuyên bố:

– Chúng sẽ an toàn trong đó. Cả một đạo quân cũng không thể xâm nhập vào trong cái két này.

Bà Gaunt chau mày:

– Biết là vậy, nhưng em nghĩ đã đến lúc phải tăng cường thêm một số biện pháp an ninh cho ngôi nhà này. Những biện pháp đặc biệt. Những biện pháp chí mạng. Những biện pháp theo kiểu djinn.

* * *

Sáng sớm hôm sau, Philippa kiểm tra hiện trường vụ trộm trong khi John mô tả lại thật chi tiết chuyện gì đã xảy ra tối hôm trước.

– Mẹ biến họ thành *cái gì cơ*?

Chỉ vào hai chai rượu vang đỏ đặt trên bàn thư viện, John trả lời:

– Hai chai rượu vang đỏ.

Philippa hoảng hốt nói:

– Nhưng một chai chỉ còn phân nửa.

– À, cha đã uống hai ly từ chai đó.

Khịt mũi hít thử cổ cái chai đã mở, Philippa nói:

– Không thể tin được.

John nhún vai:

– Thì em biết cha chúng ta thích rượu vang cỡ nào mà.

Philippa phản đối:

– Đúng, nhưng không phải chai rượu nào cũng biết đi lại năm phút trước khi cha uống.

Rồi lắc đầu, cô nhận xét:

– Phải chi mẹ đừng nóng tính quá thì đỡ. Anh không nghĩ sẽ tốt hơn nếu chúng ta có thể tìm hiểu thêm về hai người đàn ông đó sao? Mà anh vừa nói họ mặc đồ màu cam hả?

– Ừ. Nhìn kỳ lắm. Mà họ còn sơn vàng vắn vện trên trán và hai bên má nữa.

Rồi chỉ xuống sàn, cậu nói thêm:

– Và họ đến ngay chỗ em đang đứng lúc bị mẹ úm ba la biển.

Philippa quỳ sát xuống đất và bắt đầu sấm soi tấm thảm trải sàn.

John thắc mắc:

- Em đang làm gì vậy?
- Trên tivi cảnh sát vẫn thường làm vậy mỗi khi xảy ra vụ án. Người ta gọi là lục soát hiện trường để tìm chứng cứ.
- Chứng cứ? Ví dụ như...
- Ví dụ như cái này.

Vừa nói, Philippa vừa đứng dậy với một thứ gì đó nằm trong lòng bàn tay. Đó là một phiến đá nhỏ dẹp hình tròn với một cái móc gậy ở ngoài rìa, như thể nó từng được móc vào một cái vòng cổ nào đó. Phía trên phiến đá có sơn hình một con rắn màu cam, và kế bên là một thứ nhìn giống dấu chấm hỏi nhưng thiếu dấu chấm bên dưới.

Philippa hỏi anh:

- Anh có thấy cái này bao giờ chưa?
- Chưa.
- Vậy thì chắc chắn một trong hai vị khách không mời của chúng ta đã làm rơi nó. Đi thôi. Chúng ta nên cho mẹ xem nó.

Bà Gaunt đang ở trên phòng thay đồ của mình. Lúc John và Philippa bước vào, bà đang đứng nhìn một cái bể cá bằng kính đầy nhóc những con cá nhiệt đới gớm ghiếc nhất mà chúng từng thấy. Trông thấy hai đứa con, bà vui vẻ gọi:

- Ồ, hai đứa lên đúng lúc lắm. Hai đứa thấy cái này thế nào? Đây là một trong những biện pháp an ninh mới cho nhà ta. Cá piranha. Nó ăn tất cả mọi thứ đến gần. Một đàn cá này dư sức lóc thịt một con cừu trong vài phút.

John chỉ có thể trở mắt nhìn những con cá mắt lồi trong bể mà không nói được gì.

Mẹ cậu giới thiệu tiếp:

- Cái bể này làm bằng kính chống đạn, dĩ nhiên rồi. Và mẹ đã đặt một chú trói buộc djinn lên nó, để không djinn nào có thể đụng đến nó, trừ ba mẹ con ta.

Thiếu điều đồ mờ hôi hột, Philippa rụt rè hỏi:

– Ừm, chính xác mấy con cá này sẽ bảo vệ chúng ta như thế nào vậy mẹ? Ý con là tụi nó ở trong đó, còn chúng ta ở ngoài này.

Bà Gaunt bảo:

– Con thử nhìn kỹ hơn xem.

Dí sát mặt vào lớp kính, Philippa nhận ra bên trong cái bể cá piranha còn có một cái bể khác nhỏ hơn. Thoạt nhìn, cái bể thứ hai này không chứa gì ngoài không khí. Nhưng sau khi nhìn kỹ hơn, Philippa cho biết:

– Có một cái chìa khóa trong đó. Bên trong cái bể nhỏ hơn.

Bà Gaunt nói:

– Đó là chìa khóa kết sắt. Có một cánh cửa nhỏ dạng nút không khí trên thành bể để có thể cất và lấy cái chìa khóa ra mà không để nước tràn vào.

John gãi đầu hỏi:

– Con không hiểu. Sao phải cần đến một cái bể nhỏ chứ? Không ai điên đến mức thò tay vào cái bể lớn mà.

– Không à?

Bà Gaunt hỏi lại, trước khi xắn tay áo lên và thò tay vào bể cá. Trông thấy vẻ mặt lo lắng của hai đứa con, bà trấn an:

– Không sao đâu. Chúng sẽ không tấn công mẹ. Và chúng cũng sẽ không tấn công hai con. Nhưng những con vật bên trong cái bể thứ hai lại là một chuyện khác. Chúng ta cần cẩn thận hơn với chúng.

John lắc đầu nói:

– Nhưng trong cái bể thứ hai đâu có con gì đâu.

Thò tay vào trong nước, bà Gaunt gõ nhẹ một cái vào phía trên cái bể thứ hai. Ngay lập tức, Philippa không ngăn nổi tiếng thét kinh hoàng khi hai con nhện lớn nhoi lên tấn công tay bà.

Bà Gaunt cho biết:

– *Phoneutria fera*. Loài Nhện Lang thang Brazil. Chúng có những cái nang đủ sắc để đâm thủng móng tay. Chỉ cần nửa miligam nọc độc của

chúng là đủ để giết chết một người, hoặc một djinn, cho nên hai đứa cần phải chắc chắn chúng đã ăn no khi nào cần lấy chìa khóa.

John thắc mắc:

– Nhưng rốt cuộc chuyện này là sao mới được? Tại sao chúng ta lại phải tốn công như thế chỉ để bảo vệ mấy cái răng cũ chứ?

Mẹ cậu mỉm cười:

– Con có nghe cổ tích về tiên răng chưa, John? Nguồn gốc của câu chuyện đó là một tín ngưỡng cổ đại chịu ảnh hưởng của luật lệ và phép trói buộc djinn. Tất cả mọi thứ trên người một djinn - tóc, máu, hay móng tay, móng chân - luôn có liên hệ với djinn đó. Nhưng đặc biệt nhất là răng khôn của djinn. Chúng cần được canh giữ cẩn thận vì liên hệ của chúng với djinn kéo dài đến hết đời. Có được chúng trong tay, một người biết cách có thể làm một tấm bùa bảo hộ họ khỏi sức mạnh của djinn đó. Hoặc tệ hơn nữa, họ có thể dùng chúng để làm bùa trói buộc djinn đó phải phục tùng họ.

Ngừng mấy giây để John và Philippa thăm được tầm quan trọng của những gì bà vừa nói, bà Gaunt giải thích tiếp:

– Và đó là lý do tại sao mẹ cần phải sử dụng các biện pháp an ninh mạnh như thế này. Để bảo vệ cả hai đứa. Trước đây, mẹ cứ nghĩ chỉ cần hệ thống CCTV và báo động là đã đủ an toàn. Nhưng sau những gì xảy ra tối hôm qua, mẹ mới thấy mình đã lầm như thế nào. Chúng ta không được phép chủ quan dù chỉ một giây. Đặc biệt là sau chuyện của Dybbuk.

John ngạc nhiên hỏi lại:

– Dybbuk bị gì sao mẹ?

– Cậu ấy đã biến mất. Ngay sau khi cậu ấy vừa trở về sau chuyến tham quan chiến trường Cuộc Nội Chiến với gia đình một người bạn học. Đó là lý do tại sao Dybbuk không đến dự sinh nhật các con hôm bữa.

John nói:

– Nhưng thế nào cậu ấy chẳng xuất hiện lại. Mẹ biết rõ về Dybbuk.

Bà Gaunt khẽ lắc đầu:

– Mẹ e là mọi chuyện không đơn giản như thế đâu, John. Người ta đã tìm thấy xác hai mundane đi cùng Dybbuk trong chuyến tham quan vừa rồi, ông Blennerhassit và con trai ông, Brad, tại nhà riêng của họ ở Palm Springs. Với nguyên nhân tử vong không xác định được. Có vẻ như cảnh sát đang nóng lòng muốn nói chuyện với Dybbuk.

John trở mắt:

– Ý mẹ là cảnh sát nghi ngờ cậu ấy giết họ?

Bà Gaunt chỉ nhún vai thay cho câu trả lời.

John lắc đầu lia lịa:

– Không thể nào! Dybbuk có thể là một đứa thô lỗ, không đáng tin, ranh ma, quý quyết, và hay đánh lừa người khác, nhưng cậu ấy tuyệt đối không thể là một kẻ giết người.

Philippa nhăn mặt hỏi:

– Nhưng không phải cậu ấy đã biến một bạn học thành gián sao?

John thanh minh:

– Chỉ là trong một ngày thôi.

Bà Gaunt trấn an:

– Hiện giờ cảnh sát chỉ muốn nói chuyện với Dybbuk thôi. Mẹ nghĩ họ chỉ muốn chắc chắn là cậu ấy vẫn an toàn, và có thể loại ra khỏi vòng nghi vấn. Vậy thôi.

Rồi khẽ lắc đầu, bà thở dài:

– Tội nghiệp Jenny Sachertorte. Chuyện xảy ra với con gái đã làm chị ấy buồn lắm rồi, thế mà giờ lại đến lượt Dybbuk.

Philippa ngạc nhiên:

– Dybbuk có em gái à?

Bà Gaunt cho biết:

– Có chị gái. Nhưng cô bé ấy cũng đã biến mất. Chuyện xảy ra lâu lắm rồi. Nhưng một người mẹ không bao giờ có thể vượt qua được nỗi buồn mất

con, Philippa à. Hôn nhân giữa chị ấy và anh Sachertorte rạn nứt cũng bởi vì thế.

Philippa lo lắng hỏi:

– Chuyện gì đã xảy ra với chị ấy?

Mẹ cô trả lời:

– Không ai biết được chính xác chuyện gì đã xảy ra. Bị nhốt bên trong một cái chai hay một cây đèn. Bị trói buộc bởi một djinn hay một mundane nào đó. Không ai có thể nói. Nhưng hai đứa nhớ đừng bao giờ hỏi Dybbuk hoặc mẹ cậu ấy về chuyện đó nhé.

Cặp sinh đôi gật đầu.

Sau vài giây im lặng suy nghĩ, Philippa nhận xét:

– Mẹ có nghĩ chúng hơi bị trùng hợp quá không? Chuyện Dybbuk mất tích và chuyện có người đột nhập vào nhà để trộm răng khôn của tụi con ấy? Con đang nghĩ, hay là chúng có liên hệ với nhau.

Bà Gaunt hỏi:

– Có liên hệ? Liên hệ như thế nào mới được?

Philippa nhấn mạnh:

– Để trả lời câu hỏi đó, con cần biết rõ hơn về chuyện đã xảy ra ở Palm Springs. Và con cần có nhiều manh mối hơn là một chai rượu vang đỏ.

Mím cười bẽn lễn, bà Gaunt thừa nhận:

– Dĩ nhiên con nói đúng, Philippa. Mẹ hơi nóng tính quá. Tối qua mẹ đã giận điên lên được. Giận hai gã đàn ông đó vì dám đột nhập vào nhà chúng ta, và giận chính bản thân mẹ vì thái độ cư xử của mẹ với cha các con. Người đàn ông nào cũng có quyền được đứng ra bảo vệ ngôi nhà của mình mà không bị vợ can thiệp. Thái độ của mẹ có thể làm cha các con cảm thấy tự ái. Cho nên mẹ đã nghĩ hai chai rượu yêu thích sẽ là một lời xin lỗi xứng đáng cho cha các con.

John mím cười:

– Con nghĩ cách của mẹ thành công rồi đấy. Mới có hai ly mà ba đã vui ra mặt mà.

Bà Gaunt nói:

– Dù gì thì Philippa cũng nói đúng. Nếu chúng ta có thể tìm hiểu thêm về hai gã đàn ông đó thì vẫn tốt hơn.

Đưa cái mề đay bằng đá cho mẹ, Philippa nói:

– Có thể cái này sẽ hữu ích. Con tìm thấy nó trên sàn thư viện. Chắc là một trong hai tên trộm đã làm rớt nó khi bị mẹ hô biến thành rượu.

Cẩn thận nghiên cứu tấm mề đay, bà Gaunt nhận xét:

– Nhìn giống một con rắn. Một con hổ mang. Mẹ không biết nhiều hơn thế. Nhưng mẹ biết một người có thể. Anh Rakshasas. Không có ai biết nhiều về những thứ này bằng anh ấy.

Philippa gợi ý:

– Vậy thì có lẽ chúng ta nên gửi nó cho ông Rakshasas. Bằng bưu điện chẳng hạn.

Bà Gaunt lắc đầu:

– Không cần tốn sức như thế. Mẹ có thể gửi trực tiếp cho cậu Nimrod của các con. Bằng mail nội bộ djinn.

John thắc mắc:

– Là cái gì mới được?

– Hai đứa nhìn nhé!

Rồi bà Gaunt bỏ tấm mề đay bằng đá nhỏ nhắn vào miệng và, không có vẻ gì là khó khăn, nuốt ực nó.

Trong một giây, John và Philippa quá kinh ngạc để có thể hó hé gì.

Bà Gaunt giải thích:

– Nimrod sẽ ợ nó ra trong chưa đầy một tiếng nữa. Dĩ nhiên cách này chỉ áp dụng được giữa những djinn có họ hàng gần với nhau. Và chỉ djinn trưởng thành mới làm được. Nhưng rõ ràng nó tiết kiệm thời gian và tiền tem thư. Đó là chưa kể đến ảnh hưởng vô cùng hữu ích của nó lên việc kiểm chế sự thèm ăn. Ở New York, một djinn lại càng không bao giờ có thể gây nổi.



Chương 3

Răng và Móng

Đã lâu không sử dụng mail nội bộ djinn với cậu Nimrod nên bà Gaunt đã quên mất quy tắc xã giao thông thường là phải gọi điện cho cậu Nimrod. Nếu được cảnh báo trước, cậu Nimrod sẽ có thể tìm một chỗ nào kín đáo một chút để nhận mail mà không bị xấu hổ. Thời điểm đó, ông đang ung dung nằm chờ đánh bóng răng tại phòng nha sĩ quen thuộc của mình trên đường Wimpole ở London - một thời điểm không có gì là tệ hơn để nhận mail nội bộ djinn.

Mandy Mandibular, nhân viên phụ trách vệ sinh răng miệng, chỉ vừa mới xong việc với cái máy cạo trắng răng bằng sóng siêu âm. Bỗng cô đột ngột bước lùi lại, tay run rẩy kéo khẩu trang che mặt ra. Có thể thấy rõ khuôn mặt xinh đẹp của cô đang trắng bệch vì quá sốc.

Cậu Nimrod, vốn rất sợ nha sĩ từ sau lần nhổ răng khôn mấy thập kỷ trước - những cái chân răng cắm sâu đến nối nha sĩ của cậu lúc bấy giờ, bà Jorrid, phải nhờ đến một bệnh nhân khác trong phòng chờ, một người biểu diễn thể lực trong rạp xiếc tên Belzoni, kéo giùm cái kìm nhổ răng - lo lắng nhìn Mandy Mandibular và hỏi vội:

– Gì vậy? Lỡ mọt trong răng? Răng mẻ? Răng hư? Gì mới được?

Nuốt nước miếng một cách khó khăn, cô Mandy chỉ vào miệng cậu Nimrod và lắp bắp nói:

– Có cái gì đó đang trôi ngược lên khí quản của anh. Giống như một món đồ.

Cậu Nimrod ngồi dậy trên ghế, giật mảnh vải che đang đeo ra, rồi bắt đầu ho khan như thể đang mắc nghẹn. Vừa ho khùng khục, ông vừa cố gắng nói được hai câu:

– Một món đồ? Ờ, đúng thật.

Đến giờ, cậu Nimrod đã đoán được chuyện gì đang xảy ra, cũng như làm sao mà một món đồ - dù nó là gì đi nữa - có thể xuất hiện trong khí quản của ông. Trong một giây, ông thầm rủa bà chị Layla vì đã sử dụng mail nội bộ djinn mà không thèm báo trước cho ông lấy một tiếng. Nhưng cùng lúc, ông lại thấy vui vui vì quan hệ giữa hai người đã trở lại bình thường, đủ để Layla thấy có thể gửi đồ cho ông bằng cách này.

Lại một giây nữa trôi qua, và rồi cậu Nimrod bụm tay lên miệng, phun một vật lên lòng bàn tay, và cẩn thận kiểm tra nó.

Mandy Mandibular, người này giờ tưởng tượng đó là một sinh vật ngoài trái đất dang ký sinh trong người cậu Nimrod như vẫn thường thấy trong phim khoa học giả tưởng, rụt rè hỏi:

– Cái gì thế anh?

– Có vẻ như là một tấm mẽ đay bằng đá.

– Thật à? Nhưng làm sao nó lại ở trong cuống họng anh được?

Mỉm cười, cậu Nimrod cố nghi ra một lời giải thích hợp lý nhất đối với con người:

– À, cái này à? Hồi còn nhỏ tôi đã vô tình nuốt phải nó. Chắc nó mắc kẹt trong đó suốt từ đó đến giờ.

Mandy Mandibular nhìn có vẻ không tin lắm vào lời giải thích của cậu.

Cậu Nimrod nói:

– Đâu cần ngạc nhiên vậy. Cô chưa bao giờ nuốt đồ vật khi nhỏ à, Mandibular? Một đồng xu? Hoặc một cái nút chằng hạn? Chưa à? Tôi thì đã

từng nuốt cả một cái đồng hồ đeo tay đấy. Chưa kể đến vài viên xúc xắc và một cuộn phim. Tôi cứ y như một con bò nông trong mấy cái vụ này ấy chứ. Nhưng phải nói là tôi đã quên mất tiêu cái mẽ đay bằng đá này.

Rồi, có thể thấy được mình chỉ đang làm tình hình xấu đi, cậu Nimrod không buồn giải thích gì thêm nữa. Đặt chân lên con đường Wimpole bên ngoài phòng mạch, cậu khẽ mỉm cười khi nghĩ đến phản ứng của cô Mandibular nếu nghe kể về những thứ đặc biệt mà cậu đã gửi và nhận được qua mail nội bộ djinn của mình. Một cây bút máy yêu thích. Một cặp mắt kính. Một hũ mật ong. Một xâu chìa khóa. Một bộ điều khiển tivi từ xa. Đó là chưa kể đến vài cuốn sách bìa mềm. Và cả một bức tượng nhỏ.

Biết Layla sẽ chẳng hơi đâu gửi tấm mẽ đay nếu như nó không quan trọng gì, cậu Nimrod đi thẳng về nhà và gọi điện thoại cho chị. Khi đã nắm được lý lịch tấm mẽ đay, cậu ghé phòng khách thu hồi một cây đèn dầu nhìn có vẻ cổ cổ, rồi xách nó cùng một tấm khăn chùi bụi vào trong thư viện. Làm bằng đồng, cây đèn trông có vẻ hơi bị mờ, như thể nó đang cần được đánh bóng một trận ra trò. Cái tay cầm lớn và hơi cong cong như tai bò, trong khi cái nắp đậy nhìn giống như nóc mái vòm hình củ hành của một tòa lâu đài Ba Tư cổ đại. Rồi cậu Nimrod hí hục kỳ cọ cày đèn để triệu hồi ông Rakshasas.

Một làn khói mỏng thoang thoang mùi nấm mốc tràn ngập thư viện của nhà cậu Nimrod ở London và tụ lại thành một cụm mây dần mang hình người, trước khi biến thành một người đàn ông mặc bộ đồ trắng và một cái khăn xếp đầu trắng. Lắc đầu một cách mệt mỏi, ông phàn nàn:

– Dạo này hóa thể tốn nhiều thời gian quá. Trước đây chỉ vài giây là xong, thế mà giờ tôi phải mất đến vài phút.

Rồi đuổi người một cách khó khăn, ông nói:

– Chắc là tôi già rồi.

Cậu Nimrod không nói gì. Việc ông Rakshasas rất, rất già là một việc không thể phủ nhận được.

Ông Rakshasas, trông vẻ ngoài giống người Ấn Độ nhưng giọng nói lại nghe như người Ai-len, hỏi:

– Nhưng có chuyện gì mà khẩn cấp thế, Nimrod? Cậu đánh bóng cây đèn của tôi cứ y như một quả gia có tấm khăn chùi bụi mới ấy.

Cậu Nimrod kể cho ông nghe về vụ đột nhập không thành tại nhà chị gái cậu ở London và việc hai tên trộm nhắm vào những cái răng khôn của cặp sinh đôi. Đưa tấm mề đay cho ông Rakshasas, cậu Nimrod cho biết:

– Họ tìm thấy cái này trên sàn. Tôi nghĩ nó có nguồn gốc từ Ấn Độ. Chị Layla vừa gửi nó cho tôi qua mail nội bộ djinn. Khoảng chừng một tiếng trước. Tôi nghĩ nó không bị hư hỏng gì.

Lật tấm mề đay trên những ngón tay xương xẩu của mình, ông Rakshasas lầm bầm:

– Ta không thể làm hỏng một quả trứng hư. Tôi đã hy vọng không bao giờ nhìn thấy ký hiệu này lần nữa.

– Anh nhận ra nó à?

Thở dài một tiếng, ông Rakshasas gật đầu:

– Đây là một phiến đá Naga. Nó được dùng cho hai mục đích: bảo vệ người mang khỏi bị rắn cắn - hoặc tương truyền là vậy - và để thể hiện lòng tôn thờ đối với thần rắn. Con rắn vẽ trên này là một con hổ mang chúa. Và chắc chắn nó cùng biểu tượng kể bên nó không phải là một thứ dành cho những đôi mắt già cỗi như tôi.

– Biểu tượng à? Ý anh là cái ký hiệu nhìn giống dấu chấm hỏi mà thiếu dấu chấm ở dưới này à?

Cậu Nimrod ngạc nhiên hỏi lại, trước khi cúi xuống tấm mề đay trên lòng bàn tay mở rộng của ông Rakshasas để quan sát kỹ hơn dấu chấm hỏi kỳ lạ bên cạnh con rắn.

– Đó không phải dấu chấm hỏi. Đó là chữ số “chín” trong tiếng Bà la môn. Nó có nghĩa là “Chín Hổ mang”, Nimrod à.

Cậu Nimrod chau mày:

– Chín Hổ mang? Cái gì thế?

Mờ một nụ cười như chế giễu điều gì đó, ông Rakshasas giải thích:

– Trước đây có một giáo phái tên Aasth Naag, hay Tám Hồ mang. Và tôi đã hy vọng nó không còn tồn tại nữa. Nhưng dạo gần đây tôi có linh cảm rất kỳ lạ, Nimrod à. Một linh cảm mà tôi không thể diễn tả bằng lời. Giờ đây, khi nhìn thấy biểu tượng này tôi đã hiểu linh cảm đó là gì. Có thể đặt cho nó một cái tên, và cho nó một hình dáng cố định. Hình dáng một con rắn. Người ta thường nói, một cái đầu ghê lở sợ lược, có lẽ cũng không sai.

Rồi thả người xuống một chiếc ghế bành, vị djinn già thở dài mệt mỏi và hỏi:

– Cậu nói những người đó muốn trộm răng khôn của lũ trẻ à?

– Vâng.

– Vậy thì tệ. Rất là tệ. Chắc chắn họ đang muốn làm một bùa trói buộc mới. Chúng ta cần cảnh báo Layla cẩn thận hơn. Cô ấy phải gia tăng các biện pháp bảo vệ trong nhà họ.

Cậu Nimrod cho biết:

– Chị ấy đã chuẩn bị hết rồi.

– Vậy thì tốt. Dĩ nhiên, nếu họ đang muốn làm một bùa trói buộc mới, điều đó có nghĩa tín đồ Naag không có tấm bùa cũ. Như thế cũng tốt.

Rồi trầm ngâm vuốt chòm râu trắng như cước của mình, ông bảo:

– Có lẽ tôi nên tìm hiểu thêm về chuyện này.

Cậu Nimrod hỏi:

– Anh định đi New York à?

– Ta không cần tìm một vị tu sĩ nếu đã thấy cả một tu viện. Không đâu, bạn của tôi. Tôi cần đến Ấn Độ. Để tìm gặp chính Thầy tu Xanh Lục.

Cậu Nimrod nhướn mày:

– Thầy tu Xanh Lục? À đúng, dĩ nhiên rồi. Ông ấy là một thiên thần, đúng không? Trên hòn đảo ở Ấn Độ ấy. Nghe nói ông ấy biết tất cả mọi chuyện xảy ra trên bán lục địa Ấn Độ.

Ong Rakshasas gật đầu:

– Đúng thế. Nếu dòng tín ngưỡng thờ hồ mang ấy hoạt động trở lại, đó sẽ là nơi họ đặt đại bản doanh. Và Thầy tu Xanh Lục sẽ biết chính xác tại sao,

khi nào và ở đâu.

Cậu Nimrod tuyên bố:

– Vậy thì tôi sẽ đi với anh, Rakshasas. Dù gì thì anh cũng cần người cầm giùm cây đèn mà.

– Nimrod à, dĩ nhiên là tôi rất mừng nếu có cậu đi cùng. Nhưng tôi sẽ không di chuyển bằng đèn. Cho đến khi việc này kết thúc, tôi sẽ giữ nguyên hình dáng mundane của mình. Việc ngồi ru rú bên trong đèn chỉ tổ dọn đường cho những tên ác quỷ ngoại đạo kia bắt được tôi thôi. Không, chúng ta sẽ để cây đèn của tôi ở lại đây. Cất giấu trong hầm nhà cậu. Nơi nó được bảo vệ an toàn, với những thứ bên trong đèn tự bảo vệ chính nó, như thường lệ. Để xem thử djinn ngu ngốc nào không được phép mà dám vào trong.

Ngừng lại suy nghĩ trong vài giây, rồi ông nói thêm:

– Một việc nữa. Khi đi, chúng ta càng ít gây chú ý càng tốt, giống như ba người đàn ông tên Murphy trên một chuyến xe buýt tới Cork. Và chúng ta phải giữ kín bí mật về thân phận thật cũng như nơi chốn hiện tại của chúng ta. Không, thậm chí ngay cả anh Groanin cũng không nên biết chúng ta đang đi đâu. Để đề phòng, anh ấy nên ở lại đây. Dù sao thì Ấn Độ cũng không phải là một nơi dành cho người có bao tử nhạy cảm như anh Groanin.

Cậu Nimrod đồng ý:

– Ừ, cứ làm theo lời anh nói là được, anh Rakshasas. Nhưng mà, anh không nghĩ có thể chuyện này có liên quan đến Iblis sao? Dù gì thì hắn cũng chính là người đã đe dọa John và Philippa mấy tháng trước mà. Hắn thường là người giữ lời nếu nó có liên quan đến một việc xấu xa.

– Iblis à? Đúng là hắn giống như một con rắn. Nhưng chỉ ở tính khí và khuynh hướng sống thôi. Không, tôi nghĩ hắn cũng sẽ phải e ngại về Aasth Naag như bất cứ djinn nào có răng khôn cần bảo vệ. Không đâu, tôi chắc chắn hắn sẽ không liên quan gì đến họ.

– Nhưng vì John và Philippa, tôi sẽ yên tâm hơn nhiều nếu biết hắn ở đâu. Và hắn đang mưu tính gì.

– Dĩ nhiên, một đường hẻm bị che ánh mặt trời sẽ tạo ra bùn đất. Nếu muốn tìm hãn, chúng ta phải nhúng tay vào chàm. Nhưng hiện giờ cậu không cần lo lắng gì đâu, Nimrod. Tôi không nghĩ hãn dám làm gì một khi Layla còn ở New York. Hãn sẽ không dám mạo hiểm trả thù chừng nào còn có Layla, với sức mạnh mà cô ấy nắm được trong tay khi trở thành Djinn Xanh.

* * *

Iblis có bàn thua cần phải gỡ. Sáu tháng trước, ở Cairo, Nimrod và hai đứa cháu lanh lợi, John và Philippa Gaunt, đã phá hỏng kế hoạch thu nạp 70 djinn mất tích của vị pharaon Ai Cập cổ đại, Akhenaten, mà hãn đã dày công vun xới. Nếu không có ba kẻ phá đám đó, Sự Điều Bình - cán cân may mắn trên thế giới - sẽ bị ảnh hưởng, và sự xui xẻo sẽ chiếm thế thượng phong. Sau khi đánh bại hãn, ba tay djinn tộc Marid đã nhốt hãn vào trong một chai nước hoa cổ. Và có lẽ hãn sẽ phải vĩnh viễn chôn vùi cuộc đời trong cái chai đó, nếu không có một gã người Mỹ tham lam và một thằng bé người Guiana gốc Pháp cả tin, cậu bé đã bị hãn thuyết phục thả hãn ra để đổi lấy ba điều ước. Dĩ nhiên là Iblis không đời nào cho nó ba điều ước rồi. Thường cho người phục vụ vốn không phá phong cách sống và làm việc của hãn mà. Và vì thế, hãn đã “thân tặng” thằng bé một chú trói buộc hình nhân để biến nó thành một con búp bê sống. Thực tế Iblis chẳng có dính líu đến tín ngưỡng hồ mang gì, nhưng nếu bảo hãn không liên quan gì đến những chuyện sắp sửa xảy ra thì cũng không đúng. Với cái đầu bốc lửa giận ngùn ngụt vì cặp sinh đôi, Nimrod và lão già Rakshasas, hãn sắp sửa dây dưa vào câu chuyện, theo một cách mà cả hãn hay bất cứ ai khác đều không lường tới.

Giấu mình trong dãy phòng tầng thượng xa xỉ của hãn ở khách sạn Croesus, Las Vegas, Iblis tộc Ifrit cả ngày nằm ườn trên giường và kiểm soát việc những thằng ngốc mundane thua bao nhiêu tiền trong các casino của tộc Ifrit trên khắp thế giới qua vài màn hình vi tính. Bên ngoài lớp cửa sổ kính nhuộm màu của hãn là một bãi đáp trực thăng và, cạnh bên nó, một hồ bơi,

một bãi chơi ki, cùng một thư viện. Sự thật là, vì còn mãi bận tâm đến chuyện trả thù, Iblis đã bỏ rơi bản thân mình chút ít. Những cái móng tay của hắn dài như bút chì, còn hàm râu thì dài đến ngực. Và nếu có cần gì, hắn chỉ cần vỗ tay một cái là tên nô lệ mundane người Mỹ của hắn, Oleaginus, sẽ lấy ngay cho hắn. Những người bạn thật sự của hắn là một tá chuột cống đen thui, những con thú nuôi mà hắn cho phép bò lổm ngổm khắp giường như người ta vẫn làm với chó con. Mà trên thực tế, vài con còn to gần bằng một con chó chứ chẳng chơi.

Chỉ có hai thứ thường xuyên chọc chờ phá hỏng cuộc sống xa hoa an ổn trong vũng lầy của Iblis. Một là việc cái khách sạn casino bên kia đường lúc nào cũng lù lù trước mặt hắn. Với Iblis, khách sạn Aladdin, với lối trang trí giả tạo bắt chước theo Nghìn Lẻ Một Đêm, cứ y như một lời sỉ nhục cá nhân, và hắn thường xuyên cân nhắc việc có nên tạo một cú động đất để đánh sập cái đồ ngứa mắt đó không. Tuy nhiên, may cho cái khách sạn, đến giờ hắn vẫn chưa biến chuyện đó thành sự thật cũng chỉ vì hắn nghĩ, một ngày nào đó, hắn sẽ mua lại nó, đổi tên, và trang trí lại sao cho hợp nhãn.

Thứ hai là việc đến giờ, hắn vẫn chưa trả thù được John và Philippa. Nhưng cũng có lý do hợp lý cho việc đó: một là hắn chưa nghĩ ra được một hình phạt đủ khủng khiếp cho hai đứa ranh; hai là hắn đã biết chuyện Layla sẽ trở thành Djinn Xanh Babylon đời tiếp theo - điều này làm hắn quyết định tạm trì hoãn lại việc trả thù, ít nhất là cho đến khi Layla không ở gần chúng, hay chúng đi đâu đó xa ả. Hắn đâu có khủng mà đi chọc giận người mạnh hơn hắn? Nhưng dù sao, hắn nghĩ chắc cũng đến lúc phải mưu tính trả thù gì đó. Với quyết tâm đó trong đầu và ánh mắt lạnh như tiền, hắn triệu hồi Oleaginus.

Oleaginus cúi rạp người chào trên ngưỡng cửa phòng ngủ, trước khi tiến đến kể bên cái giường khổng lồ của chủ nhân. Đặt một cái túi giấy chứa đồ ăn cho lũ chuột trên sàn, hắn khẽ rùng mình khi một con chuột cống đen bóng như bộ pyjama lụa của Iblis bò lên chân hắn và nhảy vào trong túi. Như thường lệ, trông Iblis như đang rất cáu vì chuyện gì đó. Cảm thấy chủ

nhân sắp sửa ra mệnh lệnh quan trọng, Oleaginus chùi bàn tay đầy mồ hôi vào áo sơ mi, rồi rút ra một cuốn sổ ghi chú và một cây viết chì.

Không buồn rời mắt khỏi màn hình vi tính, Iblis ra lệnh:

– Không được để chuyện gì xảy ra với hai đứa sinh đôi nhà Gaunt chừng nào chúng còn ở trên đảo Manhattan, New York.

– Vâng, thưa chủ nhân.

– Tuy nhiên, ta muốn chúng bị theo dõi 24/24. Chúng, và thằng cậu Nimrod ngớ ngẩn của chúng, cả lão bạn Rakshasas lố bịch của Nimrod nữa. Ngay khi lũ nhóc bước một chân khỏi Manhattan, ta muốn bọn chúng bị đóng chai và mang về đây. Đóng chai, chứ không phải bị giết. Nimrod và Rakshasas cũng vậy. Rõ chưa?

– Vâng, thưa chủ nhân.

– Đồ nghề trói buộc djinn và máy ảnh nhiệt lượng mini để nhận diện chúng có sẵn trong các cửa hiệu Ifrit.

– Vâng, thưa chủ nhân.

– Dĩ nhiên, nhiệm vụ này không phải không nguy hiểm. Layla Gaunt rất mạnh. Thằng em Nimrod của ả cũng vậy. Vì thế, bất cứ ai hoàn thành được mệnh lệnh của ta sẽ được thưởng. Trọng thưởng. Theo cách thông thường.

Búng tay cái chóc về phía Oleaginus với vẻ thiếu kiên nhẫn, Iblis hỏi:

– Lâu rồi không làm điều tốt với mundane, ta quên mất cách thông thường là gì rồi. Nhắc ta nhớ coi, Oleaginus.

– Ừm, ba điều ước, thưa chủ nhân?

– Ba điều ước. Đúng, chính xác thế. Ba điều ước vượt quá mức độ tham lam của một con người bình thường.

Oleaginus liếm môi và nuốt nước miếng.

– Ờ, ta biết người đang nghĩ gì mà, Oleaginus. Nó viết rõ trên bản mặt ngu ngốc của mi y như dòng tiêu đề trang đầu trong tờ báo buổi sáng của ta. Người đang nghĩ giành lấy cơ hội đó cho chính mình. Phải thừa nhận là ta khá tò mò muốn biết một kẻ khốn khổ khốn nạn như người sẽ làm gì với ba điều ước ấy. Đầu tiên, người ước có đôi tay không giống như hai miếng cá

nhúng nước chẳng hạn. Rồi ước có một bản mặt không gớm hơn con vật chiến thắng trong cuộc thi “Con lạc đà xấu xí nhất Thế Giới”. Sẽ rất tốt, đúng không? Và điều ước thứ ba, để xem là gì nhỉ... À, biết rồi. Người có thể ước có một tính cách. Lôi cuốn người khác không có gì xấu cả. Chỉ cần thêm thắt một chút để hoàn thiện tính cách khúm núm như cóc của người thô. Một ít khả năng đối thoại chẳng hạn, hoặc vài khả năng tự suy nghĩ. Thậm chí là thêm một muỗng trà hấp dẫn. Ôi, mà rộng lượng như ta thì cho người cả một muỗng canh hấp dẫn cũng chả chết ai. Ờ, ta có thể thấy được ba điều ước đó hợp với người như thế nào. Cho nên, vì đang là sinh nhật người, ta sẽ cho người nghỉ lễ ba tuần để thử gánh vác nhiệm vụ này. Nghỉ không lương, dĩ nhiên rồi.

Oleaginus cảm thấy trái tim như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực bồ câu của hắn:

– Ôi, ngài thật là rộng lượng, thưa chủ nhân.

– Khỏi cần người nói ta cũng biết điều đó. Và một việc nữa. Chú trói buộc djinn. Lo mà làm nó cẩn thận vào. Khi có được bốn đứa đó đóng chai - cặp sinh đôi, Nimrod và Rakshasas - ta muốn có thể lâu lâu bắt chúng ra ngoài một lần để hành hạ mà không bị gì. Người hiểu chứ?

– Vâng, thưa chủ nhân.

– Giờ thì đưa ta cái túi coi.

Oleaginus đưa cái túi giấy cho chủ nhân hắn. Từ trong túi, Iblis lôi ra một cái đầu dê và, trong tiếng kêu chít chít rồi rít của lũ chuột cống, gã djinn độc ác nhất thế giới quăng miếng ăn đó xuống đất. Nhìn lũ chuột đâm bổ vào cái đầu và bắt đầu bữa ăn phát ói của chúng một cách ồn ào, Iblis mỉm cười hài lòng.

Hắn nói:

– Nhìn chúng xem. Những đứa trẻ của ống cống. Chúng hát tuyệt chứ?

Oleaginus cười gượng:

– Rất tuyệt ạ, thưa chủ nhân.

– Đừng làm ta thất vọng, Oleaginus. Ta chắc chắn vị của người ngon ngang ngửa cái đầu dê đó. Và sẽ tuyệt hơn nếu người vẫn còn sống khi bữa tiệc bắt đầu. Người nghe rõ chưa?

– Vâng, thưa chủ nhân.



Chương 4

Những cặp sinh đôi

Phải hì hục suốt mấy tiếng đồng hồ, cặp sinh đôi mới cài đặt xong cái laptop Bungle mới tinh của chúng. Cách đến mấy ngàn dặm ở Ấn Độ, hệ thống trợ giúp qua tổng đài của hãng Bungle chẳng giúp ích được gì cho hai anh em. Người kỹ thuật viên ở đầu dây bên kia, một người Mỹ với giọng nói trầm tĩnh, tự giới thiệu tên là Joey và bảo anh ta quê ở Cleveland, Ohio, dường như chẳng biết gì nhiều về máy tính. Trên thực tế, John cảm thấy anh chàng Joey này toàn đưa ra hướng dẫn ngược lại so với những gì cần làm để cái laptop hoạt động đàng hoàng. Sau gần một tiếng đồng hồ căng tai lên nghe một đống hướng dẫn vô ích và ngược đời của Joey, John thẳng tay đập máy, và quyết định điều tốt nhất cậu nên làm là lôi cuốn sách hướng dẫn ra đọc. Và bằng cách này, cuối cùng cậu cũng làm cho cái máy tính của hai anh em khởi động được. Gần như ngay lập tức, cậu nhận được email từ Dybbuk:

Cần gặp cậu gấp ở đảo Bannerman trên sông Hudson không xa chỗ cậu. Vấn đề sống còn, nên làm ơn đừng nói với ai. Đặc biệt là mẹ cậu, vì bà sẽ nói với mẹ tớ. Mẹ tớ sẽ cố giúp tớ và sẽ gặp nguy hiểm. Đi một mình nhé. Và làm ơn cẩn thận coi chừng bị theo đuôi. Hai người đã bị giết bởi những kẻ đuổi theo tớ. Chúng sẽ không ngần ngại giết thêm người khác đâu.

Đưa bạn đang sợ chết khiếp của cậu, Buck S.

Đưa cái email cho Philippa xem, John hỏi ý kiến cô về nó. Philippa khuyên:

– Gửi lại một email khác hỏi kỹ chuyện gì đang xảy ra. Ý em là, lỡ email này do ai khác gửi thì sao.

John lắc đầu:

– Không, đây đúng là địa chỉ email của Buck. Và văn phong kiểu này cũng giống cậu ấy. Và lại, anh đã thử gửi email cho cậu ấy rồi. Nó bị trả ngược lại. Và anh nghĩ, nếu thật sự đang gặp nguy hiểm, cậu ta có lẽ sẽ không thể nhận email được nữa. Cái email này gửi vào ngày sinh nhật của chúng ta. Và chuyện gì cũng có thể xảy ra trong suốt khoảng thời gian từ đó đến giờ.

Kiểm một cuốn hướng dẫn du lịch bản địa, Philippa tìm xem đảo Bannerman rốt cuộc nằm ở đâu. Cô thông báo :

– Nó nằm trên sông Hudson, cách New York 70 dặm. Đi tàu lửa hai tiếng để đến Newburgh. Và nghe đoạn này nè. “Hòn đảo đóng cửa với khách tham quan. Một khi đến Newburgh, cách duy nhất để lên đảo là dùng xuồng”. Sao cậu ấy không chọn nơi nào khác để đến hơn chứ?

John nhận xét:

– Có khi cậu ấy cố tình chọn nơi đó đấy chứ. Một nơi khó đến đồng nghĩa với một nơi an toàn mà.

Philippa vẫn nhăn mặt:

– Nhưng việc đến đó khó hay không cũng chỉ là một nửa lý do em không muốn chúng ta đi. Ở trên lạnh lắm đó. Lạnh hơn trong thành phố nhiều. Chúng ta sẽ phải đến đó mà không có sức mạnh djinn hỗ trợ, và khi đến nơi thì vẫn là tay không hoàn tay không.

John bảo:

– Điều này càng giải thích tại sao Dybbuk đang lo cho tính mạng mình. Và càng có lý do để anh đến giúp cậu ấy.

Philippa cảm thấy không biết nên cười hay nên khóc với ông anh. Có những lúc lòng can đảm của John thật không tốt cho sức khỏe của chính cậu chút nào. Cô lắc đầu nói:

– Nếu tình huống bị đảo ngược, và chúng ta gửi cho Dybbuk một email như thế này, em cá là cậu ấy sẽ chẳng thèm đến giúp chúng ta đâu.

Ngừng lại một chút, cô nói tiếp:

– Em thì em chẳng rõ một chuyến đi xuồng từ Newburgh đến hòn đảo sẽ kéo dài bao lâu, nhưng em không nghĩ mẹ sẽ cho chúng ta đi đâu cả một ngày. Hoặc có thể lâu hơn. Anh có thấy dạo gần đây mẹ để mắt đến chúng ta hơi bị kỹ không? Thậm chí mẹ còn cất cả cái lược của em chỉ vì lo ai đó sẽ ếm bùa lên nó đấy.

John ngạc nhiên hỏi:

– Thật hả? Anh thì chẳng thấy mẹ cất lược của anh bao giờ.

Philippa mỉm cười:

– Để làm gì chứ? Anh thì có bao giờ chải đầu đâu mà lo.

Rồi cô nghiêm giọng nói:

– Tất cả những gì em muốn nói là, nếu chúng ta rời khỏi nhà để đến đảo Bannerman như yêu cầu của Dybbuk, thế nào mẹ cũng nghĩ chúng ta đã biến mất.

John bảo em:

– Anh biết chứ. Anh biết có nhiều lý do để chúng ta nên ở nhà và không làm gì cả. Nhưng anh vẫn phải đi, Philippa ạ. Chỉ vì Dybbuk không đối xử với chúng ta như một người bạn, không có nghĩa chúng ta cũng không thèm xem cậu ấy là bạn.

Rồi nhún vai, cậu nói:

– Nhưng anh chắc thế nào cũng có cách để chúng ta làm việc này mà không làm rung chuông báo động của mẹ.

Philippa thiếu điều thở dài:

– Thì dĩ nhiên là có rồi. Nó gọi là sức mạnh djinn. Nhưng đáng tiếc là chúng ta không có nó. Không phải là hiện giờ. Ít nhất chúng ta cũng phải

chờ cho đến khi khí hậu ấm hơn một chút.

– Vậy sao chúng ta không tìm người có sức mạnh nhỉ?

– Cậu Nimrod à?

– Chính xác. Có thể là sau khi nghe giải thích, cậu Nimrod sẽ giúp chúng ta một tay. Dù gì thì Dybbuk cũng đâu có nói đến chuyện dùng kế cho cậu Nimrod đâu.

Philippa quay số điện thoại nhà cậu Nimrod ở London và nói chuyện với ông Groanin.

Ông Groanin nói với giọng như giận dữ gì đó:

– Rất tiếc, nhưng cậu Nimrod của hai đứa đã đi rồi, Philippa. Cùng với anh Rakshasas.

– Cậu có nói đi đâu không ông? Địa chỉ? Số điện thoại liên lạc?

– Cậu ấy không giao phó cho ta những thông tin đó. Ta, quản gia của cậu ấy. Dĩ nhiên, giờ đang là Samum. Kỳ nghỉ lễ djinn.

Philippa vỗ trán cái chét và nói:

– A, đúng ha. Thế mà cháu quên khuấy. Cậu có nói bao giờ quay về không ông?

– Chẳng nói gì cả. Nhưng ta nghĩ sẽ sớm thôi. Nimrod thậm chí còn không dặn ta sắp xếp một vali hành lý nào để mang theo mà. Và anh Rakshasas cũng để lại cây đèn của mình trong hầm.

Philippa nhận xét:

– Lạ thật. Không giống ông ấy chút nào.

– Đúng là không. Cháu còn cần gì nữa không?

– Không ạ. Cảm ơn ông, ông Groanin.

Tiếp theo, John gọi điện cho ông Vodyannoy, một người bạn djinn của cậu sống trong tòa nhà Dakota ở phía bên kia Công viên Trung Tâm, và ông Gwyllion, chủ cửa hiệu “Quyển sách bị phong ấn” trên đường 57 phía Tây, nhưng họ cũng không có nhà. Cậu thậm chí còn thử gọi cho Agatha Daenion và Jonathan Munnay, hai người bạn nhỏ tuổi quen ở bữa tiệc sinh nhật, nhưng vẫn không được.

Lắc đầu chán nản, John phàn nàn:

– Hình như chúng ta là gia đình djinn duy nhất ở New York không ăn mừng ngày lễ này. Dĩ nhiên, tất cả là lỗi của cha. Ông thậm chí còn không hứng thú với mấy ngày lễ của mundane, chứ nói gì đến là của djinn.

Philippa nói:

– Vậy là không tìm được ai để giúp phải không John? Có vẻ như chúng ta nên quên chuyện này đi thôi.

Nhưng John thật sự vẫn chưa sẵn sàng từ bỏ ý định giúp Dybbuk. Sau một hồi nhăn mày nhăn trán suy nghĩ, cậu tuyên bố:

– Vẫn còn một người nữa trong thành phố có thể biết phải làm gì. Uma Karuna Ayer.

– Người nói sẽ trở thành một Ấn Sĩ ấy à?

– Chính xác. Anh chắc người có ước muốn như vậy sẽ không làm một chuyện cho bản thân như đi nghỉ lễ đâu.

Philippa thắc mắc:

– Nhưng chúng ta biết tìm chị ấy ở đâu bây giờ? Em nghe nói chị ấy sống ngoài đường như những người vô gia cư. Và lại, chị ấy cũng đâu lớn hơn chúng ta bao nhiêu. Và thời tiết này thì chị ấy cũng yếu như chúng ta thôi.

John gục gặc đầu:

– Đúng thế. Nhưng có thể chị ấy sẽ biết một djinn nào đó giúp được chúng ta. Còn về chuyện tìm chị ấy cũng không khó. Còn nơi nào để tìm một chiếc lá tốt hơn ở trong rừng chứ.

– Anh bắt đầu nói y chang ông Rakshasas rồi đó.

– Thì đây đúng là điều ông ấy đã nói mà.

Rồi John giải thích:

– Nhưng nói chung, ý anh là chúng ta có thể tìm chị Uma ở nơi nào có nhiều người vô gia cư. Công viên Quảng trường Washington. Nhà ga trung tâm. Khu Lower East Side^[8]. Theo như những gì anh đọc trên báo hôm bữa, có thể chúng ta nên bắt đầu kiểm tra từ đoạn đường ngầm A hoặc C dẫn khỏi ga tàu điện ngầm phố Chambers. Có hàng tá người vô gia cư sống ở đó. À, xem

quên, tốt nhất chúng ta nên đi vào buổi tối. Giờ đó mới dò nhận ra người vô gia cư. Nếu có nhà, người ta đã về nhà thay vì ở ngoài đường, đúng không?

Hai anh em chờ đến khi trời tối mới lẳng lẳng lén ra khỏi nhà. Bạn bịu chiêu đãi buổi tiệc tối dành cho vài người bạn làm trong ngành ngân hàng của ông Gaunt, cha mẹ chúng không hề nhận ra chuyến đi đêm đột xuất của hai đứa con.

Bắt chuyến tàu A khu kinh doanh xuống phố Chambers, hai anh em nhanh chóng phát hiện ra hai điều: thứ nhất, sự thật là không có người vô gia cư sống trong các đường tàu điện ngầm ở thành phố New York; và thứ hai, việc lẫn lộn trong khu vực sống của năm mươi ngàn người vô gia cư trong thành phố không phải là một việc an toàn, nhất là về đêm. Một người đàn ông mà chúng gặp bên ngoài một tiệm cà phê ở quảng trường Washington đã bám theo hai anh em suốt một lúc lâu. Dù đã nhanh chóng cắt đuôi được ông ta, cặp sinh đôi vẫn rảo bước đi thật nhanh, đầu không ngừng ngoảnh lại ngó sau lưng cho đến khi tới được quảng trường Thống Nhất cách đó vài dãy nhà về phía bắc.

Sau khi lấy lại hơi, John nhăn nhó:

– Đây là ý kiến tệ nhất mà anh từng nghĩ ra. Sao lúc đầu em không cản anh lại, Phil? Như em vẫn thường làm mỗi khi anh có suy nghĩ ngu ngốc nào đó ấy.

– Bởi vì anh đã đúng.

Vừa nói, Philippa vừa chỉ tay vào phía trong cửa sổ một ngân hàng. Ở đó, ngồi trên sàn của khu máy ATM, là một người ăn mày bẩn thỉu nhất mà Philippa từng thấy, và kế bên ông, với một cái túi ngủ dơ hầy quần quanh người, là một cô gái tóc vàng cao dong dỏng. Khoác trên người bộ đồ mòn xơ cả chỉ, nhìn cô lồi thối lệch thẹo bằng một nửa người bạn đồng hành của mình. Đó là chị Uma Karuna Ayer. Nhìn thấy cặp sinh đôi, chị Uma nhảy bật dậy, bước ra khỏi cái túi ngủ của mình, và mở cửa ra.

Chị hỏi:

– Hai đứa đang làm cái gì ở đây vậy?

Với một mắt e dè ngó người ăn mày đứng sau lưng chị, John trả lời:

– Thì tụi em đang tìm chị mà.

Uma nhú mào hỏi:

– Mẹ chị nhờ hai đứa hả?

Philippa lắc đầu:

– Không có. Chỉ là tụi em đang muốn nhờ chị giúp một chuyện thôi. Một cậu bạn của tụi em đang gặp rắc rối và cần được giúp đỡ. Nhưng cậu ấy ở cách đây đến mấy tiếng đi xe lửa, và tụi em không thể đến đó mà không để mẹ phát hiện ra tụi em vắng mặt ở nhà.

Chị Uma gật gù:

– À, chị biết cảm giác đó như thế nào. Đó là một trong những lý do chị đến đây. Để có thể tự mình làm một việc gì đó.

Rồi thở dài một tiếng, chị buồn bã nói:

– Thiệt ra chị cũng muốn giúp hai đứa lắm. Chỉ có điều trời đang lạnh quá, nên sức mạnh của chị chẳng còn được bao nhiêu. Cho đến khi ngoài trời ấm hơn một chút, tất cả những gì chị có thể làm là hô biến cho mình một tách cà phê nóng thôi.

John thắc mắc:

– Ủm, em hỏi một chuyện được không: rốt cuộc trở thành Ấn Sĩ để làm gì nếu chị không thể giúp được chính bản thân mình chứ? Nguy hiểm lắm đó, chị Uma.

– Ồ, chị sẽ ổn thôi. Nghe nói mấy ngày nữa là trời sẽ ấm lên ngay ấy mà.

Rồi quay đầu nhìn người bạn đồng hành xộc xệch của mình, chị mỉm cười:

– Cho đến lúc đó, chú Afriel, bạn chị, sẽ bảo vệ chị.

Philippa nhăn mặt:

– Và ai sẽ bảo vệ cho chú Afriel chứ? Nhìn hai người kia. Một bữa ăn no sẽ tốt cho cả hai đấy. Đây!

Nói rồi, cô đưa cho mỗi người một tờ 10 đô từ trong túi.

Chú Afriel nhét tiền vào trong túi quần, rồi giơ một ngón tay đầy cái ghét lên giật giật một lọn tóc màu vàng xỉn trên trán. Chú có mùi như một cái bánh sandwich phô mai bị mốc. Một ngón chân to đùng có màu sắc và hình dạng như một quả óc chó ngâm giấm thò ra khỏi mũi giày đế mềm của chú. Mỗi lần nhìn chú, Philippa chỉ muốn kiếm ngay một cái khăn tay để bịt mũi và miêng lại.

Bằng một giọng nói nghe như được tạo ra từ một thùng nhựa đường, chú bảo:

– Ta nghĩ là ta mắc nợ lớn với cháu rồi.

Philippa nói:

– Chú không cần nhắc đến điều đó.

Và cô nói câu đó hoàn toàn theo nghĩa đen của nó, vì mỗi khi chú Afriel lên tiếng, hơi thở hôi rình của chú làm cô muốn phát ói.

Chú Afriel lại nói:

– Đừng nói với ta đó là tất cả số tiền cháu có chứ.

Cảm thấy ông chú Afriel này có hơi khiếm nhã và chả biết ơn gì, Philippa nói:

– Hả... ờ, có vẻ thế. Tại sao? Với chú vậy chưa đủ hả?

John xen vào:

– A, cháu có ít tiền đây. Chú có thể dùng nó.

Cầm lấy số tiền John đưa, chú Afriel lại nhét nó vào túi quần. Rồi chú mỉm cười tuyên bố:

– Vì hai đứa đã tốt bụng giúp ta và Uma, ta sẽ giúp hai đứa.

Philippa cười nhạt:

– *Chú* thì giúp được gì cho tụi cháu chứ?

Không thèm để tâm đến lời nói móc của Philippa, chú Afriel tiếp tục nói:

– Thường thì ta không giúp djinn. Nhiệm vụ của ta chỉ là giúp con người. Nhưng vì cả hai đều có nửa dòng máu con người, ta nghĩ chắc có giúp cũng không sao.

Philippa ngạc nhiên hỏi:

– Sao chú biết tụi cháu là djinn chứ? Chú cũng là Ẩn Sĩ à?

Chú Afriel mỉm cười:

– Không. Ta không phải Ẩn Sĩ.

Chị Uma giải thích:

– Chú Afriel là một Thiên Thần. Chú ấy là “Thiên Thần của Tuổi Trẻ”.

Cái nhìn của John vào người đàn ông lếch thếch đứng cạnh chị Uma có phần ngờ vực. Nhìn ông nhót nhát những mỡ và mỡ hơn một hộp bánh pizza, và già hơn cả cha cậu.

Cậu thốt lên:

– Đùa! Và ý chú là, chú chỉ giúp mundane nào đối xử tốt với chú thôi à?

Chú Afriel gật đầu và nở nụ cười.

Nhớ lại lời mẹ nói, Philippa lặp lại:

– Đừng quên đối xử tốt với người lạ, vì sẽ có khi ta đối xử tốt với thiên thần mà không biết.

Ngay khi nói điều đó, Philippa vẫn nghĩ người nào dũng cảm lắm mới dám đến gần một người bốc mùi kinh như chú Afriel. Tuy nhiên, cô cũng phải thừa nhận rằng, ánh mắt xanh thăm nhìn như đang xuyên thẳng vào lòng người của chú đúng là có gì đó rất đặc biệt.

Chú Afriel gật đầu:

– Đúng thế. Ngoại trừ nó không thật sự là lý tưởng sống của ta. Đạo gần đây thế giới này có nhiều sự tự tin quá. Sự tự tin, và niềm tin rằng khoa học có tất cả mọi câu trả lời. Công việc của ta là mang đến những sự việc hy hữu đủ làm con người phải tròn mắt kinh ngạc, để cho thấy các nhà khoa học không có câu trả lời cho tất cả mọi việc. Những sự việc kỳ diệu đủ để giúp con người tin tưởng vào một cái gì đó ngoài bản thân họ.

John hỏi:

– Ý chú là, những phép lạ?

Chú Afriel cho biết:

– Phép lạ chỉ là một trong những việc ta làm thôi. Ta còn thực hiện điềm báo, điều kỳ diệu, hiện tượng siêu nhiên, và điều bí ẩn. Dĩ nhiên là ngoại trừ ngày Chủ Nhật. Ta không bao giờ làm việc vào ngày Chủ Nhật cả.

Chị Uma giải thích thêm:

– Thiên thần mạnh hơn djinn rất nhiều. Nếu để tâm, gần như không có gì chú Afriel không làm được.

Chú Afriel bảo:

– Ta rất cảm động vì lòng tốt của hai đứa đối với ta và Uma, cũng như với cậu bạn Dybbuk. Dybbuk là người cả hai muốn giúp, đúng không?

Đoán là thiên thần có lẽ biết được nhiều chuyện mà không cần ai tiết lộ cho, John chỉ nói:

– À... ờ, vâng ạ.

Chú Afriel nói:

– Cậu ấy sẽ cần cả hai giúp đỡ rất nhiều đấy. Ta không thể nói gì khác. Như vậy sẽ là can thiệp vào Định Mệnh. Nhưng ta có thể giúp giải quyết chuyện ở nhà cho hai đứa. Cho cả hai một bằng chứng ngoại phạm. Hay nói chính xác, một Nơi Khác. Hay hai Nơi Khác, vì có đến hai người. Còn về sức mạnh djinn, ta e là hai đứa sẽ phải chờ cho thời tiết ấm hơn. Phép lạ ta còn có thể làm. Chứ điều không thể thì vĩnh viễn vẫn là điều không thể.

Gật đầu, Philippa hỏi:

– Nơi Khác là gì vậy chú?

Chú Afriel giải thích:

– Nơi Khác là một thứ có thể cung cấp cho hai đứa một lý do vắng mặt chính đáng. Và không ai làm điều đó tốt hơn chính bản thân hai đứa, đúng không nào?

Rồi với một ngón tay nhìn có vẻ bần thủ, chú Afriel hướng ánh mắt của John và Philippa về phía hai người đang thành linh đứng ngay cạnh họ. Chú giới thiệu:

– John. Philippa. Ta muốn hai đứa gặp John và Philippa.

John cảm thấy quai hàm của cậu như muốn rớt xuống đất khi cậu mặt đối mặt với... chính bản thân mình. Cậu nói trong sự ngạc nhiên tột độ:

– Ôi, chính là cháu. Làm thế nào mà chú làm được chuyện không tưởng này vậy, chú Afriel?

Nhún vai, chú Afriel bắt đầu vừa gãi vừa nói:

– Không phải chuyện không tưởng. Đó là điều chắc chắn. Như ta đã nói, đây là chuyện ta có thể làm. Ở mà nhân tiện nói rõ luôn, cái mà hai đứa đang thấy không được tính là phép lạ. Nó là điều kỳ diệu.

Philippa, người cũng không kém kinh ngạc như ông anh trai khi đối mặt với bản sao y hệt của mình, ậm ừ:

– Ờ, vâng, là điều kỳ diệu.

Rồi đi vòng ra sau lưng Philippa số 2 - một góc nhìn của chính bản thân cô mà cô chưa bao giờ nhìn thấy được - Philippa hỏi:

– Cháu thật sự nhìn như vậy sao?

Chú Afriel nói với cô:

– John chỉ là song sinh về mặt sinh học của cháu thôi. Nhưng đây là song sinh giống hệt cháu. Nó sẽ suy nghĩ, nói, và cư xử y như cháu. Không ai có thể phân biệt được hai người, ngoại trừ cháu. Dù là mẹ cháu. Ngay cả John cũng không.

John nhận xét:

– Nhưng cái Nơi Khác này chưa nói gì mà. Nếu thật sự giống như Philippa, đến giờ nó sẽ nhảy vào họng chú và hỏi một câu rắc rối nào đó rồi.

Lườm mắt nhìn anh một cái rõ dài, Philippa nói:

– Cám ơn nhiều, John. Nhưng anh ấy nói đúng, chú Afriel. Bản sao của cháu sao chẳng nói gì cả thế.

Chú Afriel cho biết

– Nơi Khác chỉ bắt đầu cư xử như người thật khi nào cháu đưa nó về đến nhà thế chỗ cho cháu. Hai đứa thấy đấy, nó giống như một phiên bản con người mở rộng. Chỉ là một cơ học lượng tử đơn giản thôi. Trái ngược với những gì Einstein suy nghĩ, thế giới luôn tồn tại khả năng có một thứ cùng

một lúc tồn tại ở hai nơi khác nhau. Nó là cái được gọi Sự Chồng Chập. Không có một lời giải thích hợp logic nào về nó. Không một nhà khoa học nào có thể giải thích được. Hoặc ít nhất là trong vòng 100 năm nữa. Và đó chính là lý do tại sao ta gọi nó là điều kỳ diệu.

Philippa hỏi lại:

– Nghĩa là, chỉ khi nào hai cái Nơi Khác này đặt chân vào nhà tụi cháu thì chúng mới bắt đầu trở thành tụi cháu à?

Chú Afriel nói:

– Ừ. Nhưng có hai điều hai đứa cần lưu ý. Thứ nhất, Nơi Khác không có linh hồn. Đó là một thứ mà ngay cả *ta* cũng không tạo ra được. Vì thế, đừng bao giờ để chúng đến gần gương linh hồn của hai đứa. Nếu không, mẹ hai đứa sẽ đoán được chuyện gì đang xảy ra, và thế là trò chơi sẽ kết thúc. Thứ hai, hai cái Nơi Khác này không thể thay thế hai người vĩnh viễn. Nó có liên quan đến sự phân rã hạt hạ nguyên tử, nhưng ta không nghĩ hai đứa có đủ thời gian để nghe giải thích rõ ràng về cái thuyết ấy. Chỉ cần nhớ rằng: Nơi Khác chỉ tồn tại trong một vĩnh hằng. Đó là một đơn vị thời gian riêng tính trong vũ trụ Ête, chứ không phải là khoảng thời gian vô tận mà con người thỉnh thoảng đề cập đến.

John xém đổ mồ hôi hột:

– Ừm, nhưng chính xác một vĩnh hằng kéo dài bao lâu? Nếu tính theo hệ thống thời gian ở Trái đất ấy.

– Chính xác là một triệu giây. Hay nói theo đơn vị số học dễ hiểu nhất là 11,57407407407407407407407407407 ngày.

Rồi bật cười khùng khục, chú Afriel kết luận:

– Giờ thì chắc hai đứa đã hiểu tại sao nói một vĩnh hằng sẽ dễ hơn nhiều.

Philippa nhận xét:

– Không lâu như cháu tưởng. Ý cháu là, một vĩnh hằng ấy. Cháu cứ nghĩ nó phải lâu hơn thế cơ. Cỡ mấy ngàn năm chẳng hạn.

Chú Afriel nói:

– Tất cả các đơn vị thời gian đều có liên quan với nhau. Một vĩnh hằng ở dưới này là một thứ hoàn toàn khác so với một vĩnh hằng ở trên kia. Đó là cái mà chúng ta hay gọi là nghịch lý thời gian, và nó là một câu chuyện hoàn toàn khác. Nhưng nhìn chung thì, ở nơi nó diễn ra, một vĩnh hằng là khoảng thời gian mà một suy nghĩ vụt qua đầu Thượng đế. Điều đó có nghĩa, nó không là bao với Đức Chúa trời, nhưng lại là một khoảng thời gian đáng kể với hai đứa. Và đó là một nghịch lý khác.

Đưa tay nghịch tóc của John số 2, John hỏi:

– Thế chuyện gì sẽ xảy ra với cái cậu này sau một vĩnh hằng?
– Nó sẽ biến mất. Cả hai cái Nơi Khác này. 999,999 giây trước chúng sẽ còn ở đây, và rồi giây tiếp theo...

Búng tay một cái, chú Afriel nhún vai nói tiếp:

– ...Bùm. Biến mất. Chỉ trong một cái chớp mắt. Giống như cỗ xe ngựa của cô bé Lộ Lem. À mà sẵn tiện nói về thời gian, hai đứa không nghĩ đã đến lúc phải đi sao? Nếu nhanh chân, hai đứa có thể bắt kịp chuyến xe lửa cuối cùng ngược lên sông Hudson ở Nhà ga Penn. Mọi chuyện khác cứ để ta, ok?

Philippa lắc đầu:

– Cháu nghĩ tụi cháu cần tạt ngang nhà trước. Tụi cháu cần ít tiền để mua vé tàu mà.

Đến lượt chú Afriel lắc đầu:

– Không cần đâu. Hai đứa có tiền. Và hai đứa đã có sẵn vé rồi.

John thò tay vào túi quần và nhận ra chú Afriel không đùa: đúng là cậu có một vé tàu, và bóp tiền của cậu có nhiều tiền hơn là lúc cậu rời khỏi nhà. Cậu quay sang nói với em:

– Ê, em biết gì không? Chú ấy nói đúng đấy.

Chú Afriel nói tiếp:

– Ta đã sắp xếp xong đọi sẵn hai đứa ở Câu lạc bộ Du thuyền Newburgh rồi. Cho nên, không có lý do gì trì hoãn hai người lên đường ngay bây giờ cả.

– Cám ơn chú, Afriel.

Philippa, trong một giây quên mất vị thiên thần trước mặt cò có mùi tệ như thế nào, nhóm người lên hôn nhẹ vào gò má lờm chớm râu của chú và nói:

– Cám ơn chú, Afriel. Cám ơn chú rất nhiều.

Còn John thì hôn nhẹ má chị Uma - chị không có vẻ gì phiền lòng với nụ hôn đó - và nói:

– Cả chị nữa, Uma. Cám ơn chị rất nhiều.

Rồi hai anh em vẫy một chiếc taxi và bảo Nơi Khác của họ trèo vào trong xe.

Chú Afriel dặn lại một lần nữa:

– Nhớ nhé. Một vĩnh hằng tính từ bây giờ, chúng sẽ không che giấu giùm cho hai đứa được đâu.

Philippa cho biết:

– Tụi cháu sẽ không cần chúng lâu như vậy đâu.

Búng tay một cái, chú Afriel hướng dẫn:

– Trong trường hợp đó, chỉ cần quay về và bảo chúng biến mất. Đơn giản vậy thôi.

John và Philippa bảo bác tài xế taxi, một người đàn ông Ấn Độ đẹp trai đội khăn xếp đầu màu cam to đùng, trước tiên chở chúng đến đường 77 phía Đông, rồi sau đó đến Nhà ga Penn. Tuy nhiên, vài phút sau đó, khi hai anh em xuống xe và John móc tiền ra định trả, bác tài xế lắc đầu lia lịa và nói:

– Không cần trả tiền đâu.

John ngạc nhiên hỏi:

– Tại sao ạ?

Vẫy tay bảo John cất lại tiền vào bóp, bác tài xế giải thích:

– Gặp được một cặp sinh đôi đã là hên lắm rồi. Đẳng này gặp được đến hai cặp sinh đôi thì coi như ta đã hên cả đời.



Chương 5

Đảo Bannerman

Phải đến quá nửa đêm John và Philippa mới tới được Câu lạc bộ Du thuyền Newburgh. Đúng như chú Afriel đã hứa, một chiếc xuồng nhỏ trang bị đầy đủ cho một chuyến thám hiểm ban đêm như đèn pin, dụng cụ cắm trại..., đã chờ sẵn ở đó. Ông lão lái thuyền không có vẻ gì là ngạc nhiên trước sự xuất hiện của hai đứa trẻ con vào cái giờ giấc không lấy gì là sớm sửa này. Ông cũng chẳng mở miệng giáo huấn chúng lấy một câu vì cái tội nửa đêm nửa hôm không ở nhà ngủ mà lại ngu ngốc bơi xuồng lội dòng Hudson - một việc mà nếu là những người lớn khác thì thế nào cũng làm. Cặp sinh đôi nhanh chóng tự rút ra kết luận, sứ mệnh làm người thường phải trở mắt kính ngạc và tin vào một thứ khác ngoài bản thân mình của chú Afriel xem ra cũng không tầm thường.

Khi ông lão lái thuyền giữ vững cái xuồng để Philippa có thể an toàn bước lên, cô nói với ông:

– Ông tốt với tụi cháu quá. Không giống như một điều bí ẩn hay một phép lạ chút nào. Cháu nghĩ sau chuyện này cháu giác ngộ được nhiều thứ rồi. Toàn những thứ mà tụi cháu chưa bao giờ biết.

Ông lão lái thuyền mỉm cười:

– Chỉ cần các cháu hài lòng là được rồi. À mà rốt cuộc hai đứa định đi đâu vậy? Ừm... nếu thấy phiền thì cháu không cần trả lời câu hỏi đó cũng được.

Ngồi xuống dưới đuôi xuồng, John trả lời:

– Đảo Bannerman ạ.

Ông lão lái thuyền nói:

– Vào năm 1920, trên hòn đảo đó đã xảy ra một vụ cháy nổ. Có vài tàn tích của nó còn sót lại ở ngay dưới ngấn nước. Cho nên, khi nào đến gần cái cầu cảng cũ, các cháu nhớ để ý chèo nhẹ và cẩn thận một chút, không thì bóc rách cả đáy xuồng ra đấy. Đây là loại xuồng làm bằng vỏ cây bulô truyền thống của người Iroquois^[9], nên dễ hư lắm.

– Vâng, cháu sẽ để ý ạ.

Nói rồi John ổn định vị trí ngồi và nhặt mái chèo phía mình lên. Ngồi ở đằng mũi xuồng, Philippa bật cây đèn pin lên để rọi đường cho hai anh em đi trong đêm dọc theo dòng sông.

Ông lão lái thuyền nói tiếp:

– Ngoan lắm. Vậy ông cũng có vài lời khuyên khác cho các cháu đây. Đảo Bannerman nổi tiếng bị ma ám đó. Nếu là ông, ban ngày ban mặt ông còn chẳng muốn đến đó, chứ đừng nói gì nửa đêm khuya khoắt như thế này. Nhưng nếu bọn trẻ các cháu cứ nhất quyết đến đó, thì chắc các cháu cũng phải có lý do quan trọng nào đấy, đúng không? Nói chung là, nếu tối nay các cháu muốn quay về - và thề có Chúa, các cháu có làm gì ông cũng không trách móc gì đâu - chỉ cần đến gõ cửa cái nhà thuyền của ông. Từ khi con mèo Magnus của ông chết, ông chỉ sống ở đó có một mình à. Ông luôn hoan nghênh có người đến thăm. Cho dù là ban ngày hay ban đêm.

John gật đầu:

– Tụi cháu biết rồi ạ.

Dùng mái chèo, John phụ ông lão lái thuyền đẩy chiếc xuồng rời khỏi cầu tàu, trước khi lạng lẽ nhúng nó xuống khoảng sâu đen thẫm thẫm bên dưới khuỷu tay cậu. Mấy phút sau, cả khu nhà thuyền và cái cầu cảng đã biến mất

trong bóng tối sau lưng hai anh em, và chiếc xuồng thồ dân lướt nhẹ trên mặt nước tĩnh lặng và lạnh lẽo của con sông Hudson hùng mạnh.

* * *

Bám sát theo bờ phía Tây dòng sông, con xuồng nhỏ nhẹ nhàng trôi đi. Xuyên qua những tán cây đẫm ánh trăng, tiếng vài loài chim lạ hú gọi nhau văng vẳng trên mặt nước tĩnh lặng như những kẻ hoang dã đầy thù địch. Chìm trong khung cảnh này, thật dễ để John tưởng tượng cậu đang là một nhân vật phiêu lưu trong tiểu thuyết, chẳng hạn như quyển *Người cuối cùng của bộ tộc Mohican*. Thật ra thì cậu chưa xem cuốn đó bao giờ, nhưng phim thì cậu đã xem rồi. Cực kỳ hấp dẫn. Ngồi bôn chôn ở phía mũi xuồng, Philippa, vốn mê đọc sách và thích cuộc sống thành thị hơn là ông anh khoái phiêu lưu mạo hiểm ngoài trời của cô, lại nghĩ tới yêu tinh, Ichabod Crane và gã kỵ sĩ không đầu đáng sợ^[10].

– Chưa bao giờ em tham gia vụ nào ớn muốn nổi da gà như vụ này.

Philippa nói với anh khi cảm thấy có một thứ gì to lớn đang di chuyển trên những tán cây treo ngang dọc trên mặt sông. Vừa nói, cô vừa sợ sệt ngược mắt nhìn lên phía trên, trong đầu vẽ ra cảnh tượng Rip van Winkle^[11] từ đâu thình lình nhảy xuống xuồng hai đứa.

John khuyên em:

– Ráng nguội xuống đi, Phil.

Philippa thiếu điều hét toáng lên với cơn rừng mình đang chạy dọc trên sông lưng cô:

– Nguội cái gì? Em đang sắp chết cóng đây này.

John chèo nhanh hơn. Em cậu nói đúng. Trời lạnh cóng, và cậu thầm cảm ơn công việc vận động tay chân hiện giờ của mình, vì nó đang giúp cậu giữ ấm cơ thể.

Sau gần một tiếng đồng hồ chèo xuồng không ngừng tay, cuối cùng ánh đèn pin của Philippa cũng rọi sáng một ngọn đồi um tùm cây cỏ cao chùng

30 mét nhô thẳng lên khỏi mặt nước ngay trước mặt. John để chiếc thuyền trôi theo dòng thủy lưu một khoảng ngắn, trước khi hướng nó vào bờ.

Nhảy xuống khu nước nông, hai anh em cẩn thận kéo xuồng lên bờ, chính giữa mấy bụi cây. Một con cú ở đâu đó “*cú cú*” vài tiếng như chào đón, và dần dần, trong ánh sáng trắng mờ mờ phía trên cao, hai anh em nhận ra hình dáng bên ngoài của một lâu đài mang kiến trúc Ai-len. Và ở khung cửa sổ trên ngọn tháp canh cao nhất ở một góc, có ánh sáng bập bùng.

Chộp lấy cây đèn pin thứ hai, John đi trước mở đường băng qua các bụi cây và bước ngược lên một con đường dốc đứng. Philippa theo sát sau lưng anh cho đến khi hai anh em tới một cây cầu kéo. Ở đó, cô dừng lại và rên khẽ một tiếng với vẻ không an tâm thấy rõ.

– Ấc, em sẽ không đi tiếp nếu không có một nhánh tỏi và một cây thánh giá bạc. Và một cái vồ cùng vài cọc gỗ thật nhọn. Ông lái thuyền nói đúng. Nhìn nơi này xem? Chữ “*ma ám*” chình ình khắp mọi nơi, đứng xa ba dặm còn thấy rõ. Mà cái tòa lâu đài Ai-len quái gở này ở đây để làm gì chứ? Ngay giữa sông Hudson. Có cái gì không ổn ở đây, John.

John hỏi lại, giọng có phần ngán ngẫm:

– Chứ em còn muốn thấy gì khác hả, Phil? Nếu đúng Dybbuk ở trên hòn đảo này, đương nhiên tòa lâu đài là nguyên nhân khiến cậu ấy đến đây rồi. Ngoài nó ra thì đâu còn gì khác chứ.

– Vậy nếu cậu ấy không ở đây thì sao? Chuyện gì sẽ xảy ra? Không biết anh thì sao, chứ em thật không muốn gặp người nào can đảm ở trong một nơi như thế. Ở cái nghĩa địa em từng thấy còn không đáng sợ bằng hòn đảo này.

Thật sự cũng sợ không kém gì em mình, tuy nhiên lại giỏi che giấu điều đó hơn, John đề nghị:

– Bình tĩnh nào, Phil. Hay là thế này: em cứ ở đây chờ, và anh sẽ đi kiểm tra một vòng xem Dybbuk có ở đây không, rồi sau đó chúng ta sẽ về nhà. Ok?

Rọi ánh đèn pin ngược lên bức tường của tòa lâu đài trước mặt, Philippa nhăn nhó phản đối:

– Anh bảo em đứng đây chờ một mình ấy à? Không dám đâu. Em sẽ đi với anh.

Vốn cũng không hào hứng gì lắm với việc đi vào lâu đài một mình, John vui vẻ gật đầu:

– Vậy thì tốt.

Vượt cây cầu kéo, hai anh em băng qua bên dưới một khung lưới sắt chắn cổng thành và một huy hiệu lớn. Đứng bên ngoài một cánh cửa gỗ to ngang ngửa miệng một đường tàu điện ngầm, John giơ tay lên định gõ cửa, nhưng rồi như nhận ra một điều gì đó, cậu rút tay lại.

Philippa hỏi:

– Sao thế?

John nhún vai trả lời:

– Nó mở sẵn rồi, gõ làm gì nữa.

Rồi cậu đẩy cánh cửa. Nó mở ra với một tiếng kẹt lớn như tiếng một khẩu súng máy lên nòng.

Đứng sừng sững bên trong cái sảnh vào rộng lớn là một bộ áo giáp đồ sộ, tay cầm một cái rìu khổng lồ. Đằng sau nó là một cây đàn ống nhà thờ cổ kính. Và điều đáng sợ ở đây là nó đang tự mình chơi liên tục một nốt nhạc cao.

Liếc nhìn cái ghế ngồi trống trơn phía trước cây đàn, John nuốt nước miếng cái ực và hỏi lớn:

– Có ai ở đây không?

Bước về phía cây đàn, Philippa nhanh chóng hiểu được chuyện gì đang xảy ra. Cô tuyên bố:

– Chỉ là tiếng gió thổi qua một thân ống thôi.

Nhưng khi cô quay lại thì John đã không còn đứng phía sau lưng cô. Cậu đang đứng trên ngưỡng cửa của một phòng khách rộng lớn, và đang nhìn trừng trừng vào một thứ gì đó với vẻ mặt kinh hoàng đến nỗi Philippa cảm thấy máu trong cơ thể như đông cứng lại.

Cậu lí nhí nói:

– Nhìn nè.

Thật Philippa không muốn nhìn chút nào, nhưng sự tò mò đã kéo chân cô bước về phía trước, cho đến khi cô có thể nhìn thấy được cái mà anh trai cô đang nhìn. Một ông lão già nua - hoặc ít nhất một thứ giống thế - nằm im lìm trên một chiếc đi văng ở phía trước một lò sưởi lớn lạnh ngắt. Mặc một bộ áo đuôi tôm, quần kẻ sọc, ghilê, ghệt mắt cá, áo sơ mi và cà vạt, nhìn ông như đang ngủ say - hoặc là như đã chết. Tuy nhiên, điều làm cặp sinh đôi hoảng nhất là việc ông có quá nhiều lông trên người. Và phải mất vài giây, Philippa mới nhận ra đó không phải là một con người, mà là một con khỉ đột lớn.

Cô thầm thì hỏi:

– Nó chết rồi hả anh?

John nói:

– Hy vọng là thế. Chứ anh chẳng muốn phải đi giải thích cho một con gorilla biết chúng ta làm gì mà xâm nhập nhà nó bất hợp pháp vào đêm hôm như thế này.

Liếc nhìn em gái, cậu hỏi lại:

– Đây là một con gorilla, đúng không?

– Đừng hỏi em. Em cũng không biết đâu. Chưa bao giờ em nhìn gần một con gorilla cả. Nhất là một con mặc áo đuôi tôm.

Cả hai bỗng hét lên một tiếng hoảng sợ khi một thứ gì đó đập cái ầm sau lưng chúng. Chạy ngược ra cửa vào mới nãy, hai anh em nhìn thấy nó đã đóng kín.

Chỉ tay vào cây đàn ống vẫn đang chơi một nốt nhạc cao rung rinh như tiếng rít của một ấm nước sôi bị bỏ quên trên bếp lửa hừng hực, John thều thào hỏi:

– Chắc tại gió, Phil nhỉ? Như cây đàn ấy.

– Em hy vọng thế.

Philippa rùng mình. Cô có cảm giác như một cái gì đó vừa vượt nhẹ qua người cô, giống như một sợi tơ nhện phất phơ trong gió, và nghe được tiếng

một cô bé vô hình nào đó đang thâm thì trong tai cô.

Đó là lúc cây đàn bắt đầu chơi một đoạn nhạc thật sự, và cặp sinh đôi bàng hoàng nhận ra rằng, tuy một ngọn gió có thể đóng sập cửa hoặc thậm chí chơi một nốt nhạc đơn duy nhất, nó không thể nào đánh nổi cả một tổ khúc Toccata & Fugue cung D thứ của Bach.

Chộp lấy tay nắm cửa, Philippa giục:

– Đi! Chúng ta ra khỏi đây đi! Trước khi con khi quái dị kia thức dậy.

Nhưng cánh cửa đã bị khóa chặt.

Mặt cắt không còn hột máu vì sợ, cặp sinh đôi không ai bảo ai hè nhau kéo giật cái tay nắm cửa cho đến khi, cũng thành linh như khi nó bắt đầu, tiếng đàn cổ quái bỗng ngừng bật lại, và thay vào đó là một tiếng cười khảnh khách đầy chế giễu của một thằng bé. Một giây sau, tấm rèm đặng sau cây đàn ống được gạt sang một bên và từ sau nó, Dybbuk bước ra. Cậu ta thiếu điều muốn lăn ra sàn ôm bụng cười nắc nẻ trước “hiệu quả” trò đùa của mình với John và Philippa.

Vừa cười như điên, Dybbuk vừa lắc đầu tuyên bố:

– Nhìn mặt các cậu kìa. Ước gì tớ có một cái máy ảnh ở đây. Tớ thề là, nhìn các cậu cứ như vừa gặp gỡ người sói ấy. Ôi ôi, các cậu làm tớ cười đến chết mất.

Tay nắm chặt - nếu Dybbuk đứng kế bên, có khi cô sẽ cho cậu một cú đấm - Philippa lạnh lùng nói:

– Ờ, rất vinh hạnh được làm trò cười cho cậu. Nếu biết đây là cách cậu tiếp đón ân nhân, bọn này chắc chắn sẽ không tốn công tốn sức bất chấp nguy hiểm mà mò đến tận đây.

– Ấy, xin lỗi, đừng nóng thế. Chỉ là tớ không cưỡng lại được thôi mà. Cứ nhìn nơi này xem? Quá lý tưởng cho một trò đùa kinh điển như vậy, đúng không nè?

John nói nhát gừng:

– Thế mà tớ tưởng cậu đang lo cho cái mạng của cậu cơ đấy. Ít nhất thì email của cậu nói vậy.

– Thì tớ đang lo nè. Thật mà. Thật đến từng chữ lận. Tớ thề đó.

John cay cú bảo:

– Ờ, chắc rồi. Tớ có thể thấy được sự thật trong nụ cười toe toét trên cái bản mặt ngu ngốc của cậu.

Dybbuk khăng khăng:

– Không, tớ nói thật mà. Tớ rất, rất, rất mừng khi thấy các cậu đến đây.

Philippa giục anh:

– Đi thôi, John. Chúng ta về nhà thôi.

Dybbuk chuyển sang giọng nài nỉ:

– Không, chờ đã. Làm ơn đi mà, ít nhất cũng cho tớ giải thích chứ.

John nhượng bộ:

– Thôi được. Nhưng cậu liệu mà giải thích cho tốt đấy.

Họ quay ngược lại phòng khách rộng mênh mông.

Liếc nhìn cái xác con khi đột, John e ngại hỏi:

– Anh bạn này là ai thế?

– À, Max. Nó theo làm quản gia cho bà dì Felicia, em bà ngoại của tớ được hơn ba mươi năm rồi.

Đưa mắt về phía một bức tranh lớn hình một cô bé xinh xắn chừng mười tuổi treo phía trên lò sưởi, Philippa hỏi:

– Bà dì của cậu đấy à? Ý tớ là, khi bà còn nhỏ?

– Không, đó là hình chị gái tớ, Faustina.

Philippa ngạc nhiên nói:

– Tớ không biết cậu có chị gái đấy.

Dybbuk nhún vai trả lời:

– Đã từng có. Chị ấy không còn bên cạnh tớ nữa, ok?

Một sự im lặng gượng gạo bao trùm căn phòng.

Rồi John lên tiếng hỏi, thay đổi đề tài cuộc nói chuyện:

– Làm sao mà một con khi đột lại trở thành quản gia cho bà dì của cậu được?

Dybbuk cho biết:

– Bà dì Felicia vốn chưa bao giờ có cảm tình với mundane. Đó là một trong những lý do bà mua lại đảo Bannerman. Con người thường có xu hướng tránh xa những nơi như thế này. Vì những lý do hiển nhiên. Còn về Max, bà dì Felicia giải thoát nó khỏi sở thú khi nó còn nhỏ, và ban cho nó vài đặc tính con người, ví dụ như khả năng đối thoại, cũng như một số chức năng não bộ cấp cao. Nếu tớ không lầm, nó là một nghệ sĩ đàn ống khá giỏi. Nói chung là, bà dì tớ với Max khá hợp ý nhau. Tiếc là tối qua, Max tội nghiệp đột ngột ngã quỵ rồi ra đi luôn. Dù biết 61 tuổi là một cái tuổi khá cao đối với loài khi đột, nhưng phải nói là tớ rất bất ngờ.

Lắc đầu buồn bã, Dybbuk nói:

- Tội nghiệp bà Felicia. Khi về thế nào bà cũng sẽ rất buồn cho mà coi.
- Thế bà dì cậu giờ không ở đây à?
- Không, bà đang ở với mẹ tớ. Để tìm tớ.

Philippa hỏi lại:

- Tìm *cậu*?
- Max rất nhạy đối với những chuyện như thế này. Nó hiểu tớ, cậu biết không? Nó hiểu rằng nếu tớ về nhà, tớ sẽ đe dọa tính mạng của mẹ tớ.

Philippa nhìn thẳng vào Dybbuk:

– Sao cậu không nói cho tụi tớ biết chính xác tất cả những chuyện này là như thế nào? Bắt đầu từ đầu!

* * *

Dybbuk kể tiếp cho John và Philippa đoạn cuối câu chuyện về cuộc phiêu lưu của cậu và gia đình người bạn:

– Sau khi đưa tụi tớ rời pháo đài Benning về Palm Springs, chú Blennerhassit đưa mấy bức tranh trong cây gậy chỉ huy của Goering cho một chuyên gia làm việc tại bảo tàng ở Malibu xem, và được xác nhận hai trong số đó là của Leonardo da Vinci, một của Raphael, một của Michelangelo, và một của Botticelli. Nhưng bức thứ sáu, một bức tranh màu nước, thuộc về niên đại sau này và ít có giá trị hơn nhiều. Chắc chắn cũng không quá mới, nhưng nghe bảo nó có thể thuộc về trường phái “Tranh Hiệp hội” gì gì đó. Tớ thì tớ thích cái bức đó hơn mấy bức kia, và vì nó chỉ cỡ ngàn rưỡi đô là cùng nên chú Blennerhassit bảo tớ có thể giữ nó làm đồ lưu niệm.

Trong căn phòng khách khổng lồ với cái lò sưởi có kích cỡ ngang một chiếc xe tải nhỏ, cả ba đứa trẻ ngồi tụm lại với nhau trên một chiếc đi văng cổ nhìn như thể nó được bưng ra từ phòng ngủ của một vị hoàng đế Trung Quốc. Trên đầu chúng là một chiếc đèn treo bằng đồng cũng vĩ đại không kém - cùng với bức tranh chị Faustina của Dybbuk. Giờ đây, sau khi đã được giải thích, Philippa có thể dễ dàng nhận ra những điềm tương đồng của hai chị em nhà Sachertorte: cùng một mái tóc và cặp mắt sẫm màu, cùng một làn da tái xanh, cùng những ngón tay thon dài của giới nghệ sĩ dương cầm, cùng hai gò má cao. Và cùng một ánh nhìn bướng bỉnh, tinh nghịch. Chị Faustina đã mất ư? Philippa muốn biết, nhưng cô đoán trong hoàn cảnh như thế này, có lẽ tốt nhất cô nên chờ hỏi mẹ sau. Dybbuk có vẻ khá nhạy cảm đối với những chuyện liên quan đến chị của cậu.

Dybbuk kể tiếp:

– Quay lại chuyện tay chuyên gia ở bảo tàng Malibu. Gã này rất là ồm ờ khi đề cập đến cái giá chính xác cho mấy bức tranh quý. Ý tớ là, gã chả nói gì ngoài chuyện chúng có giá trị lịch sử như thế nào, và chúng vô giá ra sao. Mà “vô giá” thì có nghĩa lý gì với tớ chứ. Cho nên, chờ gã đi khỏi, tớ đã lên mạng kiểm thông tin trên một trang web chuyên về đấu giá cổ vật. Và các cậu biết tớ tìm thấy cái gì không? Có hẳn một phiên bản cây gậy chỉ huy của Thống chế Hermann Goering được rao bán ở trên. Mà có phải một phiên bản vớ vẩn nào đâu. Nó giống như đúc cây gậy giả mà tớ đã để lại trong bảo tàng quân đội ở pháo đài Benning ấy chứ. Khi tớ nói cho chú Blennerhassit

biết, chú ấy thật sự nổi sùng về điều đó. Và chú ấy ngay lập tức gọi điện cho tay thợ kim hoàn mà chú đã đặt làm cây gậy giả, một gã tên Hyman Strasberg ở New York, vì rõ ràng gã này đã làm đến hai cây gậy giả. Và giữ lại một cây để bán trên mạng.

– Chỉ có điều, thay vì gã Strasberg, người trả lời điện thoại của chú Harry Blennerhassit lại là một tay cảnh sát New York, người thông báo cho chú rằng Hyman Strasberg đã chết. Và, các cậu đặc biệt lưu ý điều này nhé: nguyên nhân cái chết là do bị rắn độc cắn. Chú Harry bảo với tay cảnh sát là chú thật sự rất tiếc về điều đó, tuy nhiên chú không nghĩ mình có thể giúp được gì cho họ. Và đúng là chú ấy không biết gì thật. Ý tứ là, chuyện đó chỉ như một tai nạn không may thôi. Đâu có phải New York không có rắn độc. Đuôi chuông lớn cực độc nè, đuôi chuông nhỏ nè, hổ mang nè, đâu có thiếu. Ok, đúng là mấy con đó cũng hiếm gặp, nhưng có thì vẫn là có. Mới hôm qua, chính tớ đã thấy một con rắn hổ mang trên hòn đảo này. Ừm... ít nhất tớ nghĩ đó là một con hổ mang.

Philippa lo sợ liếc nhìn xung quanh. Gì chứ rắn thì cô ghét ngang ngửa dơi và nhện. Cô nhận xét:

– Cậu có vẻ rành về rắn quá nhỉ, Buck.

Gì? Rắn hả? Dĩ nhiên rồi. tớ có cả một con rắn vàng tên George nuôi ở nhà mà. Trước đây tớ còn có cả một con đuôi chuông tên Ryan nữa cơ. Chỉ có điều nó đã chui vào toilet trốn mất tiêu.

Philippa khẽ rùng mình:

– Ặc, toilet hả? Vậy mà cậu bình tĩnh được.

Dybbuk bảo:

– Tớ luôn khoái rắn. Đó là một trong những lý do tại sao tớ muốn bức Tranh Hiệp Hội. Bởi vì có một con rắn trong đó. Nhưng lúc ấy tớ không để ý đến chi tiết đó. Mãi cho đến khi đã về đến nhà, tớ mới chợt nghĩ đến chuyện, biết đâu giữa bức tranh đó và con rắn đã giết gã Strasberg có thể có liên quan đến nhau. Vì thế, sau khi ăn cơm tối xong, tớ đã quay lại nhà của Brad - à, ý tớ là nhà của chú Blennerhassit. Và ngay khi đến nơi, tớ lập tức nhận ra có một điều gì đó không ổn đã xảy ra.

Nói đến đây, Dybbuk buông ra một tiếng thở dài, và mặt cậu tối sầm lại. Phải mất mấy giây sau, cậu mới tiếp tục lại câu chuyện của mình, lần này với khước mắt ầng ậng nước:

Đồ đạc của họ xốc đầy khắp nhà như bị trộm viếng. Cây gậy đã biến mất, nhưng rất kỳ lạ là những bức tranh bên trong nó lại bị vứt lại. Và rồi cuối cùng, tớ cũng tìm thấy hai người bạn họ.

Nuốt nước bọt một cách khó khăn, Dybbuk cố gắng kiềm chế cảm xúc của mình để kể nốt, giọng run rẩy dần sau mỗi giây trôi qua:

– Brad và cha cậu ấy, chú Harry. Họ đã chết, cả hai người bạn họ. Với khuôn mặt xanh lét và đôi mắt đỏ ngầu. Sau những gì đã xảy ra với Hyman Strasberg, tớ nghĩ ngay đến rắn độc. Vì thế tớ đã kiểm tra và phát hiện có vết nanh cắn trên tay và chân họ. Rất, rất nhiều vết nanh. Như thể họ bị cắn rất nhiều lần.

Lắc đầu một cách dứt khoát và đưa tay lên gạt nước mắt, Dybbuk kết thúc câu chuyện:

Đến lúc đó, tất cả những gì tớ có thể làm là chộp lấy tất cả các bức tranh và cuộn gấp ra khỏi đó. Đi thẳng về nhà, gửi email cho các cậu, rồi cưỡi lốc gió đến thẳng đảo Bannerman này. Bà dì Felicia đang ở với mẹ tớ, nên tớ nghĩ chắc chẳng ai nghĩ đến chuyện tìm tớ ở đây.

Rồi cậu nhún vai kết luận:

– Và đúng là không ai xuất hiện, trừ các cậu.

Khẽ cắn môi, Philippa lăm bắm:

– Tớ không tin lắm đâu.

– Tớ thề, tất cả những gì tớ nói đều là sự thật.

Philippa vội nói:

– Không, không. Không phải tớ nghi ngờ cậu nói dối. Ý tớ là, tớ không tin chẳng có ai nghĩ đến chuyện tìm cậu ở đây.

John cho biết:

– Cảnh sát đang tìm cậu khắp nơi đấy, Buck. Họ muốn hỏi cậu vài điều.

Dybbuk lắc đầu:

– Tớ không thể gặp họ. Bộ cậu nghĩ họ sẽ tin sao? Rằng tớ, một đứa con nít, đột nhập vào bảo tàng quân đội? Khéo họ tổng tớ vào tù luôn thì có.

Philippa bỗng hỏi:

– Cậu ở đâu khi Max chết tối qua?

– Ngủ.

– Trên lầu à?

– Không. Có một căn phòng bí mật đằng sau cây đàn ống, nơi cậu có thể bật cho nó tự chơi cũng như điều khiển cánh cửa trước từ xa. Và một cái giường trong đó. Tớ luôn ở đó mỗi khi đến đây. Ngay từ khi còn nhỏ, tớ vẫn thích được ở trong một căn phòng bí mật mà.

Philippa hỏi tiếp:

– Cậu đã ngủ trong bao lâu?

Dybbuk nhún vai:

– Mười hay mười hai tiếng gì đó. Cười lốic gió đến tận đây ngốn hết cả sức lực của tớ chứ chả chơi.

Đến lượt John hỏi:

– Tiếng gió thổi qua cây đàn không làm cậu thức giấc hả?

– Không. Căn phòng này được cách âm tốt. Một khi đã ở trong này, trời có sập bên ngoài cậu cũng chả biết nữa là.

– Vậy hả?

Philippa hỏi lại và đứng dậy khỏi đi văng. Bước về phía con khi đột đã chết, cô bắt đầu kiểm tra tay và chân nó.

Đi theo cô đến bên cái xác của Max, Dybbuk ngờ ngợ nói:

– Cậu không nghĩ là...

– Đúng là tớ chưa bao giờ thấy xác chết một khi đột. Và đúng là hơi khó để nhìn rõ màu da của nó bên dưới bộ lông đen bạc dày cộm như thế này, nhưng mà...

Cầm bàn tay to đùng lông lá của con khi đột lên và, cẩn thận tách những ngón tay thô kệch ra, Philippa cảm thấy hơi thở của mình ngừng lại khi phát

hiện hai vết nanh đen ngòm thọt sâu vào lớp thịt mềm trên lòng bàn tay của Max. Giờ lên cho Dybbuk xem, cô bảo:

– Nói tớ nghe xem, Buck? Cậu thấy cái này nhìn giống vết răn cắn không?

Dybbuk thều thào như hết hơi:

– Đúng, chính là nó.

Gỡ mắt kính ra, Philippa nhìn thẳng vào mắt Dybbuk nói:

– Điều đó có nghĩa, thứ đã giết ông Blennerhassit và Strasberg, hay nói đúng hơn là kẻ đã giết họ, cũng đã đến đây. Tìm kiếm cậu. Và thay vào đó, họ đã giết Max. Và điều đó có nghĩa cậu rất may mắn, Buck. Rất, rất là may mắn.

Dybbuk nuốt nước bọt cái ực. Một giọt nước mắt chảy dài trên mặt cậu, trước khi cậu vớ tay gạt mạnh nó đi như thể tức giận chính bản thân mình. Nhìn Max, Dybbuk thầm thì:

– Max già tội nghiệp! Nó luôn là một người dũng cảm. Một người mà tớ có thể trông cậy được.

Cặp sinh đôi đột ngột giật nảy người khi từ một tủ sách gần đó, một con mèo đen kéch xù thành linh nhảy lên bộ ngực to đùng bất động của Max. Nhẹ nhàng bế chú mèo lên tay và dụi dụi mặt vào người nó một cách âu yếm, Dybbuk giới thiệu:

– Đừng sợ. Chỉ là Hendrix thôi. Nó là mèo của chú Blennerhassit.

John ngạc nhiên hỏi:

– Cậu mang con mèo của họ theo hả?

– Nói tớ giải cứu nó thì đúng hơn đó. Tớ làm sao có thể bỏ nó lại chứ? Cảnh sát sẽ quăng nó vào một trại tập trung thú vô chủ nào đó mất. Và ai biết được chuyện gì có thể xảy ra cho nó ở một nơi như thế.

Philippa nói:

– Ờ, cũng đúng.

Rồi mắt cô đột nhiên sáng lên khi nghĩ ra một chuyện.

– Ôi trời, sao tớ không nghĩ đến chuyện này sớm hơn nhỉ? Hendrix chắc hẳn biết *chính xác* chuyện gì đã xảy ra! Có khả năng nó đã tận mắt chứng kiến mọi chuyện! Không chỉ ở Palm Springs, mà còn cả ở đây nữa! Tất cả những gì chúng ta cần làm là hỏi nó.

– Ý cậu là, một người trong chúng ta sẽ cho nó khả năng đối thoại hả? Giống như Max?

Philippa gật đầu:

– Dĩ nhiên. Nhưng không phải anh em tớ. Tụi tớ còn quá lạnh sau khi cuộc bộ ngoài kia cả đêm. Nhưng cậu thì khác.

Nhìn thấy Dybbuk lắc đầu, cô ngạc nhiên hỏi lại:

– Cậu không thể?

Dybbuk giải thích:

– Từ khi đặt chân lên hòn đảo này, tớ cũng chả còn tí sức mạnh nào cả. Các cậu không biết, xem chút nữa tớ còn chẳng đến đây được ấy chứ. Lốc gió của tớ tan biến ngay trước khi tớ kịp chạm đất. Vốn biết các bang ven biển phía Đông lúc nào cũng lạnh hơn so với các bang phía Tây, thế mà tớ lại quên mất.

Đưa tay vuốt ve con mèo trong giây lát, Dybbuk nói tiếp:

– Mà ngay cả khi tớ còn sức mạnh djinn, tớ cũng không nghĩ có thể làm Hendrix nói chuyện được. Tớ đâu có đủ kinh nghiệm. Muốn ban khả năng đối thoại cho một loài vật thì phải là một djinn trưởng thành như bà dì Felicia mới làm nổi.

Ngẫm nghĩ trong giây lát, Philippa đề nghị:

– Vậy nhập hồn vào con mèo thì sao? Tớ tin chắc cả ba người chúng ta đều đã thực hành việc “mượn tạm” thân thể động vật. Đó là điều đầu tiên tớ học được ngay khi biết mình là một djinn. Nếu ở trong cơ thể Hendrix, tớ có thể đọc được suy nghĩ của nó. Quan sát ký ức của nó. Bằng cách này, chúng ta có thể biết được chính xác chuyện gì đã xảy ra.

Dybbuk gãi gãi đầu:

– Sao tớ không nghĩ ra chuyện đó nhỉ?

John nhe răng cười:

– Vì cậu hồng thông minh bằng em tớ chứ sao.

Philippa hỏi:

– Ở đây có phòng tắm hơi nào không? Hoặc một cách nào khác đủ nóng để chúng ta hồi phục sức mạnh djinn?

Dybbuk cười cay đắng:

– Phòng tắm hơi? Ở một nơi già khú đế như vậy? Vòi hoa sen còn chưa có nữa là. Bồn tắm thì có nhiều, nhưng chả cái nào có nước nóng. Max có thể làm được nhiều việc, nhưng nghề thợ ống nước không phải là một trong những việc đó. Loài khi đột thì chẳng con nào đủ kiên nhẫn cho cái nghề đó cả. Còn bà dì Felicia thì vốn dĩ chẳng ưa gì xà bông với nước. Bà dì thích dùng sức mạnh djinn để giữ cơ thể sạch sẽ hơn. Nghe nói cách đó làm làn da trông trẻ hơn. Cho nên bà dì ấy tự, ờ, nhiệt xạ cơ thể - cho phép một lượng nhiệt lớn từ trong người thoát ra ngoài để hủy diệt tất cả bụi bẩn và vi trùng trên da. Một khả năng khác mà chỉ djinn trưởng thành mới làm được. Tớ đã thấy bà làm một lần rồi. Nhìn hay lắm cơ. Cứ như bà bị bốc cháy trong giây lát ấy.

Ngáp sái cả quai hàm vì đã khá khuya, John đề nghị:

– Tớ có ý này: điều đầu tiên chúng ta làm sáng mai là dựng một cái lều hơi trong vườn. Đó là cách mà người Mỹ bản địa vẫn làm để giữ cơ thể sạch sẽ. Chúng ta có thể làm nóng người bằng cách đó. Đủ nóng để lấy lại sức mạnh của mình.

Dybbuk một lần nữa gãi gãi đầu:

– Sao tớ không nghĩ ra chuyện đó nhỉ?

Và Philippa cười mỉm:

– Vì cậu hồng thông minh bằng anh tớ chứ sao.

* * *

Sáng sớm hôm sau, ba đứa trẻ nhóm lửa trong cái lò sưởi ngoài cỡ, rồi đặt vài cục đá lớn vào giữa những hòn than nung đỏ. Sau đó, chúng chôn cất Max tội nghiệp ngoài vườn.

Đó là một đám tang đơn giản, không hòm và không nghi lễ tôn giáo. Chỉ là một cái huyệt nông được John và Philippa đào, với vài nhánh hoa hái trong vườn.

Đứng trước ngôi mộ của con khi đột trung thành, Dybbuk cất giọng run run nói:

– Khi đột có thể lừa phỉnh, như những gì chúng làm trong hoang dã, nhưng chúng không bao giờ nói dối. Ngay cả những con có thể nói. Chúng đơn giản chỉ không biết nói dối *như thế nào*. Và điều đó làm chúng tốt đẹp hơn nhiều mundane mà tớ đã gặp. Và chưa kể đến djinn. Nếu một con khi đột thích cậu, nó sẽ thích cậu suốt đời. Thích một cách không vụ lợi. Vì thế nó sẽ rất trung thành với cậu. Nếu bà dì tớ có mặt ở đây, chắc chắn bà sẽ nói Max là người bạn tốt nhất mà bất cứ ai cũng mong muốn có được. Và tớ sẽ hoàn toàn đồng ý với bà. Max đã mở rộng cửa chào đón tớ đến đây mà không cần hỏi một câu nào, và nó cũng chưa bao giờ cố góp ý này nọ với tớ. Đó là tính cách đặc trưng của loài khi đột lưng bạc. Một trong những tính cách khiến chúng có thể trở thành những quản gia tuyệt vời. Không giống như mundane, những người với bản tính bẻm mép bẻm sinh, khi đột là một loài kín miệng, và biết cách tôn trọng sự riêng tư của người khác.

Và Philippa ngạc nhiên nhận ra Dybbuk nhìn thẳng vào cô khi cậu nói điều đó. Làm cô tự hỏi liệu Dybbuk có đoán được cô đã rất, rất muốn hỏi cậu về chị Faustina đến mức nào.

Dybbuk kết thúc bài diễn văn ngắn của mình:

– Xin lỗi mày, Max, về chuyện đã xảy ra. Tao thật sự xin lỗi. Tao sẽ nhớ mày lắm, bạn của tao. Mày đúng là quân tử của quân tử.

Rồi, trong sự ngạc nhiên lẫn nữa của Philippa, Dybbuk chùi nước mắt bằng một cái khăn tay sạch. Cô không ngạc nhiên vì thấy cậu ta lại rơi nước mắt. Nhưng cô ngạc nhiên khi khám phá ra cậu sở hữu một cái khăn tay sạch.

Sau khi đám tang cho Max kết thúc, ba đưa trẻ hì hục đốn vài cái cây nhỏ và dựng lên một kiến trúc nhìn giống như cái lều tuyết của người Eskimo phía trên bãi cỏ. Rồi chúng bắt tay vào phủ kín nó với các tấm thảm và chăn cũ, cho đến khi cái lều được cách ly tương đối hoàn toàn với không khí bên ngoài. Và cuối cùng, ba đưa trẻ đào một cái hố nông bên trong lều, nơi chúng đặt những cục đá nóng đỏ gắp ra từ lò sưởi vào giữa rồi rảy nước lạnh lên trên, khiến chúng lập tức bốc hơi. Bằng cách này, nhiệt độ bên trong cái lều của chúng nhanh chóng nhảy bậc thang, cho đến khi nó nóng hơn cả một cánh rừng nhiệt đới. Cởi gần hết đồ ra, ba djinn trẻ nhanh chóng bò vào trong lều.

Cái nóng mãnh liệt dần dần sưởi ấm da thịt chúng, xâm nhập vào trong xương, rồi vào trong tủy, trước khi đến được ngọn lửa huyền ảo cháy âm ỉ bên trong tất cả mọi djinn mà không hề gây nguy hiểm đến cơ thể họ. Nó nhen nhóm, tiếp lực thêm cho ngọn lửa thần kỳ ấy, cho đến khi cả ba cảm thấy sức mạnh của mình đã được hồi phục hoàn toàn.

Tươi thêm nước lên những cục đá và gia tăng thêm nhiệt độ bồn trong cái lều hơi, John nhận xét:

– Phải như vậy đỡ hơn không. Với những gì tớ cảm thấy hiện giờ, tớ tin chắc mình thậm chí có thể thực hiện ba điều ước cho kẻ tham lam nhất thế giới.

Dybbuk hỏi:

– Vậy ai sẽ làm việc đó đây? Ai sẽ nhập vào cơ thể Hendrix?

Philippa liếc cậu:

– Giờ nó là mèo của cậu mà. Cậu làm là hợp nhất rồi.

Dybbuk lắc đầu nguây nguậy:

– Ấc, nhưng đó là ý kiến của cậu mà. Ngoài ra, nếu cậu không phiền, tớ thật sự không muốn nhìn thấy chuyện đã xảy ra cho Brad và cha cậu ấy. Đó là chưa kể đến Max. Họ là bạn tớ.

Gật đầu đồng ý, Philippa nhún vai nói:

– Hiểu rồi. Ok, tớ sẽ làm vậy.

Bò ra cửa lều, Dybbuk nói:

– Để tớ đi lấy cái lồng đựng mèo. Cho tớ vài phút trước khi các cậu muốn làm gì, ok?

– Okay.

Ngay khi djinn rưng rưng khôn và thực hiện lễ Tammuz - nghi lễ nhập môn tuyên bố sự gia nhập chính thức của họ vào thế giới djinn - việc nhập hồn vào cơ thể động vật hoặc con người là một trong những điều đầu tiên họ được dạy. Philippa đã có sẵn kinh nghiệm trong lãnh vực này: cô đã từng nhập hồn một con lạc đà, một con sóc, và một viên cảnh sát Ai Cập. Chờ cho đến khi nghe tiếng Dybbuk bên ngoài cái lều hơi lần nữa, cô nhắm mắt lại, dồn tất cả sự tập trung vào một điểm cố định ở ngay chính giữa trán, để khi cô thềm thì từ trọng tâm của mình, toàn bộ con người cô như trở thành những tia nắng mặt trời được hội tụ lại qua một gọng kính lồi:

– FABULONGOSHOOMARVELISHLYWONDER PIPICAL!

Bên trong cái lều hơi tối thui, nên khi nghe em gái mình thềm thì từ trọng tâm của cô, John bò ra bên ngoài để ngó thử.

Một hoặc hai giây sau đó, cậu và Dybbuk nghe một tiếng “meo” lớn vọng ra từ bên trong cái lồng mèo. Là Philippa ra hiệu cho họ biết cô đã ở bên trong Hendrix.

Philippa ở trong đó đến vài phút vì, dù trí nhớ của một con mèo thuộc dạng có chọn lọc, nó lại nhớ dai gấp 200 lần so với một con chó, lại kéo dài đến cả hai tuần, vượt qua cả khả năng ghi nhớ của loài đười ươi. Chui ra khỏi cái lều hơi sau khi đã lấy lại quyền điều khiển cơ thể mình, Philippa đối mặt với hai cậu con trai đang mở to cặp mắt chờ đợi.

Huyết một tiếng sáo đầy ngạc nhiên, Philippa nói:

– Em không biết loài mèo lại có một cuộc sống thú vị như vậy đấy. Tất cả những lời đồn đại về loài mèo có đến chín mạng sống hoàn toàn là sự thật. Chỉ có điều chín cái mạng ấy không tiếp nối nhau. Chúng diễn ra cùng một lúc.

Dybbuk nhắc:

– Giờ đâu phải lúc quan tâm đến chuyện đó, Philippa? Cậu có tìm được chuyện gì về Max không?

– Có. Tớ biết được chúng ta đã đúng. Max đã bị sát hại bởi chính những người đã giết Brad và cha cậu ấy. Chúng bí mật đến với một cái giỏ đựng đầy rắn độc, và đã thả lũ rắn ra khắp sàn nhà. Chờ đến khi Brad và cha cậu ấy bị rắn cắn, chúng mới lộ mặt và đề nghị trao đổi thuốc kháng độc lấy thứ mà chúng đang tìm kiếm. Max cũng bị chuyện tương tự.

Dybbuk hỏi gấp:

– Và chúng đang tìm kiếm *cái gì*?

Philippa giải thích:

– Không phải cây gậy chỉ huy. Cũng không phải những bức tranh của Leonardo. Cái chúng đang tìm là bức Tranh Hiệp Hội. Bức tranh mà cậu giữ làm lưu niệm.

Dybbuk vỗ tay vào nhau cái chát:

– Biết ngay mà. Nhưng cậu có biết tại sao chúng săn lùng bức tranh đó không?

– Rất tiếc là không. Tớ chỉ biết chúng sẵn sàng giết người vì nó. Ông Blennerhassit đã khai với chúng là cậu đang giữ nó, Buck, vậy mà chúng vẫn để mặc cha con họ cho đến chết. Nhưng Max thì không tiết lộ bất cứ chuyện gì.

Dybbuk thăm thì:

– Ôi Max!

Đến lượt John hỏi:

– Nhưng chúng là *ai* mới được? Em có biết không?

– Em nghĩ có lẽ anh là người duy nhất tận mắt nhìn thấy chúng đấy, John. Chúng trông giống hết những kẻ xâm nhập vào nhà mình mà anh đã mô tả lại. Quần áo cam. Sơn vàng vắn vện trên mặt. Và trong ký ức của Hendrix mà em thấy được, một trong bọn chúng đeo cái mũ đen giống hết cái mà chúng ta đã tìm thấy trên sàn thư viện ngày hôm sau. Cái mà mẹ đã gửi cho cậu Nimrod qua mail nội bộ djinn ấy.

John gãi đầu:

– Nhắc mới nhớ, cái mẽ đay đó sao rồi nhỉ? Chúng ta rốt cuộc vẫn chưa biết được nó là gì.

Rồi nhăn trán suy nghĩ trong giây lát, cậu nhún vai nói:

– Nhưng mấy tên đó đâu có theo đuổi bức tranh nào. Chúng muốn chôm mấy cái răng khôn của chúng ta đấy chứ. Hoặc ít nhất, đó là điều mẹ nghĩ.

Dybbuk ngạc nhiên hỏi:

– Có ai vui lòng cho tớ biết các cậu đang nói về chuyện gì được không?

Cặp sinh đôi kể cho Dybbuk nghe về vụ căn nhà trên đường 77 phía Đông của họ bị trộm viếng thăm, và về cái mẽ đay khắc hình rắn hổ mang bành mà họ đã tìm thấy.

Dybbuk nhíu mày nói:

– Rắn hổ mang hả? Con rắn trong bức tranh Hiệp Hội cũng là hổ mang bành. Chính xác là một con hổ mang chúa.

Philippa chột tái mặt nói gấp:

– Ôi, Buck? Con rắn mà cậu thấy ấy. Ở đây, trên đảo Bannerman. Tớ không nghĩ đó là một con hổ mang bình thường đâu. Tớ chắc nó cũng là rắn hổ mang bành. Khi tớ ở trong thân thể và trí óc của Hendrix, tớ đã thấy một trong những con rắn mà những kẻ giết người mang theo bỏ đi đâu mất, và chúng buộc phải bỏ nó lại khi rời khỏi đây. Đó là lý do tại sao Hendrix leo lên trốn tuốt trên nóc tủ sách.

John đề nghị:

– Tớ nghĩ đã đến lúc chúng ta nên kiểm tra bức tranh Hiệp Hội của cậu rồi đấy, Buck.

* * *

Quay trở lại phòng khách, ba đưa trẻ ngồi sững trước lò sưởi với bức tranh trải rộng trên sàn trước mặt.

Đó là một bức tranh màu nước, mô tả một khung cảnh nhìn giống như Ấn Độ thời thuộc địa Anh. Trong cảnh nền, một pháo đài màu hồng to lớn nằm sừng sững trên đỉnh một vách núi, và ở cận cảnh, vài thổ dân Ấn Độ với vẻ mặt dữ dằn nhảy múa xung quanh một con rắn có bành to lớn. Góc người dậy trên cái đuôi của nó, con rắn trông cao bằng những con người kế bên nó. Trong suốt một lúc lâu, ba đứa bé djinn nhìn chăm chăm vào con rắn như bị thôi miên, trong đầu bắt đầu nhảy từ giả thuyết này sang giả thuyết khác.

John lên tiếng trước tiên:

– Nhìn sợ quá, khó có thể thấy Hermann Goering và mấy gã thờ rắn kia có mối quan tâm gì giống nhau.

Philippa nói:

– Ngoại trừ việc chúng ta đều biết Goering mê sưu tầm những gì. Những bức tranh đắt giá. Kim cương. Vàng. Bất cứ thứ gì nhiều tiền.

Dybbuk tiếp lời:

– Và dĩ nhiên bức tranh này không nằm trong số đó. Một ngàn rưỡi đô. Tay chuyên gia ở bảo tàng nói nó có thể chỉ đáng chừng đó tiền.

John lập lại:

– Có thể. Ngay cả một chuyên gia lão luyện cũng có khi phạm sai lầm.

Đến lượt Philippa:

– Nhưng John à, em không nghĩ một bức tranh như thế này lại có thể đáng giá hơn một bức họa của da Vinci. Anh nghĩ vậy à?

– Không.

Rồi cầm bức tranh lên như cầm một tờ báo, John ngắm soi nó một cách cẩn thận trước khi tuyên bố:

– Khó hiểu quá đi.

Sau một vài giây, em gái cậu nhắc nhở.

– Cẩn thận, John. Anh đừng gần lửa quá đó.

Nhưng John không nghe được em gái cậu vừa nói gì. Cậu còn đang bận căng mắt cố nhìn cho ra họa tiết trên tấm mẽ đay mà những thổ dân Ấn Độ đeo quanh cổ. Cậu gần như không chú ý đến khoảng cách giữa cậu và ngọn

lửa trong lò sưởi, cũng như nhiệt độ tăng dần của tờ giấy mà lớp màu nước cũ được vẽ lên.

– John! Coi chừng! Anh làm cháy nó bây giờ!

Vừa kịp lúc, Philippa giật bức tranh khỏi tay John trước khi nó kịp bén lửa. Vừa định mở miệng trách cứ sự bất cẩn quá mức của ông anh, Philippa chợt khựng lại như bị đứng hình. Mắt mở to nhìn bức tranh, cô nói:

– Chờ đã. Có chuyện gì đó xảy ra với bức tranh này.

Lập tức John và Dybbuk chụm đầu lại ngó kỹ bức tranh, chúng nhận ra Philippa đã nói đúng. Một chuyện gì đó thật sự đã xảy ra với bức tranh, hay nói chính xác hơn là với tờ giấy mà nó được vẽ lên. Một dãy ký hiệu bắt đầu hiện ra ngay phía trên tòa pháo đài màu hồng - một dạng thông điệp tàng hình mà hơi nóng từ ngọn lửa đã làm nó hiển thị trở lại.

John tròn mắt xuýt xoa:

– Woa, mật thư ẩn.

Philippa giơ bức tranh lại gần ngọn lửa lần nữa và, thật cẩn thận, để hơi nóng phả lên toàn bộ chiều ngang và chiều dọc của bức tranh, để không bỏ sót bất cứ thông điệp vô hình nào. Cuối cùng, khi tất cả chữ viết đã hiện ra, họ đặt lại bức tranh xuống sàn và chăm chú nghiên cứu nó.

Handwritten musical notation in a traditional Vietnamese style, consisting of 14 lines of rhythmic symbols and numbers. The symbols include various note heads, stems, and beams, often accompanied by small numbers (1, 2, 3, 4, 5, 6) indicating pitch or rhythm. The notation is dense and fills most of the page.

Lần này đến lượt Dybbuk lên tiếng trước tiên:

– Đây không phải chữ viết. Nó là một dãy hình những con rắn nhảy múa. Với một con số gắn liền vào đuôi mỗi con.

John nhận xét:

– Nó nhìn giống một dãy chữ viết nguệch ngoạc ấy.

Dybbuk nói:

– Ngoại trừ việc chả ai rảnh rỗi mà đi vẽ một dãy chữ viết nguệch ngoạc bằng mực tàng hình cả.

Philippa tiếp lời:

– Và cũng chẳng ai điên mà đi giết người chỉ vì vài chữ viết nguệch ngoạc. Không, rõ ràng những con rắn nhảy múa này mang một ý nghĩa nào đó.

John gợi ý:

– Một dạng mật mã chẳng hạn.

Philippa gật đầu:

– Chính xác. Mật mã mà chúng ta phải giải mã được nếu muốn biết rốt cuộc tất cả những chuyện này là như thế nào.

Rồi thở dài, cô nói:

– Nếu ông Rakshasas không phải đang đi du lịch thì tốt quá. Em cá ông ấy chỉ mất mấy giây là có thể cho chúng ta biết cái mớ loằng ngoằng này có nghĩa là gì, và mấy gã kia là ai.

John gục gặc đầu bảo:

– Chẹp, chắc ông Rakshasas cũng chẳng đi lâu đâu. Chẳng phải ông Groanin bảo ông ấy để lại cây đèn của mình ở London sao?

– Ờ, đúng vậy.

John nói tiếp:

– Trong trường hợp đó, cả ông Rakshasas và cậu Nimrod có thể sẽ có mặt ở nhà khi chúng ta đến đó. Ở London.

Dybbuk thiếu điều hét toáng lên:

– London? Chúng ta? Ai nói tớ sẽ đi London?

John hỏi ngược lại:

– Chứ chẳng lẽ cậu muốn ở lại đây? Những kẻ giết Max có thể sẽ quay lại tìm cậu đó.

– Nhưng chúng ta sẽ đến đó bằng cách nào chứ? Khí hậu trên Đại Tây Dương giờ này lạnh lắm. Và đừng có mong tớ sẽ mạo hiểm mạng sống của mình mà cười lố cổ lần nữa.

Philippa trấn an:

– Có thiếu gì *cách bay khác*, Buck. Ngay cả với djinn.

Dybbuk nhăn mặt nói:

– Trong trường hợp đó, chúng ta cần tiền, hộ chiếu, vé, và quần áo sạch. Còn Hendrix thì sao? Chúng ta đâu thể để nó lại một mình trên một hòn đảo vắng người như thế này, và chúng ta cũng đâu thể mang nó theo lên máy bay.

John gợi ý:

– Tớ có một ý này. Philippa, còn nhớ ông lão lái thuyền chở chúng ta đến đây không?

Philippa gật đầu cái rụp:

– Đúng rồi. Con mèo của ông ấy vừa chết. Và ông ấy bảo hiện đang rất cô đơn.

John nhe răng cười:

– Chính xác. Ông ấy trông có vẻ là một người tốt. Và tớ chắc ông ấy thích mèo.

Dybbuk đồng ý:

– Ok. Nghe cũng được.

– Vậy chúng ta chỉ còn lại một vấn đề nhỏ với vé, tiền, và quần áo, đúng không?

Nhặt lên một cục đá và bỏ nó vào giữa những hòn than hồng, John tuyên bố:

– Có vẻ như chúng ta cần thêm ít thời gian nữa trong lều hơi.



Chương 6

Thầy tu Xanh Lục

Lần theo dấu vết của Giáo phái Chín Hồ Mang, cậu Nimrod và ông Rakshasas rời London đi đến Calcutta. Bước chân ra khỏi tòa nhà sân bay có điều hòa nhiệt độ mát lạnh, cả hai không khỏi mỉm cười sung sướng khi làn gió khô rang mang theo cái nóng như thiêu đốt của Ấn Độ phả vào mặt họ. Giờ vẫn chưa đến giữa trưa, nhưng nhiệt độ ngoài trời đã lên đến gần 47 độ C - khá lý tưởng nếu bạn là một djinn, nhưng gần như vượt sức chịu đựng của phần lớn mundane bình thường. Ngay cả lũ ruồi nhặng cũng không buồn làm phiền đến họ, đơn giản vì các loài côn trùng, sâu bọ thường ghét cay ghét đắng vị lưu huỳnh nồng nặc trong máu djinn. Tuy nhiên, những người ăn mày tại Calcutta lại là một vấn đề khác. Cứ mỗi lần chiếc taxi chở cậu Nimrod và ông Rakshasas về khách sạn ngừng lại tại một cột đèn đỏ, thế nào cũng có vài đứa trẻ đến gõ cửa kính xe để xin vài đồng cắc, hoặc một tìn đồ đạo giáo Hindu, Ashram nào đó, cố nhét cho họ vài tờ rơi giới thiệu về lợi ích của thiền định, Yoga hoặc của các phương pháp điều trị cổ truyền Ấn Độ.

Hai djinn nghỉ đêm tại căn phòng lớn nhất của khách sạn Grand Hotel tại Calcutta, và cưỡi lốc gió bay đi vào sáng sớm hôm sau khi mọi người còn đang ngủ. (Lốc gió là phương tiện di chuyển thông dụng nhất của djinn, chứ không phải là thám bay như trong các câu chuyện truyền miệng của con

người. Tất cả các djinn có lòng tự trọng đều thà chết chứ chẳng bao giờ chịu cười một thứ quá rập khuôn như thảm bay). Họ hướng về phía đảo Sagar nằm ở cửa con sông Hằng linh thiêng gần đó, và ngôi đền Chín mươi lăm Mái vòm.

Khéo léo điều khiển ngọn lốc gió bay về phía một cái hồ lớn nằm sau lưng ngôi đền, cậu Nimrod thắc mắc:

– Nói thật là tôi luôn thắc mắc tại sao cái đền được gọi như vậy. Tôi đã đếm đi đếm lại số mái vòm vài lần, và lần nào tôi cũng đếm được đến 111 cái.

Ông Rakshasas tủm tỉm cười:

– Những mundane xây dựng ngôi đền này là những người khiêm tốn. Chắc là họ không muốn tỏ vẻ khoe khoang, phô trương gì, nên mới bảo có 95 mái vòm, nhưng trong khi thực tế có đến 111 cái. Chỉ là khiêm tốn thôi. Và đừng quên ở phần thế giới này, người ta có vẻ chả bao giờ coi trọng việc đếm số. Một đồng ngay bằng vạn đồng gian mà.

Ngay khi hạ cánh xuống bờ hồ, cậu Nimrod và ông Rakshasas lập tức bắt tay vào việc thu hái vài lá sen bần to, và đặt lên đó vài ngọn đèn cầy đã thắp cùng vài nhúm kẹo thạch mà ông Rakshasas mua mang theo từ một cửa hàng bánh kẹo ở London. Rồi họ đẩy trôi những chiếc thuyền lá nho nhỏ ấy ra mặt hồ tĩnh lặng và ngồi chờ.

Để giết thời gian, cậu Nimrod nhâm nhi vài viên kẹo thạch và bảo:

– Lâu rồi không ăn, tôi quên mất tiêu món này ngon như thế nào luôn.

Ông Rakshasas dặn:

– Cậu đúng là hảo đồ ngọt đấy, Nimrod. Nhưng tốt nhất cậu đừng ăn nữa, kẻo tôi hết cái để biếu cho Thầy tu Xanh Lục trong trường hợp ngài ấy đã ăn hết những viên kẹo thạch mà chúng ta gửi tặng mới này.

– Nghe anh nói, có vẻ Thầy tu Xanh Lục rất thích món kẹo thạch thì phải?

– Ừm. Đặc biệt là những viên màu xanh lục. Vì sự đơn giản của chúng, có lẽ vậy...

Sau một thời gian chờ đợi, cuối cùng cũng có một dáng người xuất hiện nơi phía chân trời. Ngồi xếp bằng trên lưng một con cá heo, ông điều khiển con vật với một cây gậy đi đường dài đen bóng, chậm rãi tiến về phía họ. Chỉ vận mỗi một cái khố nhỏ màu cam trên người cùng một vòng hoa cùng màu, vị Thầy tu Xanh Lục thật xứng với cái tên của ông bởi một làn da nâu đậm ánh màu lục. Thân hình cường tráng, mặt mày nhẵn nhụi ứa nhìn, cùng với mái tóc đen đặc biệt dài cuộn gọn lại trong lòng, Thầy tu Xanh Lục nhìn có vẻ giống một tay đô vật hơn là bản chất thật của ông - một thiên thần. Ông đến bên bờ hồ nơi hai djinn đang đứng, nhưng vẫn yên vị trên lưng con cá heo chứ không bước xuống.

Chập hai tay lại trước ngực và cúi người, ông Rakshasas chào “*Namaste*” - câu nói và cách chào hỏi thông dụng của đạo Hindu. Cậu Nimrod hiểu ý làm theo.

Thầy tu Xanh chào lại:

– *Namaste*.

Giơ một ngón tay nhỏ nhắn của mình lên, Thầy tu Xanh Lục chạm nhẹ vào một viên ngọc lục bảo nhỏ màu xanh lục trên trán, trước khi hướng ngón tay về phía hai djinn. Một vầng sáng xanh lục ấm áp bao phủ lấy họ trong vài giây, sưởi ấm phần tủy trong xương và ngọn lửa huyền ảo trong linh hồn họ.

Ông Rakshasas nói:

– Cám ơn Ngài. Đó là một cảm giác rất dễ chịu.

– Và cám ơn người vì những viên kẹo thạch. Người còn nữa không?

Đưa cho vị thầy tu bịch kẹo cuối cùng và cúi đầu chào lần nữa, ông Rakshasas giới thiệu:

– Đây là Nimrod, một người bạn tốt của tôi.

– Hân hạnh.

Thầy tu Xanh Lục lên tiếng, và bỏ thêm một viên kẹo thạch vào miệng.

Ông Rakshasas tiếp tục nói:

– Chúng tôi đến tìm thông tin.

Vị thầy tu trả lời, vì, không giống như djinn, thiên thần có thể đọc được suy nghĩ của người khác:

– Về giáo phái Naga Chín Hồ Mang? Ừ, ta có thể thấy được lý do tại sao. Và giống như hai vị đã đoán, Chín Hồ Mang chính là hậu duệ của giáo phái Tám Hồ Mang từng tồn tại nhiều năm trước đây.

Ông Rakshasas mỉm cười với vị thầy tu:

– Như mọi khi, ngài luôn thông hiểu mọi chuyện.

Nhưng họ đến đây không chỉ để lắng nghe ý kiến của Thầy tu Xanh Lục. Có cả một hệ thống quy tắc ngoại giao siêu nhiên họ cần phải để tâm đến. Là một quốc gia với lịch sử lâu đời, Ấn Độ có đầy những truyền thống và phong tục địa phương mà ngay cả djinn cũng không thể bỏ qua. Không chỉ tìm kiếm lời khuyên từ Thầy tu Xanh Lục, cậu Nimrod và ông Rakshasas còn muốn, với sự tế nhị nhất có thể, nhận được sự cho phép của ông trong việc sử dụng sức mạnh djinn trên bán lục địa Ấn Độ.

Thầy tu Xanh Lục nói:

– Ta cũng ghét những giáo phái quỷ quyết ấy không kém gì người, ông bạn già Rakshasas của ta. Nhưng xóa sổ chúng lại là một chuyện khác. Ngay cả một djinn dày dặn kinh nghiệm như người cũng nên cẩn thận. Đối với người dân ở đất nước này, rắn được xem là một linh vật, vì họ tin rằng loài rắn mang đến những cơn mưa, và những người chết vì bị rắn cắn sẽ được hồi sinh. Những giáo phái như thế luôn thu hút được tín đồ dốt nát và cả tin - và những tín đồ như thế có hằng hà sa số trên đất nước tuyệt vời này.

Ông Rakshasas gật đầu:

– Một vũ khí không có trong tay sẽ không giết được một con rắn, tôi nghĩ thế. Và lại, cái tôi đang theo đuổi không phải là những con rắn, mà là những ác quỷ điều khiển chúng.

Vị thầy tu đưa ra đề nghị của mình:

– Ta sẽ cố gắng hết sức giúp hai vị. Nhưng trước tiên, ta muốn djinn các vị giúp ta một chuyện. Một chuyện mà rất nhiều người đã nhờ cậy đến ta, nhưng ta không thể giúp được vì lời thề không bao giờ rời khỏi nơi này. Có

hai *bagho bhuth* mà ta muốn nhờ hai vị vô hiệu hóa giùm, vì chúng đã giết nhiều người ở khu vực này. Nghe đồn là đến vài trăm người. Ta e rằng đó là quá nhiều. Một điều chắc chắn là chúng đặc biệt hung tợn và có vẻ thích thú với việc giết người hơn là ăn thịt họ.

Cậu Nimrod ngạc nhiên hỏi:

– *Bagho*? Đó không phải là tiếng Bengal cho “hổ” sao? Tôi xin lỗi, thưa ngài, nhưng tôi nghĩ người mà ngài cần là một thợ săn hổ chuyên nghiệp.

Thầy tu Xanh Lục nhấn mạnh:

– Đây không phải những con hổ bình thường. Chúng đi săn theo cặp. Ta đã nói chuyện với nữ thần rừng Bonobibi, và bà cho biết chúng, như hai vị, thực tế là những djinn chọn sống ẩn mình bên trong hai sinh vật ăn thịt người. Đó là lý do tại sao người dân địa phương gọi chúng là *bhuth*. Bóng ma.

Nói rồi vị thầy tu nhún vai và ăn thêm một viên kẹo thạch.

Ông Rakshasas nhướng mày hỏi:

– Ngài nói một cặp hổ? Trước đây, tôi từng nghe nói về một cặp cá sấu bị ám bởi những djinn xấu xa thích mùi vị thịt người. Ở một ngôi làng cách đây không xa.

Vuốt chòm râu một cách tư lự, ông Rakshasas nói tiếp:

– Người ta chưa bao giờ bắt được hai con cá sấu ấy. Ít nhất là theo những gì tôi nghe được. Có khi hai djinn đó đã tìm kiếm một sự thay da đổi thịt mới. Nếu đúng là như vậy thì có thể giải thích được về cặp hổ ma.

Thầy tu Xanh Lục mỉm cười:

– Chưa gì mà ta đã có thể thấy rõ các vị rất phù hợp với nhiệm vụ này. Như ta vẫn nói, muốn bắt một djinn, ta cần đến một djinn khác.

Ông Rakshasas đồng ý:

– Chúng tôi sẽ xem mình có thể làm được gì.
– Hãy quay lại đây sau khi chuyện hai con hổ đã được xử lý xong, và chúng ta sẽ nói chuyện lần nữa. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng, hổ cũng quan trọng không kém rắn đối với người dân ở đây.

Rồi vỗ tay vào nhau, Thầy tu Xanh Lục triệu hồi ra ba nhà sư từ ngôi đền Chín mươi lăm Mái vòm và nói:

– Những vị sư này sẽ chỉ chỗ cho hai người.

Nói rồi vị thầy tu đáng kính cầm gậy gõ vào đầu con cá heo và, vẫn nhâm nhi món kẹo thạch của mình, trôi đi mất.

Nhướng chân mày lên, cậu Nimrod hỏi lại:

– Ừm... nếu tôi không lầm, ý ngài ấy là chúng ta phải đi săn hai con hổ mà không được giết chúng và cũng không để bị giết?

– Có nhiều hơn một cách để lột da hổ.

Ông Rakshasas phán một câu và ngồi xuống bãi cỏ, bắt đầu suy nghĩ cách nào để lột da một con hổ mà không giết nó.

* * *

Ba vị sư của ngôi đền Chín mươi lăm Mái vòm có tên là Sư Chatterjee, Sư Mukherjee và Sư Bannerjee. Trong bộ áo thụng trắng *sadhu* mà các nhà sư Ấn Độ vẫn thường mặc, họ kiên nhẫn ngồi xuống xung quanh ông Rakshasas và để yên cho ông suy nghĩ.

Sau một lúc trầm tư nghĩ ngợi, ông Rakshasas bắt đầu đặt câu hỏi cho ba nhà sư:

– Hai con hổ ma *bagho bhuth* ấy, lần cuối cùng chúng tấn công người là khi nào? Và ở đâu?

Sư Chatterjee cho biết:

– Mới ngay sáng hôm nay.

Sư Mukherjee tiếp lời:

– Vào khoảng 7 giờ.

Sư Bannerjee kết thúc:

– Một người dân làng đi thu mật ong ở cách đây khoảng ba dặm.

Ông Rakshasas nhận xét:

– Có nghĩa chúng ta sẽ không phải đi xa. Đó là một điềm tốt. Chỉ có một kẻ ngốc mới bỏ sức đi xa để gặp một con hổ đói. Mà nơi xảy ra tai nạn ấy, nó như thế nào?

Sư Chatterjee trả lời:

– Đó là một khu làng đánh cá.

Sư Mukherjee, người không bao giờ lên tiếng trước sư Chatterjee, nói tiếp:

– Tại một khu rừng đước ngập mặn.

Sư Bannerjee, người luôn luôn nói sau cùng, kết thúc:

– Một nơi không lành cho con người. Nhưng một nơi cực tốt cho loài hổ.

Ông Rakshasas bảo:

– Vậy chúng ta sẽ cần thuyền.

– Chúng tôi có thuyền.

– Dài một mét rưỡi.

– Động cơ 20 mã lực.

Nhanh chóng đứng lên, ông Rakshasas nói:

– Tuyệt. À, chúng ta còn cần thêm hai cái bồn sắt lớn, hai ga-lông sữa dê, sáu chai rum đen, sáu chai brandy, và vài cân đường.

Ba nhà sư hết nhìn nhau lại quay sang nhìn ông Rakshasas, rồi, theo đúng thứ tự, lần lượt nhún vai.

Cậu Nimrod đỡ lời:

– Anh Rakshasas, anh quên rồi sao? Chúng ta có mang theo một số thứ, từ khách sạn ở QWERTYUIOP. Tất cả những thứ anh cần đều có trong đấy mà.

Nháy mắt mỉm cười với cậu Nimrod, ông Rakshasas gật gù bảo:

– A, đúng là tôi đã quên. Chúng ta đã chuẩn bị sẵn đồ từ khách sạn, không phải sao? À mà cậu để chúng ở đâu nhỉ?

Quay sang ba nhà sư, cậu Nimrod cười cười hỏi:

– Tôi đã mượn phép để chúng lên thuyền. Hy vọng ba vị không phiền.

Ba nhà sư cúi đầu với cậu Nimrod, như thể muốn ngụ ý họ hoàn toàn không phiền hà gì về việc đó.

Ông Rakshasas tuyên bố:

– Nếu đã thế, chúng ta nên nhanh chóng lên đường, trước khi sữa dê kịp hư trong cái nóng như thế này.

* * *

Trong khi sư Chatterjee lái thuyền, sư Mukherjee chú tâm vào tấm bản đồ vùng Sunderbans - đó là tên của khu rừng đước ngập mặn họ đang hướng tới. Sư Bannerjee thì ngồi chồm hổm ở đuôi thuyền căng mắt quan sát chung quanh, vì cũng đã có nhiều trường hợp hổ bơi sau thuyền và ngoạm lấy bất kỳ ngư dân lơ đễnh nào.

Được biết đến như khu rừng đước ngập mặn lớn nhất thế giới, Sunderbans là nơi trú ngụ của hơn một ngàn con hổ - một con số thoạt nghe có vẻ nhiều, nhưng thật ra không thấm là bao so với quá khứ, khi con số đó từng nhiều gấp 20 lần. Loài hổ Sunderbans thật ra cũng không phải là những kẻ săn người theo bản năng. Nói đúng ra thì chúng không có lựa chọn khác. Đối với một con hổ đói mà nói, tại những rừng đước ngập mặn như Sunderbans, một người đàn ông, một người phụ nữ - hay thường xuyên hơn là một đứa trẻ - tương đương một bữa ăn vừa ngon vừa dễ kiếm, cho nên người dân địa phương không ngạc nhiên khi chuyện đó xảy ra. Nếu có ngạc nhiên thì chỉ là tại sao nó không xảy ra thường xuyên hơn mà thôi.

Địa điểm mà mới sáng hôm nay một người thu mật ong đã bị hổ vồ chết - có dấu chân hổ trên bờ sông lấm bùn để chứng minh cho điều đó - được đánh dấu bằng một hủ đựng mật úp ngược trên một cây cọc dài. Trông thấy nó, sư Chatterjee liền tắt máy và cẩn thận hướng chiếc thuyền hẹp và dài ngoẵng của họ về phía bờ sông nơi người đàn ông xấu số gặp gỡ tử thần. Đến giờ này, trời đã bắt đầu tối dần, và hai djinn có thể thấy rõ ba người bạn đồng hành của họ lo lắng như thế nào - hoàng hôn là thời điểm nguy hiểm

trong một khu rừng đước ngập mặn, vì đó là lúc loài hổ bắt đầu đi săn. Cho nên, ngay khi tất cả đồ đạc cần thiết đã được dỡ khỏi thuyền, cậu Nimrod bảo họ rời đi.

Cậu dặn:

- Sáng sớm ngày mai hãy quay lại.

Sư Chatterjee phản đối:

- Chúng tôi không thể bỏ hai người lại đây.

Sư Mukherjee lắc đầu nói:

- Nơi này rất nguy hiểm.

Sư Bannerjee cũng không tán thành:

- Cả hai sẽ bị hổ ăn thịt mất.

Cậu Nimrod trấn an:

- Không cần lo cho chúng tôi đâu.
- Nhưng hai người không có súng.
- Hai người cũng không mang theo bất kỳ vũ khí gì.
- Làm sao hai người có thể giết những con hổ ma chỉ với một bồn sữa dê chứ?

Đưa mắt nhìn ông Rakshasas, cậu Nimrod hỏi nhỏ:

- Tôi cũng đang tự hỏi chuyện đó đây.

Ánh mắt hấp háy cười, ông Rakshasas chỉ bảo:

- Áo rách không làm xấu một cô gái đẹp.

Rồi quay sang ba nhà sư, ông giục:

- Ba vị đi nhanh đi. Trước khi chúng tối đổi ý và mời ba vị ở lại cùng qua đêm ở đây à.

Khiếp hãi trước viễn cảnh phải qua đêm tại đầm lầy, ba nhà sư nhanh chóng rời đi.

Chờ cho âm thanh từ chiếc thuyền hoàn toàn biến mất, ông Rakshasas mới quay sang cậu Nimrod chỉ đạo:

– Chúng ta sẽ cần một cái chòi canh để tiện việc canh chừng mấy con hổ. Cái chòi phải cao ít nhất một mét rưỡi, và nên được ngụy trang cẩn thận. Với một cái đèn pha. Và hai cái ghế bành êm êm một chút. Tuyệt hơn nếu có thêm đồ để pha trà, cùng hai cái ống nhòm hồng ngoại.

Cậu Nimrod bắt tay vào việc chế tạo những thứ mà ông Rakshasas đề nghị - với tuổi tác hiện nay, vị djinn già rất hiếm khi sử dụng sức mạnh đặc biệt của mình. Hoàn tất việc hình dung trong đầu về một cái chòi canh an toàn nhất, bí mật nhất, và thoải mái nhất, cậu Nimrod thầm thì:

– QWERTYUIOP!

Và thành hình, tại nơi mà trước đây chỉ có cây cỏ, bụi rậm và bùn nước loang lổ, một kiến trúc djinn kiến tạo hiện lên, hiên ngang chĩa thẳng lên trời như một bộ phóng tên lửa mini. Chỗ trú đêm của họ đã hoàn thành, cậu Nimrod quay qua nhìn ông Rakshasas, lúc này đang từ tốn đổ sữa, rượu brandy cùng rượu rum vào hai cái bồn sắt.

Thêm vào mỗi bồn khoảng nửa cân đường, ông Rakshasas tuyên bố:

– Sữa hổ.

Rồi cẩn thận quấy đều hỗn hợp đó lên, ông múc một ít ra ly và đưa cho cậu Nimrod nếm thử.

Cậu nhận xét:

– Ngon thật đấy. Gần giống với rượu Brandy Alexander.

– Tôi hy vọng hai con hổ kia cũng đồng ý với cậu. Chứ tôi không thể nghĩ ra cách nào khác để thuyết phục chúng đứng yên cho chúng ta xử lý một cách mềm mỏng. Theo đúng tác phong djinn. Dù sao chúng cũng là djinn. Tôi nghĩ, nếu cách này có hiệu quả, cậu sẽ cần thực hiện phép xuyên hóa thể với chúng...

Rồi đưa cho cậu Nimrod một cái phích nhiệt bằng sắt lấy từ trên thuyền, ông Rakshasas hướng dẫn tiếp:

– ...và nhét chúng vào trong này.

* * *

Bóng đêm bao trùm lên khu rừng đước ngập mặn như một chiếc găng đen khổng lồ nhấp nháy, nhào nặn ra vô số âm thanh của đêm tối từ bụi cây, ngọn cỏ và các lạch nước len lỏi khắp nơi. Ở tót trên cao trong cái chòi canh của họ với chỉ lũ dơi quạ làm bầu bạn, ông Rakshasas và cậu Nimrod ngồi trên hai cái ghế mây, ngắm trăng sao và tận hưởng cái nóng oi bức. Ngoại trừ vài câu thăm thì đôi lúc phát ra, không ai lên tiếng. Và khi mảnh rừng chung quanh họ trở nên im lặng, cậu Nimrod đoán được một chuyện gì đó đang chuẩn bị xảy ra. Đưa mắt nhìn ông Rakshasas, Nimrod thấy vị djinn già khẽ gật đầu, với một ngón tay đưa lên miệng.

Cổ găng ngồi yên không nhúc nhích, khi bắt đầu có cảm giác rợn tóc gáy và như có kim chích trên da. Một cái mùi nồng nặc của thịt và máu, cũng như của sự chết chóc bốc lên từ mặt đất ngay bên dưới chân họ. Rồi một thứ gì đó thật lớn lượn lờ di chuyển trong những bụi cây bao quanh chân chòi canh. Vài phút đồng hồ nữa trôi qua, trước khi một tiếng gầm trầm đục cắt qua bóng tối chập chờn như tiếng động cơ của một chiếc mô tô loại nhỏ. Đúng là tiếng một con hổ. Nhưng nó có phải là một trong hai con hổ djinn? Trong bóng đêm, thật khó để đưa ra câu trả lời chính xác.

Ngay một giây sau đó, một tiếng gầm khác đáp trả lại từ một nơi nào đó không rõ, và ông Rakshasas đưa lên hai ngón tay. Có hai con hổ. Là một loài sống độc lập, hổ rất hiếm khi đi săn theo cặp. Đây chắc chắn phải là cặp hổ djinn.

Lại vài phút nữa trôi qua trước khi họ nghe thấy tiếng một cái lưới lớn liềm lấp chắt lỏng. Rồi hòa vào nó một tiếng tương tự. Không còn nghi ngờ gì nữa. Những con hổ đang uống sữa hổ! Ông Rakshasas mỉm cười hài lòng. Kế hoạch của ông đang tiến triển đúng hướng.

Ghé sát vào lỗ tai cậu Nimrod, ông thăm thì:

– Không lâu nữa đâu.

Tiếng liềm sữa “tạp tạp”, tiếng thở phì phì cùng tiếng gừ nhẹ đầy mãn nguyện của hai con hổ vẫn đều đặn tiếp tục. Được khuyếch đại bởi hai cái bồn sắt mà chúng đang chúi đầu vào, những tiếng động ấy dần âm vang khắp khu rừng ngập mặn. Nhưng những con hổ vẫn không hề dừng lại - là

những kẻ tham lam, chúng muốn liếm sạch đến tận giọt sữa cuối cùng. Rồi, bởi vì đã xin, hai con hổ bắt đầu ẩu đả với nhau quyết liệt trong vài phút, cho đến khi mệt lả. Chúng ngáp dài một tiếng rõ to và nằm lãn ra ngủ.

Nghe thấy tiếng ngáy, ông Rakshasas bật cái đèn pha lên và hướng nó xuống chân chòi canh. Nằm ngủ thẳng cẳng bên trên mặt đất là hai con hổ khổng lồ dài cỡ hai, ba mét, và nặng phải đến 300 kg. Nhưng điểm đáng chú ý nhất của những con hổ không phải ở kích cỡ mà là màu sắc của chúng. Đây là cặp hắc hổ, lông chúng không vàng vện mà gần như đen tuyền.

Vừa leo xuống cái chòi canh, cậu Nimrod vừa nhận xét:

– Hổ đen à? Thảo nào người ta gọi chúng là hổ ma. Với bộ lông thế này, chúng gần như vô hình trong đêm tối.

Đặt chân xuống mặt đất, hai djinn hình người nhanh chóng bắt tay vào việc xem xét kỹ lưỡng hai djinn hình hổ đang bất tỉnh.

Cậu Nimrod nói:

– Chúng xin quắc cần câu rồi. Và tôi cá chúng sẽ đau đầu kinh khủng khi thức dậy. Tôi sẽ không muốn ở cạnh chúng khi điều đó xảy ra đâu.

Ông Rakshasas đồng ý:

– Tôi cũng vậy.

Quỳ xuống bên cạnh một trong hai con hổ, ông Rakshasas cẩn thận kiểm tra răng của nó. Gật đầu một cái, ông quay sang kiểm tra con hổ thứ hai, trước khi kết luận:

– Theo những gì tôi thấy, hai con hổ này đúng là sinh đôi.

– Vậy có nghĩa chúng đúng là cặp djinn sinh đôi.

Lại gật đầu lần nữa, ông Rakshasas bảo:

– Hai con cá sấu tôi đã đề cập đến với Thầy tu Xanh Lục ấy, nếu tôi không nhớ lầm, chúng bị ám bởi một cặp djinn sinh đôi tộc Ghul. Và tôi nghĩ hai con hổ này cũng vậy. Có vẻ như chúng đã chán làm cá sấu và muốn tìm kiếm một hứng thú săn mồi mới.

Rồi khẽ lắc đầu, ông nói:

– Tiếc là chuyện đó xảy ra lâu rồi, chừng 50 năm gì đó, nên tôi không thể nhớ nổi tên của chúng.

Cậu Nimrod nhún vai:

– Dù sao chuyện đó giờ cũng không thành vấn đề.

Sau khi đã an toàn xuyên hóa thể hai con hổ djinn vào trong cái phích nhiệt, cậu Nimrod đính một cái nhãn bên ngoài, trên chỉ ghi đơn giản “DJINN SINH ĐÔI. GIỮ CẨN THẬN”.

Ông Rakshasas bảo:

– Hãy hy vọng chúng ta có thể đậy kín nó. Và tôi không phải nói về cái phích nhiệt cậu đang cầm trên tay, Nimrod. Chắc chắn người ta sẽ ồn ào cả lên khi biết tin hai con hổ ma *bagho bhuth* đã biến mất khỏi Sunderbans. Cho nên, hãy hy vọng ba vị sư đáng kính của chúng ta sẽ không đoán được chúng ta là ai và đi kể lể với mọi người. Sẽ không tốt chút nào nếu Chín Hồ Mang biết được chúng ta đang nhảy múa ngay trong sân sau của chúng.



Chương 7

Những người thích nóng

Rời New York, John, Philippa và Dybbuk đến London tìm ông Rakshasas vào đúng một ngày tuyết rơi dày đặc. Một chiếc taxi đen thui chở ba đưa trẻ rời phi trường Heathrow đến căn hộ tiện nghi của cậu Nimrod gần Vườn Kensington. Philippa bấm chuông cửa trong khi John trả tiền taxi, còn Dybbuk thì hì hục kéo mấy túi hành lý của chúng lên mấy bậc tam cấp trước thềm. Khi chờ mãi mà không thấy ai ra mở cửa, John đưa tay nắm lấy cái núm gỗ cửa hình nắm tay, đập mạnh mấy cái, trước khi cúi người xuống liếc nhìn vào trong qua khe nhét thư trên cửa. Lại một phút nữa trôi qua mà không có động tĩnh gì, Dybbuk ngồi xuống cái vali của mình và bắt đầu phàn nàn:

– Tuyệt vời. Giờ chúng ta phải làm gì?

Cài chặt lại nút áo choàng và kéo mũ sụp xuống che kín tai, Philippa nói chắc như đinh đóng cột:

– Chúng ta ngồi chờ chứ còn gì nữa? Ông Groanin chắc chỉ đi mua báo hay thứ gì đó thôi. Ông ấy sáng sớm mà không có báo để đọc thì cứ y như một con gấu bị nhức đầu ấy. Tớ chắc ông ấy sẽ về ngay thôi.

Dybbuk nhướn mày hỏi:

– Lỡ ông cũng đang đi nghỉ mát thì sao? Lỡ mấy ngày nữa ông mới quay lại? Và mấy người khác cũng vậy? Lúc đó thì chúng ta đã trở thành tượng băng rồi còn đâu.

John nhún vai:

– Vậy còn đỡ hơn...

Dybbuk, ngoài mặt thì ăn nói rất hùng hồn nhưng bên trong không mạnh mẽ bằng John và Philippa, hỏi lại:

– Đỡ hơn cái gì? Không ai trong chúng ta còn xu nào dính túi. Trời thì quá lạnh để sử dụng sức mạnh djinn, và chúng ta không có chỗ ngủ qua đêm. Còn điều gì có thể tồi tệ hơn thế chứ?

John nhìn thẳng vào mắt cậu bạn:

– Cậu có thể bị y như bạn cậu, Brad, và cha cậu ấy. Đó là chưa kể đến Max, quản gia của bà dì cậu, và ông Strasberg, người thợ kim hoàn xấu số ở New York. Họ đều đã chết, trong khi cậu vẫn còn sống, không phải sao?

Suy nghĩ trong vài giây, Dybbuk nhận ra điều John nói đúng. Cậu khẽ gật đầu và không nói gì thêm.

John trấn an:

– Mà cậu đừng lo, tớ nghĩ Philippa nói đúng. Có khi chỉ mấy giây sau, ông Groanin sẽ xuất hiện ở ngõ quẹo kia, thấy chúng ta ngồi chồm hổm ở đây và nói...

– Mấy đứa làm cái quái gì ở đây thế? Ta hỏi, mấy đứa nghĩ mấy đứa đang làm cái quái gì ở đây thế hả?

Ngẩng đầu lên, Dybbuk trông thấy một người đàn ông cao lớn, tướng nghiêm nghị, với cái đầu hói và chỉ có một cánh tay. Ông đội cái mũ quá dứa, vận quần tây sọc nhỏ, khoác một cái áo khoác đen dài, và cầm một tờ *The Daily Telegraph*. Đó là ông Groanin.

Cặp sinh đôi nhảy bật dậy và chạy lại ôm lấy ông Groanin một cách triu mến.

Ông hỏi lại:

– Rốt cuộc mấy đứa làm gì ở đây vậy? Ta nhớ đã nói cậu Nimrod của tụi bây và anh Rakshasas không có nhà rồi mà.

Philippa nói:

– À, chỉ là tụi cháu nghĩ, biết đâu khi tụi cháu đến đây, ông Rakshasas đã trở về rồi cũng nên.

Ông Groanin trả lời thẳng thừng:

– Không hề. Cả Nimrod cũng không. Ta chẳng được tin tức gì từ hai người bọn họ từ đó đến giờ.

Rồi hếch cằm về phía Dybbuk, ông hỏi:

– Còn ai đây?

John giới thiệu:

– Đây là Dybbuk.

Dybbuk trợn mắt và hăng giọng một tiếng. Cậu ghét bị gọi đầy đủ tên như thế.

– Buck. Chỉ Buck thôi, được không?

Philippa nói tiếp:

– Cậu ấy đang gặp rắc rối. Chuyện là cậu ấy đã đột nhập vào một bảo tàng quân đội Mỹ và trộm một bức tranh của Leonardo da Vinci. Và bây giờ có một nhóm người chuyên sử dụng rắn độc muốn giết cậu ấy.

Ông Groanin nhướn mày nói:

– Còn gì nữa không? Nếu không thì mấy đứa liệu mà biến gấp vào trong nhà trước khi chết cồng. Vào một ngày tháng Tư khắc nghiệt như thế này, ta lo sẽ bị chết cồng hơn bị rắn cắn chết. Đây, cầm giùm ta cái này một chút.

Đưa cho Philippa cầm giùm tờ báo, ông tra chìa khóa cửa vào lỗ, vặn nó một vòng, và mở rộng cánh cửa trước mặt mình.

– Dù ta không biết gì nhiều về rắn rít. Còn hổ á, đó là một chuyện khác!

Nhanh chóng lùa bọn trẻ vào trong nhà, ông dẫn chúng vào bếp, rồi vừa pha cho mỗi đứa một cốc sữa nóng, ông vừa kể cho chúng nghe chuyện ông đã mất một cánh tay của mình cho một con hổ đói tại bảo tàng Anh Quốc

khi ông còn làm quản thư ở đó. Tuy đã nghe câu chuyện này mấy lần, cặp sinh đôi vẫn không khỏi rùng mình.

Rồi Philippa chợt nghĩ ra một ý:

– Nhắc đến thư viện mới nhớ, cháu có ý này: Sao chúng ta không sử dụng thư viện của ông Rakshasas nhỉ? Cái thư viện bên trong cây đèn của ông. Cháu nhớ ông bảo ông Rakshasas để lại cây đèn ở đây, đúng không ông?

Ông Groanin gật đầu:

– Ừ. Đến bây giờ ta vẫn không khỏi ngạc nhiên tại sao anh ấy lại làm vậy. Không giống anh ấy chút nào. Cái thư viện đó là niềm tự hào của anh ấy mà. Dù ta chưa hề được tận mắt nhìn thấy nó. Nhưng Nimrod bảo nó chứa hơn mười nghìn đầu sách chứ chẳng chơi.

Khẽ rùng mình vì lạnh, Dybbuk nhắc:

– Nè, chúng ta có quên gì ở đây không vậy? Không có sức mạnh djinn, chúng ta làm sao có thể biến thể để chui vào trong cây đèn đó được. Nước Anh vốn đâu có ấm áp gì hơn New York. Trong ngôi nhà này cũng vậy.

Ông Groanin bảo:

– Ngôi nhà này sao chứ? Ta thích nó như vậy.
– Xin lỗi, nhưng cháu không nghĩ tui cháu có thể thực hiện phép hóa thể ở đây, trừ khi trong nhà có phòng tắm hơi hay bồn tắm nước nóng.

Ông Groanin thiếu điều trợn tròn cả hai mắt:

– Cháu nghĩ nơi này là gì hả, con trai? YMCA^[12] hả?

John đề nghị:

– Chúng ta có thể làm một cái lều hơi. Ở ngoài sân sau. Dĩ nhiên chúng ta sẽ phải cắt vài cái cây nhỏ, rồi phải kiếm vài tấm thảm cũ để phủ lên cái lều...

Ông Groanin ngay lập tức cắt ngang lời cậu:

– Mấy đứa không được làm thế. Ta nói, mấy đứa không được phép làm thế. Phá hủy cây cối của Nimrod? Và sử dụng các tấm thảm Ba Tư quý giá của cậu ấy để làm một cái - cháu gọi nó là gì? Một cái lều hơi? Ta là ta phản

đối. Trên tư cách quản gia của Nimrod, ta có nhiệm vụ phải trông coi và bảo quản nhà cửa, sân vườn của cậu ấy, chứ không phải chỉ đạo việc phá hủy chúng.

Nghĩ tốt nhất là nên thay đổi đề tài, Philippa hỏi ông Groanin:

– Cậu Nimrod có nói cho ông biết khi nào cậu ấy về không ạ?

Thấy ông Groanin chần chừ không trả lời suốt mấy giây sau đó, Philippa hỏi lại:

– Ông thật sự không nghe được tin tức gì về cậu ấy từ đó đến giờ à?

Về mặt của người quản gia trung thành tối sầm lại như có mây đen che kín, và ông bắt đầu xoa xoa phần cùi tay bị cụt của mình - mỗi khi ông có chuyện gì lo lắng là chỗ đó lại đau nhức.

Lắc đầu, ông nói với bọn trẻ:

– Không một chút tin tức nào. Nimrod cũng chẳng nói khi nào cậu ấy và anh Rakshasas sẽ quay về đây. Không giống họ một chút nào.

Đến lượt John hỏi:

– Và ông cũng không đoán được khi nào họ về?

– Tất cả những gì ta biết là cậu Nimrod của hai đứa sau khi đi nha sĩ về nhìn có vẻ rất phấn khích về một chuyện gì đó, và không lâu sau đột ngột thông báo cậu ấy cùng anh Rakshasas phải đi đâu đó một thời gian. Cậu ấy cũng xin lỗi vì không thể nói cho ta biết họ đi đâu, và bảo rằng cậu ấy làm thế chỉ để bảo vệ ta và những kẻ nào ngu ngốc muốn bám theo họ. Và ta nghĩ khi nói vậy, Nimrod đang ám chỉ mấy đứa.

John lầm bầm:

– Cám ơn ông vì đã đánh giá cao bọn cháu như thế.

– Không có chi.

Philippa hỏi kỹ:

– Ông còn nhớ chi tiết gì khác không? Ông thử cố hình dung lại cảnh cậu Nimrod nói chuyện đó xem.

Trông thấy vẻ ngần ngại trên gương mặt đang xị ra của ông Groanin, Philippa nói thêm:

– Ông Groanin, họ có thể đang gặp rắc rối, nên bất kỳ chi tiết nào cũng có thể rất quan trọng.

– Thôi được, cháu gái. Nếu cháu nghĩ điều đó giúp ích được gì.

Rồi ông Groanin nhắm mắt lại và bắt đầu tập trung suy nghĩ.

Philippa hỏi:

– Ông có thấy cậu Nimrod chưa? Trong con mắt linh hồn ông?

Ông Groanin bảo:

– Ta phải thú nhận là dạo này con mắt ấy của ta đang bị cận. Mà khoan đã. Có một thứ gì đó. Cậu ấy đang cầm nó trên tay khi thông báo với ta họ sắp đi. Một miếng đá gì đấy. Với một hình vẽ gì đấy bên trên.

John lập tức nhặt một cây bút chì và nhanh chóng vẽ lên một mảnh giấy hình vẽ trên tấm mề đay bằng đá mà mẹ cậu đã nuốt chửng. Cậu hỏi:

– Nó nhìn giống thế này không ông?

Ông Groanin mở mắt ra, đeo kính vào, và nhìn thật kỹ hình vẽ của John.

Mấy giây sau, ông tuyên bố:

– Đích thị là nó. Giống y chang. Rốt cuộc chuyện này là thế nào?

John kể cho ông Groanin nghe về vụ đột nhập bất thành vào nhà họ, và về việc bà Gaunt đã gửi tấm mề đay cho cậu Nimrod qua hệ thống mail nội bộ djinn. Rồi cậu kết luận:

– Đến giờ phút này, cháu có thể tự tin kết luận rằng, nơi mà cậu Nimrod và ông Rakshasas đến chắc chắn có liên quan đến tấm mề đay đó.

Philippa nói thêm:

– Và điều đó có nghĩa, chúng ta cần nhanh chóng vào trong cây đèn của ông Rakshasas và sử dụng thư viện của ông ấy. Nếu chúng ta có thể tìm được thông tin gì đó về tấm mề đay, chúng ta sẽ có thể biết được họ đã đi đâu. Và có thể đi tìm họ.

Ông Groanin chau mày nói:

– Nè, ta không chắc làm vậy là khôn ngoan đâu nhé. Cậu Nimrod của hai đứa chẳng đã bảo ông ấy cố tình không nói nơi đến chỉ để bảo vệ bản thân ta

sao? Và hàm ý là bảo vệ các cháu đó.

John nói với ông:

– Đúng là thế. Nhưng đó là cậu Nimrod vẫn chưa biết chuyện có kẻ cố tình mưu sát Dybbuk. Và cậu ấy cũng không biết được tất cả những chi tiết có liên quan về vụ đột nhập. Chúng ta không có lựa chọn nào khác ngoài việc đi tìm họ đâu, ông Groanin. Cho đến khi chúng ta đuổi kịp cậu Nimrod và ông Rakshasas, tính mạng của Dybbuk vẫn là ngàn cân treo sợi tóc. Và có lẽ cả tính mạng của tụi cháu cũng vậy.

Dybbuk khẽ rùng mình, nhưng lần này không phải vì lạnh mà vì sợ. Cậu ta gần như đã quen với việc tính mạng của mình đang bị đe dọa, tuy nhiên mỗi khi có ai nhắc lại chuyện đó, cậu không khỏi sợ hãi lần nữa. Và cậu ta lại nhớ về những chuyện kinh khủng mà mình đã tận mắt chứng kiến ở California. Ý nghĩ một ngày nào đó mình cũng gặp một cái kết như Max hay Brad thật không lấy gì làm dễ chịu. Ngay cả những giấc ngủ của cậu hiện giờ cũng thường xuyên bị ám ảnh bởi ác mộng về thằng bạn Brad và ông Blennerhassit.

Đến giờ thì ông Groanin cũng phải đồng ý với những gì John và Philippa nói. Bọn trẻ cần phải biến vào trong cây đèn của ông Rakshasas. Nhưng ông có thể giúp chúng làm chuyện đó như thế nào? Ông lẩm bẩm:

– Để xem. Một nơi đủ nóng để ba đứa tụi bay có thể phục hồi sức mạnh djinn đủ cho phép biến thể, đúng không?

Rồi gật đầu một cái đầy tự tin, ông tuyên bố:

– Ta nghĩ ta biết một nơi như vậy.

* * *

Lái chiếc Rolls-Royce của cậu Nimrod, ông Groanin chở ba đứa trẻ djinn đến Vườn Kew. Tuy không phải là cái lớn nhất, nhưng Vườn Kew được công nhận là vườn bách thảo lâu đời nhất thế giới, và là một địa điểm du lịch nổi tiếng của London, đặc biệt là trong những tháng mùa hè. Ở gần trung

tâm vườn là Palm House, một khu nhà kính xây dựng từ thời Victoria với kích cỡ to bằng ba chiếc máy bay vận tải gộp lại. Tái tạo điều kiện sống như trong một khu rừng mưa nhiệt đới với nhiệt độ trung bình không bao giờ thấp hơn 80 độ F, và một độ ẩm cao trong không khí tạo ra bởi những chiếc quạt hơi được thiết kế chìm khắp khu nhà, Palm House là chỗ ở của vô vàn loài thực vật nhiệt đới như tre, cà phê, cao su, chuối, xoài..., và luôn ngọt ngào mùi hương của hoa đại và thủy tiên trắng. Dĩ nhiên, nó không nóng như trong phòng tắm hơi hay lều hơi của người Mỹ bản địa, cũng như thua xa độ nóng của sa mạc, cho nên phải mất gần một tiếng đồng hồ bên trong Palm House, ba đứa trẻ djinn mới cảm thấy sức mạnh đang quay lại xương tủy chúng.

Dybbuk nói với người quản gia:

– Cháu nghĩ tụi cháu đã sẵn sàng để viếng thăm cây đèn rồi, ông Groanin.

Gật đầu, ông Groanin đặt cây đèn djinn của ông Rakshasas vào giữa một cây cọ dầu châu Phi và một cây cau rồi trèo lên một cầu thang cuốn màu trắng để tiện việc quan sát, cảnh giới. Rất may hôm nay là một ngày trời lạnh và nhiều gió nên chỉ có một vài du khách lang thang trong Palm House, và ba đứa trẻ djinn có thể nhanh chóng biến thể và chui tọt vào trong cây đèn ngay trước khi kịp nói hết từ trọng tâm của chúng:

- FABULONGOSHOOMARVELISHLYWONDER PIPICAL! (Philippa)
- ABECEDARIAN! (John)
- ZYGOBRANCHIATE! (Dybbuk)

Cũng phải giải thích rõ, bởi vì phần bên trong một cây đèn djinn tồn tại bên ngoài phạm trù không gian và thời gian, không gian ba chiều bình thường không được áp dụng ở đây. Những djinn dành phần lớn thời gian bên trong cây đèn của mình - ví dụ như ông Rakshasas - thường tạo ra một không gian sống lớn ngang ngửa một ngôi nhà bình thường, ngoại trừ việc không có cửa sổ, để xóa đi cảm giác mình thật sự đang ở bên trong một vật thể. Và đó là ấn tượng đầu tiên của John, Philippa và Dybbuk khi ở bên trong cây đèn của ông Rakshasas. Nó quá lớn!

John nhận xét:

– Không biết tại sao, nhưng trước đây tớ luôn cảm thấy tội nghiệp cho ông Rakshasas phải dành phần lớn thời gian bên trong cây đèn. Tớ cứ nghĩ nó giống như một căn phòng chật chội, cũ kĩ. Nhưng nhìn chỗ này mà xem. Còn to hơn cả một lâu đài đấy chứ.

Hừ một tiếng, Dybbuk lắc đầu nói:

– Tớ thì chả thấy thoải mái gì ở đây. Nó chỉ là một cái thư viện thôi mà.

Philippa thì không khỏi tròn mắt ngạc nhiên trước kích cỡ của nơi cô đang đứng. Cô nhìn lên, nhìn xuống, nhìn trái, nhìn phải, và ở bất cứ hướng nhìn nào, cô cũng thấy những dãy kệ sách cao vút. Một cầu thang bằng sắt đúc dẫn lên những kệ sách trên lầu, cũng như xuống những kệ sách dưới hầm. Cô nói:

– Ừ, chỉ là một thư viện. Nhưng là một thư viện tuyệt vời. Phải có hàng ngàn cuốn sách ở đây.

– Vậy rốt cuộc chúng ta cần tìm loại sách nào ở đây?

Vừa hỏi, Dybbuk vừa nuốt ực một viên thuốc than để ngăn cảm giác sợ hãi không gian chật đang lăm le xâm chiếm cậu - một cảm giác mà bất cứ djinn nào cũng biết đến. Và hình ảnh quá nhiều sách trước mặt cũng làm cậu cảm thấy không thoải mái. Cũng dễ hiểu, đó là vì cậu liên tưởng sách với bài tập về nhà, một thứ mà vốn cậu chả ưa gì.

Philippa gợi ý:

– Một thứ gì đó về rắn chẳng hạn. Và những giáo phái thờ rắn.

Rồi nhớ đến bức tranh Dybbuk tìm thấy bên trong cây gậy chỉ huy của Tướng Goering, cô nói thêm:

– Và những hiệp hội Ấn Độ. Có lẽ cả về các dạng mật mã.

Kiểm tra thử hai, ba cuốn sách trong tầm với, John nhận xét:

– Ừm, anh không nghĩ chuyện đó sẽ dễ dàng đâu, Phil. Mấy cuốn sách này chẳng xếp theo thứ tự nào cả.

Philippa ngạc nhiên nói:

– Không thể nào.

Nhưng rồi quay qua kệ sách gần nhất, cô tìm thấy một cuốn sách về thiên văn học đứng kế bên một cuốn về nghệ thuật làm vườn, và kế bên đó lại là một cuốn về thành phố Salt Lake. Trèo cầu thang lên tầng trên, cô phát hiện một dãy sách khác chứa tất tần tật đủ thứ sách khác nhau, từ tiểu thuyết của Charles Dickens đến sách về tượng điêu khắc của Rodin.

Đi ngược xuống cầu thang, cô thảng thốt nói:

– Thật vô lý. Có ai chịu nổi một thư viện không hề có lấy một trật tự nào chứ? Làm sao ông Rakshasas có thể tìm thấy cuốn sách mình cần nhỉ?

Dybbuk nhe răng cười:

– Thế rồi cuộc chúng ta sẽ tìm thứ mình cần *như thế nào* đây?

Philippa cắn môi nói:

– Có lẽ cái thư viện này được xếp theo một trật tự nào đó mà tạm thời chúng ta vẫn chưa nắm được. Nói chung là, giờ chúng ta phải chia nhau ra mà tìm thôi. John, anh tìm dưới hầm, Buck, cậu lên lầu, còn tớ tìm ở đây.

Trợn mắt lên đến trán, Dybbuk lớn tiếng phàn nàn:

– Tớ ghét thư viện.

Nhưng rồi cậu vẫn lừ đừ tiến về phía cầu thang, dù với một bản mặt như đưa đám. Trước khi leo lên, cậu ném lại một câu:

– Ờ, sẵn nói luôn, nếu hai cậu muốn tìm sách về rắn, tốt nhất nên nhớ từ đúng của nó là “herpetology” - “bò sát học”.

Leo xuống hầm, John nói vọng lên:

– Ok, tớ sẽ lưu ý từ đó.

Còn lại một mình, Philippa chậm chậm bước dọc theo một hành lang hẹp tối mờ mờ với những dãy sách nối đuôi nhau xếp hàng hai bên. Liên tục đảo mắt qua hai bên nhìn những đầu sách không liên quan gì đến nhau, cô cố giả vờ như cái thư viện này không làm cô nổi da gà. Nhưng tận trong xương tủy mình, cô biết có một cái gì đó không bình thường ở đây. Đầu tiên là việc hệ thống đèn bật tắt tự động. Dù cô đang ở đoạn hành lang nào thì cũng chỉ có chỗ cô đang đứng là sáng đèn, còn lại đằng trước mặt và phía sau lưng hoàn toàn phủ kín trong bóng tối. Nó làm cô cảm thấy cô đơn, lạc lõng, cho dù cô

vẫn có thể nghe được tiếng John tự lẩm bẩm với bản thân, và tiếng Dybbuk huýt sáo lớn tiếng. Thêm một chi tiết nữa: có tiếng tích tắc của một cái đồng hồ quả lắc lớn, nhưng cô lại không nhìn thấy nó đâu. Và mọi thứ kêu cọt két như bên trong một con tàu cũ kỹ.

Tuy nhiên, điều làm Philippa cảm thấy bất ổn nhất là cảm giác như có ai đó đang nhìn mình, trong khi cô biết ông Rakshasas sống chỉ có một mình bên trong cây đèn. Cảm giác đang bị theo dõi ấy trở nên chắc chắn hơn khi cô, đang nhắc một quyển sách ra khỏi kệ, bỗng nhắc thấy bóng một cái gì đó hoặc một ai đó vụt lướt qua trong bóng tối ở bên kia kệ sách.

– Ai đó?

Cô gọi lớn. Và khi không có tiếng trả lời đáp lại, cô giận dữ nói thêm:

– Nếu lại là một trò đùa của cậu, Buck, thì tớ thề là cậu sẽ phải hối hận về nó.

Rồi cô cảm thấy một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng mình khi từ một nơi nào đó trong thư viện, ở một hướng hoàn toàn khác với bên kia kệ sách, tiếng huýt sáo của Buck vọng lại - vẫn cùng một giai điệu ngang phè, chói tai mà cậu vẫn thường huýt. Bình thường thì Philippa sẽ rất bực mình khi nghe thấy ai đó huýt sáo trong thư viện, nhưng lúc này đây, cô lại cảm ơn trời về điều đó. Cô thật không dám nghĩ đến việc chỉ có một mình ở đây với một thứ ma quái nào đó ẩn nấp trong bóng tối.

Lại có một thứ gì đó di chuyển trong bóng tối. Cô hỏi, giọng như không còn một chút hơi:

– John? Phải anh không, John?

Nhưng ngay từ trước khi cậu hỏi đó thoát ra khỏi cửa miệng, cô đã biết đó không phải anh trai cô. Có lẽ vì là anh em sinh đôi với nhau, John chưa bao giờ cố ý hù dọa em gái mình. Nó chẳng khác nào cậu tự hù dọa chính mình, vì cậu vẫn thường cảm nhận được bất cứ nỗi sợ hãi nào mà Philippa đang trải qua.

Lại một âm thanh nữa. Lần này là tiếng lật sách trong bóng tối ở đâu đó sau lưng cô, và điều đó có nghĩa cô sẽ không thể nào quay lại chỗ John và Dybbuk mà không đụng độ nó - dù nó là gì đi nữa. Rồi Philippa nghĩ đến

khả năng đó chính là ông Rakshasas. Có thể ngay từ đầu ông không hề đi với cậu Nimrod. Cô gọi tên ông, nhưng vẫn không có tiếng trả lời. Nỗi sợ hãi trong lòng cô dần nhường chỗ cho sự giận dữ.

Cô nói lớn:

– Nghe này, tôi không biết ông là ai, nhưng tôi là bạn của ông Rakshasas. Bạn rất thân. Và tôi cam đoan ông ấy sẽ không thích chuyện ông hù dọa tôi như thế này. Không thích một chút nào. Ông nghe rõ chưa?

Một tiếng nói nghe như tiếng rít của một loài bò sát đáp lại:

– Nhóc con ngu ngốc, bộ không ai dạy người đừng bao giờ nhập vào trong một cái đèn hay một cái chai của djinn khi chưa có sự đồng ý của djinn đó hay sao? Người có thể bị giết. Người và những đứa bạn của người.

Ánh đèn ở đoạn hành lang tiếp theo bật sáng, và Philippa bỗng mặt đối mặt với một con thằn lằn xấu xí nhưng có hình dạng hao hao giống người. Nếu không phải con vật đó đã lên tiếng và đang mặc một bộ vest xám gọn gàng, có lẽ cô sẽ không đủ can đảm để bình tĩnh nói chuyện với nó.

Cô lắp bắp hỏi:

– Ông là cái... à, ý tôi là, ông là ai?

Sinh vật trước mặt cô rít lên:

– Ta là yêu ve chai.

Rồi rút một quyển sách ra khỏi kệ, con tiểu yêu mở nó ra và nhanh chóng lật lật những trang sách bằng một cái móng tay dài nhọn hoắt, trước khi thấy cuốn sách đang để mở vào tay Philippa.

Nó nói như ra lệnh:

– Đày. Đọc đi.

Hít một hơi thở dài, Philippa liếc nhìn bìa cuốn sách:

Nó đề *Từ điển Oxford về tiểu yêu* - cô chú tâm vào trang sách đang mở ra trước mặt.

Gõ cái móng tay dài nhọn vào một đoạn văn đặc biệt trên trang sách như sắp hết kiên nhẫn đến nơi, con tiểu yêu hướng dẫn:

– Đây. Đoạn này. Đọc lớn tiếng. Làm ơn.

Philippa đọc thật lớn, hy vọng John và Dybbuk có thể nghe được mà đến giải cứu cô nếu cần:

– Có vài giống loài tiểu yêu khác nhau trên thế giới. Một số là những đứa trẻ địa ngục. Một số là vật nuôi của Beelzebub. Có những con yêu thích nhại tiếng, và có những con yêu hèn hạ. Có loài yêu thích mách lẻo, những kẻ mà tốt nhất ta nên giữ kín miệng. Có loài yêu thích đùa, và có những tiểu yêu trước đây là trẻ con. Có những con quỷ nhỏ và những linh hồn độc ác. Và có những con yêu ve chai mà djinn thuê làm người trông coi những cái đèn hay những cái chai mà họ thỉnh thoảng trú ngụ bên trong.

Đọc đến đây, Philippa ngừng lại và liếc lên nhìn con yêu ve chai. Nhưng nó giục:

– Cứ đọc tiếp đi.

– Tiểu yêu - một vài con trong đó kiếp trước từng là phù thủy hay phù thủy tập sự - thường được coi như những sinh vật với độc chất chết người, nhưng nếu nói cho đúng, đó không phải sự thật. Vì có sở thích ăn thịt thối, loài tiểu yêu vô hình chung tích trữ vô số vi khuẩn nguy hiểm trong miệng, và đó thường là nguyên nhân gây ra cái chết cho những mundane, hay thậm chí là những djinn kém may mắn hoặc quá ngu ngốc để bị thương bởi hàm răng hoặc móng vuốt của những sinh vật cổ đại này. Ngay cả một vết cắn hoặc một vết xước nhỏ từ loài tiểu yêu cũng đủ nguy hiểm đến tính mạng nếu không được chữa trị kịp thời.

Rồi con yêu tự giới thiệu:

– Tên của ta là Liskeard Karswell du Crowleigh. Ta từng là một phù thủy vĩ đại, và người phải biết mình may mắn cỡ nào khi ta quyết định không tấn công người ngay lập tức như đúng lý phải làm.

Philippa giải thích:

– Tôi xin lỗi. Nhưng ông Rakshasas chưa bao giờ nói có một yêu ve chai trong đèn cả.

Con yêu nhếch mép cười:

– Dĩ nhiên ngài ấy không nói cho người ròi. Đây có phải chuyện để tùy tiện nói cho người khác biết đâu chứ. Bộ cha người đi khoe khoang khắp nơi là nhà có gắn chuông báo trộm à?

Philippa bảo:

– Không. Nhưng điều tôi nói hoàn toàn là sự thật. Tôi và hai người bạn của tôi sẽ không bao giờ vào đây nếu biết ông Rakshasas thấy phiền về điều đó. Thậm chí nghĩ đến nó còn không dám nữa là. Nhưng vấn đề là ông Rakshasas đã biến mất. Hay ít nhất là không ai biết được ông ấy hiện đang ở đâu. Cho nên chúng tôi chỉ muốn tìm kiếm một ít manh mối cho biết ông ấy đã đi đâu, và chuyện gì có thể đã xảy ra cho ông ấy mà thôi.

Con yêu ve chai hỏi:

– Manh mối như thế nào?

Philippa chỉ biết nhún vai trả lời:

– Tôi không biết nữa. Một cuốn sách chẳng hạn.

– Sách như thế nào? Người thấy đó, ngoài việc canh gác cây đèn, ta còn là quản thư của ngài Rakshasas.

Phải khó khăn lắm Philippa mới cưỡng lại được việc nhận xét với Liskeard Karswell du Crowleigh rằng hẳn thật không phải một quản thư tốt, và cái thư viện này còn lộn xộn hơn cả tâm điểm của một cơn động đất. Thay vào đó, cô chỉ có thể nói:

– Cái đó tôi cũng không rõ.

Đến giờ này thì tiếng cuộc đối thoại giữa Philippa và con yêu ve chai đã triệu hồi được John và Dybbuk. Nhác thấy người giữ đèn của ông Rakshasas, cả hai đã tự vũ trang cho bản thân một cây cọc cắm giầy bằng sắt và một cây kéo - tuy chẳng cái nào trong hai thứ ấy có thể đấu lại với hàm răng và bộ móng vuốt nhọn hoắt của con yêu. Trông thấy cái nhúu mày thật cao như thể không tin vào mắt mình của em gái, John nhún vai nói:

– Đây là vũ khí duy nhất bọn anh có thể tìm được. Sức mạnh djinn của chúng ta từ chối hoạt động trong đây.

Con yêu giải thích:

– Đó là vì ngài Rakshasas muốn như vậy. Phòng trường hợp sức mạnh của các người có thể làm rối tung mọi thứ ở đây.

Dybbuk bật cười ché giễu:

– Chỗ này mà còn có thể rối tung hơn nữa hả? Một bãi rác còn ngăn nắp hơn cái thư viện này.

Con yêu ve chai vẫn bình chân như vại giải thích:

– Đó là vì các người không nắm được nguyên tắc vận hành thư viện. Ngài Rakshasas trước đây vẫn phàn nàn về việc thường xuyên không tìm được thứ cần tìm ở đây. Cho đến khi ngài Nimrod thiết lập hệ thống vận hành theo điều ước để làm quà sinh nhật cho ngài ấy, các người chỉ cần ước muốn đọc sách gì là nó sẽ tự động được mang tới phòng đọc sách.

– Vậy phòng đọc sách ở đâu?

– Kế bên phòng ngủ.

Con yêu ve chai dẫn ba đứa trẻ đi qua một hành lang dài ngoằng khác, rồi leo ngược lên một cầu thang bằng sắt đúc kêu lèng xèng như tiếng chuông đổ bên dưới chân chúng.

To ngang ngửa một sân đánh tennis, phòng đọc sách của ông Rakshasas bao gồm một cái bàn giấy, một bàn hội nghị, một giá treo báo, vài kệ sách, cùng vài cái ghế thư viện bọc da đỏ nhìn rất tiện nghi.

Dybbuk trầm trồ khen:

– Tuyệt thật. Trông cứ y như câu lạc bộ các quý ông ấy.

Con yêu hướng dẫn chúng:

– Kiểm một cái ghế mà ngồi. Và chỉ việc ước. Cuốn sách mà các người cần tìm sẽ tự động được mang đến đây. Nhưng cố ước thật cụ thể vào. Nếu không biết được tên tác giả, hãy ước về một chủ đề chung, rồi mô tả ngắn gọn trong vòng một câu chữ về thứ mà các người muốn đọc.

Dybbuk là người ước đầu tiên:

– Chủ đề: bò sát học.

Philippa ước thêm vào:

– Các giáo phái thờ rắn trên bán lục địa Ấn Độ. Vận hành và thờ cúng.

Đến lượt John ước:

– Và nghệ thuật. Tranh vẽ. Tranh Hiệp Hội. Cũng từ bán lục địa Ấn Độ.

Cố gắng ước đến mức cụ thể nhất có thể về vấn đề mình quan tâm, Philippa nói:

– Mật mã và các loại mã.

Dybbuk kết thúc:

– Và đừng quên Hermann Goering. Tay sừ tầm tranh ảnh nghệ thuật và Đức Quốc Xã.

Ba đứa trẻ ngừng lại để suy nghĩ thêm những chủ đề khác có thể cần thiết cho công việc tìm kiếm của chúng. Và khi không còn nghĩ ra được gì, chúng chọn cho mình mỗi người một cái ghế, ngồi xuống và liên tục gõ gõ ngón tay trên thành ghế với vẻ sốt ruột.

Khoảng một phút trôi qua, trước khi cuốn sách đầu tiên là là bay vào phòng rồi tự hạ cánh xuống bàn. Philippa nhặt nó lên, liếc nhìn cái tựa có vẻ khá hứa hẹn và bắt đầu đọc. Những cuốn sách khác nhanh chóng theo sau, và chẳng bao lâu, cả ba đứa trẻ đều chúm đầu vào cuốn sách mà chúng đã chọn lựa.

Được viết bởi đại tá Mountstuart Wavell Killiecrankie, người dẫn chuyện cuốn sách mà Philippa đang đọc nói về khởi nguồn và lịch sử của Aasth Naag, một giáo phái thờ rắn được thành lập vào năm 1855 ở Kathmandu, thủ đô hiện nay của đất nước Nepal. Trước sự ngạc nhiên quá đỗi của cô, đại tá Killiecrankie mô tả việc làm thế nào mà giáo chủ của giáo phái này, một người đàn ông tên là Aasth Naag, đã sở hữu được bốn chiếc răng khôn trộm từ miệng của một cậu bé djinn tên Rakshasas. Aasth Naag đã sử dụng những chiếc răng này để chế tạo bùa thể thân - một con rắn làm từ vàng ròng và một viên ngọc lục bảo mang tên Koh-E-Qaf tạc theo hình cái đầu của một con hổ mang chúa.

Sử dụng bùa thể thân này, Aasth Naag đã buộc cậu bé djinn thành nô lệ của gã. Và để thu phục được lòng tin tuyệt đối của những tín đồ cuồng nhiệt, gã đã ước cho bản thân mình hoàn toàn miễn nhiễm trước nọc độc của tất cả các loài rắn. Tiếp theo vị đại tá mô tả việc người ta đã mang các loài rắn hổ

mang bành và rắn cạp nong độc nhất từ khắp Nepal và Nagapiu, một tỉnh phía Bắc Ấn Độ, đến thử sức với Aasth Naag. Đặc biệt có lần Aasth Naag để cho tám con rắn hổ mang chúa cắn cùng một lúc mà vẫn khỏe phây phây, và chính từ lần đó mà tên tuổi gã cùng giáo phái của gã trở nên nổi tiếng khắp nơi.

Hai năm sau khi giáo phái Aasth Naag được thành lập, Ấn Độ tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân của người Anh. Đứng trong hàng ngũ Anh Quốc, dĩ nhiên trong cuốn sách của mình, đại tá Killiecrankie nhấn mạnh sự tàn bạo của người Ấn, trong khi cố tình làm nhẹ đi sự dã man của phe mình trong công cuộc đàn áp cái mà họ gọi là “cuộc nổi loạn của tổ chức vô chính phủ”. Một hiệp ước đã được ký kết giữa người Anh và hoàng đế Nepal thời điểm đó - vương triều Rana - mà theo đó, người Nepal đồng ý trợ sức cho nước Anh. Tuy nhiên Aasth Naag lại phản đối hiệp ước ấy. Khi biết được Aasth Naag dự định tổ chức một cuộc nổi loạn thứ hai chống lại Anh quốc - với sự tham gia của vô số tín đồ cuồng tín của gã - đại tá Killiecrankie, lúc bấy giờ đang chỉ huy một trung đoàn lính Nepal Gurkha^[13], đã quyết định ám sát Aasth Naag và cướp đi bùa thể thân nổi tiếng của gã, Hổ Mang Chúa bằng vàng.

Và đến đây, phần tự kể của vị đại tá về giáo phái thờ hổ mang ở Kathmandu chấm dứt khá là đột ngột theo suy nghĩ của Philippa - như thể ông không có thời gian để kết thúc nó.

Sau khi nghe Philippa mô tả lại nội dung cuốn sách của vị đại tá, Dybbuk hỏi:

– Nè, các cậu có nghĩ đó chính là ông Rakshasas mà chúng ta biết không? Tôi biết djinn chúng ta có tuổi thọ dài hơn người thường, nhưng nếu vậy, ông ấy phải hơn 160 tuổi, đúng không?

Philippa nhún vai hỏi lại:

- Vậy bà dì Felicia của cậu năm nay bao nhiêu tuổi?
- Một trăm ba chục tuổi.

John nói thêm:

– Bà ngoại tụi tớ cũng gần 200 tuổi. Vậy có lẽ đúng ông Rakshasas là người vị đại tá kia nhắc tới. Nếu không thì tại sao ông Rakshasas và cậu Nimrod lại có vẻ kích động thế khi thấy tấm mề đay bằng đá đó?

Gõ tay cái bốp khi suy nghĩ của cậu đã giải mã thêm được một số chi tiết chưa sáng tỏ, John tuyên bố:

– Ồ, dĩ nhiên rồi! Chắc hẳn họ đang lo giáo phái đó sẽ hồi sinh trở lại. Bởi vì ông Rakshasas sẽ lại phải phục tùng bất kỳ kẻ nào nắm được bùa thể thân Hồ Mang Chúa.

Philippa gật đầu:

– Em cũng nghĩ thế. Chắc chắn đó chính là ông Rakshasas. Cứ nhìn cái hình minh họa trong sách xem. Nó giống như cái hình khắc trên tấm mề đay mà chúng ta tìm được. Ngoại trừ mấy cái dòng chữ nguệch ngoạc bên cạnh con rắn là khác thôi.



John phấn khởi nói tiếp:

– Điều em nói hoàn toàn hợp lý với những gì được viết trong cuốn sách này. Về những bức tranh. Tranh Hiệp Hội là những bức tranh có xuất xứ từ Hiệp Hội Đông Ấn Anh Quốc, vốn là một bộ phận của chính quyền thực dân Anh cai trị Ấn Độ trước cuộc khởi nghĩa năm 1857. Cũng giống như việc một du khách hiện đại chụp một bức ảnh lưu niệm tại một địa điểm đáng nhớ nào đó, nhân viên của hiệp hội này thường thuê họa sĩ vẽ lại phong cảnh địa phương nào đó để gửi về Anh.

Dybbuk nói:

– Tớ cá là bức tranh này có liên hệ với Hồ Mang Chúa. Nếu như cái bùa thể thân đó đúng là được làm từ vàng và có cái đầu to dùng bằng ngọc lục bảo, vậy thì đó chính là lý do tại sao Hermann Goering nghĩ bức tranh này đáng giá như một bức họa của Leonardo da Vinci. Bởi vì thằng cha tướng quân tham lam đó cho rằng bức tranh này là manh mối để kiếm được một món đồ thực sự béo bở.

Giờ cuốn sách đang đọc lên, Dybbuk lắc đầu tuyên bố:

– Tiếc là chả có thông tin đáng giá nào trong cuốn sách về Goering này. Mà nói thật, đây đúng là cuốn sách chán nhất mà tớ từng đọc.

Nói rồi Dybbuk thả tay quăng cuốn sách được nhắc tới qua một bên - một hành động mà Liskeard Karswell du Crowleigh liếc nhìn với vẻ phật ý thấy rõ, trong khi John hét lên khi cuốn sách bay vụt qua phòng đọc và hạ cánh thẳng xuống đầu cậu:

– Ê, chơi gì kỳ vậy?

Vừa xoa đầu cho đỡ đau, John cúi xuống nhặt cuốn sách về Goering lên và đặt nó lại trên bàn. Nhìn thấy một trang sách bị long ra khỏi gáy, John phàn nàn:

– Nhìn xem cậu đã làm gì này. Cậu làm hư cuốn sách rồi đó.

Tuy nhiên, khi mở cuốn sách ra với ý định gắn trang sách vào vị trí cũ, cậu phát hiện ra nó không phải là một trang sách bị long ra khỏi gáy gì cả, mà chính là một mẫu giấy ghi chú được gấp gọn với những dòng chữ viết

tay nhỏ xíu màu xanh biển nhìn giống như chữ viết của người lùn. Trái tim John như nhảy tung trong lồng ngực khi cậu ngay lập tức nhận ra nét chữ đó.

– Là nét chữ của ông Rakshasas.

Nhanh chóng đọc qua đoạn ghi chú đầu tiên, cậu cho biết:

– Đây là ghi chú cho chính mình của ông Rakshasas... về số phận bức tranh Hiệp Hội Đông Ấn của đại tá Mountstuart Wavell Killiecrankie!

* * *

Sau khi ba đứa trẻ đã tự biến thể vào cây đèn djinn của Ông Rakshasas, ông Groanin cũng chẳng có nhiều lý do gì để lưu lại trong Palm House ở Kew. Giữ cho cây đèn nhỏ xíu đủ ấm để lũ trẻ có thể chui ra khi cần dễ hơn nhiều so với việc giữ ấm cho ba đứa trẻ to xác. Cho nên ông nhặt cây đèn lên khỏi vị trí của nó bên dưới tán cọ dầu, thả nó vào trong một cái ba lô nhỏ khoác trên vai, và bắt đầu kiểm đường đi ra ngoài.

Tiến về phía cổng chính ở phía đông và khu Kew Green, nơi ông đậu chiếc Rolls-Royce của cậu Nimrod, vị quản gia một tay nhanh chóng nhận ra ông đang bị bám đuôi bởi hai gã đàn ông từ sau lưng và hai gã khác từ bên hông. Và có thể thấy rõ bọn chúng có ý định tiếp cận ông với mưu đồ trộm lấy cây đèn chứa ba đứa trẻ djinn. Ông Groanin vội bước nhanh, tuy nhiên một lần nữa ông nhận ra mình sẽ phải tự bảo vệ bản thân nếu không muốn đánh mất lũ trẻ cùng cây đèn.

Người ta vẫn thường nghe nói về những chiến binh tay không. Nhưng ít ai nghe nói về những chiến binh một tay. Và ông Groanin là một trong số đó với đai đen môn Sharawaggi, vốn là một môn võ Nhật xây dựng dựa trên sự mất cân xứng hoặc bất bình thường, và tận dụng sự khiếm khuyết, dị tật cơ thể để gài bẫy những đối thủ thiếu cẩn trọng.

Rất chuyên nghiệp, ông Groanin nhanh chóng khiến cho hai đối thủ đầu tiên nằm lăn lê bò càng trên cỏ, thở không ra hơi. Kẻ tấn công thứ ba chụp

lấy cổ tay ông Groanin, chỉ để nhận ra một giây sau cánh tay của hắn đã bị vặn tròn như chìa khóa của một món đồ chơi dây cót, khiến hắn không còn lựa chọn nào khác ngoài việc lộn nhào trên không nếu không muốn có một cánh tay bó bột. Cú hạ cánh xuống một thảm hoa tulip gần đó của hắn mạnh đến nỗi làm văng một con rắn hổ mang chúa to lớn ra khỏi ống quần hắn. Và, trông thấy ông Groanin, con rắn hổ mang lập tức ngóc đầu dậy và rít lên một tiếng như thị uy. Tiếp theo là một cú phun nọc độc sượt qua tai vị quản gia đáng kính.

Ông Groanin chỉ có thể la lên “Khi thật!”, trước khi nhanh chóng bỏ chạy về phía cổng chính, nơi chiếc Rolls-Royce đang chờ. Con rắn giận dữ và vài tên lưu manh khác mới xuất hiện từ sau các bụi cây đuổi theo sát nút. Tuy nhiên, ngay khi ông đến gần chiếc xe, một con hổ mang chúa to tướng khác từ bên dưới gầm xe chui ra, ngăn không cho ông Groanin chạm vào tay nắm cửa. Nhận ra mình giờ thật sự đã ở đường cùng, ông Groanin lập tức nhấn một cái nút màu đen trên cái móc khóa xe điều khiển từ xa, khởi động cái ký gửi ước - một điều ước khẩn cấp mà cậu Nimrod đã thận trọng gắn vào chiếc Rolls-Royce vì lợi ích và sự an toàn cho người tài xế một tay của nó. Ngay khi nhận được tín hiệu từ cái móc chìa khóa, cửa sổ chiếc xe lập tức hạ xuống, dàn âm ly bên trong xe bật lên, và một từ được đọc to qua hệ thống loa phát thanh của chiếc xe. Đó chính là từ trọng tâm của cái ký gửi ước mà cậu Nimrod đã ghi âm trên một đĩa CD:

– THEMORPHOLOGY!

Bộ phận tản nhiệt của hầu hết các chiếc Rolls-Royce thường được tô điểm bởi một biểu tượng bạch kim, được biết đến như *Tinh linh Đê mê*^[14], hay thỉnh thoảng là *Vân du nữ*^[15]. Nhưng quý bà bạch kim trên chiếc Rolls-Royce của cậu Nimrod lại được thiết kế theo hình tượng nữ thần tóc rắn Medusa, người mà theo truyền thuyết sở hữu một ánh mắt có thể làm bất động bất cứ ai nhìn vào, biến họ thành đá. Ngay khi từ trọng tâm của cái ký gửi ước được phát ra trên hệ thống loa phóng thanh của chiếc xe, cái biểu tượng lập tức nhảy khỏi chỗ đứng của nó trên bộ phận tản nhiệt và nhanh chóng gia tăng kích cỡ cho đến khi to bằng một người phụ nữ bình thường.

Mặt đối mặt với những kẻ tấn công ông Groanin, biểu tượng Medusa biến con rắn hổ mang gần nhất thành đá, rồi đến một trong những chủ nhân của nó.

Che chắn đôi mắt khỏi cái nhìn khủng khiếp của Medusa, ông Groanin mở cửa xe, nhảy vào trong ghế tài xế và lập tức lái xe đi. Đến lúc này, ông mới có thể thở phào nhẹ nhõm lắm bầm:

– Cám ơn Chúa vì “theomorphology”^[16]. Cho dù nó là cái gì.

Tuy nhiên, tâm trí của ông vẫn chưa hoàn toàn thoải mái, bởi vì một chiếc Rolls-Royce mà không có biểu tượng chẳng khác nào thành phố New York mà không có tòa nhà Empire State, hay Vòng chung kết Cúp FA mà không có cúp; và ông Groanin đang tự hỏi bản thân làm sao có thể thay thế Flying Lady trên một chiếc xe sản xuất từ năm 1955. Nhưng thật sự ông Groanin không cần phải lo lắng vì điều đó. Ở đâu đó giữa khu Kensington và khu Kew, biểu tượng Medusa, giờ đây đã trở lại kích cỡ bình thường, đã bắt kịp với chiếc xe và leo lên vị trí của nó trên đỉnh bộ tản nhiệt. Vì thế mà ông Groanin đã có thể hoàn thành chuyến đi của mình theo đúng phong cách mà ông đã quen thuộc từ đó đến nay. Vì có một sự thật ngầm hiểu về những người quản gia trên thế giới: họ coi trọng hình thức bên ngoài còn hơn chủ nhân của họ.

* * *

Hoàn toàn không hay biết gì về tình huống đầy kịch tính diễn ra bên ngoài cây đèn djinn - vì ông Rakshasas đã cẩn thận nghĩ đến việc thêm vào bộ thang bằng trên tàu thủy cho kiến trúc thư viện của ông - Philippa và Dybbuk chăm chú lắng nghe John đọc lớn phần ghi chú ngắn của ông Rakshasas cho chính ông mà chúng đã tìm thấy bên trong cuốn sách về Goering.

Vì chữ viết tay của ông Rakshasas cực kỳ nhỏ và ánh sáng bên trong phòng đọc không được tốt lắm, John chỉ có thể đọc từ từ:

– Người Anh cư xử rất đáng tởm ở Ấn Độ cả trước và sau cuộc khởi nghĩa. Và có một điều chắc chắn là, không ai cư xử đáng tởm hơn đại tá Mountstuart Wavell Killiecrankie. Sau khi trộm được Hồ Mang Chúa ở Kathmandu, Killiecrankie bắt tay vào việc diệt trừ giáo phái đã tạo nên nó, giáo phái mà ta là nạn nhân chính. Bản thân ngài đại tá hoàn toàn không biết gì về Hồ Mang Chúa ngoại trừ giá trị tiền tệ của nó - nội phần đầu rắn làm từ một viên ngọc lục bảo đã hơn 1.300 carat, hứa hẹn một khoản tiền không nhỏ. Nhưng ta cần nói lại lần nữa rằng không có một quân nhân Anh Quốc nào cư xử đáng tởm hơn đại tá Killiecrankie. Cho dù ta mang nợ ngài đại tá vì đã giải thoát ta khỏi kiếp nô lệ của giáo phái Aasth Naag, ta cũng không thể cho phép bản thân lờ đi tất cả những hành động man rợ mà ông đã làm đối với những tín đồ tội nghiệp người Ấn và Nepal của nó. Cho nên, không có gì đáng ngạc nhiên khi, trước khi ngài đại tá kịp nghĩ đến chuyện bán Hồ Mang Chúa, ông đã phải lo sợ cho tính mạng của chính mình và buộc phải sống kiếp trốn chui trốn nhủi. Nhưng cũng chỉ vô ích. Năm 1859, một năm sau khi cuốn sách của ông được xuất bản, ngài đại tá bị một con rắn hổ mang chúa cắn chết, với tình huống dẫn đến cái chết đến giờ vẫn còn là một bí ẩn.

– Tuy nhiên, có một điều chắc chắn là, người ta không bao giờ tìm ra Hồ Mang Chúa. Có vẻ như, khi nhận ra kẻ thù đã đến gần, đại tá Killiecrankie đã giấu đi bùa thể thân đó. Còn có một điều chắc chắn khác: trước khi chết, ngài đại tá đã liên hệ với gia đình mình và gửi cho họ một vài hướng dẫn để tìm ra Hồ Mang Chúa. Không ai rõ những hướng dẫn đó như thế nào, nhưng nhiều năm sau cái chết của ngài đại tá, ta có thể thấy được gia đình họ không có hưởng lợi trực tiếp gì từ những hiểu biết đó, và ta đã đi đến kết luận rằng Hồ Mang Chúa đã vĩnh viễn biến mất.

– Tuy nhiên, vào năm 1895, con gái ngài đại tá, Millicent, kết hôn với một chủ ngân hàng giàu có tên là Otto Kringelein. Họ có một cô con gái xinh đẹp tên Fania, người thừa hưởng bộ sưu tầm tranh ảnh khổng lồ của cha khi ông qua đời. Bộ sưu tầm này bị Đức Quốc Xã tịch thu năm 1936. Một trong số những bức tranh mà về sau thuộc sở hữu của Đại tướng Hermann Goering của Đức quốc xã là một bức tranh bình thường từ Hiệp

Hội Đông Ấn của chính quyền thực dân Anh tại Ấn Độ. Goering coi trọng bức tranh này hơn tất cả những bức tranh khác. Có vẻ như ông đã phát hiện ra nó là chìa khóa dẫn tới một món hời không tưởng. Bức tranh biến mất vào năm 1945, và ta nghĩ nó có thể bị hủy hoại trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến. Nhưng ta luôn lo sợ rằng một ngày nào đó, bức tranh, hoặc chính Hồ Mang Chúa, sẽ bị tìm ra, và ta sẽ lại một lần nữa trở thành nô lệ của giáo phái thanatophidian của Aasth Naga.

Tặc lưỡi một tiếng lớn và trợn tròn mắt, Dybbuk lầm bầm:

– Thanatophidian? Là cái quái gì mới được?

Rồi cậu ước cho một quyển từ điển. Một cuốn từ thư viện bay vào tay, Dybbuk mở ra kiểm tra và tìm được ý nghĩa của từ đó: “sự nghiên cứu về các loài rắn độc”.

Nhún vai một cái, Philippa nhận xét:

– Có một điều tớ không hiểu. Cứ cho là có một giáo phái *đang* tìm kiếm Hồ Mang Chúa đi. Nhưng để làm gì chứ? Ai cũng biết ông Rakshasas giờ đã rất già. Sức mạnh djinn của ông gần như không còn nữa. Tớ rất quý ông, dĩ nhiên, nhưng tớ thật không thấy lợi ích gì trong việc có một nô lệ djinn quá già thậm chí không thể ban cho ba điều ước.

Rồi bỗng ngừng lại khi một ý nghĩ chợt hiện ra trong đầu, cô lầm bầm:

– Trừ khi...

Đợi hoài mà không thấy Philippa hoàn thành câu nói của mình, Dybbuk gặng hỏi:

– Trừ khi cái gì?

Philippa cẩn thận lựa chọn từ ngữ để thể hiện ý của mình:

– Trừ khi, giáo phái đó không chỉ tìm kiếm Hồ Mang Chúa của Kathmandu, mà còn tìm kiếm rằng khôn để làm một bùa thể thân khác. Để nô dịch những djinn khác trẻ hơn, mạnh mẽ hơn.

Đưa mắt nhìn John, cô kết thúc câu nói:

– Như chúng ta.

John gật đầu. Là anh em sinh đôi với Philippa, chính bản thân cậu cũng đang nghĩ đến khả năng đó. Cậu nhận xét:

– Điều này giải thích được lý do tại sao có kẻ trộm viếng thăm nhà chúng ta.

Dybbuk hỏi:

– Vậy giờ chúng ta phải làm gì đây? Nếu cứ quanh quẩn ở London mà không có sức mạnh djinn, không sớm thì muộn chúng ta sẽ bị bắt cóc cả đảm. Thậm chí là gặp những chuyện tệ hơn. Chúng ta nên đến một chỗ nào đó ấm hơn. Nơi chúng ta có thể tự bảo vệ bản thân.

John gật đầu nói:

– Dybbuk nói đúng đó. Nhưng đi đâu mới được?

Philippa bảo anh:

– Cho đến khi chúng ta giải mã được những con rắn nhảy múa trong bức tranh Hiệp hội Đông Ấn, em nghĩ chỉ có một nơi chúng ta *có thể* đến. Kathmandu. Ở Nepal.

Dybbuk nói:

– Tớ cá đó là nơi cậu Nimrod và ông Rakshasas đến.

John tuyên bố:

– Vậy thì chúng ta sẽ đuổi theo họ.

Rồi mỉm cười, cậu nói thêm:

– Chỉ có điều, tớ cá ông Groanin sẽ không thích nơi đó cho mà xem.

Dybbuk hỏi:

– Sao cậu biết ông ấy sẽ đi chung với chúng ta chứ?

Philippa bảo cậu:

– Ông ấy sẽ không *muốn* đi. Nhưng ông ấy sẽ nghĩ ông ấy *cần phải* đi. Để có thể bảo vệ chúng ta.

Vẫn hoàn toàn không biết gì về sự cố vừa diễn ra bên ngoài cây đèn, cũng như sự góp mặt đầy anh hùng của ông Groanin trong đó, Dybbuk chỉ bật cười nhận xét:

Một người chỉ có một tay á? Giỡn hoài.



Chương 8

Giá lạnh ở Calcutta

Công viên Maidan, một mảnh đất rộng lớn với những thảm cỏ khô nẻ phía trước Bảo tàng Lưu niệm Victoria, là một trong những địa điểm được ưa chuộng nhất ở Calcutta, Ấn Độ, đặc biệt là vào ban đêm khi hàng ngàn người Ấn tụ hội lại đây để đi dạo, cưỡi xe ngựa, ăn dạo lề đường, hóng gió, hoặc ngắm nhìn những đài phun nước nghệ thuật gần đó. Những con bò được thả rông thong thả gặm cỏ, những đám người hăng say cãi cọ, và những bậc thầy tu khổ hạnh chăm chăm trình diễn sức chịu đựng và thân thể linh hoạt đến phi thường của họ - đó là trái tim đập rộn rã của thành phố Calcutta hiện đại.

Đây cũng là nơi mà cậu Nimrod và ông Rakshasas hiện đang đi quanh quần xung quanh hòng tìm kiếm dấu vết của giáo phái thờ rắn hổ mang Aasth Naag, vì Thầy tu Xanh Lục, thay cho lời cảm ơn họ đã giúp người dân vùng Sunderban thoát khỏi sự nguy hiểm từ cặp hổ djinn, đã khuyên họ nên bắt đầu tại đây.

Ông đã căn dặn họ:

– Không cần phải đi xa để tìm thấy tín đồ của giáo phái khủng khiếp đó. Hai vị sẽ tìm thấy chúng ở ngay thành phố Calcutta gần đây. Tại Maidan. Ở đó, hai vị sẽ gặp gỡ sự khai sáng mà hai người đang tìm kiếm, những người

bạn của ta. Ngay dưới mũi của mình. Nhưng nếu hai vị đi xa hơn một chút về phía Tây, và nếu có may mắn, nó sẽ tự tìm đến hai người. Nhưng một lời cảnh báo đến cả hai, hồi những djinn đáng kính. Hãy coi chừng cái lạnh khi trú ngụ tại Calcutta. Quấn người thật ấm, đặc biệt là vào ban đêm. Và ta nghĩ hai người còn phải đóng kín cửa sổ và khóa chặt cửa ra vào nếu không muốn bị một cơn cảm lạnh tệ hại dính vào.

Với nhiệt độ ngoài trời đến 37 độ C, khả năng ban đêm ở Calcutta trời trở lạnh dường như là chuyện xa vời, và cậu Nimrod nói điều đó với ông Rakshasas. Cảm thấy có chút mệt óc với vị Thầy tu Xanh Lục, cậu bảo:

– Đây đúng là rắc rối thường gặp với thiên thần. Đôi lúc gần như không thể hiểu được lời tiên đoán của họ.

Khẽ lắc cái đầu quấn khăn của mình, ông Rakshasas nói:

– Nếu họ nói thẳng cho cậu biết ai là người thắng cuộc trong giải đua ngựa ở Leopardstown^[17] thì họ không còn là thiên thần nữa rồi. Thiên thần tinh tế hơn nhiều. Họ chính thực là một câu đố được gói gọn trong một điều huyền bí bên trong một bí ẩn. Nếu tìm kiếm một câu nói thẳng, cậu nên cần một cỗ máy cử tạ, chứ không phải một thiên thần.

Cậu Nimrod khẽ nhăn mặt nhận xét:

– Có lẽ thế. Nhưng, tất cả những gì tôi muốn nói là, đôi lúc lời họ nói thật khó hiểu, về việc chúng ta có thể phải chuẩn bị cho một đêm giá lạnh. Và về việc chúng ta đang làm ở đây.

Ông Rakshasas vẫn giữ nguyên ý kiến của mình:

– Sự hiển nhiên không phải phong cách của họ. Chúng ta sẽ hiểu Thầy tu Xanh Lục muốn nói gì vào đúng thời điểm của nó chứ không phải trước đó.

Nhưng cậu Nimrod trông có vẻ khó bị thuyết phục bởi lý luận của vị djinn già. Cậu bảo:

– Ai đó nên thắp đèn của tôi lên đi, chứ tôi đang bắt đầu có cảm giác chúng ta đang chơi đuổi hình bắt bóng. Chúng ta đã ở đây cả tiếng đồng hồ mà có phát hiện được gì đâu.

Ông Rakshasas khẽ thở dài:

– Cậu đi giậm chân hơi mạnh rồi đó, Nimrod. Nhưng tôi cũng không thể bắt lỗi cậu về điều đó được. Không phải tôi nghĩ nó không có ở đây, cái mà tôi và cậu đang tìm. Chỉ là chúng ta không thể thấy nó. Ít nhất là trong tối hôm nay. Có thể nếu chúng ta quay lại vào tối mai sẽ may mắn hơn? Dù sao thì từ khi đến đây, tôi luôn cảm thấy ngứa ngáy sau gáy như có người đang theo dõi chúng ta. Và chắc chắn là, chẳng có ích gì để đi đặt bẫy một con cáo khi mà nó ngắm nhìn kẻ đi săn làm việc đó ngay trước mũi nó.

Cậu Nimrod chột bảo:

– Khoan, chờ chút. Anh nhìn kia.

Nói rồi cậu chỉ tay về phía một thanh niên ngồi xổm trên mặt đất cách họ chừng vài thước, người đang trình diễn thuật dụ rắn phục vụ cho đám đông xung quanh. Một con hổ mang chúa bự tổ chẳng, con to nhất mà cậu Nimrod từng nhìn thấy, đang từ từ ngóc đầu lên khỏi cái cần xé và lắc lư theo tiếng sáo của người thanh niên. Đáng nói hơn là, cứ mấy phút một lần, người dụ rắn lại thò tay ra vuốt đầu con rắn. Và trước sự chứng kiến của họ, con rắn trườn dọc lên cánh tay của chủ nhân rồi quấn mình quanh cổ hắn, tiếp tục rít lên một cách dữ tợn về phía đám đông.

Cậu Nimrod lẩm bẩm:

– Tôi đang tự hỏi, liệu hắn có phải là thứ mà chúng ta đang tìm kiếm hay không? Vì chắc chắn chỉ có một tín đồ thật sự của Aasth Naag mới dám mạo hiểm với vết cắn của một con rắn to như vậy.

Rồi ngừng lại nghĩ ngợi trong một giây, cậu nói thêm:

– Hoặc hắn có thể là một djinn, dĩ nhiên.

Ông Rakshasas bảo cậu:

– Để tìm được lời đáp cho câu hỏi của cậu, chúng ta cần phải kiểm tra con rắn, để xem răng của nó có bị bẻ đi hay chưa. Và một điều chắc chắn là chúng ta sẽ khó có thể làm được điều đó ở trước mặt nhiều người như thế này.

Cậu Nimrod khẽ gật đầu:

– Đúng là rất khó. Vì chúng ta đã thu hút quá nhiều sự chú ý từ khi đến đây rồi.

Cậu Nimrod đang ám chỉ đến việc sư Chatterjee, sư Mukherjee và sư Bannerjee - ba vị sư của ngôi đền Chín mươi lăm Mái vòm - đã đoán được danh tánh thật sự của hai vị khách quý của Thầy tu Xanh Lục, và tin tức về hai djinn đánh bại cặp hồ ma hiện đã tràn ngập khắp vùng Tây Bengal.

Cậu Nimrod nói:

– Từ giờ trở đi, chúng ta cần phải cẩn thận hơn. Không hiểu sao tôi lại quên mất cái chòi canh. Đáng lẽ tôi phải loại bỏ nó trước khi ba vị sư đáng kính của chúng ta quay trở lại.

Ông Rakshasas chỉ gật gù nhận xét:

– Đúng là khó để tạo nên một điều kỳ diệu mà lại hy vọng mọi người không nhìn vào ta với một ánh mắt buồn cười.

Rồi quan sát người dụ rắn thêm vài phút, ông Rakshasas lắc đầu nói:

– Không. Tôi không nghĩ người đàn ông kia thuộc về giáo phái mà chúng ta đang tìm kiếm. Cậu nhìn kỹ xem. Hẳn không đeo viên đá Naga - cái mẽ đay mà chị gái cậu đã gửi cho cậu. Tôi không tin hẳn dám mạo hiểm chạm vào con rắn mà không có một viên đá như thế quanh cổ.

– Đúng, tôi có thể thấy anh muốn nói gì.

Rồi bỏ vài đồng rupi^[18] vào cái giỏ cần xé của người dụ rắn, cậu giục:

– Chúng ta đi kiếm gì bỏ bụng đi. Tôi đói hoa cả mắt rồi.

Hai djinn rời khỏi công viên Maidan, hướng về khách sạn của họ. Dọc đường đi, vài người dân địa phương cố gắng bán cho họ đủ thứ khác nhau: một tấm thảm, một cặp voi khắc gỗ, vài đóa hoa, và một túi pani puri^[19]. Đi thêm một đoạn nữa, đến lượt một môn đồ của một guru^[20] tên Masamjhasara, thuộc dòng Jayaar Sho Ashram ở Lucknow, mời họ mua một đĩa CD mô tả cách thức mà vị guru đó đạt được sự khai sáng tinh thần, trong khi một người đàn ông khác tỏ ý muốn làm hướng dẫn viên du lịch cho họ. Một người đàn ông thứ ba chụp một bức hình của họ. Ấn Độ đích thị là nơi của sự bận rộn và đông đúc, và với vô số người cố gạ bán cho họ quá nhiều

thứ, hai djinn không nhận ra bức hình của họ được chụp bằng một máy ảnh nhiệt lượng. Hầu hết mọi người không có vấn đề gì với việc đó, nhưng với djinn, những người được tạo ra từ ngọn lửa và có cơ thể phát ra một dấu hiệu nhiệt năng màu đỏ bầm đặc trưng, nó lại là một vấn đề lớn. Như điều mà cậu Nimrod và ông Rakshasas sắp phát hiện, và với một cái giá khá đắt phải trả. Và theo một cách mà Thầy tu Xanh Lục đã cảnh báo trước. Tuy nhiên, như ông Rakshasas đã nói, đó là vấn đề thường xảy ra với các lời tiên đoán: đôi lúc nó cần phải trở thành hiện thực để có thể hoàn toàn hiểu được.

* * *

Ấn Độ là quê hương của món cà ri, và món cà ri cay nhất được biết đến dưới tên *phal*. Cà ri cay vì số lượng ớt được dùng trong công thức nấu ăn của nó. Càng nhiều ớt được sử dụng, món cà ri càng cay. Djinn, vốn được làm từ lửa, rất thích những món cà ri cay - đặc biệt là *phal* - và thường có thể xơi tái nhiều ớt trong *phal* hơn bất cứ mundane bình thường nào.

Trong nhiều năm nay, ông Rakshasas thường viếng thăm một quán ăn gia đình gần Bưu điện Trung tâm Calcutta có tên Ngôi nhà Cà ri Siraj-ud-Daula. Chủ quán, ông Hinduja, đã quen mặt ông Rakshasas và, biết được sở thích dùng món *phal* thật cay của ông, thường phục vụ ông một món *phal* đặc biệt làm từ 21 trái ớt mà ông gọi là *vasuki*. Món *vasuki* đó cay đến nỗi chỉ có một mundane duy nhất, ông Mittal, trưởng phục vụ ở quán, là có thể ăn hơn một muỗng. Đối với một djinn như ông Rakshasas, chi tiết này khá hữu ích, vì như vậy, ông Mittal có thể kiểm tra trước xem món *vasuki* có đủ cay hay không. Tuy nhiên hôm nay, hai djinn lại nghe tin ông Mittal đang bị bệnh nằm nhà và không thể đến nếm thử cái món *vasuki* đang được chuẩn bị trong bếp của Siraj-ud-Daula.

Ông Hinduja giải thích:

– Ông Mittal vừa đổ bệnh trưa nay. Khá là đột ngột. Cũng không phải bệnh nặng gì, mà chỉ là không khỏe để làm việc hết ngày, mong quý khách thông cảm cho.

Cậu Nimrod nói:

– Hy vọng không phải là do ông ấy ăn phải cái gì.

Ông Hinduja lập tức lắc đầu lia lịa phân minh:

– Ôi, dĩ nhiên là không rồi, hai vị khách quý của tôi. Chắc chắn không phải ở đây.

Cậu Nimrod quay qua ông Rakshasas hỏi:

– Hay là lần sau chúng ta hãy quay lại? Khi chúng ta có thể trông cậy vào cái lưỡi nhạy bén của ông Mittal? Tôi thật không muốn ăn phải một món cà ri không đủ cay. Tôi sẽ chết vì thất vọng mất.

Tuy nhiên, ngay khi đang nói, cậu Nimrod đã hít hà không khí như thể một con cún đói bụng bên trong một cửa hàng thịt, và có thể thấy rõ cậu ngần ngừ không thật sự muốn rời khỏi quán.

Hiếu ý người bạn djinn trẻ tuổi của mình, ông Rakshasas mỉm cười nói:

– Ừ, có lẽ cậu nói đúng. Tuy nhiên, đôi khi muốn ăn mà không dám mạo hiểm thì chẳng khác nào để bụng đói.

Cậu Nimrod cười thiếu điều rớt cả quai hàm:

– So sánh tuyệt vời đấy, anh Rakshasas.

Đã thống nhất ý kiến, hai djinn liền theo ông Hinduja đến bàn của họ, vốn là chỗ tốt nhất trong quán, ngồi xuống và bắt đầu thưởng thức món *vasuki* cay nhất trong lịch sử, với không phải 21 trái ớt mà đến 25 trái. Trên thực tế, nó cay đến nỗi cả đầu bếp lẫn toàn bộ nhân viên quán - ngoại trừ ông Hinduja, không ai ở đây biết họ là djinn - đều ra khỏi bếp để ngó xem ai lại có thể ăn một món cà ri cay khủng khiếp như vậy.

Tuy nhiên, món cà ri lại có nhược điểm của nó: mùi vị cay nồng của cà ri có thể dễ dàng giấu đi vị đắng nhẹ của thuốc ngủ. Đó chính là cơ hội mà Aasth Naag, với các tay do thám đã bám đuôi cậu Nimrod và ông Rakshasas ngay từ khi họ rời khỏi vùng đầm lầy Sunderban, luôn trông đợi. Và không mấy khó khăn để một tín đồ của giáo phái này lén vào trong bếp thông qua cửa hậu của quán và thêm vào nồi *vasuki* nóng hổi một loại thuốc ngủ cực mạnh nhưng chậm phát huy tác dụng. Cho nên, khi cậu Nimrod và ông

Rakshasas, như thường lệ, kêu thêm một suất ăn nữa, họ đã vô tình nuốt nhiều hơn nữa cái thứ mà họ không mong đợi.

Sau khi đã chén sạch sẽ phần ăn của mình và đáp lại tiếng vỗ tay tán thưởng đầy hâm mộ của đội ngũ nhân viên quán bằng một cái vẫy tay đầy khiêm tốn, cậu Nimrod đặt vài tờ giấy bạc giá trị lớn lên bàn và đứng lên, miệng không quên khen ngợi ông Hinduja:

– Đây đúng là món *phal* tuyệt nhất mà tôi từng ăn. *Phal* của các loại *phal*. Tựa như vụ phun núi lửa Vesuvian tái sinh ấy. Một sự bùng cháy mãnh liệt của mùi vị thực sự.

Ông Hinduja chìa thực đơn ra mời hai djinn:

– Tráng miệng nhé?

Ông Rakshasas lắc đầu bảo:

– Tôi không thể nuốt thêm bất cứ cái gì nữa. Ngay cả khi tính mạng của tôi phụ thuộc vào nó. Và lại, hôm nay là một ngày dài. Giờ tất cả những gì tôi cần là một cái giường thôi. Tôi nghĩ sáng mai cậu nên kiểm tôi trước lò sưởi, Nimrod, vì tối nay thế nào tôi cũng ngủ say như chết cho mà xem.

Cả hai người bọn họ đều ngáp ngáp dài trên đường về khách sạn, và họ đã gục ngủ ngay trước khi kịp thay pyjama. Họ thậm chí không còn đủ tỉnh táo để khóa trái cửa ra vào căn phòng khách sạn, hay đóng lại những khung cửa sổ kiến trúc Pháp trên ban công, như Thầy tu Xanh Lục đã dặn. Và điều đó làm cho những tên trộm được Aasth Naag thuê có thể dễ dàng mò vào phòng và giấu hai djinn đang bất tỉnh nhân sự vào giỏ đựng đồ giặt ủi của khách sạn.

Từ căn phòng của mình, cậu Nimrod và ông Rakshasas bị khuân xuống lầu và, dưới sự che giấu của bóng đêm, cả hai bị nhét vào thùng đông lạnh của một chiếc xe tải chuyên chở hàng đông lạnh. Đó là một biện pháp phòng ngừa khá hợp lý, trong trường hợp hai djinn có thể thức dậy giữa chừng trên hành trình dài đằng đằng trước mặt. Bởi vì djinn đóng băng hoàn toàn vô dụng.

Một khi đã an toàn trên đường, tên đầu sỏ băng trộm lập tức gọi điện thông báo tin tốt cho thủ lĩnh giáo phái. Vậy là sau hơn một trăm năm mươi

năm, Aasth Naag sắp sửa có trong tay không chỉ một mà đến hai djinn.

* * *

Sau vụ cặp hồ ma ở Sunderban, không chỉ có giáo phái Aasth Naag bám đuôi cậu Nimrod và ông Rakshasas. Iblis tộc Ifrit cũng có một tay mật thám ở Calcutta. Tên hã là Upendra Downmidhary và, ngay khi nghe được tin hai djinn đang ở trong địa bàn của mình, hã lập tức thu thập thông tin về cậu Nimrod và ông Rakshasas tại khách sạn mà họ đang ở. Rồi hã gọi điện cho Oleaginus, tay này lập tức đón chuyến bay từ Las Vegas đi Calcutta.

Tuy nhiên không ai trong số bọn chúng thực sự giỏi khoản do thám, cho nên, dù đã thay phiên nhau trông chừng khách sạn Grand Hotel 24/24, chúng vẫn không nhận ra đối tượng của chúng đã bị người khác bắt cóc mất tiêu. Ngày hôm sau, khi cả cậu Nimrod và ông Rakshasas đều không xuất hiện trong bữa sáng, bữa trưa rồi bữa tối, Oleaginus bắt đầu nghi ngờ có chuyện gì đó không ổn đã xảy ra.

Hã nói lớn suy nghĩ của mình:

– Chúng ta thấy bọn họ đi vào khách sạn tối hôm qua. Vậy thì một là họ vẫn ở trong phòng, hai là họ đã hóa thể biến đi đâu đó mà chúng ta không để ý.

Upendra chỉ có thể nhún vai nhận xét:

– Họ là djinn mà. Đó không phải việc djinn thường làm sao? Biến mất, rồi xuất hiện, trong một đám khói?

Oleaginus lên giọng dạy đời:

– Đó không phải lựa chọn hàng đầu của họ. Trên thực tế, họ thường tránh sử dụng sức mạnh djinn trừ khi thực sự cần thiết. Chuyện đó liên quan đến việc bảo quản năng lượng. Nhưng dù là gì đi nữa, tao nghĩ chúng ta có vẻ để lạc mất họ rồi.

Upendra gợi ý:

– Ê, nếu ban ngày họ đi đâu đó, vậy sao chúng ta không thử lục phòng họ xem? Tao có chôm được một cái chìa khóa vạn năng từ một con nhỏ phục vụ phòng đây này.

Oleaginus chẳng ưa gì cái ý kiến làm một hành động phạm tội rành rành như thế. Hoàn toàn chẳng biết gì về Ấn Độ và hệ thống pháp luật của nó, hẳn cứ cho rằng mình đang ở tại một quốc gia mà hình phạt dành cho tội trộm cắp là chặt tay. Tuy nhiên, hẳn cũng không thể phủ nhận việc lục soát phòng hai djinn là một ý kiến khá hay. Bằng cách đó, hẳn có thể thu được vài sợi tóc từ cái lược chải, hay thậm chí là một cái móng tay - đủ để hẳn đặt một chú trói buộc lên hai djinn và đóng chai họ lại, theo những gì chủ nhân hẳn đã hướng dẫn. Iblis sẽ rất hài lòng với hẳn. Nó dĩ nhiên không tuyệt bằng việc bắt giữ hai đứa nhóc djinn sinh đôi, nhưng chắc chắn nó cũng phải đứng thứ nhì trong số những việc có thể làm chủ nhân hẳn vừa ý.

Hẳn gọi lên phòng từ điện thoại công cộng ở sảnh lớn khách sạn để kiểm tra lần cuối xem có ai ở đó không. Và trong khi chờ câu trả lời, hẳn thả cho đầu óc tham lam của mình bay bổng trên những con đường ở Monte Carlo, nơi hẳn dự định sẽ sinh sống bằng ba điều ước đạt được từ Iblis như một Bá Tước Monte Cristo thời hiện đại. Chờ một lúc, hẳn gác máy và xoa xoa tay tuyên bố:

– Không có ai bắt máy. Đi thôi. Căn phòng đang chờ chúng ta đến phạm tội đấy.

Sử dụng cái chìa khóa vạn năng chôm được, hai gã đàn ông lén vào trong căn phòng khách sạn rộng lớn với hai chiếc giường bốn cọc cỡ lớn, vò nước bằng vàng và có đến ba cái ban công. Đúng như chúng dự đoán, không có ai trong phòng. Nhưng trong tủ quần áo treo đây quần áo, hầu hết là của cậu Nimrod, chứng tỏ hai djinn vẫn chưa trả phòng.

Quan sát căn phòng, Upendra nhận xét:

- Máy djinn này thật biết cách sống nhỉ?
- Màý ngốc vừa thôi. Dĩ nhiên họ phải biết cách sống. Bộ màý từng nghe nói đến một djinn nhà nghèo hả? Không có, đúng không? Dĩ nhiên màý chả

bao giờ nghe nói đến một điều vô lý như thế rồi. Chỉ có một gã ngốc mới nghĩ đến việc djinn không sống sung túc.

– Vâng, vâng, mà nói gì cũng đúng.

Âm ừ cho qua chuyện, rồi Upendra đi vào một trong những cái phòng tắm khổng lồ.

– Ê, mà vào đó làm gì thế?

– Thì để tìm lược hoặc móng tay gãy như mà nói, chứ chi?

– Đồ ngu. Mà đúng là chẳng biết gì về djinn. Một điều mà djinn không bao giờ làm là vứt lược lung tung. Họ luôn bỏ nó trong két sắt. Tương tự với móng tay gãy.

Rồi như thể muốn chứng minh cho luận điểm của mình, Oleaginus hất tay về phía một xấp rupi dày cộm trên một cái bàn nhỏ cạnh giường và nói:

– Còn tiền hả? Đó lại là một chuyện khác. Họ thật sự chẳng có chút tôn trọng nào đối với tiền bạc, và cũng chẳng bao giờ mơ tới chuyện trông giữ chúng đàng hoàng. Tiền chỉ là một thứ họ có thể tạo ra bất cứ khi nào cần. Nhưng một cái lược á? Nó lại là một thứ thật sự có giá trị.

Nói rồi Oleaginus mở tủ quần áo ra và, sử dụng một cái tua vít nặng trĩch mà hắn mang theo trong một cái cặp da, phá khóa cửa két sắt chỉ trong vài phút. Bên trong đó, đúng như dự đoán, hắn tìm thấy hai cái lược và một cái khăn tay đã qua sử dụng - không kém hữu ích cho một kẻ như hắn dù với một lý do hơi bị mất vệ sinh - một cái túi nhỏ đựng vài cái móng tay đã cắt, và - cả hai cái bàn chải đánh răng. Tất cả những thứ đó vốn đã đủ hứng thú với gã người hầu của Iblis. Tuy nhiên, có một thứ khác trong cái két sắt mà hắn cầm lên và đăm đăm nhìn như thể đó chính là chiếc chén Thánh của Thượng đế: cái phích nhiệt mà ông Rakshasas mang ra khỏi vùng Sunderban.

Chỉ vào cái nhãn đề trên phích, Oleaginus thiếu điều nói không ra hơi:

– Không thể tin được. Nhìn này! Nó ghi là “SINH ĐÔI”.

Rồi bật cười ha hả, hắn tuyên bố:

– Hơn cả mong đợi của tao. Mà biết không, lần cuối tao nghe về hai đứa nhóc nhà Gaunt, John và Philippa, tụi nó còn đang ở New York. Người của tụi tao ở đó bảo luôn theo dõi chúng 24/24.

Rồi lắc lắc đầu như thể muốn xóa bớt vài suy nghĩ dư thừa ra khỏi cái đầu đã làm việc quá tải của hã, Oleaginus nói tiếp:

– Nhưng nếu đúng là thế, vậy thì tại sao thằng cha Nimrod này lại phải cất cái phích tuốt trong két sắt? Vì Chúa, hã biết bao nhiêu cặp sinh đôi chứ? Ê, đưa tao cái máy scan nhiệt mà tao mang theo từ Mỹ coi.

Upendra đưa cho gã đồng nghiệp người Mỹ cái cặp da của hã. Oleaginus mở cặp, rút ra cái máy scan, bật nó lên, rồi cẩn thận đặt cái phích bên dưới thấu kính của nó. Bên trong cái phích, hai cái đốm tròn màu đỏ bầm đang di chuyển lung tung trong cái lồng kiếng của chúng, như hai chất nguyên sinh nóng nhỏ xíu được quan sát bên dưới một cái kính hiển vi điện tử. Không còn nghi ngờ gì nữa. Cái phích đích thật đang chứa đựng hai djinn.

Oleaginus thì thào:

– Chúng ta hơi to rồi.

Upendra, người thông minh hơn tay người Mỹ, nghi ngờ hỏi:

– Nhưng nếu đây là cặp nhóc sinh đôi, John và Philippa, vậy ai đang bị theo dõi 24/24 ở New York chứ? Hoặc là người của mày làm việc không đàng hoàng, hoặc là...

Oleaginus khó chịu hỏi lại:

– Hoặc là cái gì?

Nhún vai một cái, Upendra thú nhận:

– Tao cũng không nghĩ ra “hoặc là” gì nữa.

– Mày không thể, nhưng tao có thể đấy. Chắc chắn là bọn họ đang theo dõi một cặp Nơi Khác ở New York. Mà mày hiểu tao nói về cái gì không? Cái đó giống như một bản sao vô tính, tạo ra với mục đích cung cấp chứng cứ ngoại phạm hoặc để đánh lạc hướng. Dĩ nhiên cần một thiên thần để tạo ra Nơi Khác. Nhưng tao nghe nói lũ nhóc đó cũng giỏi miệng lưỡi thuyết phục lắm.

Gật gật đầu như tán thành giả thuyết của mình, Oleaginus tuyên bố:

– Đúng là thế. Mọi việc giờ đã sáng tỏ hơn nhiều. Nó giải thích rõ ràng được việc làm sao lũ nhóc đó lại có thể cùng một lúc có mặt ở hai nơi. Ở đó, tại New York, và ở đây, trong cái phích này.

Nói rồi Oleaginus gấp cái máy scan nhiệt lại, và cất nó cùng cái phích nhiệt vào lại trong cặp. Đóng cặp lại, hãnh giục:

– Đi thôi. Đã đến lúc chúng ta chuồn gấp khỏi đây.

– Nhưng còn mấy cái lược thì sao? Và mấy cái móng tay gãy nữa?

– Quên chúng đi. Mỗi tay nên giữ một con chim thôi. Vả lại, ngài Iblis đã nói rõ cặp sinh đôi chính là thứ ngài muốn bắt giữ mà.

Đến giờ thì nụ cười trên khuôn mặt của Oleaginus đã ngoác đến tận tai. Ba điều ước của hắn đang nằm gọn trong cái cặp da! Phải thế chứ. Lắc lắc đầu như thể vẫn còn bàng hoàng trước những gì hắn đã làm được, Oleaginus lẩm bẩm:

– Ngài Iblis sẽ ngạc nhiên lắm đây khi tao giao lại chúng. Tao nóng lòng nhìn thấy mặt ngài ấy quá đi.



Chương 9

Nunc Fortunatus Sum

Từ London, ông Groanin và ba đứa trẻ đón chuyến bay đi Kathmandu kéo dài mười tiếng rưỡi của hãng hàng không Gulf Air để tìm kiếm tòa pháo đài màu hồng được mô tả trong bức tranh Hiệp Hội. Đặt chân lên thủ đô châu Á sôi động này, cả bốn người thấy mình lạc vào một thế giới hoàn toàn khác so với những gì họ tưởng tượng. Thay vì những nhà leo núi với ánh mắt thép, những nhà thám hiểm cứng cỏi, và những bậc thiền sư bí hiểm, họ nhanh chóng bị vây quanh bởi dân hippy, người bán thảm đạo, xe ngựa chở đầy nhóc khách du lịch, cảnh sát chống bạo động, và những tăng lữ tập sự trong bộ áo chùng màu nghệ tây đến từ khắp nơi như Buffalo, New York, Detroit, Michigan... bận rộn buôn bán sự khai sáng mà họ tìm được trong đủ loại ashram.

Leo lên chiếc taxi rệu rã sẽ chở họ về khách sạn, Dybbuk liếc nhìn tờ rơi được giúi vào tay cậu chỉ một giây sau khi họ rời khỏi phi trường và hỏi:

– Ashram là gì mới được?

Vẫy tay xua một vị sư tập sự ra khỏi cửa sổ để mở cửa chiếc taxi, ông Groanin giải thích:

– Nó là một dạng ẩn dật mang tính chất tôn giáo. Dành cho những ai muốn tìm kiếm sự yên tĩnh và thiền định, hoặc những thứ tương tự. Nhưng

ta thấy nó hơi bị nhảm nhí. Nếu muốn tìm kiếm sự khai sáng, họ nên đi đọc một cuốn từ điển bách khoa toàn thư hay một tờ báo có uy tín nào đó. Làm sao họ có thể tìm thấy nó với đôi mắt nhắm nghiền và miệng lẩm bẩm mấy câu thần chú ngớ ngẩn chứ?

Cặp sinh đôi liếc nhìn nhau và khẽ mỉm cười. Đi ra nước ngoài cùng ông Groanin luôn thú vị.

John hỏi:

- Thần chú là gì vậy ông?
- Là một từ mà họ lập đi lập lại để giúp làm rỗng đầu óc vốn cũng không có gì nhiều bên trong.

Dybbuk hỏi một cách đơn giản:

- Tại sao?

Ông Groanin gật gù:

- Hỏi câu này hay à. Tại sao họ cần làm rỗng đầu óc? Để họ có thể khám phá ý nghĩa của cuộc sống, nghe đồn là vậy. Hoặc để ba cái thứ lòe người khác kiểu kiểu như thế.

Họ nhận phòng khách sạn, rồi bắt đầu lang thang quanh thành phố, nơi một khám phá dạng khác đang chờ đợi họ. Không chỉ gặp vô số người du rần ở quảng trường Durbar, họ còn nhận ra phần lớn các đền chùa của thành phố đều có hình khắc rắn hổ mang ở bên ngoài. Bên trong cung điện Deotalli Durbar, bức tượng bằng vàng ròng của một vị hoàng đế Nepal xa xưa ngồi trên một cái ngai vàng được che chở bên dưới một cái mang bành rộng của một con hổ mang khổng lồ. Có vẻ như họ đang ở đúng phần thế giới có liên quan đến hổ mang.

Tuy nhiên, Philippa chẳng mấy chốc nghi ngờ họ đã tìm sai chỗ, vì không có tòa nhà nào ở Kathmandu nhìn giống như tòa pháo đài màu hồng bên trong bức tranh Hiệp hội Đông Ấn mà họ mang theo từ London. Đó cũng là ý kiến của Padma Trungpa, một thanh niên làm việc ở quầy lễ tân khách sạn nơi họ ở.

Liếc nhìn bức tranh, Padma bảo ba đứa trẻ:

– Anh có thể cam đoan với mấy đứa rằng đây không phải một tòa nhà ở Nepal. Anh thấy, nó nhìn giống một pháo đài ở bang Uttar Pradesh phía Bắc Ấn Độ hơn. Bang đó nằm ở ngay phía Nam Nepal. Nhưng mà, mấy đứa mà đến đó kiểm theo cách như thế này thì cũng chỉ là mò kim đáy bể thôi. Ấn Độ có vô số pháo đài và cung điện. Anh rất tiếc, nhưng anh nghĩ mấy đứa đang gán lên người một nhiệm vụ bất khả thi nhất đó.

Cả bọn đành phải lủi thủi leo lên phòng, thiếu điều nản chí hoàn toàn nếu không phải vì sức mạnh djinn của ba đứa đã quay lại trong cái nóng ngột ngạt của Kathmandu. Thời tiết quá nóng đối với ông Groanin, người bắt đầu càu nhàu với những đứa trẻ mà chính ông khăng khăng đòi đi theo.

Ông phàn nàn:

– Ta thật không biết trời xui đất khiến sao mà ta lại bị thuyết phục đi đến cái nơi khi ho cò gáy này. Cả cuộc đời, ta chưa bao giờ cảm thấy nóng bức thế này. Chưa bao giờ.

Sử dụng sức mạnh djinn của mình, John úm ba la ra một cây quạt điện to đùng, giúp ông Groanin cảm thấy thoải mái hơn - ít nhất là đủ để ông ngừng than phiền. Rồi cậu lại tập trung chú ý vào bức tranh Hiệp hội mà Philippa đã trải ra trên bàn, đặc biệt là rừng rậm uốn éo chạy ở đáy tờ giấy.

Quay qua em gái, John hỏi:

– Em nghĩ ra gì chưa?

Philippa liếc nhìn bức tranh và khẽ lắc đầu. Đọc cuốn sách về mã và mật mã trong thư viện của ông Rakshasas, cô chẳng hiểu gì mấy. Trên thực tế, nó còn làm cô cảm thấy càng rối trí hơn.

Cô lẩm bẩm:

– Chưa được bao nhiêu. Em chỉ biết nó không thể là một loại mật mã quá khó. Nếu không thì Killiecrankie sẽ chẳng cần tốn công viết bằng mực tàng hình.

Ông Groanin gật đầu:

– Suy luận tốt đó.

Căng mắt nhìn những hàng rậm nhảy múa, John gãi gãi đầu nói:

– Quái, nhìn máy cái này quen quen. Nó làm anh nhớ tới một cái gì đó. Mà cái gì mới được?

Rồi đột ngột, cậu bỗng nhớ ra.

– Ặc, sao anh có thể quên được nhỉ? Dĩ nhiên anh biết tại sao nhìn nó quen quen. Sao anh không nghĩ đến nó khi còn ở thư viện chứ? Mà anh lại là một fan hâm mộ Sherlock Holmes cơ đấy! Nó giống y chang *Cuộc phiêu lưu của những người đàn ông nhảy múa*, một trong những tập truyện hay nhất mà Conan Doyle từng viết. Ngoại trừ việc, thay vì những người đàn ông, ở đây là những con rắn nhảy múa.

Cầu nhàu lớn tiếng như một cây kèn fagôt và trợn tròn mắt, Dybbuk nhặt một bánh xe cầu kính Tây Tạng^[21] lên khỏi bàn uống cà phê, dứ dứ trước mặt John và dọa:

– Rốt cuộc cậu có định nói cho tụi này biết cậu đang lèm bèm về cái gì không? Hay cậu muốn tớ cầm cái này đập cậu một trận mới chịu nói há?

Hết chịu nổi, ông Groanin trừng trừng nhìn vào Dybbuk bảo:

– Ê, đưa cái đó đây. Không biết thì dựa cột mà nghe đi. John đúng đó. Ta nói, John đúng đó. Những con rắn này nhìn giống y trong *Cuộc phiêu lưu của những người đàn ông nhảy múa* trong truyện Sherlock Homes. Phải chi có mang theo một cuốn từ London, chúng ta sẽ biết được tay thám tử đó đã giải được mấy cái mã này như thế nào.

John chỉ đơn giản nói:

– ABECEDARIAN!

Và bốn cuốn *Sự trở về của Sherlock Homes*, tuyển tập truyện có nói về *Cuộc phiêu lưu của những người đàn ông nhảy múa* xuất hiện trên bàn ngay trước mặt mỗi người. Chúng y như cuốn *Sự trở về của Sherlock Homes* phiên bản sách bìa mềm mà John vẫn để trên kệ sách ở nhà cậu tại New York.

Ông Groanin khen ngợi:

– Thông minh!

John khiêm nhường nhún vai bảo:

– Cơ bản thôi mà, ông Groanin thân mến của cháu.

– Bây giờ, ta đề nghị tất cả chúng ta đọc cuốn sách này. Ta nói là, hãy đọc kỹ cuốn sách này và tập trung trí óc tìm ra giải pháp cho sự bí ẩn trước mặt chúng ta. Giống như thám tử Holmes đã làm.

Dybbuk càu nhàu với John:

– Gì? Lại phải đọc sách nữa hả? Có vẻ như tất cả những gì tớ làm từ khi mắc kẹt với các cậu là đọc và đọc toàn những sách dở hơi.

Rồi lắc đầu một cách chán nản, Dybbuk nói:

– ZYGOBRANCHIATE! Ước gì tôi biết được cách giải cái mật mã quái quỷ này.

Nhe răng cười chế giễu, John bảo:

– Điều ước không hoạt động như thế. Cậu nên về đọc lại *Những quy luật Baghdad* đi. Mục 4, phần 3, đoạn 1. “Không thể ước những gì không biết. Chỉ có thể ước cho những gì *đã biết*”.

Đó là một sự phân biệt tinh vi mà không phải ai cũng nhận ra.

Dybbuk dĩ nhiên biết điều đó, vì thật ra cậu cũng không đến mù tịt hay coi khinh các loại sách (bao gồm cả cuốn *Những quy luật Baghdad*) như thỉnh thoảng cậu vẫn giả vờ. Cho nên cậu chỉ nói:

– Tớ chỉ nói thế, chứ đâu có cố biến nó thành sự thật đâu.

Philippa thắc mắc:

– Vậy cậu nói ra từ trọng tâm của cậu làm cái gì? Nếu không phải cậu đang cố biến điều ước của cậu thành hiện thực?

Dybbuk nhún vai trả lời:

– Thói quen. Chỉ là thói quen thôi.

Ông Groanin nhặt cuốn Sherlock Homes trước mặt mình lên, mở nó ra và mạnh tay gập bìa sách về phía gáy - Philippa nhăn mặt khi thấy vậy - rồi nói:

– Nào nào, các nhóc này, chúng ta còn có một cuốn sách để đọc đấy. Nếu muốn có cơ hội biến điều ước của Dybbuk thành sự thật.

Cẩn môi, Dybbuk nhăn nhó sửa lại:

– Buck. Chỉ cần gọi cháu là Buck thôi, ok?

* * *

Philippa vẽ một bảng kẻ ô trên một tờ giấy trắng, trong đó bao gồm 24 ô vuông. Trong mỗi ô, cô vẽ vào một con rắn trong mặt mã hoặc để trống.

Cô lên tiếng trước tiên:

– Sherlock Homes đã nói, *e* là chữ cái thông dụng nhất trong bảng chữ cái, và thậm chí là trong một câu ngắn, cho nên nó có nhiều khả năng xuất hiện nhất so với các chữ cái khác. Trong bản mặt mã của chúng ta, con rắn hướng về phía tay trái và có gắn số 5 sau đuôi xuất hiện 28 lần, nhiều hơn so với những con rắn khác. Có nghĩa, dựa theo nhận định của thám tử Holmes, nhiều khả năng nó là chữ *e*.

Nói rồi cô viết chữ *e* vào kẻ con rắn này trong bảng kẻ ô của mình.

Đến lượt ông Groanin đưa ra kết luận:

– Còn một điểm nữa. Các cháu có chú ý thấy, một số con rắn có lưỡi thè ra, trong khi những con rắn khác không có? Một lần nữa, dựa theo nhận định của Holmes về những người đàn ông nhảy múa, ta nghĩ có thể kết luận sự xuất hiện của cái lưỡi rắn chẻ làm đôi được dùng để ngắt hàng những con rắn thành những từ hoàn chỉnh.

Vẽ một vạch thẳng đứng vào trong bức mặt thư đằng sau mỗi con rắn có lưỡi, ông tuyên bố:

– Và như vậy, chúng ta có thể thấy rõ một vài từ trong đây chỉ có ba chữ cái. Những từ tiếng Anh ba chữ cái thông dụng nhất là *the, and, for, but, not, all* và *too*. Nếu thêm vào những gì Philippa nói về chữ *e*, chúng ta gần như có thể lập tức đoán được cả sáu từ trong đây. Và điều đó đồng thời cung cấp cho chúng ta chữ *t* và chữ *h*.

Viết một chữ *t* và *h* vào hai ô trong bảng kẻ của Philippa và bên dưới những con rắn trong bức mặt thư, ông mỉm cười nhận xét:

– Cứ như chơi ô chữ ấy nhỉ!

Philippa nói:

– Hoặc chơi sắp chữ.

Dybbuk nhăn nhó:

– Tớ ghét trò sắp chữ.

Đến lượt của mình, John chỉ tay vào tất cả những từ có thể được tạo ra bởi hai chữ cái và nói:

– Những từ này đều có hai chữ cái.

Rồi cậu bắt đầu viết ra tất cả những từ hai chữ cái mà cậu có thể nghĩ đến.

– Những từ như *of, to, in, is, be, he, by, or, at, it, if, on, er...*

Dybbuk xen vào:

– *Er* đâu phải từ.

Đến lượt John nhún vai phân bua:

– Tớ biết chứ. Chỉ là tớ không nghĩ ra được từ hai chữ cái nào nữa.

– Cậu quên *as, an, và so* rồi.

Nhìn Dybbuk nhanh chóng điền những từ đó vào danh sách, John có cảm giác Dybbuk có lẽ không tệ trò sắp chữ như biểu hiện bên ngoài của cậu.

Xem xét lại những kết luận đã có được, Philippa tuyên bố:

– Ok. Dựa vào những gì biết được về chữ *t* và chữ *h*, chúng ta có thể xác định được một số từ hai chữ ở đây. Và đổi lại, chúng ta có thêm được chữ *o, i, f, a* và *n*.

Thêm những chữ cái vừa tìm được vào bảng kê ô của mình, cô mỉm cười nói:

– Chúng ta sắp tìm ra đáp án rồi. Chúng ta thật sự sắp sửa tìm ra đáp án rồi.

Cô đã nói đúng. Dần dần, với sự giúp đỡ của Sherlock Homes và tiến trình loại trừ đơn giản, họ đã có thể thấy được bản mật mã này thực sự không phức tạp như họ tưởng. Những con răn hướng đầu về góc trên bên trái của một ô vuông tưởng tượng ngụ ý chỉ sáu chữ đầu tiên trong bảng chữ cái, và những con hướng đầu xuống góc dưới bên trái biểu trưng cho sáu

chữ cái tiếp theo, nếu *i* và *j* cũng được coi là một chữ cái. Những con rắn hướng đầu về góc trên bên phải tương đương chữ *n, o, p, q, r*, và *s/z* còn những con hướng đầu về góc dưới bên phải là những chữ từ *t* đến *z* Chẳng mấy chốc, Philippa và ông Groanin đã viết ra được đầy đủ thông điệp của đại tá Mountstuart Wavell Killiecrankie.

“I scotched the snake not skilled it. And fled to this terrible place of misery where I shall probably die at the hand of my enemies. But I am in luck now. And you, too, would do well to come down here and discover a king’s ransom in the green eyes of the cobra king of Kathmandu. Look for the third snake. But beware the eight. M. W. K”

“Ta làm con rắn bị thương nhưng không giết được nó. Và chạy trốn đến cái nơi khổ cực khủng khiếp này, nơi mà ta có lẽ sẽ chết dưới tay kẻ thù. Nhưng giờ ta đang trong may mắn. Và người cũng sẽ khâm khá nếu đi xuống đây khám phá tiền chuộc của một vị vua bên trong đôi mắt xanh lục của hổ mang chúa Kathmandu. Hãy tìm kiếm con rắn thứ ba. Nhưng coi chừng con rắn thứ tám. M. W. K”

Tuy nhiên, dù ông Groanin và bọn trẻ giờ đã hiểu nghĩa của tất cả các từ, ý nghĩa thật của chúng lại đang chơi trò cút bắt với họ. Lắc lắc cái đầu một cách mệt mỏi, Dybbuk rên rỉ:

– Đã ra đến đây mà vẫn còn không hiểu được thông điệp này muốn nói gì mới ghê chứ. Tay đại tá này kín kẽ quá mà. Thảo nào gia đình ông không tìm được gì.

John quay qua hỏi ông Groanin:

– Scotch nghĩa là gì vậy ông?

Ông Groanin nhăn nhó cái mặt trả lời:

– Là làm bị thương một thứ nguy hiểm gì đó. Nhưng đừng có hỏi ta giải thích tại sao nó mang nghĩa đó. Ta chả biết gì về Scotland cả.

Dybbuk lại lắc đầu nói:

– Chắc là chúng ta mắc phải sai lầm ở chỗ nào rồi.

Ông Groanin phán chắc như đinh đóng cột:

– Không có sai lầm gì ở đây. Trên tư cách một người đã chơi giải ô chữ hàng chục năm trời, ta có thể đảm bảo điều đó.

John thắc mắc:

– Nhưng vậy thì khó hiểu quá, ông Groanin. Làm sao ông có thể nói ông sắp chết dưới tay kẻ thù, rồi sau đó lại nói ông đang trong may mắn được chứ?

Dybbuk cũng cùng ý kiến:

– Đúng thế. Ông Rakshasas bảo đại tá Killiecrankie bị một con hổ mang chúa cắn chết. Cháu chả thấy có gì may mắn với chuyện đó cả.

Cảm thấy thật nản chí, Dybbuk vung tay vỗ vào bức tranh Hiệp Hội và đứng lên đi loanh quanh trong phòng, rồi dừng lại trước một tấm bản đồ đất nước Nepal và vùng Bắc Ấn Độ được đóng khung treo trên tường.

John lầm bầm:

– M. W. K. Chúng đúng là viết tắt tên họ của tay đại tá đó rồi. Và cũng không có gì sai với “đôi mắt xanh lục của hổ mang chúa Kathmandu”. Tất cả đều hợp lý. Có thể chúng ta *đang ở* đúng thành phố đó cũng nên.

Dybbuk gạt đi:

– Theo như anh chàng tiếp tân khách sạn thì không.

Rồi đặt một ngón tay lên tấm bản đồ và dịch chuyển nó từ Kathmandu đến Uttarak Pradesh, cậu bảo:

– Theo như anh ta nói, chúng ta nên tập trung tìm kiếm ở khu dưới này mới đúng.

Ông Groanin bảo cặp sinh đôi:

– Ta e là cậu nhóc này nói đúng đấy. Xét về mặt kiến thức, chúng ta cách xa mục tiêu quá mức rồi.

Nói xong, ông mở một hộp thức ăn trẻ em - đó là loại thức ăn duy nhất mà ông dám đụng tới một khi rời khỏi nước Anh - và bắt đầu nhấm nháp nó.

Dybbuk nhăn mặt nhận xét:

– Cháu thật không hiểu tại sao ông có thể nuốt được cái thứ này.

Ông Groanin trả lời:

– Chẳng có gì là không thể cả. Cháu chỉ việc há mồm ra và đút muống vào.

Dybbuk cười sảng sặc:

– Nhưng nó chỉ là một mớ hổ lốn thôi.

– Này, chàng trai trẻ, ta ăn cái thứ mà cậu gọi “một mớ hổ lốn” này bởi vì bao tử ta không tiêu hóa nổi mấy cái món tạp chất nước ngoài. Cà ri với chả cà ra. Ít nhất cái món này nó được tiệt trùng. Thức ăn cháu có thể đưa cho trẻ sơ sinh mà không bị cắn rứt lương tâm. Và cháu sẽ không thể kiếm ra một món ăn nào khác an toàn hơn.

Dybbuk vẫn đang ôm bụng cười:

– Trẻ sơ sinh á? Cháu thậm chí còn không dám đưa cái thứ đó cho chó ăn.

Đã xa rồi những ngày mà ông Groanin, người vẫn còn một điều ước, phải cẩn thận chọn lựa từ ngữ để nói khi có sự hiện diện của djinn. Cho nên giờ đây ông có thể cau mày và thoải mái nói:

– Nếu cháu có một cái bao tử yếu, có lẽ cháu sẽ thấy chuyện này không có chỗ nào đáng cười. Trên thực tế, ta ước gì cháu có một cái bao tử như vậy, nếu như nó có thể xóa đi nụ cười ngu xuẩn trên mặt cháu. Rồi, nếu may mắn, cháu sẽ hiểu được cảm giác của ta.

Dybbuk bỗng nhiên hỏi lại:

– Ông nói lại đi.

– Nếu may mắn...

– *May mắn!*

Chộp lấy bản phiên dịch thông điệp của đại tá Killiecrankie, cậu chỉ tay vào bên dưới hàng chữ và đọc lớn:

– “... Và chạy trốn đến cái nơi khổ cực khủng khiếp này, nơi mà ta có lẽ sẽ chết dưới tay kẻ thù. Nhưng giờ ta đang trong may mắn.”

Rồi quay lại tấm bản đồ trên tường, Dybbuk đột ngột huýt sáo một tiếng lớn và giơ tay dấm vào không khí như người chiến thắng. Bất chợt cậu cảm

thấy tự hào hơn về bản thân mình. Cậu đã khám phá ra một điều quan trọng, bằng chính năng lực của bản thân! Điều này đúng là một thay đổi dễ chịu so với việc ngồi ngốc mỗ ngó Philippa, hay John hoạt động não bộ. Cuối cùng cậu cũng đã có thể tự tin nhìn thẳng vào chính mình trong gương.

Dybbuk thiếu điều hét toáng lên vì sung sướng:

– Chính là nó! Quá đơn giản. Tớ ngạc nhiên là các cậu không nghĩ ra được điều đó đấy.

John trơ mắt ngó tấm bản đồ trong mấy giây rồi lắc đầu nhặt lên bánh xe kính Tây Tạng, dứ nó lên dọa lại:

– Rốt cuộc cậu có định nói cho tụi này biết cậu đang lèm bèm về cái gì không? Hay cậu muốn tớ cầm cái này đập cậu một trận mới chịu nói hả?

Ông Groanin thì chỉ biết thở dài lăm bằm:

– Thôi cứ để nó tận hưởng cảm giác chiến thắng một chút đi. Cá là lâu rồi nó mới có lại cảm giác đó. Và có lẽ chúng ta cũng không nên ghen tị với nó. Vì điều ước của nó rốt cuộc cũng thành hiện thực mà.

Trỏ ngón tay vào tấm bản đồ, Dybbuk giải thích:

– Câu trả lời ở ngay đây. Ngài đại tá Killiecrankie đáng kính của chúng ta đã đặt bẫy với từ ngữ. Một loại chơi chữ. Ông ấy không có ý nói ông ấy “*đang trong may mắn, hiện giờ*”. Điều mà ông ấy muốn nói chính là, ông đang ở tại Lucknow^[22]. Ở đây. Tại Uttar Pradesh. Phía bắc Ấn Độ. Và chỉ cách chỗ chúng ta đang đứng 300 dặm về phía Tây Nam.

John, Philippa và ông Groanin ngó tới cái bản đồ, trong khi Dybbuk nhảy múa quanh phòng vì sung sướng.

Thò tay lấy cuốn cẩm nang du lịch của mình, Philippa thừa nhận:

– Ghét phải nói điều này, nhưng cháu công nhận cậu ấy nói đúng.

Philippa đọc lớn những gì cô tìm thấy trong cuốn cẩm nang du lịch:

– Thủ phủ của bang Uttar Pradesh phía bắc Ấn Độ, Lucknow, nổi tiếng với cuộc vây hãm kéo dài năm tháng của những cư dân Anh Quốc của nó vào năm 1857, trong cuộc khởi nghĩa giành Độc lập lần thứ nhất, hay thỉnh thoảng vẫn được biết đến dưới tên gọi Cuộc Nổi loạn Vĩ đại.

John nói:

– Nó hoàn toàn phù hợp với những số liệu về ngày tháng mà chúng ta biết.

Dybbuk không còn nghi ngờ nào về hướng tìm kiếm tòa pháo đài màu hồng và bùa Hồ Mang Chúa bị thất lạc mà cậu đã nghĩ ra, tuyên bố chắc nịch:

– Dĩ nhiên nó phải phù hợp rồi.

Liếc nhanh qua các trang hướng dẫn, Philippa cho biết:

– Nhưng rất tiếc, tớ không tìm thấy bất cứ thông tin nào về một tòa pháo đài màu hồng ở Lucknow cả.

Dybbuk vẫn khẳng khẳng:

– Chúng ta sẽ tìm thấy nó khi đến đó.

Nghiên cứu tấm bản đồ, ông Groanin nhận xét:

– Một nơi khó đến bằng máy bay. Ta nghĩ, chúng ta sẽ phải quá cảnh Calcutta để bay đến đó.

Dybbuk lắc đầu nguầy nguậy:

– Không đời nào. Calcutta ở hướng ngược lại. Và lại, ai nói chúng ta đáp máy bay đến đó?

Ông Groanin nhăn mặt:

– Đừng có nói với ta là cháu định đề nghị chúng ta cưỡi lốc gió đến đó nhé.

Dybbuk nhún vai hỏi lại:

– Tại sao không chứ? Tụi cháu hồi phục hoàn toàn sức mạnh rồi mà.

Philippa thú nhận:

– Tớ chưa tạo lốc gió bao giờ.

John lắc đầu:

– Tớ cũng vậy.

Dybbuk tuyên bố:

– Tớ thì rồi. Từ Palm Springs, California, tới nhà của bà dì Felicia trên sông Hudson.

Philippa nhắc:

– Nhớ không lầm thì cậu bảo xem nữa cậu không đi được đến nơi mà.

– Đó là vì tớ lỡ đi quá xa về hướng Bắc. Đáng lẽ tớ nên bám theo phía Nam, nơi khí hậu ấm hơn. Tới Florida, rồi đi ngược lên bờ biển phía Đông. Và lại, chúng ta hiện đang ở Ấn Độ, các cậu không thấy sao, ở đây nóng mà. Không thể nào có trường hợp sức mạnh djinn của tớ biến mất ở đất nước này đâu mà lo.

Tuy nhiên ngày hôm sau - ngày mà họ thống nhất chọn để bay đến Lucknow - không phải sức mạnh djinn của Dybbuk quyết định nổi loạn mà là bao tử của cậu. Cậu đã thức dậy với cảm giác như bệnh gần chết.

Dybbuk khó nhọc nói với John:

– Giống như ai đó đang dày xéo bao tử của tớ ấy.

Ông Groanin, người cảm thấy khá là thỏa mãn với bản thân vì đã nói đúng về vấn đề liên quan tới “thức ăn ngoại quốc”, bảo:

– Đáng lẽ cháu không nên ăn món cà ri tối qua. Ta đã cảnh báo về mấy cái món Ấn Độ mà không tin. Sao, giờ còn cảm thấy buồn cười nữa không, cậu nhóc? Chuyện ta ăn thức ăn trẻ em đóng hộp được tiết trùng, thay vì cái mớ tả pín lù cậu tống vào bụng tối qua?

Philippa thắc mắc:

– Không thể nào là món cà ri làm cậu ấy đau bụng được. Tối qua tất cả tụi cháu đều ăn món đó mà. Cháu, John và Dybbuk. Mà cháu có bị gì đâu.

Riêng John thì vẫn giữ im lặng. Kỳ thực trong lòng cậu đang thấy có lỗi. Và cậu hy vọng không ai nhớ về điều ước của ông Groanin ngày hôm trước. Điều ước cho Dybbuk bị đau bụng. Thực sự John không có cố tình thực hiện điều ước đó. Tuy nhiên, vì sau một thời gian dài mới có lại đầy đủ sức mạnh djinn, và vì vẫn còn hơi mệt sau một chuyến bay dài từ London đến Kathmandu, cậu đã vô tình biến điều ước đó thành hiện thực. Cậu Nimrod gọi đó là “sự thực hiện điều ước theo tiềm thức”, khi một djinn thiếu kinh

nghiêm thực hiện một điều ước mà không hoàn toàn nhận thức về nó. Và John hiện giờ đang hết cả hồn khi nhận ra điều ước của ông Groanin đã được cậu đáp ứng.

Lúc này cậu chỉ có thể hỏi thăm Dybbuk:

– Nè, sao cậu không đơn giản ước cho bụng cậu hết đau đi? Với sức mạnh djinn ấy?

– Bộ cậu nghĩ tớ chưa thử làm điều đó hả?

John gật gật đầu. Sự thật là, cậu cũng muốn sử dụng sức mạnh djinn để tự chữa bệnh cho Dybbuk. Tuy nhiên, vì không biết chính xác mình đang muốn làm gì, cậu sợ làm nó nặng hơn thì chết. Thật khó để chắc chắn về điều đó.

Dybbuk thều thào nói:

– Các cậu sẽ phải tự làm lốc gió thôi. Tớ quá đau để có thể làm được gì.

Bắt được ánh mắt lưỡng lự của cặp sinh đôi, cậu nói thêm:

– Cứ bình tĩnh. Các cậu sẽ làm được mà. Chẳng có khó gì đâu. Và lại, không sớm thì muộn các cậu cũng phải học nó thôi. Cho nên học ngay bây giờ cũng là hợp lẽ.

Ông Groan lắc đầu tuyên bố:

– Nếu ba đũa không phiền, ta nghĩ ta sẽ đi máy bay.

Ôm chặt cái bụng đang biểu tình dữ dội của mình, Dybbuk mỉm cười một cách yếu ớt và trấn an:

– Đừng có lo quá mức như thế, ông Groanin. Cháu sẽ hướng dẫn hai cậu ấy cách thực hiện đàn tràng. Mà ông cứ nghĩ thế này nhé: nếu rớt máy bay, ông sẽ bị bao vây bởi kim loại gãy nát sắc như dao. Nhưng nếu rớt lốc gió, ông được không khí đỡ cho. Không có gì an toàn hơn một cái nệm không khí. Tin cháu đi.

Nhắm mắt lại, ông Groanin miễn cưỡng gật đầu và nói:

– Ta biết ta sẽ hối hận chuyện này. Ta nói, ta biết thế nào ta cũng sẽ hối hận về chuyện này.

* * *

Điểm đến của họ là một ngọn đồi khá dốc ở phía tây thành phố. Từ đây phóng tầm mắt ra, họ có thể thấy trọn Thung lũng Kathmandu, nơi mà, dựa theo quyển cẩm nang của Philippa, một thời từng là một khu hồ đầy rẫy. Đứng sừng sững phía trên đỉnh đồi là ngôi đền Swayambhu Ganapati, nơi lúc nào cũng tràn ngập khi, khách du lịch và những kẻ hành hương. Ở cách xa ngôi đền, gần một bãi đỗ xe, họ tìm thấy một khu vực yên tĩnh để John có thể bắt tay vào việc chế tạo một ngọn lốc gió. Lần thử đầu tiên của cậu lật chông gong một cái xe hơi, trong khi lần thử thứ hai bay vụt ra ngoài tầm kiểm soát và rượt vài con khi chạy trốn chết đến tận Bảo tàng Lịch sử Quốc gia ở chân đồi phía Nam.

Ông Groanin phàn nàn:

– Thánh thần ơi! Cháu sẽ làm chúng ta bị cảnh sát bắt cả đám cho coi, John. Vì Chúa, làm ơn tạo được một ngọn lốc gió cho ra hồn trước khi ai đó nhìn thấy chúng ta.

– Có người thấy chúng ta rồi.

Nói rồi Philippa chỉ tay về phía bên kia bãi đỗ xe, nơi một nhà sư già trong bộ áo chùng màu đỏ hiện đang cúi đầu lạy lia lịa về phía họ với hai bàn chắp vào nhau trước ngực một cách thành khẩn và miệng không ngừng lẩm bẩm tụng kinh.

Philippa nói với anh:

– Cứ tiếp tục đi, John. Quá trễ để lo lắng ông ấy đang nghĩ gì rồi.

Trong lần thử thứ ba, cuối cùng John cũng đã nhấc được bọn họ lên khỏi mặt đất trong một ngọn lốc gió cỡ trung. Ông Groanin nhận xét:

– Có vẻ như cháu đã mang đến một ngày tốt lành cho ông sư ấy. Ta nghĩ cháu đã giúp ông ấy khôi phục lòng tin vào bất cứ thứ gì mà ông ấy tin.

Philippa nói:

– Cháu thấy vậy cũng tốt mà.

Rồi Philippa vẫy vẫy tay một cách vui vẻ về phía nhà sư, người vẫy chào lại trong sự thú vị của cô.

– Cái này cứ y như cỗ xe ngựa của thần mặt trời ấy.

Vừa nói, ông Groanin vừa đưa tay tìm một cái gì đó để nắm. Tuy nhiên, không khí thì có gì mà nắm, nên ông chỉ có thể một lần nữa thảng thốt hét lên:

– Thánh thần ơi!

Dybbuk rên lớn khi ngọn lốc gió lắc một cái thật mạnh bên dưới họ, rồi bắt đầu tăng tốc dần, như thể được kéo đi bởi những con ngựa vô hình. Một hai giây sau, cậu ngã người qua một bên và ói thẳng lên đầu vài vị khách du lịch xấu số.

Philippa thấy gớm quá là gớm. Cô nhăn mặt hỏi:

– Thấy đỡ chưa?

Mím cười yếu ớt, Dybbuk nói nhỏ:

– Đỡ hả? Ừ. Một ít.

Philippa chỉ có thể lắc đầu nói:

– Tội nghiệp mấy người du khách kia.

Những rắc rối nảy sinh từ ngọn lốc gió của John và cái bao tử biểu tình của Dybbuk vẫn chưa dừng lại ở đó. Khi cỗ máy bay không khí của họ nhanh chóng di chuyển lên cao và bắt đầu rời khỏi ngọn đồi, John cố gắng xoay lốc gió theo trục quay của nó. Ngọn lốc gió nghiêng nhẹ, rồi thành lình nghiêng hẳn về một phía, làm cho họ suýt chút nữa trượt khỏi đỉnh lốc.

Ông Groanin thét lên:

– Coi chừng! Cháu quăng tất cả chúng ta xuống đất bây giờ!

Trong khi John lí nhí xin lỗi, Dybbuk một lần nữa ói mửa, lần này là lên đầu tiểu đội khi mà ngọn lốc gió đầu tiên của John đã rượt chạy xuống đồi.

Đưa ống tay áo lên lau miệng, Dybbuk hướng dẫn:

– Ngồi thẳng lên. Ấn gót chân của cậu vào ngọn lốc gió ấy. Nó sẽ giúp cậu tập trung vào chuyện đang làm.

Nghe theo lời Dybbuk, John ấn mạnh gót chân vào luồng không khí đang xoáy tròn bên dưới chân cậu. Ngay lập tức, ngọn lốc gió chỉnh sửa lại độ nghiêng của nó.

Dybbuk bảo:

– Không cần mạnh quá đâu.

John hét lên, vì giờ đây âm thanh của không khí di chuyển trong tai họ đã trở nên khá ồn ào:

– Tớ nghĩ tớ bắt đầu nắm bắt được nó rồi.

Ông Groanin cắn nhả:

– Ôi, ta cũng hy vọng thế. Nếu cứ tiếp tục như thế này, ta chắc chắn sẽ để bữa sáng của mình ở lại sau lưng mất.

Ngọn lốc gió xoáy tròn xuống thung lũng, vọt thẳng qua một khu nhà trọ rẻ tiền cho khách bộ hành. Phần đuôi của nó cuốn đi phần mái tôn của gian phòng tắm và toa lét. Ngồi ở trên cao, bốn người bọn họ có thể thấy rõ sự bực mình cũng như xấu hổ của những người ngồi bên dưới. Dù cái bụng còn đau, Dybbuk vẫn bật cười và bảo John:

– Tớ nên để cậu cười lốc gió nhiều hơn, John.

Philippa nhắc:

– Chúng ta bay quá thấp. Ai cũng có thể thấy chúng ta.

Đó là sự thật. Tất cả những người trên mặt đất đều có thể thấy được ba đứa trẻ và một người đàn ông một tay đang ngồi một cách khá thoải mái bên trong một cơn lốc di chuyển. Một viên cảnh sát giao thông đã cố gắng trong vô vọng để hướng họ rời khỏi quảng trường Durbar đông đúc, trước khi phải nhanh chóng chú ý xuống tránh khi một cái đĩa vệ tinh mà ngọn lốc gió “mượn tạm” từ tiệm hamburger Bonnington gần đó bay thẳng về phía ông. Những người thợ chất gạch và xúc cát ở khu khách sạn Hilary and Tenzing Base camp đang xây dựng dở dang bỏ chạy toán loạn khỏi đường đi “giang hồ” của ngọn lốc gió. Nếu là ở bất cứ thành phố nào khác chứ không phải Kathmandu, sự hỗn loạn chắc chắn sẽ diễn ra. Tuy nhiên, thủ đô của đất nước Nepal vốn nổi tiếng với lối sống khoan dung và thoải mái. Trên thực

tế, chỉ có một vài người có phản ứng tiêu cực trước cảnh bốn người khách Tây ngồi xếp bằng bay vèo vèo trong không khí. Còn đối với số đông những người còn lại, đó là lý do mà họ đến với Kathmandu, và hầu hết tất cả mọi người đều có suy nghĩ rằng trước mặt họ chính là bốn bậc thầy của môn yoga bay bí truyền - một khía cạnh của nghệ thuật thiền định tiên nghiệm. Với những người này, điều họ đang chứng kiến nhìn giống như một bằng chứng thuyết phục cho sự khai sáng mà họ đang bỏ công tìm kiếm ở ashram và các đền chùa. Và vì thế, các nhà sư cúi đầu, cha xứ giơ tay lên trời, guru vỗ tay, các bậc thầy yoga ngồi bắt chéo chân và bắt đầu lò cò nhảy dọc bãi cỏ như thể họ cũng có thể đạt được trạng thái bay bổng, phụ nữ thảy hoa lên, trong khi dân hippy ra dấu hòa bình và lơ đãng mỉm cười.

– Hay!

Dybbuk nhận xét, và ra dấu hòa bình đáp lại.

John hỏi cậu:

– Lucknow hướng nào vậy?

– Hướng này.

Liếc nhìn theo ngón tay đang mơ hồ chỉ về hướng Tây của Dybbuk, John hỏi lại:

– Cậu chắc chứ?

Dybbuk ôm bụng gật:

– Chắc mà. Một đoạn về hướng Tây, rồi hướng Nam, rồi cuối cùng đi thẳng đến giữa trưa.

Nepal là quê hương của những dãy núi cao nhất thế giới, trong đó có dãy Everest, K2 Lhotse, Makalu, và, có vẻ như là dãy núi khó chinh phục nhất, dãy Annapurna. Đường bay của John đưa họ vượt qua mặt phía Nam của Khu Bảo tồn Annapurna, và đây là nơi mà họ chạm trán với đợt gió mùa sớm. Bất chấp cố gắng hết mình của John, ngọn lốc gió của họ bắt đầu bị đẩy sang phía Bắc, hướng về những dãy đồi thấp dưới chân đỉnh Himalaya.

Philippa hét lên:

– Chúng ta đang trôi chệch hướng!

John phân bua:

– Anh biết. Nhưng anh không thể làm được gì.

Cả Philippa lẫn Dybbuk đều không có cách nào hỗ trợ cho John, vì chỉ có djinn tạo ra ngọn lốc gió mới có thể điều khiển được nó.

Dybbuk chỉ đạo John:

– Chúng ta phải thoát ra khỏi luồng gió xuôi này.

– Tớ không dám lên cao nữa đâu. Cậu không nhận ra hả? Nhiệt độ đang bắt đầu hạ thấp.

Rồi liếc nhìn xuống bên dưới, John nói thêm:

– Mà hạ cánh cũng không phải một ý tốt. Có tuyết bên dưới.

Tuy nhiên, càng trôi đến gần những ngọn đồi phủ tuyết của dãy Annapurna, John càng cảm thấy lạnh hơn, cho đến khi cậu không còn duy trì nổi ngọn lốc gió, và họ buộc phải hạ cánh xuống một cánh đồng tuyết trắng không lấy gì là hiếu khách ở sườn phía Bắc ngọn núi, cách đỉnh khoảng 3000 mét.

Một ngọn gió rét buốt từ phía trên thổi vù xuống vãi bụi tuyết li ti vào mặt họ, và cùng với nó là sự xâm chiếm của cái lạnh vào tận phần tủy quan trọng bên trong thân thể djinn. Vì không có một biện pháp nhóm lửa nào, họ cũng không có hy vọng khôi phục nhiệt độ trong cơ thể *đủ* để sử dụng sức mạnh djinn. Cũng không có bóng dáng ai trong thung lũng tuyết khổng lồ bên dưới - khách du lịch hoặc người leo núi - người có thể đến giúp họ với những thứ đơn giản như một ly nước nóng. Trong vài phút, cả bốn người nhận ra họ sẽ chết cồng nếu không được giải cứu kịp thời.

Ngồi xuống dưới cái bóng của một khối băng lớn, ông Groanin đút hai bàn tay vào bên dưới nách và cố gắng giữ cho hàm răng không lập cập đánh vào nhau để nói với Dybbuk:

– Có tuyết không chứ? Không phải cháu nói, không có gì an toàn hơn? Sao ta có thể ngược đến nỗi đi tin lời cháu chứ?

Dybbuk phân bua:

– Đâu phải lỗi của cháu. Tại John không thể bay cho ra hồn mà. Đáng lẽ cậu ấy nên đi về hướng Nam rồi mới đến hướng Tây. Thế thì chúng ta đã tránh được đợt khí hậu trái khoáy kia rồi.

John hét lớn đề át tiếng gió:

– Ê, tớ nhớ rõ cậu bảo đi về hướng Tây, *sau đó* mới qua hướng Nam.

Dybbuk hét lại:

– Đừng có mà đổ lỗi cho tớ chứ.

Cố nép người vào sát ông Groanin để giữ ấm trong vô vọng, Philippa ngăn hai cậu nhóc lại:

– Đừng có đổ lỗi cho nhau nữa. Giờ đâu phải lúc. Không lo mà nghĩ ra cách gì - nghĩ thật nhanh - chúng ta chết cồng hết cả đám đó.

Với những đám mây lớn che kín mặt trời, nhiệt độ giờ tuột thẳng xuống như một hòn đá rơi, và mái tóc họ đã bắt đầu phủ sương băng.

Ông Groanin lên tiếng, hơi thở ông nhìn giống như ngọn khói biến thể của djinn:

– Nếu ai trong ba đứa có điều ước khẩn cấp, giờ là lúc dùng đến nó rồi đó.

Không ai trong ba đứa trẻ djinn trả lời.

Ông Groanin lầm bầm trong cuống họng:

– Đáng lẽ ta phải biết trước điều này.

Rồi ông nói thêm:

– *Nunc Fortunatus Sum*^[23].

Philippa hỏi:

– Câu đó nghĩa là gì cơ?

Khoác tay qua vai cô, ông Groanin nói:

– Ta chỉ nghĩ về những gì tay đại tá Killiecrankie đã viết. Phải nói là, ta ước gì mình *đang ở Lucknow*.

Nuốt nước miếng cái ực, Philippa chỉ về hướng phía dưới ngọn núi và nói:

– Trên thực tế, cháu cũng ước vậy. Nhìn kìa.

Với những bước đi dài mạnh mẽ, một bóng dáng vô cùng to lớn đang tiến lên trên sườn đồi. Thân hình nó nhìn hơi giống một con khỉ đột, được bao phủ bởi một lớp lông đỏ dài bờm xờm. Cái đầu to và nhọn, trong khi khuôn mặt nhìn phẳng đẹp như da thuộc.

Dybbuk lo lắng hỏi:

– Đó là một con gấu, phải không?

John lắc đầu:

– Không phải gấu. Đó là Yeti. Người tuyết truyền thuyết của dãy Himalaya.

Nhắm mắt lại và bắt đầu cầu nguyện, ông Groanin lầm bầm:

– Chết tiệt. Một con quái vật. Đó là tất cả những gì chúng ta cần vào lúc này.



Chương 10

Hoàn hảo

Cách đó vài ngàn dặm ở New York, hai Nơi Khác - những bản sao hoàn hảo của John và Philippa được tạo ra bởi thiên thần Afriel - đang cư xử một cách quá hoàn hảo. Một trong những việc làm cho thiên thần *thánh thiện* chính là, trong con người họ không có chỗ cho cái xấu, sự cầu thả, sự không cân xứng, hoặc sự không hoàn hảo. Điều này có nghĩa John 2 và Philippa 2 không có bất cứ thói xấu bình thường nào của cặp sinh đôi - hay đúng hơn là của tất cả những đứa trẻ khác. Nó không có nghĩa John và Philippa là hai đứa trẻ hư. Không phải. Nhưng cũng giống như mọi đứa trẻ trên thế giới - djinn hoặc mundane - cũng có những lúc lười biếng, thiếu suy nghĩ, không vâng lời, hoặc đơn giản là tinh nghịch. Không có nhược điểm trẻ con thông thường nào ở John 2 và Philippa 2, và chỉ sau một hai ngày xuất hiện ở ngôi nhà số 7 đường 77 phía Đông, mọi người bắt đầu nhận ra cặp sinh đôi cư xử như... thiên thần, thay vì những djinn trẻ bình thường. Bà Trump, quản gia của gia đình Gaunt, là người chú ý đầu tiên khi phát hiện Philippa 2 đang lau chùi phòng tắm, còn John 2 thì đang xách rác đi bỏ. Đó là chưa kể đến trước đây, bà phát hiện ai đó - đến giờ thì đã có thể dễ dàng đoán ra là ai - đã giúp bà hút bụi và lau chùi nhà cửa.

Vân vê chuỗi ngọc trai của mình - vì bà là một phụ nữ rất giàu có, và thường xuyên đeo những trang sức quý giá bên dưới bộ áo khoác ngoài

chống bụi khi lau chùi nhà cửa - bà Trump bảo hai đứa trẻ:

– Bà không biết các cháu đang dự tính chuyện gì. Nhưng dù nó là gì đi nữa, bà cũng muốn cảm ơn các cháu đã giúp bà. Căn nhà này có rất nhiều việc phải làm. Đôi lúc bà nghĩ, mình phải cần có sức mạnh ma thuật để mọi chuyện được trôi chảy.

Philippa 2 nói với bà:

– Kìa bà, tụi cháu có dự tính chuyện gì đâu. Tụi cháu chỉ muốn giúp cho một ngày của bà trở nên dễ dàng hơn. Chỉ có vậy thôi.

Đến lượt John 2 lên tiếng:

– Đúng thế. Bây giờ, sao bà không ngồi xuống nghỉ chân khoảng năm phút để cháu pha cho bà một tách trà thảo dược nhỉ? Nhìn bà kìa. Bà sẽ cần đến nó đó.

Bà Trump lắc đầu bảo:

– Và mẹ hai đứa sẽ nói gì? Cô ấy sẽ nghĩ gì khi bước vào đây và thấy bà ngồi chờ hai cháu phục vụ? Bà sẽ bị đuối việc mất. Bà đâu có được trả tiền để ngồi thông thả uống trà đâu.

Nhưng cuối cùng bà Trump cũng ngồi xuống và cho phép bản thân được nuông chiều một chút. Làm sao bà có thể từ chối chứ? Philippa 2 đã nướng cho bà một cái bánh. Một cái bánh *thiên thần*.

Mắt ngân ngấn lệ, bà Trump thì thầm:

– Chưa có ai nướng cho bà một cái bánh cả. Ít nhất là từ khi bà còn nhỏ.

Không chỉ có vậy, đây còn là cái bánh tuyệt nhất mà bà từng nếm qua. Và tách trà cũng rất được hoan nghênh.

Bà khúc khích cười như trẻ con và nói:

– Bà có thể làm quen với chuyện này đấy.

Nói thì nói vậy, nhưng cũng chỉ một lát sau, bà Trump đã xua hai đứa trẻ ra khỏi bếp và bắt tay vào chuẩn bị bữa tối, và nhanh chóng quên đi hành động sâu sắc của cặp sinh đôi. Ít nhất là vậy, cho đến sau bữa tối, khi mà bước chân vào phòng ăn để dọn dẹp, bà phát hiện cặp sinh đôi đã làm xong

việc đó. Không những thế, chúng còn tráng qua những cái đĩa và xếp gọn gàng vào trong máy rửa chén.

Bà Trump chỉ có thể nói:

– Ủm, bà chưa bao giờ làm vậy.

Ông Gaunt cũng phát hiện ra sự thay đổi trong cặp sinh đôi. Làm sao ông có thể không nhận ra có sự khác lạ trong cư xử của hai đứa con khi Philippa 2 mang tờ báo sáng đến tận giường cho ông cùng với một tách cà phê nóng hổi - tách cà phê tuyệt nhất ông từng uống - và John 2 chuẩn bị nước tắm cho ông? Cặp sinh đôi thậm chí còn nhớ tắt hết các loại đèn và dụng cụ điện gia dụng khi rời phòng, vốn là một trong những nguyên nhân căn bản lớn nhất của ông đối với chúng. Ông Gaunt trân trọng tất cả những chuyện cặp sinh đôi đã làm cho ông, ngay cả khi ông đã nhanh chóng đưa ra kết luận chúng đang “vỗ béo” ông để chuẩn bị vùi vĩnh xin xỏ một cái gì đó trong tương lai. Tuy nhiên, cho đến khi chuyện đó xảy ra, ông quyết định cứ việc thoải mái mà tận hưởng nó.

Cặp sinh đôi cũng không kém phần hoàn hảo trong mắt của bà Gaunt, tuy nhiên, khác với chồng mình, bà kết luận rằng hai đứa trẻ đã lỡ phạm phải một lỗi hớ hênh nào đó, và quyết định để ý quan sát chúng. Nhưng, thay vì khám phá ra một lỗi lầm bí mật nào đó, trước sự ngạc nhiên cực kỳ của mình, bà Gaunt nhìn thấy John 2 ít chơi game trên máy tính hơn, ít coi tivi hơn, và đọc sách nhiều hơn. Hơn thế nữa, bà tiếp tục phát hiện Philippa chải tóc đều đặn, đánh răng sau mỗi bữa ăn, giữ phòng ngăn nắp, và ăn uống điều độ. Cả hai đứa mỗi ngày đều đi tắm ít nhất một lần.

Không cần bị nhắc. Tất cả những điều đó giống y như một phép màu. Chỉ có Monty, con mèo của gia đình Gaunt, biết được sự thật về hai đứa trẻ sinh đôi. Loài mèo thường biết được những chuyện mà con người, hay thậm chí là djinn, không bao giờ biết được. Đặc biệt là những con mèo từng một thời là nữ nhân, như Monty. Mà cũng không phải Monty không có sẵn vài manh mối: John 2 không cầm đồ đạc chọi nó khi nó chà móng vuốt trên chân cái ghế bành yêu thích của cậu, và Philippa 2 - thường khá thoải mái trong những chuyện này - ngừng lén lút giấu đồ ăn cho nó bên dưới bàn ăn. Nhưng

chính yếu vẫn là cái mùi nó ngửi được đã thuyết phục nó rằng đó không phải là cặp sinh đôi mà nó biết. Hai đứa trẻ này không hề có mùi gì - một chuyện không lấy gì làm ngạc nhiên nếu tính đến sở thích giữ sạch sẽ tối đa mới toanh của chúng.

Khi phát hiện John 2 tắm hai lần một ngày, bà Gaunt nghĩ có một chuyện gì đó không ổn đã xảy ra, và nhanh chóng triệu hồi bác sĩ djinn của gia đình, bà Jenny Sachertorte, mẹ của Dybbuk.

Bà nói với bác sĩ Sachertorte:

– Có chuyện gì đó không ổn với hai đứa bé nhà mình. Mình cũng không biết là gì, nhưng chúng cư xử không giống thường ngày chút nào.

– Cậu nói rõ hơn được không, Layla?

– Bình thường tụi nó không cư xử tuyệt đến như thế. Sốt sảng. Cảm thông. Sâu sắc. Hòa nhã. Ngoan ngoãn. Ngăn nắp. Siêng năng. Và hơn hết, sạch sẽ. Mình nghĩ, có khi tụi nó bị bệnh, stress, hay bị gì gì đó rồi.

Bác sĩ Sachertorte lắc đầu bảo:

– Layla yêu dấu, nếu cậu không phiền mình nói thẳng, mình nghĩ cậu đang bị căng thẳng thần kinh quá mức rồi đấy. Các bậc phụ huynh khác sẽ mừng hết cỡ nếu con họ có “nhược điểm” như cậu vừa mô tả. Và lại, ít nhất cậu còn biết được con cậu ở đâu, ít nhất cậu còn biết được tụi nó còn sống.

Nói đến đây, bác sĩ Sachertorte nuốt nước miếng, cố gắng kìm chế cảm xúc của mình.

Nắm lấy tay cô bạn và bóp nhẹ, bà Gaunt hỏi thăm:

– Vẫn không có tin tức gì về Dybbuk à?

– Hoàn toàn không có gì. Dì Felicia và mình đã tìm kiếm khắp nơi.

Rồi mẹ của Dybbuk thở dài:

– Đều là lỗi của mình. Mình đã quá nghiêm khắc với nó. Đáng lẽ mình nên dễ dãi hơn. Nhưng sau những gì xảy ra cho chị nó, Faustina...

Vị nữ bác sĩ djinn bỏ dỡ câu nói và đưa tay lên gạt nước mắt.

Bà Gaunt khăng khăng bảo:

– Không phải lỗi của cậu đâu.

– Không, Layla, chính là lỗi của mình. Còn nhớ cha đỡ đầu của Nimrod từng nói gì không? Để mất một đứa con là sự bất hạnh. Để mất hai đứa nhìn giống như sự bất cần.

Sụt sịt mũi, bác sĩ Sachertorte nói tiếp:

– Mình biết nó có liên quan gì đó đến cái chết của bạn nó, Brad, và cha cậu ấy. Mình chắc chắn thế. Nhưng mình không biết chính xác như thế nào. Cảnh sát ở Palm Springs chẳng tìm được manh mối gì cả.

Choàng tay ôm cô bạn thân, bà Gaunt nói:

– Có thể cậu nói đúng. Có thể là do mình căng thẳng thần kinh quá mức thôi.

– Cậu có biết tại sao lại vậy không?

Bà Gaunt im lặng không trả lời.

Bác sĩ Sachertorte khẽ cười bảo:

– Có cần mình nói cho cậu biết tại sao không? Không phải nó quá hiển nhiên rồi sao? Đó là vì cậu đang cảm thấy tội lỗi vì sắp phải rời bỏ tụi nó, để trở thành Djinn Xanh đời tiếp theo. Mình nói đúng không?

– Cậu biết chuyện đó à?

– Dĩ nhiên. Dì Felicia nói cho mình biết. Và dì ấy nghe được nó từ Edwiges, Djinn Lang thang. Họ là bạn chí cốt của nhau mà.

– Ra là thế.

Djinn Xanh Babylon - theo tục lệ luôn là phụ nữ, đồng thời là djinn mạnh nhất trên thế giới - bắt buộc phải có sự lãnh đạm về tinh thần, để có thể phân xử công bằng giữa cái Tốt và cái Xấu. Bà Gaunt đã bí mật đồng ý tiếp quản vị trí của Ayesha, vị Djinn Xanh già nua, người đồng thời là mẹ ruột của bà, một khi Ayesha qua đời để ngăn Ayesha bắt Philippa làm Djinn Xanh đời tiếp theo. Vì nếu trở thành Djinn Xanh, thì sẽ phải trả một cái giá khủng khiếp: phải sống xa gia đình và không có Tình Yêu, dựa theo những quy định vô tình của Logic.

Bác sĩ Sachertorte khẽ lắc đầu nói:

– Cậu đang nghĩ, cậu sẽ thấy dễ dàng hơn để rời bỏ hai đứa con nếu chúng không vâng lời và có suy nghĩ hời hợt. Nhưng thực tế không phải chúng là người đang bệnh đầu, Layla của mình, mà chính là cậu. Bởi vì cậu biết cậu sẽ nhớ chúng đến dường nào một khi rời khỏi nhà.

Rồi dừng lại một chút, vị bác sĩ khẽ đùa:

– Mình nói đúng không? Hay mình nói chính xác?

Bà Gaunt buông ra một tiếng thở dài và thú nhận:

– Ừ. Cậu nói đúng. Nhưng mình có thể làm được gì kia chứ? Mình đã hứa rồi, Jenny. Phải hứa. Mình đã hứa với Ayesha sẽ trở thành Djinn Xanh đời tiếp theo một khi bà qua đời. Và chuyện đó sẽ không còn lâu nữa đâu. Trên thực tế, chỉ vài ngày nữa thôi.

Rồi căn môi, bà thì thầm:

– Mình nên nói với chúng như thế nào đây, Jenny? Mình nên nói gì với John và Philippa?

– Cậu có muốn nghe lời khuyên của mình không?

– Dĩ nhiên muốn.

– Vậy thì, cậu hãy nói cho chúng nghe điều mà Ayesha đã nói với cậu và Nimrod, khi bà trở thành Djinn Xanh. Cậu đã vượt qua được nó, Layla. Cho nên chúng cũng sẽ vượt qua được. Hãy nói với chúng điều Ayesha đã nói. Và nếu chúng có một nửa phần sâu sắc và cảm thông như cậu nói, chúng sẽ hiểu. Mình chắc chắn về điều đó.

* * *

Vào sáng ngày Ayesha mất tại nhà của bà ở Berlin, Đức, bà Gaunt tìm thấy hai Nơi Khác ngồi yên đọc sách trong phòng chúng. So với Philippa, đây là một điều bất bình thường hơn với John, nên bà Gaunt đã đặt tay lên trán cậu để xem cậu có bị hạ nhiệt độ không^[24]. Làn da của John vẫn ấm như thường, tuy nhiên thái độ của cậu lại lạ đến mức bà Gaunt phải đi kiểm một cái nhiệt kế và đặt nó bên dưới lưỡi của John 2. Nhiệt độ cơ thể cậu

chính xác 38,6 độ C - đối với mundane, nó cao hơn gần 2 độ, nhưng với djinn, đó là nhiệt độ bình thường.

John 2 hỏi bà Gaunt:

– Có chuyện gì không ổn hả mẹ?

Bà Gaunt lắc đầu bảo:

– Không có. Ít nhất, không phải với con.

John 2 ngạc nhiên hỏi lại:

– Con hả? Con thấy khỏe mà.

Bà nhún vai nói:

– Con thấy khỏe à, con yêu? Chỉ là, con có vẻ ngoan ngoãn quá thôi.

Philippa 2 chậm rãi đi vào phòng John, đứng cách mà Philippa thỉnh thoảng vẫn làm trong trường hợp bà Gaunt có chỉ thị nào đó cho cô. Cô mỉm cười với bà Gaunt, trước khi ngồi xuống một cách thật hiền thực: đầu gối khép lại, hai bàn tay chắp lại để trong lòng, lưng duỗi thẳng - cách ngồi mà mẹ cô luôn dạy. Thậm chí cô còn đang mặc một trong những bộ váy mà bà Gaunt thích, thay vì một cái quần jean mà Philippa thật vẫn khoái mặc.

Bà Gaunt nói tiếp:

– Cả hai đứa đều vậy. Các con cứ như bị thuần hóa ấy. Ý mẹ là, cứ nhìn cách ngồi trên ghế của con xem, Philippa. Bình thường con toàn ngồi gù cả lưng. Và con đang mặc váy. Con không bao giờ mặc váy, trừ khi mẹ yêu cầu. Còn John thì đọc sách, thay vì coi tivi. Thật không giống bình thường chút nào.

Philippa 2 nói:

– Nhưng mẹ luôn nói con không nên ngồi gù lưng.

John 2 tiếp lời:

– Mẹ luôn bảo con nên siêng đọc sách và ít coi tivi hơn. Và đó là những gì con đang làm.

– Đúng thế, các con yêu của mẹ. Hai đứa nói đúng.

Ngồi xuống một bên giường của John và đối mặt với hai Nơi Khác, vẫn hoàn toàn không nhận ra đó chỉ là hai phiên bản hoàn hảo của John và Philippa, bà Gaunt nói:

– Mẹ không nên phàn nàn khi hai đứa làm theo lời mẹ dặn, đúng không? Chỉ là, mẹ đã quen có hai đứa con hơi khó bảo một chút.

Philippa 2 hỏi:

– Ừm, con muốn làm rõ một chuyện: có phải mẹ đang nói với tụi con rằng, mẹ muốn tụi con không vâng lời?

Nụ cười của bà Gaunt có vẻ gì đó không chắc chắn khi bà trả lời:

– Không. Đó không phải điều mẹ muốn nói. Mẹ chỉ không muốn hai đứa trở nên quá tốt với con người thật của mình. Đánh mất tâm hồn hai đứa.

Bà Gaunt hoàn toàn không nhận ra mình vừa nhắc đến vấn đề chính xác đối với hai Nơi Khác: Nơi Khác không hề có tâm hồn, đơn giản chỉ vì nó không có linh hồn. Chỉ có một cách duy nhất để bà Gaunt phát hiện ra danh tánh thật của hai đứa trẻ đang ngồi trước mặt, đó là dẫn chúng lên gác mái và để chúng nhìn vào gương linh hồn. Nhưng bà không hề nghĩ đến việc đó. Đầu óc bà còn đang bận suy nghĩ về một việc khác: không những phải nói cho cặp sinh đôi biết bà ngoại của chúng đã qua đời, bà Gaunt còn phải thông báo việc chính mình đồng ý trở thành Djinn Xanh Babylon đời tiếp theo, do vậy, sẽ phải rời nhà ngay lập tức. Jenny Sachertorte đã đúng, bà không thể lẩn tránh mãi. Bà Gaunt quyết tâm nói thẳng cho cặp sinh đôi biết tin tức đau lòng đó, theo đúng cách mà mẹ của bà đã làm vào rất, rất nhiều năm trước đây.

Bà nói:

– Mẹ xin lỗi, nhưng điều đó có nghĩa mẹ sẽ phải vĩnh viễn rời khỏi nhà. Mẹ sẽ phải rời khỏi hai con và cha các con, đến sống ở Berlin. Và Babylon, dĩ nhiên. Ngay lập tức.

Đưa tay gạt một giọt lệ khỏi mắt, Philippa 2 nói:

– Con hiểu rồi. Mẹ làm điều này chỉ vì con, đúng không?

Bà Gaunt lắc đầu:

– Không, Philippa. Người mà Ayesha chọn để nối nghiệp luôn là mẹ. Không phải con. Cho nên, không có lý do gì để con cảm thấy có trách nhiệm với những gì đã xảy ra đâu, con yêu.

John 2 gật đầu một cách bình tĩnh, vì dĩ nhiên cậu có thể nhớ được tất cả những gì John thật sự nhớ, và nhún vai nói:

– Thảo nào con cứ thấy là lạ khi đó. Sao mọi chuyện có thể kết thúc đơn giản thế? Ở Iravotum. Giờ thì con đã hiểu tại sao.

Phần lớn thời gian, Djinn Xanh sống ở Berlin. Nhưng Iravotum là một vùng đất kỳ lạ ở Babylon, nơi mà, mỗi năm một lần, Djinn Xanh đến đó sống để có thể làm cứng lại trái tim của mình.

Cặp sinh đôi bản sao im lặng trong giây lát để cân nhắc phản ứng nào là tốt nhất. Và chúng nhanh chóng đi đến kết luận rằng cả hai sẽ không giúp được gì cho bà Gaunt nếu thể hiện những cảm xúc thái quá. Và chúng quyết định rằng điều tốt nhất, nhân hậu nhất, ít ích kỷ nhất mà chúng có thể làm là nghĩ đến cảm nghĩ của bà Gaunt thay vì của chính mình, và phải làm bà cảm thấy thoải mái, dễ dàng hơn để làm chuyện mà rõ ràng bà không thể trốn tránh.

John 2 hỏi:

– Mẹ nói chuyện với cha chưa?

Bà lắc đầu:

– Vẫn chưa. Mẹ sợ khi nghĩ đến lúc đó. Ông ấy không mạnh mẽ được như các con.

Trên thực tế, hai đứa trẻ quả mạnh mẽ hơn nhiều so với suy nghĩ của bà Gaunt. Bà cho rằng, có lẽ vì chúng là cặp sinh đôi. Cùng với nhau, một cặp sinh đôi có một sức mạnh tiềm tàng mà những ai không phải trẻ sinh đôi không bao giờ có hay hiểu được. Bà Gaunt nhận ra bà không cần phải lo lắng quá mức để nói với lũ trẻ. Nhưng ông Edward Gaunt lại là một chuyện hoàn toàn khác. Tại sao đến giờ bà mới nhận ra điều đó? Người mà bà cần lo lắng chính là chồng mình, chứ không phải hai đứa con. Ông sẽ phản ứng ra sao? Ông ấy sẽ vượt qua chuyện này như thế nào? Liệu ông có thể tiếp tục sống mà không có bà không?

Vấn ảo tưởng rằng đây là hai đứa con của mình, bà Gaunt ôm hai Nơi Khác vào trong vòng tay, hôn lên trán chúng, những cái trán đậm mùi xà bông gội đầu không giống tính cách bình thường của cặp sinh đôi. Và, dù cố mang vẻ mặt dửng dưng để có thể an tâm rời đi, bà Gaunt có lẽ cũng có một ít thất vọng - vì dù ngưỡng mộ sức mạnh tinh thần của con, bà sẽ thấy vui hơn nếu chúng có thể nhỏ vài giọt lệ.

Và rồi bà lờ mờ đoán chuyện gì đã xảy ra. *Một cách sai lầm*

Bật khóc nức nở, bà Gaunt mếu máo nói:

– Ôi. Dĩ nhiên rồi. Dĩ nhiên. Thế nào các con lại ngoan ngoãn như vậy. Đó là lý do, đúng không? Đó là lý do tại sao các con cư xử như thế này. Cố gắng làm mọi việc dễ dàng hơn cho mẹ khi rời đi. Hai đứa đã đoán. Đoán ra mẹ sắp phải đi. Đoán ra và cố gắng làm mẹ cảm thấy thanh thản để rời đi, đúng không?

Rồi bà không ngừng hôn hai đứa trẻ.

– Mẹ thật hạnh phúc có được hai đứa con tuyệt vời như thế này. Thiên thần của mẹ. Hai con chính là thế. Những thiên thần nhỏ bé.

Điều đó, dĩ nhiên, gần như chính xác.

Đến giờ thì John 2 đã nhận ra cậu và Philippa 2 đã tính toán sai một chút, và bà Gaunt thật sự đã hy vọng hai đứa con ruột thịt của bà ít nhất sẽ cố *gắng* ngăn cản bà rời khỏi nhà. Và cuối cùng, cậu nói điều mà cậu nghĩ John thật sẽ nói:

– Đừng đi mà mẹ. Làm ơn. Tụi con sẽ không để mẹ đi đâu. Nếu mẹ rời khỏi nhà, tụi con nhất định sẽ đến tìm và mang mẹ về.

Philippa 2, giờ cũng hiểu cần phải nói gì để bà Gaunt cảm thấy đỡ đau khổ hơn, tiếp lời:

– Đúng thế. Tụi con sẽ không để mẹ đi đâu.

Bà Gaunt nuốt nước mắt nói:

– Mẹ xin lỗi, nhưng mẹ thật sự phải ra đi. Bởi vì mẹ đã hứa. Giống như các con sắp làm bây giờ. Mẹ muốn hai đứa hứa với mẹ rằng, hai đứa sẽ ở

đây và chăm sóc cho cha. Rằng hai đứa sẽ thay mẹ bảo vệ cho ông bằng mọi giá.

Khi cặp sinh đôi giữ im lặng, theo cách mà chúng nghĩ thích hợp cho hoàn cảnh này, bà Gaunt suy nghĩ trong vài giây và rồi, mỉm cười một cách can đảm, nói:

– Mẹ không thể trách các con được. John và Philippa mà mẹ biết và yêu sẽ không bao giờ hứa một chuyên như thế, đúng không? Cho nên, hãy cẩn thận lắng nghe lời mẹ nói. Đây là chuyện sẽ xảy ra nếu hai đứa quyết định rời khỏi đây và đuổi theo mẹ. Không phải với hai đứa. Mà với cha hai đứa. Giờ hãy lắng nghe thật cẩn thận. Cả hai đứa. Hai đứa có bao giờ nghe nói đến một người đàn ông tên gọi Methuselah chưa?



Chương 11

Những lời nói lơ đãng

Đứng sừng sững trước mặt bốn người bọn họ, như thể không xi nhê gì trước băng tuyết lạnh lẽo, người tuyết Yeti nhìn giống như một bức tường lông mao khổng lồ. John ước chừng sinh vật này phải cao đến gần 3 mét chứ chẳng chơi. Tuy nhiên, người tuyết này lại không có vẻ gì là đặc biệt khủng khiếp. Thậm chí một ít đáng ghét cũng không. Và thay vì nhe nanh, đấm ngực thành thịch, và rống lên một tiếng lớn để thị uy như tưởng tượng của bốn con người đang ngồi tụm lại với nhau trên cánh đồng tuyết tại dãy Annapurna, con Yeti chỉ thở dài và ra dấu cho họ đi theo nó xuống đồi. Không ai nhúc nhích. Trông thấy sự sợ sệt của họ, con Yeti lên tiếng:

– *Komm. Komm, kotnm wir müssen beeilen!*

John, vốn có thể nói tiếng Đức một cách hoàn hảo - kết quả của một điều ước mà cậu đã thực hiện trước đây - phiên dịch lại:

– Nó muốn chúng ta đi theo nó. Và nói chúng ta nên nhanh chân lên.

Đứng lên một cách khó khăn trên đôi chân đã gần đóng băng của mình, ông Groanin cắn răng:

– Đúng là người Đức. Lúc nào cũng vội vã.

Philippa nói có hơi chút mỉa mai:

– Nhìn nó có giống một người Đức điển hình nào đâu.

Dybbuk giờ đã bước theo con Yeti, tuyên bố:

– Tớ chả quan tâm nó là người nước nào. Miễn sao nó dẫn chúng ta đến chỗ nào ấm áp là được.

Họ đi theo con Yeti dọc xuống các sườn đồi của dãy Annapurna cho tới khi đến được một lối vào cao khoảng 3 mét được cắt gọn vào trong một tảng băng khổng lồ. Cánh cửa được che giấu bởi một tảng băng khác lớn hơn. Khi họ đã an toàn ở bên trong, con Yeti, lúc này đang chuẩn bị dịch chuyển tảng băng che cửa vào trở lại, vội vã chỉ tay vào sâu trong lối đi và nói bằng tiếng Anh:

– Vào trong, nhanh lên. Nhanh. Trước khi tất cả chết cồng.

Được lát bằng băng, lối đi trước mặt họ dường như dẫn đường vào bên trong lòng dãy núi. Tuy nhiên nó lại được thắp sáng với một dãy đèn điện, và sau khoảng hai, ba phút đi bộ, họ đứng trước một cánh cửa làm từ một lớp kính mờ dày cộm nhìn như thể nó thuộc về một ngân hàng New York nào đó hơn là một sườn đồi trên đỉnh Himalaya. Cảm nhận được sự hiện diện của họ, cánh cửa tự động mở ra với một tiếng click nhỏ, và một luồng không khí ấm áp thổi vào những cái xương đang khát khao hơi nóng.

Đã đuổi kịp họ, con Yeti nói:

– Xin mời mọi người vào trong.

Nội thất bên trong căn nhà của con Yeti cũng mang một chút hơi hướng hiện đại như cửa trước của nó. Những bức tường được làm từ kính và thạch cao trắng trơn, trong khi cái sàn nhà đen bóng trải dài như mặt nước đêm phẳng lặng. Bên trong một cái lò sưởi thấp lùn với bề ngang lớn, một ngọn lửa đang ngoan ngoãn cháy khiến cho cả khoảng không gian nhìn giống như một phòng khám này trở nên thân thiện và thoải mái hơn.

Khi cánh cửa đóng nhẹ sau lưng, con Yeti lên tiếng:

– Chào đón mọi người đến căn hộ Himalaya của ta. Mọi người cứ thoải mái như ở nhà nhé.

Điều này nói dễ hơn làm, vì hầu như chẳng có lấy một đồ đạc nào ở căn hộ trong lòng núi này. Cho nên, ông Groanin và ba đứa trẻ chỉ có thể ngồi

phịch xuống sàn quanh lò sưởi, chờ đợi vị chủ nhà xù xì của họ trở nên hiếu khách hơn.

Con Yeti hỏi:

– Mọi người có muốn một cái gì đó nóng nóng không?

Ông Groanin trả lời:

– Nếu điều đó không quá phiền phức.

Con Yeti bảo ông:

– Có phiền phức gì đâu.

Từ tiếp theo mà con Yeti nói ra là TOHUWABOHU. Có vẻ như đó là một từ trọng tâm, vì ngay khi nó thoát ra khỏi cái miệng hô to bự của con Yeti, một cái khay lớn đựng cà phê, sôcôla, trà nóng, bánh mì sandwich, bánh lúa mạch nướng, và bánh rán hiện ra ngay trước mặt bốn vị khách.

Philippa đi đến kết luận:

– Ông là djinn. Cũng như tụi cháu, ùm, ý cháu là, ba đứa tụi cháu. Ông Groanin đây là con người.

Tự phục vụ cho mình một tách trà nóng, ông Groanin nói:

– Hân hạnh được gặp ngài. Tụi tôi cứ nghĩ ngài là người tuyết Yeti đấy.

Con Yeti mỉm cười:

-Ta là Người tuyết Yeti.

Rồi nó giải thích:

– Mọi người thấy đó, từ vài thập kỷ trước đây, ta đã chọn dãy Himalaya này làm địa điểm nghỉ ngơi. Để xa lánh sự ồn ào của cuộc sống hiện đại. Ta thích tản bộ, leo núi, và thưởng thức không khí trong lành. Đó là chưa kể đến sự yên tĩnh. Sự yên tĩnh rất quan trọng đối với ta mỗi khi ta đi nghỉ. Người Anh các người gọi kẻ như ta là người sống ẩn dật, *ja*?

Dybbuk, miệng đang đầy nhóc sandwich, nhận xét:

– Chẳng có gì đáng ngạc nhiên về điều đó. Nhìn ông thế này sao có nhiều khách đến thăm được chứ.

Ném cho Dybbuk một ánh mắt không hài lòng, Philippa trách:

– Dybbuk, đừng có thô lỗ như thế.

Con Yeti chỉ cười nói với Philippa:

– Ồ không, bạn cháu nói đúng đấy. Ta chọn hình dáng như thế này cũng là để dọa người khác tránh xa mà. Tuy nhiên, đó không phải là lý do duy nhất. Còn có những lý do khác thực tế hơn. Cháu thấy đó, sinh vật này là do ta thiết kế ra.

Giờ cho họ thấy bàn chân da để trần to đùng, nó giải thích:

– Bàn chân này là được thiết kế đặc biệt cho việc leo núi. Dĩ nhiên cẳng chân cũng vậy. Và lớp lông dày giúp ta giữ ấm trong mọi điều kiện thời tiết. À, dĩ nhiên nó chỉ dùng khi đi ra ngoài thôi. Còn khi ở trong nhà, ta dùng hình dáng khác tiện lợi hơn.

Nói rồi, con Yeti nhoáng cái biến hình thành một người đàn ông. Đá chân vào nhau một cái, ông cúi đầu chào họ một cách lịch sự và nói:

– Cho phép ta được tự giới thiệu. Ta là Nam tước Reinhold von Reinnerassig. Djinn tộc Jann.

Ngài nam tước có một thân hình cao lớn, mái tóc vàng óng, và một khuôn mặt rộng có vẻ gì đấy hơi tinh quái. Cặp mắt xanh lơ của ông dường như còn lấp lánh nhiều hơn cái hoa tai kim cương nho nhỏ đeo ở một bên tai ông.

Sau khi họ đã hoàn thành công tác tự giới thiệu lẫn nhau, John hỏi:

– Vậy là, tất cả những truyền thuyết, huyền thoại về Người tuyết Yeti, là nói về ông phải không?

Ngài nam tước nhún vai nói:

– Ta e là vậy. Ban đầu kế hoạch của ta khá thành công. Những người dân bản địa đều tránh xa, để ta yên tĩnh một mình. Nhưng rồi, bắt đầu có người ở nơi khác mò đến cố bắt ta. Dĩ nhiên, ta chỉ ở đây vài tuần vào mùa đông, nên nội tình được ta đã là không dễ. Những ngày khác trong năm, ta đều ngụ tại gia ở Hohenschwangau, Bavaria.

Ông Groanin thắc mắc:

– Nhưng sao lại phải đến tận đây? Tôi nghĩ, ngài sẽ chọn một nơi nào đó ấm hơn. Vì là djinn. Và có máu nóng, hay mấy thứ đại loại thế.

Ngài nam tước cho biết:

– Vấn đề với những quốc gia nóng ẩm nhất và đẹp đẽ nhất là, chúng lúc nào cũng đầy khách du lịch. Năm mươi năm trước, ta từng đến Mallorca, quần đảo Maldiva, Hawaii, Jamaica, và quần đảo Virgin Islands.

Rồi lắc đầu, ông nhăn mặt nói tiếp:

– Nhưng giờ thì không. Những nơi đó, hiện mang tính thương mại nhiều quá. Chả còn chút nguyên sơ nào. Cho nên ta mới đến đây. Cũng có những người đi bộ đường trường, dĩ nhiên. Và vài nhóm người leo núi. Nhưng Annapurna không phải là một dãy núi dễ leo. Nhất là vào thời điểm này trong năm.

Mỉm cười một cách ấm áp, ông kết thúc:

– Đó là câu chuyện của ta. Còn mọi người? Ta đã thấy ngọn lốc gió của các người, và đoán được chuyện gì đã xảy ra.

Philippa nói:

– Tụi cháu đang bay từ Kathmandu đến Lucknow, và một ngọn gió đẩy tụi cháu bay chệch hướng.

John tiếp lời:

– Khí lạnh đã lấy đi sức mạnh của cháu. Nên cháu buộc phải đáp xuống.

Ngài nam tước gật đầu nói:

– Đó là chuyện thường xảy ra với những người mới tập bay lần đầu. Djinn vẫn thường gặp rắc rối với việc cơ thể thiếu nhiệt lượng để sử dụng sức mạnh mà.

Dybbuk hỏi:

– Vậy sao ông không bị như vậy? Ở một nơi băng giá như ngọn núi này?

Ngài nam tước nhún vai bảo:

– Ờ, nguyên nhân đầu tiên là, trong này khá ấm.

Ông Groanin, lúc này đang cởi bỏ áo khoác ngoài và nới lỏng cà vạt, nhận xét:

– Chính xác. Trong này nóng như lò vi ba ấy chứ.

– Còn một lý do khác: ta luôn thấy ấm dưới hình dạng Yeti. Lớp mỡ và bộ lông dày của ta đủ để đảm bảo nhiệt độ cơ thể ta không bao giờ thấp hơn khi ở trong này.

Rồi chạm vào cái áo thun của John và dùng hai ngón tay chà chà lớp vải mấy cái, ngài nam tước khuyen:

– Lần sau cháu bay, ta đề nghị cháu mặc một cái gì đó ấm hơn. Một bộ đồ phi hành bằng da cừu chẳng hạn.

Philippa nói:

– Cháu luôn bảo anh ấy mặc áo khoác đấy chứ. Nhưng anh ấy có bao giờ nghe đâu.

John nhún vai phân bua:

– Anh không thích áo khoác. Chỉ vậy thôi.

Dybbuk gật gật đầu:

– Tớ cũng vậy.

Ngài nam tước nói:

– Dù gì đi nữa, khi cháu bay bằng sức mạnh djinn, ta thật sự khuyen cháu nên làm vậy. Trên thực tế, nếu cháu đang tính bay tiếp từ đây tới Lucknow, nó càng cần thiết.

Rồi khẽ lắc đầu, ông cho biết:

– Mà nếu là ta, ta sẽ chẳng muốn đến đó làm gì. Hoặc bất cứ nơi nào khác ở Ấn Độ. Mọi người thấy đó, có một lý do khác khiến ta tránh đến những quốc gia có khí hậu nóng. Đơn giản là ta không ưa răn. Mà Ấn Độ thì đầy nhóc mấy con đó. Dĩ nhiên, Nepal cũng có răn. Nhưng không phải tuốt trên này. Và không phải vào mùa đông.

Nam tước cười bẽn lễn:

– Ta biết, một djinn mà đi sợ răn nghe có vẻ khá vô lý, khi mà djinn chúng ta hoàn toàn miễn nhiễm với nọc độc loài răn. Trong khi đó, ta lại chẳng sợ gì các sinh vật có độc khác - như bò cạp hoặc nhện độc - dù chúng ta có bị ảnh hưởng bởi nọc độc của chúng. Nghe rất ngớ ngẩn, đúng không? Nhưng ta đúng là như vậy.

Philippa ngạc nhiên hỏi lại:

– Hả? Chúng ta miễn nhiễm với rắn độc, nhưng lại không miễn nhiễm với nhện và bò cạp? Cháu không biết chuyện đó.

Dybbuk khịt mũi nói:

– Tớ biết chuyện đó. Tớ ngạc nhiên là cậu không biết đấy.

John hỏi lại:

– Vậy tại sao cậu lại phải bỏ chạy khỏi Palm Springs? Khỏi những kẻ giết Brad và cha cậu ấy?

Dybbuk thè lưỡi trả lời:

– Bởi vì, tớ đoán bọn chúng không chỉ có rắn mà còn có cả súng. Tớ chả biết ai có thể miễn nhiễm với một viên đạn.

Quay qua ngài nam tước, John hỏi lại:

– Cháu muốn làm rõ một lần nữa: Tất cả djinn đều miễn nhiễm với chất độc của loài rắn à?

Ngài nam tước gật đầu:

– ù, đúng là thế. Cháu thấy đó, mấy cái giáo phái thờ rắn thời xưa, họ lấy ý tưởng từ chúng ta. Ý ta là, ý tưởng xử lý những con rắn độc là biểu trưng cho sự thần thánh và sức mạnh trước cái chết của họ. Những ý tưởng kiểu kiểu thế. Dĩ nhiên chúng đều vớ vẩn cả. Không một mundane nào có thể sống sót sau khi bị một con hổ mang lớn cắn. Ít nhất là nếu không được chữa trị kịp thời. Chỉ djinn mới có thể làm được điều đó.

John nhú mày nói:

– Nhưng như vậy không đúng. Hè năm trước tụi cháu đến Ai Cập với cậu của cháu. Tộc Ifrit đã để một con hổ mang vào hành lý của cháu. Và cậu cháu đã bảo, cháu có thể bị giết.

Ngài nam tước “à” một tiếng rồi nói:

– Nếu tộc Ifrit để nó vào, đó là một chuyện khác. Djinn tộc Ifrit khá hợp với loài rắn. Đó là con vật lựa chọn của họ. Luôn luôn biến hình thành một con rắn. Nhiều khả năng, đó chính là một djinn tộc Ifrit *bên trong* con hổ

mang. Một con hổ mang djinn là một chuyện hoàn toàn khác so với một con hổ mang thường. Một con hổ mang djinn chắc chắn có thể giết cháu.

John hỏi:

– Nhưng làm sao có thể phân biệt được? Giữa một con rắn thường và một con rắn djinn ấy?

– Ê, chuyện này... thực sự là cháu không thể. Cho đến khi nó đã cắn cháu. Nhưng hầu hết những con rắn đều hoàn toàn bình thường. Cho nên, cháu thực sự không cần quá lo lắng về chuyện đó. Ừm, phần lớn thời gian là vậy.

Philippa hỏi:

– Nam tước à, ông vừa nhắc tới những giáo phái thờ rắn. Vậy không biết ông có từng nghe nói về Aasth Naag chưa?

– Tám Hổ Mang à? Có chứ. Nếu ta nhớ không lầm, đó là một giáo phái thờ djinn địa phương ở Kathmandu. Nhưng nó đã bị tiêu diệt sau Cuộc Nổi loạn Vĩ đại năm 1857.

Dybbuk cho biết:

– Tội cháu nghĩ nó đang hoạt động trở lại. Trên thực tế, tội cháu chắc chắn về việc đó.

Ngài nam tước nói:

– Nếu là vậy, các cháu cần phải thật cẩn thận. Tất cả chúng ta cần phải thế. Bởi vì, không thể nói được chuyện gì có thể xảy ra cho thế giới này nếu bọn chúng một lần nữa nắm được quyền kiểm soát một djinn nào đó. Loài người rất dễ bị dụ dỗ, và họ có thể bị thuyết phục làm những điều xấu nếu ai đó có thể chứng minh sự bất tử của hãn qua việc sống sót sau khi bị một con hổ mang cắn.

Philippa bảo:

– Đó là điều tội cháu đang sợ.

Ngài nam tước nói tiếp:

– Ta sẽ giúp mọi người. Ta sẽ giúp các cháu có thể bay trở lại, và ta thậm chí sẽ ban cho ông Groanin đây ba điều ước, để có thể bảo vệ các cháu khi

các cháu không thể tự bảo vệ mình.

Ông Groanin cúi đầu cảm ơn:

– Ngài thật là tử tế.

Trong hoàn cảnh như thế này, ông Groanin cảm thấy khó lòng từ chối đề nghị tốt đẹp của ngài nam tước. Và ông cũng không mấy nghi ngờ những điều ước đó sẽ rất cần thiết cho hành trình phía trước. Nhưng đồng thời, ông cũng lưu tâm đến trách nhiệm của việc có ba điều ước - đến từ một djinn cực mạnh. Đã từng sở hữu ba điều ước trước đây, ông biết quá rõ việc lựa chọn và trách nhiệm khi có ba điều ước có thể làm một người “tê liệt” vì trách nhiệm với cả lựa chọn. Ông đã cảm thấy nhẹ nhõm không thể tưởng tượng khi mà, sau gần mười năm trời sống trong do dự, điều ước thứ ba của ông cuối cùng cũng được sử dụng. Tệ hơn nữa, người ta thường xuyên không biết một điều ước sẽ trở thành như thế nào. Như ông Rakshasas vẫn hay nói: “Có một điều ước cũng giống như nhóm một đồng lửa. Tất yếu sẽ có ai đó cay mắt vì khói.”

* * *

Với sự giúp đỡ của ngài nam tước (bao gồm một số bộ áo ấm hơn), bốn người bọn họ tiếp tục cuộc hành trình đến Lucknow. An toàn đến nơi khi trời đã tối mù, họ không thể thấy được tòa pháo đài màu hồng từ trên không trung.

Dybbuk - lần này đã cảm thấy đủ khỏe để bay - điều khiển ngọn lốc gió hạ cánh xuống bên ngoài thành phố một đoạn, trên bờ phía Nam của dòng sông lười biếng đầy cỏ dại Gomti. Sự xuất hiện của họ tại Lucknow không thu hút sự chú ý nào vì không những Dybbuk đã chọn một bãi đáp vắng vẻ, họ còn, theo gợi ý của ngài nam tước, biến thành người Ấn Độ. Nó không đơn giản chỉ là việc Philippa mặc sari, một bộ váy đầm truyền thống của phụ nữ Ấn Độ, hay việc ông Groanin và hai cậu trai vận kurta, một cái áo thụng dài quá gối thường được cánh mày râu Ấn Độ mặc. Không, không chỉ đơn

giản là một sự thay đổi về trang phục như vậy. Sử dụng sức mạnh djinn, họ đã biến mái tóc của mình trở thành màu đen, và làn da trở nên sậm màu hơn. Họ cũng làm cho mình có khả năng nghe và nói tiếng Hindi, ngôn ngữ chính thức ở Ấn Độ. Ông Groanin trở thành ông Gupta, John trở thành Janesh, Philippa trở thành Panchali, và Dybbuk trở thành Deepak. Tính tình của họ trên cơ bản vẫn như cũ, ngoại trừ một số thay đổi nho nhỏ.

Cảm giác là người Ấn Độ ban đầu có hơi là lạ, nhưng chỉ sau một lúc, họ đã nhanh chóng làm quen với nó. Đến khi đặt chân vào chỗ trọ ở khách sạn Chuna Laga Diya, họ đã cảm thấy như mình sinh ra đã là người Ấn Độ. Trên thực tế, họ cảm thấy thích làm người Ấn Độ hơn, nhất là khi họ phát hiện, đúng như lời hứa của ngài nam tước, những người dân bản địa không còn liên tục làm phiền họ với đủ thứ hàng hóa muốn bán chỉ vì họ là khách du lịch.

Sắm soi vẻ ngoài mới mẻ của mình trong tấm gương phòng tắm của căn phòng khách sạn mà cô ở chung với John, Philippa nhận xét:

– Em thật sự thích màu tóc này. Và bình thường em sẽ không bao giờ có được làn da rám nắng như thế này. Một triệu năm nữa cũng không. Mỗi lần đi tắm biển, em chỉ có đồ rộp lên như một con tôm luộc thôi.

Rồi quay lại nhìn ông anh, Philippa bảo:

– Cả anh nữa. Anh hợp với màu sậm, John. Nhìn anh bánh trai hơn nhiều.

Bước vào phòng tắm cùng Philippa, John ngó hình ảnh phản chiếu của mình trong gương và hỏi:

– Em nghĩ vậy hả? Có thể. Mà anh cũng chả biết. Anh cũng chả quan tâm chúng ta nhìn như thế nào. Chỉ cần không ai để ý đến chúng ta là được.

Nói thì nói vậy, chứ thật ra John cũng khoái chí với việc là người Ấn Độ như cô em gái.

Tuy nhiên, sự hứng thú của cặp sinh đôi dù có gộp lại cũng không thể nào so sánh nổi với ông Groanin. Lần đầu tiên trong đời ông phát hiện ra mình có thể ăn được món ăn địa phương, vì có vẻ như, không chỉ vẻ ngoài của ông được Ấn Độ hóa mà ngay cả bên trong người ông cũng vậy. Đặc biệt là cái bao tử khó tính của ông. Giờ đây, ông thậm chí còn có thể thưởng thức

trộn vụn món bánh mì kebab dạo được nướng trên than hồng làm từ phân động vật phơi khô, một thứ mà ông không bao giờ có thể rở tới khi còn là một người quản gia Anh quốc đúng mực.

Ông Groanin thú nhận:

– Thật không hiểu tại sao ta có thể sợ các món ăn nước ngoài được nhỉ. Chúng ngon như thế này cơ mà. Ta đúng là đã bỏ qua bao nhiêu thứ tuyệt vời trong suốt mấy chục năm nay mà không biết.

Dybbuk chọc:

– Ông có chắc là cháu không thể mời ông nếm một hũ đồ ăn trẻ em không?

Ông Groanin đang mua một lõi ngô nướng thứ hai, nhả mặt nói:

– Đồ ăn trẻ em hà? Ta không bao giờ muốn thấy cái mớ hổ lốn đó một lần nữa trong đời.

Người đàn ông bán cho họ những món ăn dạo lề đường không chỉ làm hài lòng cái bao tử mới của ông Groanin mà còn tỏ ra hữu dụng hơn nữa khi có thể cung cấp cho họ thông tin về vị trí và tình hình hiện tại của tòa pháo đài màu hồng trong bức tranh Hiệp hội Đông Ấn của Dybbuk.

Ông ta cho biết:

– Đây là tòa Ashram Jayaar Sho nổi tiếng, được sáng lập bởi Sadh Guru Masamjhasara. Nó là một trong những trung tâm yoga và điện thiền định nổi tiếng nhất ở Ấn Độ. Mấy người có thể tìm thấy nó ở ngay bên ngoài thành phố, phía Nam của ga điện ngầm Charbagh, trên đường đến Kanpur. Mấy người sẽ nhận ra nó ngay thôi. Không chỉ vì nó màu hồng. Chỉ cần đi theo dòng người Anh và Mỹ nối đuôi nhau đến đó tìm kiếm câu trả lời.

Rồi đặt thêm một lõi ngô khác lên trên vỉ than bằng phân động vật của mình, ông ta cười khà khà nói thêm:

– Và để làm nhẹ bớt túi tiền của họ, dĩ nhiên. Ngài guru giàu cực kỳ.

Dybbuk hỏi:

– Câu trả lời? Câu trả lời cho cái gì cơ?

Người đàn ông bán thức ăn dạo nhún vai bảo:

– Một câu hỏi hay à. Có lẽ, nếu cậu đến đó, cậu có thể tự mình hỏi họ câu hỏi đó.

Sáng hôm sau, ông Groanin và ba đứa trẻ djinn leo lên một chiếc xe buýt có lộ trình hướng về phi trường quốc tế Amausi và một số địa điểm khác ở phía Nam. Ngồi cùng xe với họ là một số người khách mà, bất chấp bộ áo thụng màu nghệ tây và đôi dép sù sãi đơn giản, có thể dễ dàng nhận ra là người phương Tây bởi làn da trắng và nụ cười trống rỗng. John bắt chuyện với một trong những vị sư trẻ:

– Anh cũng đang đi đến Jayaar Sho hả?

– Anh sống ở đó. Anh là sannyasin. Sư tu hành khổ thực. Tông đồ của Guru Masamjhasara.

– Nhưng anh đến từ Mỹ, đúng không?

– Chính xác. Từ Cleveland, Ohio.

John cảm thấy có một cái gì đó quen thuộc trong giọng nói của vị sannyasin, hỏi tiếp:

– Vậy sao anh lại đến tận đây? Nếu anh không ngại em hỏi.

– Anh không ngại đâu. Yoga, sự thiền định, sự khai sáng. Ashram là một kho tích trữ năng lượng phát ra từ tất cả những người đã đi sâu vào trạng thái thiền định ở đó. Thậm chí những người không có hiểu biết về thiền định cũng có thể trải nghiệm một tâm trạng trầm tĩnh khi họ ở đó.

Rồi nở một nụ cười hạnh phúc nhưng có phần vô hồn, anh chàng sannyasin hỏi lại:

– Còn cậu? Cậu từ đâu đến? Tiếng Anh của cậu khá chuẩn đó.

John chỉ nhún vai.

Dybbuk lập tức đỡ lời:

– Tụi em sống gần đây thôi. Tiếng Anh là tụi em học ở trường. Và em có coi nhiều phim Mỹ trên tivi.

Rồi gật đầu về phía ông Groanin, Dybbuk nói tiếp:

– Đó là một trong những lý do mà ba em, Gupta, muốn tụi em đến thăm ashram. Ông đang nghĩ cho tụi em đến sống ở đó. Để tụi em có thể chuyển

năng lượng của mình theo một hướng tâm linh hơn.

Đó là câu chuyện vô bực mà họ đã thống nhất với nhau trước khi rời khỏi khách sạn sáng nay, để có thể dễ dàng xâm nhập vào tòa ashram hơn, và Dybbuk khéo nói hơn tất cả những người còn lại. Khu nghỉ dưỡng spa của mẹ cậu ở Palm Spring là một điểm đến quen thuộc của rất nhiều nhân vật Hollywood giàu có, và cậu đã sớm quen thuộc với những gì họ nói về các guru và thầy dạy yoga của họ. Cho nên nhe răng cười với anh chàng sannyasin, Dybbuk bảo:

– Ba muốn ba đưa tụi em được đắm mình trong hơi ấm tâm linh thực thụ.

Và vị sannyasin nhanh chóng sập bẫy:

– Nếu muốn, anh có thể hướng dẫn mấy đứa tham quan tòa ashram. Tên tiếng Anh của anh là Joey Ryder.

John hỏi lại:

– Anh vừa nói “Joey” hả?

Joey gật đầu bảo:

– Ờ. Nhưng pháp danh của anh là Jagannatha. Nó có nghĩa là “sức mạnh không thể ngăn cản”.

– Em có thể hỏi một chuyện không anh... ờ... Jagannatha? Anh có làm việc ở một trung tâm hỗ trợ máy tính nào tại ashram không? Kiểu như, đưa ra lời khuyên qua điện thoại về cách cài đặt máy tính ấy?

Jagannatha gật đầu nói:

– Có. Trung tâm hỗ trợ máy tính đó là một trong những cách quyên góp tiền của ashram.

John chỉ có thể gật đầu. Joey chính là người đã đưa cho cậu những lời khuyên dở hơi về cách cài đặt phần mềm trên cái laptop cậu được tặng nhân dịp sinh nhật.

Mim cười lạnh nhạt, cậu tự giới thiệu:

– Rất vui được gặp anh, Jagannatha. Em là Janesh. Đây là anh trai em, Deepak, và em gái em, Panchali.

– Anh cũng rất vui được gặp mấy đứa.

Dybbuk nói:

– Tụi em sẽ rất hân hạnh được anh hướng dẫn tham quan tòa ashram. Mà anh làm nghề gì trước khi đến đây vậy? Khi anh còn sống ở Cleveland ấy.

– Anh là hộ lý trong bệnh viện.

Chiếc xe buýt đỗ lại bên cạnh một khối sa thạch thẳng đứng trời lên khỏi mặt đất khoảng 30 mét. Leo xuống xe, Philippa đưa tay che mắt khỏi ánh mặt trời chói lọi và ngược nhìn lên đỉnh sa thạch, nơi từng từng một tòa pháo đài trông rất “ác liệt” với những thành lũy đầy lỗ châu mai. Cô kết luận:

– Chính là nó.

John đồng ý:

– Không nghi ngờ gì nữa.

Dybbuk lẩm bẫm:

– Tuyệt. Quá tuyệt.

Được xây dựng vào cuối thế kỷ XVI, những bức tường thành màu hồng của tòa pháo đài không chỉ bắt mắt mà còn vô cùng vững chãi. Những con chim kền kền bay vòng vòng quanh đỉnh tháp cao nhất, nơi mà từ đó hiện đang hạ xuống một cái thang máy dây cố đại. Nó thu thập những vị sannyasin khác vừa xuống xe buýt, ngoại trừ Jagannatha và bắt đầu hành trình chậm chạp leo ngược lên vách đá chông chênh. Jagannatha quay lại và nói anh sẽ đi chuyển tiếp theo cùng với lũ trẻ và cha của chúng, ông Gupta.

Ông Groanin trợn tròn mắt ngó cái thang máy - vốn là một cái giỏ đơn giản mà người ta vẫn thấy bên dưới mấy cái khinh khí cầu chạy bằng hơi nóng - đang từ từ di chuyển lên đỉnh núi. Với người quản gia một tay, chuyển đi ngược lên vách đá thẳng đứng nhìn thật đáng báo động. Thậm chí là nguy hiểm. Lo lắng liếc nhìn vị sannyasin trẻ mà Dybbuk đã kết bạn, ông hỏi cậu bằng tiếng Hindi:

– Anh chàng hippie này là ai vậy?

Dybbuk cho biết:

– Anh ấy bảo pháp danh của mình là Jagannatha. Nhưng tên thật của anh là Joey Ryder, và anh sẽ hướng dẫn chúng ta tham quan ashram. Cháu và John đã nói với anh là tụi cháu đang có ý định gia nhập. Như chúng ta đã thỏa thuận.

Liếc nhìn Jagannatha thật nhanh rồi lắc đầu, Dybbuk bào:

– Đừng lo về anh ta. Anh không biết tiếng Hindi đâu.

Khi cái thang máy cổ đại quay xuống, Jagannatha leo vào trong cái giỏ rồi ra hiệu cho ông Groanin và ba đứa trẻ cùng vào.

Ông Groanin hỏi, lần này bằng tiếng Anh:

– Bộ không có cách nào khác để lên đỉnh hả?

Jagannatha trả lời:

– Cháu e là không. Nhưng bác cứ yên tâm, nó an toàn lắm. Bác sẽ quen với nó ngay ấy mà. Chỉ cần bình tĩnh. Và đừng có nhìn xuống.

Khi cả bọn đã yên vị ở trong cái giỏ, Jagannatha lắc một cái chuông được buộc vào sợi dây và họ bắt đầu hành trình chậm chạp ngược lên vách đá thẳng đứng.

Ông Groanin lắng nghe cái giỏ kêu cọt kẹt và nhìn chăm chăm sợi dây đang bị kéo căng với vẻ mặt ngày càng trắng bệch. Quyết định rằng sẽ không bao giờ phàn nàn lần nữa về việc cưỡi lốc gió, ông liếc nhìn xuống mặt đất khô cứng bên dưới, rồi nhắm tịt mắt lại khi một cảm giác chóng mặt thành linh vây bủa.

Ông lẩm bẩm:

– Hãy nhìn những gì ta làm vì bọn nhóc. Ước gì...

Philippa la lên:

– Không! Đừng ước!

Nhưng đã quá trễ. Điều ước của ông Groanin đã được nói ra.

-... ta đã ở trên đỉnh.

Dĩ nhiên ông Groanin đã quên bẵng đi việc nam tước Reinnerassig đã tặng mình ba điều ước để phòng tình huống khẩn cấp. Cho nên, ngay khi những từ cuối cùng vừa thoát ra khỏi cửa miệng, ông lập tức biến mất. Cũng

may lúc này, sự chú ý của Jagannatha đang tập trung vào chân trời xa xa, chứ không phải là khuôn mặt của bốn người hành khách ngồi cùng giỏ, hay giờ đây nói đúng hơn là ba người hành khách. Tuy nhiên, anh cũng mau chóng nhận ra điều đó.

– Ê, cha mấy đứa đâu rồi?

Jagannatha hỏi Dybbuk, giọng khẩn cấp. Rồi với vẻ mặt kinh hoàng, anh chàng sannyasin nhanh chóng thò đầu ra ngoài thành giỏ, tưởng tượng ra hình ảnh một cái xác người đập nát nằm trên mặt đất bên dưới.

Một phút sau đó, không có đứa trẻ djinn nào mở miệng. Rất dễ để chúng hiểu chuyện gì đã xảy ra, nhưng để giải thích điều đó cho một mundane, thậm chí là một người cả tin như Jagannatha, đòi hỏi đến đầu óc thiên tài sáng tạo của một cao thủ kể chuyện.

Vị sannyasin trẻ nói như sắp khóc:

– Ông ấy đâu rồi? Ông Gupta. Ông ấy biến mất rồi.

Đây là lúc Dybbuk lên tiếng. Kể chuyện, vốn có thể là một từ lịch sự để nói về việc nói dối, vốn là thế mạnh của cậu.

– Đó chính xác là điều ba em đã làm. Cứ hể thấy một sợi dây treo trên đầu là ông không tài nào cưỡng lại được. Anh hiểu không, ba em là một ảo thuật gia. Một thầy tu Fakir. Và sở trường của ông là ảo thuật Ấn Độ với dây thừng. Chỉ cần nhìn thấy một sợi dây dẫn lên trời, là ông lập tức leo lên nó và biến mất.

Rồi búng tay cái chóc, Dybbuk kết thúc:

– Chỉ đơn giản như thế.

John và Philippa không hện mà cùng nhăn mặt vì ngỡ ngàng. Câu chuyện của Dybbuk nghe vô lý không thể đỡ được. Nhưng cũng khó trách. Thật không có nhiều lời giải thích hợp lý cho việc ông Groanin có thể đột ngột biến mất khỏi cái giỏ.

Liếc nhìn cái bánh xe rỗng rọc ở đỉnh sợi dây hiện đang kéo họ lên vách đá, Jagannatha nói, giọng đầy ngờ vực:

– Deepak, rất khó để leo lên đó nếu chỉ có một tay. Dybbuk gật gù bảo:

– Dĩ nhiên phải khó rồi. Đó chính là lý do tại sao ba em làm thế. Để chứng minh cho bản thân ông, và quan trọng là cho tụi em, rằng ông vẫn còn giỏi trò đó lắm. Trò ảo thuật với sợi dây ấy. Thì ông đã gặp tai nạn nghề nghiệp rồi đó, anh biết không.

Như đã bắt đầu nóng máy với câu chuyện viễn tưởng của mình, Dybbuk hăng say nói tiếp:

– Trước đây, mỗi khi leo đến đỉnh sợi dây, ông thường dùng một cây rìu chặt nhỏ cơ thể mình ra và quăng những bộ phận cơ thể ấy xuống một cái giỏ bên dưới. Đó là cách thực hiện truyền thống của trò ảo thuật Ấn Độ với dây thừng, đúng không? Khi đó, một trong ba đứa tụi em sẽ trèo một tấm vải lên giỏ và ba em sẽ xuất hiện trở lại với nguyên xi hình hài như lúc đầu. Kỳ diệu lắm! Chỉ có điều, lần cuối cùng ba em làm trò đó, một con chó đã ngoạm một cánh tay của ông và chạy mất, nên giờ đây, ông chỉ làm trò leo dây và biến mất thôi.

Liếc nhìn Jagannatha há hốc mồm kinh ngạc, John phải cố gắng lắm mới không lăn ra đất mà ôm bụng cười.

Jagannatha ngáp ngừng nói:

– Ừm... ờ... dĩ nhiên anh đã nghe nói đến trò ảo thuật Ấn Độ với dây thừng. Nếu nhớ không lầm, anh đã từng xem biểu diễn trò đó ở Las Vegas khi còn nhỏ. Và anh cũng từng làm trò nhái giọng. Là cái trò nói giọng bụng ấy mà. Chỉ là, anh chưa bao giờ làm nó mà không tuyên bố trước.

Rồi anh chàng sannyasin lại một lần nữa liếc nhìn qua rìa cái giỏ, như thể sẽ thấy cái xác của ông Groanin đang nằm ở trên mặt đất 30 mét bên dưới chân họ.

Dybbuk mỉm cười nói:

– Anh có thể hỏi ba em về trò đó khi gặp ông ở trên đỉnh. Trừ khi anh nghĩ ông ấy tự nhảy xuống. Hoặc là tụi em đã đẩy ông ấy xuống.

Jagannatha nói một cách vội vã, phòng trường hợp ba đứa trẻ thực sự đã đẩy ông Groanin ra khỏi giỏ và giờ đây đang cân nhắc việc loại trừ nhân chứng duy nhất:

– Không, không, không, dĩ nhiên là không rồi. Anh không có nghi gì hết, Deepak. Thật đó.

John đến hỗ trợ Dybbuk với một kết luận mà cậu đã từng đưa ra trước đó, trong một tình huống tương tự như hiện tại:

– Anh cứ nghĩ xem, Jagannatha, nó giống như thám tử Sherlock Holmes từng nói: “Khi chúng ta đã loại trừ hết những thứ không thể, thì bất cứ thứ gì còn lại, cho dù vô lý đến đâu, đều là sự thật.” Anh nhớ đã thấy ba em leo vào giỏ, đúng không?

Jagannatha gật đầu:

– Đúng thế.

Hất đầu xuống mặt đất bên dưới, John nói tiếp:

– Hiện tại ba em không có ở đây. Và ông cũng không có ở dưới kia. Vậy thì, ông ấy chỉ có thể ở phía trên. Đúng không?

– Ờ... chắc thế.

Cuối cùng, cái thang máy cũng đến được đỉnh vách núi, nơi một vị sannyasin khác cố định cái giỏ vào một thềm gỗ còi cọc, rồi mở cánh cửa nhỏ để bốn vị hành khách có thể bước ra ngoài.

Đây chính là “ám hiệu” để ông Groanin bước ra từ đằng sau vài thùng Nitơ lỏng, nơi ông đã ẩn nấp sau khi phát hiện điều ước “đã ở trên đỉnh” của mình biến thành sự thật. Rất may là vị sư già vận hành cái thang máy - vốn được chạy bằng cách để một con lừa cũng già không kém kéo cái tời - không nhìn về phía cái thềm gỗ khi ông Groanin thành linh xuất hiện. Và ông vẫn tiếp tục không chú ý gì đến việc, trong số năm người khách xuất hiện trên tháp, chỉ có bốn người đến bằng cách thức thông thường. Jagannatha thì lại rất đang “chú ý”. Nhìn ông Groanin với ánh mắt ngưỡng mộ, anh trầm trồ khen:

– Thật tuyệt vời, bác Gupta. Cách mà bác leo lên sợi dây. Rất đáng kinh ngạc.

Không chắc chắn bọn trẻ đã kể câu chuyện nào để giải thích cho sự biến mất của mình, ông Groanin chỉ có thể cười cho qua chuyện:

– Ừm, cậu nghĩ vậy à?

Dybbuk nhanh miệng nói:

– Không cần khiêm tốn đâu, *Ba*. Con đã kể hết cho anh ấy nghe về trò ảo thuật Ấn Độ với dây thừng nổi tiếng của ba.

– Ờ, vậy hả?

Jagannatha ngưỡng mộ nói:

– Bác Gupta, thế nào bác cũng phải biểu diễn lại cho cháu xem nhé. Nhưng lần này, nhớ báo trước. Cháu không muốn để lỡ bất cứ giây phút nào đâu.

Cực kỳ ngạc nhiên là anh chàng nhà sư người Mỹ lại có thể thỏa mãn với một lời giải thích vô lý đến thế, đồng thời liếc nhìn Dybbuk với ánh mắt hình viên đạn vì đã phịa ra một câu chuyện ngớ ngẩn quá mức, ông Groanin âm ừ trả lời:

– Ừm, cậu sẽ không để lỡ gì đâu. Nó là, ờ, một thứ đáng xem, ừ, ngay cả tôi cũng phải công nhận. Chỉ là, ừm, nếu được, tôi muốn nhờ cậu một chuyện. Làm ơn đừng nói chuyện này cho ai biết. Tôi không muốn người khác nghĩ, ờ, là tôi cố tình gây sự chú ý về mình.

Jagannatha nhe răng cười:

– Chắc chắn rồi. Không thành vấn đề. À, đúng, để cháu dẫn mọi người tham quan ashram nhé.

Hài lòng vì cuối cùng đã thay đổi được đề tài, ông Groanin nói:

– Ừ, nếu cậu không phiền. Cậu thật là tốt.

Đó là một ngày khá nóng để đi bộ đâu đó, tuy nhiên ở trên đỉnh vách núi thật chẳng khác nào đang ở trên vành đai mặt trời. Nó đập xuống tòa pháo đài màu hồng cái nóng gay gắt mà ngay cả ông Groanin người Ấn Độ, chứ không phải ông Groanin Anh Quốc, cũng gần như không chịu nổi. Bất chấp bộ áo kurta thoáng mát và đôi xăng đan mềm nhẹ, ông Groanin chẳng mấy chốc đã thở hổn hển khi Jagannatha dẫn họ tham quan khu tịnh xá - nơi ở của các sannyasin, thư viện, và cái thánh đường khổng lồ nơi Guru Masamjhasara thường giảng đạo cho những tín đồ của mình. Khi họ đến

trung tâm hỗ trợ máy tính, nơi vài tá sannyasin đang bận rộn trả lời điện thoại cho những người đã mua máy tính Bungle ở Anh và Mỹ, ông Groanin thiếu điều đã thở không ra hơi.

Philippa hỏi nhỏ:

– Ông ổn không, ông Groanin?

Chộp lấy một tờ báo của ashram gần đó, vị quản gia một tay tự quạt lia lia và nói nhát gừng:

– Ta hả? Ờ, ta nghĩ chắc ta ổn. Chỉ là, ta ước nó không nóng dữ vậy thôi.

Ngay khi vừa nói xong, một đám mây đen dày đặc bỗng hiện ra từ không khí, trôi đến phía trên tòa pháo đài màu hồng và che chắn nó khỏi ánh mặt trời khắc nghiệt như một cái dù khổng lồ. Nhiệt độ ngay lập tức hạ xuống vài độ.

Ngước nhìn đám mây, Jagannatha nhận xét:

– Lạ thật. Anh chưa bao giờ thấy chuyện này xảy ra.

Ông Groanin nhăn mặt. Cảm thấy bực với chính mình, ông lắc đầu nói bằng tiếng Hindi:

– Ấc, ta lại làm gì thế này? Phí mất hai điều ước.

John an ủi:

– Ông đừng để ý quá. Chuyện này có thể xảy ra với tất cả mọi người mà.

Ông Groanin bảo:

– Nhưng nó đã xảy ra với ta. Và đây cũng không phải lần đầu tiên. Nó giống y như lúc ta giải cứu Nimrod khỏi cái chai cậu ấy bị nhốt bên trong và được cậu ấy cho ba điều ước.

Philippa nói vào:

– John nói đúng đó. Ông đừng nên tự trách mình về điều đó quá.

Không hiểu bốn vị khách Ấn Độ của mình đang nói gì, nhưng có thể thấy rõ qua thái độ của ông Groanin là ông đang bực mình về một chuyện gì đó, Jagannatha hỏi:

– Có chuyện gì à? Janesh? Panchali? Cha của mấy đứa ổn không vậy?

John giải thích bằng tiếng Anh:

– Chỉ là cái nóng thôi. Nhưng từ khi đám mây kia xuất hiện, ba em cảm thấy tốt hơn nhiều rồi.

Không lấy gì làm vui vẻ, ông Groanin lẩm bẩm:

– Ước gì đó là sự thật.

Vừa nói xong câu đó, ông đột ngột cảm thấy tốt hơn rất nhiều. Điều ước thứ ba đã hoàn tất. Nhưng ông không may mắn nhận ra điều đó. Hít một hơi thở thật sâu, vắn vắn cổ và vai vài cái, ông gật đầu tuyên bố:

– John, cháu biết gì không? Cháu nói đúng đó. Ta cảm thấy tốt hơn nhiều rồi. Giống như ta vừa uống thuốc hay một cái gì đó tương tự.

Rồi chớp chớp mắt vài cái một cách vui vẻ, ông mỉm cười hạnh phúc:

– Ta chưa bao giờ cảm thấy tốt như thế này, kể từ khi Manchester City hạ gục United 5-1 năm 1989. Và ta đã nghĩ suốt đời ta sẽ không bao giờ cảm thấy tốt như thế này.

Dybbuk nhăn nhó:

– Ông cứ thoải mái thưởng thức cảm giác đó đi. Khi ông còn có thể. Cháu thì cá là chúng ta sẽ sớm hối hận vì đã để phí ba điều ước. Cứ nhớ lời cháu nhé. Chuyện vừa xảy ra ở đây không khác gì một thảm họa.

Ông Groanin nói:

– Xin lỗi.

Nhưng thật sự ông chẳng cảm thấy hối lỗi một chút nào, mà vẫn tiếp tục mỉm cười một cách hạnh phúc.

Philippa đề nghị:

– Sao *chúng ta* không cho ông Groanin một điều ước khẩn cấp nhỉ? Một cái ký gửi ước ấy. Phòng trường hợp một chuyện không lường trước xảy ra.

John lắc đầu bảo:

– Chúng ta không thể làm điều đó. *Những quy luật Baghdad* quy định thế. Ít nhất là trong một năm lẻ một ngày nữa. Điều ước thứ tư sẽ hóa giải ba điều ước trước đó. Điều ước thứ năm sẽ làm mọi chuyện tệ hơn nữa. Nó liên

quan đến một lời nguyện được gọi là Enantodromia: bất cứ điều gì em ước, em sẽ có một kết quả ngược lại.

Rồi lắc đầu một lần nữa, John nói:

– Em sẽ không muốn biết chuyện gì có thể xảy ra khi em tiến xa hơn điều ước thứ sáu đâu.

Ông Groanin tuyên bố:

– Không, ta không nghĩ ta muốn biết. Mà dù sao, ta cũng chẳng cần một điều ước nữa. Hay thậm chí là ba điều ước nữa. Ta sẽ không mạo hiểm bất cứ thứ gì với cảm giác hiện tại của ta. Bất cứ thứ gì.



Chương 12

Ác đê Tốt

Tiếp tục chuyến tham quan giáo phái ashram ở tòa pháo đài màu hồng, ông Groanin và ba đứa trẻ nhanh chóng nhận ra, dù chắc chắn đã ở đúng chỗ, họ vẫn không có chút khái niệm nào về nơi cất giấu Hồ Mang Chúa Kathmandu. Tòa pháo đài quá lớn. Và họ cũng nhanh chóng nhận ra rằng, họ sẽ phải gia nhập giáo phái ashram này nếu muốn tìm ra bùa thể thân bị thất lạc.

Philippa giải thích:

– Đó là cách duy nhất để tránh bị nghi ngờ. Và lại, cháu không nghĩ chúng ta có thể ngày ngày lặn lội đi lên đi xuống cái thang máy dây kia được.

Ông Groanin gật đầu:

– Chúa phù hộ cái thang máy ấy.
– Một khi đã trở thành thành viên của giáo phái ashram này - người ở đây gọi là *sadhak* - chúng ta có thể ở lại đây ngó nghiêng mà không bị ai để ý. Ngoài ra, ở lại đây, chúng ta sẽ biết rõ hơn nên sục sạo vào khu vực nào trong pháo đài này chứ.

Dybbuk cười hì hì bảo:

– Tớ nghĩ chính tớ đề xuất kế hoạch đó chứ ai.

Philippa nhìn mặt bảo:

– Chính xác thì cậu đề xuất chúng ta *chỉ* đóng giả người có *ý nghĩ* muốn gia nhập. Mà thôi, dù gì đó cũng là một ý hay.

Ông Groanin thông báo với Jagannatha rằng họ đã quyết định sẽ gia nhập ashram. Sau khi chúc mừng họ đã có một quyết định cực kỳ sáng suốt, anh chàng sannyasin lập tức dẫn họ đi gặp Guru Masamjhasara.

Họ tìm thấy Guru Masamjhasara ngồi chễm chệ trên một cái ghế nha sĩ trong một điện thờ, vây xung quanh là vài tá tín đồ cùng hàng trăm ngọn nến lập loè. Vị guru là một gã đàn ông béo phịch với chòm râu xám bờm xồm to cỡ bộ râu của Santa Claus. Gã vận một bộ áo chùng trắng, đeo đồng hồ hiệu Rolex bằng vàng ròng, một cặp kính nhuộm màu, và quấn quanh đầu một cái khăn xếp màu cam. Treo lủng lẳng trước mặt gã là cái chuông cũng bằng vàng ròng mà thỉnh thoảng, gã lắc lắc mấy cái trước khi phán truyền vài lời giảng đạo nào đó cho các tín đồ. Và ngự trên một cái giá kê bên ghế ngồi của gã là bức hình một người đàn ông mặc có mỗi một cái khố đang ngồi trên một cây cột cao chót vót với không những một mà đến tám con dao găm cắm chặt vào ngực và lưng.

Ngó bức hình với một vẻ mặt quá đỗi ngạc nhiên, John thầm thì:

– Ấc, trông khỗ sở quá.

Jagannatha tự hào giới thiệu:

– Đó là Fakir^[25] Murugan, thân phụ của Guru Masamjhasara. Một thánh tăng vĩ đại. Hồi xưa các thiên tăng vẫn thường làm những việc như thế. Cắm dao vào người. Và ngồi xếp bằng trên các cây cột cao. Để chứng minh sự thần thánh của họ.

Nội nghĩ đến chuyên cắm một cái gì đó sắc nhọn vào người là đã nổi da gà, Philippa hỏi:

– Bây giờ chắc mọi người không làm như thế nữa, đúng không? Những chuyện như cắm dao vào người, vuốt ve rắn độc, hoặc nằm trên một bãi đing ấy?

Jagannatha nhe răng cười:

– Anh ấy à? Đùa hoài. Anh là anh ghét dao cực kỳ. Và anh cũng chưa bao giờ thấy một con rắn nào tuốt trên tảng đá này. Tụi anh gọi nơi này là vậy: “tảng đá”.

Rồi chấp tay vào nhau một cách tôn kính, Jagannatha tiến đến trước mặt vị guru, vái vái mấy cái, và giới thiệu bốn môn đồ mới, sử dụng tên tiếng Ấn Độ của họ: ông Gupta, Janesh, Panchali, và Deepak.

Vị guru liếc nhìn họ với vẻ mặt hờ hững, như thể tâm trí gã đang để ở đâu đó. Rồi gã rung chuông, và tất cả mọi người im lặng lắng nghe gã nói, với một chất giọng nghe như thể đã qua một khóa học đặc biệt ở một trường Anh ngữ ngoại quốc:

– Chào mừng ông, Gupta. Và chào mừng các con ông. Ta sẽ dạy cho bốn người quá trình của sự vô vi có ý thức. Và nghệ thuật sống buông xả.

Dybbuk lẩm bẩm:

– Cái này nghe được à.

Ông Groanin thú nhận:

– Ta cũng khoái sống kiểu đó.

Vị guru hơi nhồm người về phía trước và chăm soi nhìn bốn thành viên mới. Rồi gã lại rung chuông lần nữa và tuyên bố:

– Ta biết các người.

Trong một giây, cả bốn người bọn họ như ngừng thở, tự hỏi liệu vị guru này thực sự có đủ “thần thánh” để nhận ra bản chất thật của ba đứa trẻ. Nhưng rồi, bật cười khúc khích như một đứa con gái, vị guru ngồi lại vào chỗ cũ và nói tiếp:

– Các người biết ta. Một điều ta có thể nói cho các người là, các người sẽ được giải phóng. Vì thế, các người sẽ cùng nhau đến và tập yoga ba tiếng một ngày. Các người sẽ cùng nhau đến và thiền định. Các người sẽ cùng nhau đến và gội rửa sạch thân thể cùng linh hồn. Và các người sẽ cùng nhau đến và giúp vận hành trung tâm hỗ trợ máy tính của chúng ta. Các người sẽ đưa ra lời khuyên cho rất nhiều người Anh và Mỹ về cách cài đặt máy tính để bàn, máy tính xách tay và PDA^[26] của họ - mặc kệ chúng là cái gì.

– Nhưng tụi cháu không biết gì về cách cài đặt máy tính.

Philippa nói, mắt lưỡng lự nhìn về phía anh trai mình, người tuy biết một chút ít về máy tính nhưng chắc chắn không đủ để có thể đưa ra lời khuyên mang tính chuyên môn cho ai. Thở phào nhẹ nhõm khi thấy cả John, Dybbuk và ông Groanin đều lắc đầu thể hiện sự đồng tình, Philippa nói thêm:

– Cả PDA nữa. Không ai trong tụi cháu biết.

Vị guru lại cười khúc khích và nói:

– Như vậy thì càng tốt.

Gã nhắc một bàn chân nhìn có vẻ bẩn thiu lên, sẫm soi nó một lúc, rồi thò tay vo tròn một cục ghét to đùng giữa hai ngón chân. Philippa cảm thấy phát ói. Liếc nhìn Philippa, gã tuyên bố:

– Hãy hiểu điều này, Janesh.

Chỉ tay vào John, Philippa bảo:

– Thật ra, cháu là Panchali. Đây mới là Janesh.

– Con ta. Ta dạy quá trình phi vận động, của việc sống đơn giản. Và để sống đơn giản, chúng ta cần phải giải phóng thế giới khỏi sự đàn áp của máy tính và sự vi tính hóa đến từ phương Tây. Cho nên chúng ta sẽ đưa cho những người đang sống dưới ách thống trị đó *những lời khuyên xấu, những lời khuyên khủng khiếp, những lời khuyên sai lệch*. Nhưng đó là *những lời khuyên tốt nhất* Chúng ta nói với họ rằng một cộng một cộng một bằng bốn, hy vọng như vậy họ sẽ ghét máy tính và đập bỏ chúng. Hoặc quăng chúng đi. Và bước vào một thế giới không có máy tính. Một thế giới vô tận chỉ của tình yêu và niềm vui, của giấy trắng và bút chì.

Rồi lại bật cười khúc khích, vị guru hỏi lại:

– Các người có thể làm được như thế không, các con ta? Liệu các người có thể nói cho những kẻ phương Tây giàu có mà ngu ngốc kia cách cài đặt sai một phần mềm nào đó, để cứu rỗi linh hồn bất tử của họ?

Dybbuk, người đang nhe răng cười một cách khoái chí khi nghĩ đến việc đưa ra lời khuyên sai lệch cho người khác, gật đầu lia lịa:

– Không có gì đơn giản hơn.

Vị guru nói tiếp:

– Ta gọi quá trình đó là “yoga tinh thần”. Chúng ta xáo trộn tinh thần họ để, bằng cách tạo ra stress và tăng huyết áp, dẫn dắt họ đến một thế giới của sự điềm tĩnh và thư giãn. Một thế giới của việc sống mà không cần cố gắng. Và của sự phi vận động.

Dybbuk lại gật gật đầu:

– Cháu hiểu. Chắc chắn.

Vẫn cười khúc khích, vị guru chùi cục ghét lên chòm râu của gã, rồi rung chuông ba lần. Thời gian tiếp kiến guru đã kết thúc.

* * *

Jagannatha nhận xét:

– Anh nghĩ ngài ấy thích mấy đứa. Có một điều gì đó về mấy đứa khiến ngài ấy cảm thấy đặc biệt.

– Em hy vọng là không.

Philippa lăm bằm. Cô cảm thấy vị guru kia thật tửm. Nhất là điều mà gã làm với cục ghét chân.

Từ điện thờ, Jagannatha dẫn bốn người về phòng của họ trong tịnh xá, một dãy nhà mái rạ hình tam giác ở một khu sân sau nằm bên trong bức tường ngoài của tòa pháo đài, kế bên một cái giếng nước cũ bỏ hoang. Có bốn cái giường, một giá rửa mặt, một cái bàn thô trơ, vài tấm thảm để ngồi cầu nguyện và, treo trên tường, một bức hình khổ bự của vị Guru Masamjhasara đang tươi cười ngồi xếp bằng lơ lửng trong không trung. Philippa nghĩ thầm, “*Gần giống một djinn*”.

Jagannatha thông báo:

– Giáo viên yoga của mọi người chừng mấy phút nữa sẽ đến ngay thôi. Cô ấy khá nghiêm khắc, nên có lẽ mọi người tranh thủ thời gian nghỉ ngơi

trước đi.

Rồi cúi mình chào bốn người và bức hình vị guru, anh chàng sannyasin rời đi.

– Lập đi!

Nhận xét xong một câu, Dybbuk quăng mình xuống một trong bốn cái giường, rồi lập tức nhắm mắt. Tấm nệm giường ở đây quá cứng so với nệm nhà cậu ở Palm Springs.

– Tạ ơn Trời là anh ta đã đi.

Philippa bảo:

– Tổ thấy anh ấy cũng tốt mà. Khá nhiệt tình.

Ông Groanin, vẫn cảm thấy mình đang ở trên đỉnh thế giới, gật đầu đồng ý. Mỉm cười một cách hạnh phúc, ông nằm xuống giường của mình và nói:

– Ta thích chỗ này. Mọi người đều tốt.

Đến giờ phút này, đám mây phía trên tòa pháo đài màu hồng đã biến mất và cái nóng khủng khiếp đã quay lại tảng đá, tuy nhiên ông Groanin vẫn cảm thấy tốt hơn bao giờ hết.

John chau mày. Cậu không thích lắm con người mới của ông Groanin. Thà lắng nghe phàn nàn không ngừng - một việc cậu đã quen dần - còn hơn. Cậu hy vọng một chuyện gì đó sẽ xảy ra để làm “mė” quách đi cái tâm trạng lạc quan và yêu đời mà ông Groanin mới “tìm ra” - cái tâm trạng mà, dĩ nhiên, chỉ là kết quả của điều ước khẩn cấp thứ ba mà ngài nam tước Reinnerassig đã ban cho ông.

Trên thực tế, John không phải đợi lâu. Một tiếng gõ cửa vang lên, và một người phụ nữ cao gầy với mái tóc vàng hoe bước vào phòng của họ trong tình xá. Vận một bộ quần áo nịt và xách dưới tay một tấm thảm nhựa cuộn tròn màu cam, bà cúi người chào bức hình vị guru trước rồi mới tới ông Groanin và ba đứa trẻ.

Bà tự giới thiệu:

– Xin chào, tôi là Prudence Crabbe, giáo viên yoga của mọi người. Đây là một tiết học cá nhân. Chỉ có năm người chúng ta. Để xem mọi người có

thể làm gì. Cho nên, mời mọi người vui lòng đi theo tôi đến trung tâm yoga để chúng ta có thể bắt đầu.

Ông Groanin nói:

– Tôi chỉ có một tay. Tôi không nghĩ tôi có thể tập yoga được.

Bà Crabbe, một người Canada, nói như giục:

– Vớ vẩn. Bất cứ ai cũng có thể tập yoga. Ngay cả ngài. Đừng lo. Yoga không có nghĩa phải vịn vẹo mình vào những tư thế khó khăn.

Nhưng đó chính xác là những gì họ làm, và sau chưa đầy một tiếng tập yoga với bà Crabbe - và với hơn hai tiếng nữa chờ đợi họ trước mặt - ông Groanin và ba đứa trẻ đã hoàn toàn kiệt sức.

Vừa giúp họ giữ một tư thế đặc biệt khó chịu, bà Crabbe hét lớn:

– Hiệu quả chữa bệnh và giá trị của yoga trong mọi khía cạnh của cuộc sống được tất cả mọi người biết đến.

Ông Groanin thở không ra hơi khi cố gắng duỗi thân thể theo cách mà bà Crabbe vừa làm mẫu.

Bà nói tiếp:

– Nó giúp người ta thể hiện và trải nghiệm tính thần thánh của mình.

Ông Groanin nhăn nhó:

– Buồn cười! Tôi sẽ không thể nào thấy kém “thần thánh” hơn cho dù có đuôi và sừng và một tấm thẻ hội viên của Câu lạc bộ Lửa Địa Ngục.

Nói xong, ông gục xuống tấm thảm của mình như một hòn đá và lớn tiếng rên rỉ như sắp chết đến nơi - với John, như vậy mới giống ông Groanin mà cậu biết và yêu quý.

Ông tuyên bố:

– Tôi không thể tiếp tục được nữa. Thật sự không thể.

Bà Crabbe nói một cách không thương tiếc:

– Ba tiếng yoga một ngày là bài tập bắt buộc cho tất cả những ai muốn tham gia ashram. Không có ngoại lệ. Đó là mệnh lệnh của đức ngài Guru Masamjhasara.

Quay người cúi chào một bức hình khổ lớn khác của vị guru treo trên bức tường của trung tâm yoga, bà nói tiếp:

– Hiểu chưa? Không có ngoại lệ. Xin mời ngài đứng lên. Động tác tiếp theo của chúng ta có tên gọi là “con cua”.

Và vì không muốn rời khỏi ashram và bỏ lỡ cơ hội tìm kiếm Hồ Mang Chúa, ông Groanin đành phải gượng ngồi dậy và cố gắng tập. Cặp sinh đôi nhanh chóng nhận ra ông Groanin phải ngừng lại hoặc sẽ gục ngã hoàn toàn, trong khi bà Crabbe thì không. Bà ta rõ ràng trơ trơ trước lẽ phải, lòng thông cảm hay tính hài hước. Tuy nhiên, cặp sinh đôi đồng thời nhận ra họ cần sử dụng sức mạnh djinn với bà, nhưng theo một cách tinh tế nhất có thể.

Có lẽ họ cũng sẽ làm nếu không phải Dybbuk đã ra tay trước. Và Dybbuk sẽ không là Dybbuk nếu cậu sử dụng sức mạnh djinn một cách tinh tế.

– ZYGOBRANCHIATE!

Nếu cho họ một vài phút, cặp sinh đôi có lẽ sẽ làm bà Crabbe mất giọng, hay thậm chí là một chút sái cổ đủ để bà ngừng tập yoga suốt ngày hôm đó. Còn với Dybbuk, cậu đơn giản biến bà thành một con cua. Dù đó không phải là một ý tưởng sáng tạo gì - vì tên của bà vốn đã là Crabbe^[27] - nhưng phải công nhận nó khá hiệu quả.

Kiệt sức đến mức không thể nhích người tránh đường khi con cua bò về phía mình, ông Groanin nằm dài trên sàn và nói:

– Cám ơn Chúa vì điều đó. Ta thật sự nghĩ ta sắp chết đến nơi rồi.

Philippa chau mày hỏi Dybbuk:

– Cậu không thể biến bà ấy thành một cái gì khác ngoài con cua sao? Cách biến cả trăm dặm, nhiệt độ lên đến 48 độ C trong bóng râm, kèn kèn trên trời - đây không phải là nơi cho loài cua, Buck. Cậu mà không nhanh biến bà Crabbe lại bình thường, bà ấy sẽ chết mất. Một con mèo. Một con chuột. Hoặc thậm chí là một con nhện thì tớ còn hiểu được.

Lắc đầu, cô nói tiếp:

– Nhưng một con cua? Buck, cậu thật là thiếu sáng tạo quá.

Dybbuk bảo:

– Tớ không biết à. Tên Crabbe và tính ngang như cua. Động tác yoga chúng ta đang tập tên là “con cua”. Thế thì hiển nhiên phải là con cua rồi.

Rồi cậu nhe răng cười nhìn con cua vẩy vẩy một càng về phía mình, như thể đang cố thu hút sự chú ý của cậu.

John lắc đầu:

– Quá hiển nhiên.

Ông Groanin thì nói:

– Ai không biết, nhưng ta thì rất cảm ơn cháu, Buck con trai ta. Ta không nghĩ mình sẽ có lúc kiệt sức như thế này dù sống thêm một trăm năm nữa. Người phụ nữ ấy, bà ta đúng không phải con người.

Dybbuk bật cười ha hả:

– Thì bà ấy giờ cũng còn là con người đâu.

Con cua, vốn không to lớn gì, tiếp tục vẩy vẩy càng một lúc, rồi lùi vào một góc chờ đợi số mệnh của nó.

Philippa giục:

– Cậu nhanh mà biến bà ấy lại thành người đi. Trước khi bà ấy chết khô.

Dybbuk đành thỏa hiệp:

– Ok, tớ sẽ làm. Nhưng mà, nếu bà ấy lại tiếp tục bắt chúng ta tập yoga, tớ không chịu trách nhiệm chuyện gì sẽ xảy ra đâu nhé!

Rồi ngừng lại vài giây để tập trung, cậu một lần nữa thầm thì:

– ZYGOBRANCHIATE!

Khôi phục lại hình dạng người ốm o, Prudence trông gần như được gắn kết bởi những bộ phận có khớp dẻo quẹo uốn vặn tứ tung của mình, bà Crabbe tiếp tục ngồi thu lu một góc trong gần một phút.

Ông Groanin hỏi thăm với vẻ mặt ngây thơ:

– Bà có ổn không?

– Chuyện gì vừa xảy ra cho tôi vậy?

– À, bà vừa làm một động tác vặn mình hơi buồn cười. Chỉ vậy thôi.

– Một giây trước tôi còn đang làm mẫu một động tác yoga, thế nhưng giây tiếp theo, tôi tự nhiên có cảm giác lạ chưa từng có. Như thể tôi là một con cua.

Rồi người người người mấy cái, bà nghi ngờ nói tiếp:

– Mà người tôi hình như cũng có mùi tanh cá.

Dybbuk nhe răng cười một cách ác độc mà không nói gì.

Ông Groanin đỡ lời:

– Tôi nghĩ chắc bà tập yoga quá nhiều rồi đó. Hoặc do trời quá nắng. Nếu tôi là bà, tôi sẽ quay về phòng nghỉ ngơi. Tôi chắc sáng mai bà sẽ thấy đỡ hơn thôi.

Rồi ông giúp bà Crabbe, đang vô cùng hoang mang đứng dậy và mỉm cười một cách nhân hậu với bà.

Bà Crabbe lẩm bẫm, như thể đang tự trấn an chính mình:

– Ừ. Có lẽ ngài nói đúng. Tôi đã tập quá sức. Chắc là thế. Mặt trời. Không uống đủ nước. Cơ thể thiếu nước. Không có lời giải thích nào khác. Không thể nào có chuyện tôi thật sự biến thành một...

Bà Crabbe loạng choạng bước về phía cửa, đi hàng ngang - giống như một con cua - và trước sự vui sướng thấy rõ của Dybbuk và ông Groanin, bà rời khỏi trung tâm yoga mà không nói tiếng nào.

Ông Groanin tuyên bố:

– Tuyệt. Giải quyết xong bà ta rồi.

* * *

Quay trở lại phòng ở của họ trong khu tịnh xá, Dybbuk trải bức tranh Hiệp hội Đông Ấn ra bàn và nghiên cứu nó thật kỹ. Cậu bảo:

– Đây đúng là tòa pháo đài màu hồng. Không nghi ngờ gì nữa. Chúng ta đã đến đúng nơi. Tòa pháo đài nhìn có vẻ không thay đổi mấy so với khi nó được vẽ. Nhưng chúng ta nên tập trung tìm kiếm ở chỗ nào đây?

Khẽ nhún vai, cậu liếc nhìn bức hình của vị Guru Masamjhasara và nói tiếp:

– Nếu thật sự có thể tìm được sự khai sáng ở nơi này, tớ hy vọng nó nhanh chóng xuất hiện trước mặt chúng ta.

Philippa nói:

– Câu trả lời nằm trong những dòng rãnh nhảy múa. Trong thông điệp của đại tá Killiecrankie. Tớ chắc chắn thế.

Rồi cô một lần nữa đọc lớn toàn bộ nội dung thông điệp:

“Ta làm con răn bị thương nhưng không giết được nó. Và chạy trốn đến cái nơi khổ cực khủng khiếp này, nơi mà ta có lẽ sẽ chết dưới tay kẻ thù. Nhưng giờ ta đang trong may mắn. Và người cũng sẽ khâm khá nếu đi xuống đây khám phá tiền chuộc của một vị vua bên trong đôi mắt xanh lục của hổ mang chúa Kathmandu. Hãy tìm kiếm con răn thứ ba. Nhưng coi chừng con răn thứ tám. M. W. K”

Ông Groanin nhận xét:

– Nghe giống như manh mối trong trò ô chữ. Dybbuk bảo:

– Ông đã nói thế một lần rồi.

– Có thể ta nói lại vì đó là sự thật.

– Trò ô chữ chỉ dành cho con nít.

– Cháu đã thử giải trò ô chữ trên tờ *The Daily Telegraph* bao giờ chưa mà nói? Ô chữ hoàn toàn không phải trò chơi cho con nít. Nó dành cho những ai muốn kiểm tra khả năng tư duy của mình. Và chính là *khả năng tư duy* chứ không phải sức mạnh djinn sẽ giải được câu đố này. Tốt nhất cháu nên nhớ lấy điều đó, Dybbuk.

– Buck. Chỉ Buck thôi, được không? Tốt nhất ông nên nhớ lấy điều đó.

Trong khi Dybbuk và ông Groanin tiếp tục tranh cãi với nhau, John bước ra cửa tịnh xá và liếc nhìn ra sân sau. Được “canh gác” bởi bức tường thành cao hơn ở bên trong pháo đài, nó hoàn toàn vắng tanh, ngoại trừ vài con chim đậu dưới bóng râm của chòi lợp mái rạ trên cái giếng cũ^[28].

Đột nhiên John quay lại và bước vào trong phòng. Cậu vỗ mạnh bàn tay xuống cái bàn trước mặt Dybbuk, làm những người khác nhảy dựng lên.

Cậu hào hứng nói:

– Tớ đoán ra nó rồi. Đó là một trò chơi chữ. Ngài đại tá không sử dụng chữ “well” như một phó từ. Ông sử dụng nó như một danh từ.

Dybbuk hoàn toàn không hiểu phó từ là gì, cậu ngây ra, trừng mắt nhìn John.

Gấp gáp chỉ tay ra phía cửa, John giải thích:

– Cậu không hiểu hả? Ngài đại tá đang nói về loại “well” ở ngay bên ngoài cửa. Loại “well” mà cậu có thể múc nước từ đó. Loại “well” mà cậu sẽ *khâm khá* nếu đi xuống và “khám phá tiền chuộc của một vị vua”.^[29]

Tất cả lập tức đứng dậy đi ra cửa, nơi mà từ đó, họ có thể thấy rõ cái giếng cũ.

Philippa mỉm cười:

– Dĩ nhiên rồi. Muốn giấu một món đồ, nơi nào có thể tốt hơn đáy một cái giếng cũ chứ?

Ông Groanin nói:

– Ngoại trừ đào một cái lỗ và chôn nó xuống.

John khẳng khẳng:

– Chắc cú chính là cái giếng đó.

Dybbuk bảo:

– Trừ khi có một cái giếng khác ở đây. Có ai thấy không?

Nhưng không ai thấy một cái giếng nào khác. Cho nên họ đi ra ngoài để nhìn kỹ hơn.

Có tuổi thọ ngang ngửa tòa pháo đài, cái giếng được che chắn khỏi ánh mặt trời bởi một cái chòi làm từ vài cây cột đá và một mái vòm làm cảnh. Có một cái xô to và một sợi dây thừng dày. Thò đầu vào miệng giếng, họ liếc nhìn xuống khoảng không tối đen, mát lạnh bên dưới. Một luồng gió nhẹ từ bên dưới thổi lên như thể mặt đất đang hít thở qua lòng giếng, nó làm viễn cảnh phải leo xuống dưới càng trở nên đáng sợ hơn.

Dybbuk nói lên sự thật hiển nhiên:

– Ai đó phải leo xuống dưới. Để tìm Hồ Mang Chúa.

Ông Groanin lắc đầu:

– Không phải ta. Ta không khoái cái với ý tưởng leo xuống dưới một cái giếng cũ đâu. Nhất là vào ban đêm.

Dybbuk thắc mắc:

– Ai bảo phải leo xuống đó vào ban đêm?

Thật sự thì, như ông Groanin, Dybbuk cũng không lấy gì làm hăng hái với ý tưởng leo xuống cái giếng. Cặp sinh đôi cũng không khác. Dù gì, djinn vốn đều có chứng sợ không gian chật - kết quả của những lần bị loài người nhốt vào trong thứ được gọi là “đèn thần”. Điều đó không có nghĩa djinn ghét ở bên trong một cây đèn dầu hay một cái chai nào đó. Trên thực tế, một vài djinn - ví dụ như ông Rakshasas - thích sống kiểu đó. Nhưng djinn, cũng như bất cứ người nào khác, đều thích được làm chủ cuộc đời của chính mình, nơi họ có thể tùy ý ra vào cây đèn nào đó bất cứ khi nào họ muốn.

Ông Groanin bảo:

– Cậu nhóc, chúng ta khó có thể ban ngày ban mặt leo xuống đó. Chắc chắn sẽ có người thấy và thắc mắc chúng ta đang làm cái gì. Không, phải là tối nay. Sau bữa tối. Nếu như ở nơi này có phục vụ bữa tối.

Như thế trả lời cho thắc mắc của ông Groanin, Jagannatha xuất hiện từ một cánh cửa ở bên kia sân và bước về phía họ. Ông Groanin lầm bầm, “QED”, vốn là một từ ông luôn thốt ra khi lời ông nói được chứng minh đúng, dù cả ba đứa trẻ đều không hiểu nó có nghĩa gì.

Jagannatha hỏi:

– Xin chào. Mọi chuyện sao rồi?

Ông Groanin nói:

– Tôi e rằng chúng tôi đã làm kiệt sức bà Crabbe tội nghiệp.

Anh chàng sannyasin nhe răng cười:

– Cháu cũng có nghe nói chuyện đó. Cô ấy giờ đang thiền định. Có lẽ là cho đến hết ngày hôm nay. Đó là lý do tại sao cháu đến gọi mọi người đi ăn

tối sớm. Cháu đoán, mọi người hẳn đã đói bụng sau khi tập luyện vất vả thế.

Gật đầu về phía cái giếng, Philippa nhanh trí nói:

– Tụi em khát nhiều hơn là đói. Cho nên mới đến coi thử dưới giếng có nước không.

Nghi ngờ nhìn xuống dưới cái giếng, Jagannatha nói:

– Dưới đó hả? Có nước đó. Nhưng anh sẽ không uống nó đâu. Mà thực tế, anh sẽ chẳng uống bất cứ cái gì ở đây, trừ khi nó từ một cái chai hay một đồ đựng đã được tiệt trùng.

Ông Groanin hỏi:

– Thật hả?

Jagannatha nói tiếp:

– Tuy nhiên, sau bữa tối, cháu e là cả bốn người sẽ phải trực đêm ở trung tâm hỗ trợ máy tính để vận hành Đường dây nóng hỗ trợ Máy vi tính Bungle. Thật sự xin lỗi, nhưng người mới luôn phải vậy.

Trông thấy vẻ mặt lo lắng của Philippa, anh chàng sannyasin trấn an:

– Đừng lo quá. Thật sự không có khó khăn gì đâu. Chỉ cần đọc theo hướng dẫn trên màn hình và tùy theo tình huống mà tự sáng chế thêm vào. Không có khác biệt gì lắm đâu. Chỉ cần làm sao để giọng tự tin nhất có thể. Như thế em biết rõ mình đang nói gì. Mỗi khi không nghĩ ra gì để nói, anh vẫn hỏi mấy kẻ khờ ở đầu dây bên kia xem họ có cáp UHT không.

John hỏi:

– Dây cáp UHT là gì? Em chưa bao giờ nghe nói về nó.

Jagannatha mỉm cười:

– Chính là thế. Làm gì có cái nào được gọi là cáp UHT. Nó sẽ làm họ hóa điên khi phát hiện ra mình không có. Và em sẽ nghe được họ chửi thề. Vài người đập điện thoại. Vài người thậm chí còn đập máy tính. Và như vậy là chúng ta đã đạt được mục đích.

Philippa cẩn thận hỏi:

– Anh không nghĩ biết rõ lời khuyên sai mà vẫn nói cho người khác là hơi ác à?

Jagannatha tiếp tục mỉm cười:

– Chúng ta chỉ ác để tốt cho họ thôi. Để giải phóng họ khỏi sự cai trị của khoa học kỹ thuật. Để phá vỡ sự ràng buộc của chế độ độc tài hiện đại của Silicon và vi mạch. Đó là lời của ngài guru, không phải anh. Nhưng các em biết ngài ấy nói đúng, đúng không? Đã đến lúc người ta khám phá ra tính mộc mạc đơn giản hơn trong cuộc sống. Và quên hết về tốc độ xử lý, email, website... Có bao giờ mấy đứa tự hỏi, tại sao người ta lại cần đến máy tính cá nhân khi mà có hàng vạn người khác trên thế giới không có cái để ăn?

Philippa nói:

– Em không chắc nó đơn giản như vậy. Và em cũng không chắc em có thể hay muốn thuyết phục bất cứ ai rằng em thực sự hiểu những gì em đang nói để chỉ cách sửa máy vi tính.

Jagannatha bảo:

– Không cần lo. Thật đó. Tối nay anh là người giám sát mấy đứa, cho nên nếu gặp vấn đề gì, ví dụ như mấy đứa vô tình làm máy tính của ai đó chạy được, chỉ cần gọi anh. Anh sẽ đến phụ mấy đứa phá rối. Ok?

Ông Groanin, John và Philippa tiếp tục nhìn nhau một cách lưỡng lự, nhưng Dybbuk thì ngoác miệng cười đến tận mang tai và tuyên bố:

– Sẽ vui lắm đây.

* * *

Bên trong sảnh ăn tối, họ nhìn thấy hàng trăm sannyasin khác. Một số là người Thụy Sĩ, Canada, Anh, hoặc Ấn Độ. Nhưng phần lớn sannyasin đến từ nước Mỹ. Tất cả mọi người đều ăn mặc y chang nhau, và dường như có vẻ thân thiện. Có rất nhiều nụ cười ở ashram. Ai đó đang chơi đàn kầu cầm. Vài sannyasin đeo vòng hoa và vẽ mặt đang vui vẻ nhảy múa, ca hát, đánh trống và đập chũm chọe trên tay quanh sảnh. Những người khác ngồi ăn bữa tối bên dưới một bức hình Guru Masamjhasara khổng lồ - Philippa cảm thấy hơi mất hứng về điều đó, vì cô vốn ghét bị ai đó nhìn khi ăn. Có

một điều gì đó về khuôn mặt râu ria của vị Guru làm cô không thoải mái cho lắm. Đặc biệt là việc gã dường như khá bẩn thỉu. Nếu vị guru giáo chủ ở đó như vậy, những tín đồ của gã chuẩn bị thức ăn trong bếp sẽ như thế nào?

Sau bữa tối - Philippa ngạc nhiên khi nhận ra nó cũng ngon - họ đến báo danh tại trung tâm hỗ trợ máy tính. Đó là một căn phòng lớn với vài tá điện thoại và màn hình tivi - nhưng không có cái máy tính nào - cùng một bức hình Guru Masamjhasara nữa, như thể gã muốn nhắc nhở những người đang vận hành trung tâm rằng gã luôn theo dõi họ.

Người gọi đầu tiên của Philippa là một phụ nữ lớn tuổi ở Massachusetts tên Hester Cardigan, một người không biết gì khác ngoài trừ bật và tắt máy tính. Bà có vấn đề với việc kết nối máy in. Philippa cảm thấy tội nghiệp cho bà, và muốn khuyên bà đi tìm một người hàng xóm tốt bụng nào đó rành vi tính qua giúp bà cài đặt máy in. Tuy nhiên, sợ Jagannatha và một vài sannyasin khác ngồi kế bên nghe lỏm, cô không có cách nào khác ngoài đọc lên những lời hướng dẫn ngớ ngẩn in trên màn hình ti vi trước mặt cô.

Giọng nhát gừng, Philippa bảo bà Cardigan:

– Thế nào mà máy tính của bà không thèm nói chuyện với máy in? Máy in của bà thuộc đời cũ. Bà cần phải khởi động lại máy tính, chạy nó trong chế độ an toàn để chúng ta có thể sử dụng bộ dụng cụ chẩn đoán để định lại cấu hình mặc định của máy in. Rồi chúng ta sẽ tải về một phần mềm đã được cập nhật, khởi động lại máy tính lần nữa, khắc phục chương trình điều khiển mới, kiểm tra bà đang sử dụng cổng nào, sử dụng ASCII để chạy định chuẩn dữ liệu đầu ra mới, rồi in thử một trang. Nhưng nếu máy tính của bà là 76a chứ không phải 76b, bà sẽ cần lưu lại tất cả cài đặt, rồi tải về một bộ trình điều khiển riêng biệt tương thích với cổng mà bà đang sử dụng. Không có gì khó khăn cả, đúng không? Bà sẵn sàng chưa?

Trả lời Philippa là một sự im lặng kéo dài từ đầu dây bên kia. Jagannatha giơ ngón tay cái lên, ra hiệu khen ngợi Philippa, rồi di chuyển qua chỗ Dybbuk xem cậu làm ăn thế nào. Đó là cơ hội mà Philippa chờ đợi. Hạ thấp giọng, cô cố gắng hết sức để giải quyết vấn đề của bà Cardigan theo hướng tốt nhất mà cô biết.

– Bà Cardigan? Bà còn ở đó không?

Bà Cardigan nói nhỏ, giọng như muốn khóc:

– Vâng, tôi còn đây.

– Bà hãy quên những gì cháu vừa nói đi nhé. Nó chỉ nhằm mục đích làm bà rối trí thôi. Đừng hỏi cháu tại sao. Sẽ tốn nhiều thời gian giải thích lắm. Đây là những gì cháu muốn bà làm, và nó thật sự đơn giản. Bà bấm chuột vào menu *Khởi động* (Start). Giờ thì bấm chuột vào *Khu điều khiển* (Control Panel). Giờ bấm chuột vào *Máy in và máy fax* (Printers and Faxes). Rồi bấm vào *Thêm một máy in* (Add a printer). Bấm vào *Tiếp theo* (Next). Rồi chờ cho máy tính nhận diện máy in của bà. Vậy là xong.

Lại một khoảng thời gian chờ đợi trong im lặng nữa, lần này dài hơn một chút. Rồi Philippa nghe được tiếng máy in bắt đầu vận hành.

Bà Cardigan vừa khóc vì vui sướng vừa thông báo:

– Nó chạy rồi.

– Tốt. Và nhân tiện, cháu có một lời khuyên *thật sự* hữu ích cho bà. Đừng gọi lại số điện thoại này nữa. Đừng bao giờ.

Đây một cái công tắc để kết thúc cuộc gọi và quay lưng ghế lại, Philippa mỉm cười rạng rỡ với Jagannatha và nói:

– Bà ấy đang mang trả nó cho cửa hàng.

Jagannatha tươi cười khen:

– Làm tốt lắm, Panchali. Lời khuyên xấu là lời khuyên tốt nhất.

Tuy nhiên, không giống Philippa, Dybbuk không cảm thấy tội lỗi gì về việc cậu đang làm mà còn tươi cười hơn hở. Nhận cuộc gọi thứ tư của mình, cậu đặc biệt hào hứng khi biết người gọi hiện đang dạy toán tại một trường tiểu học ở Nam California. Loại “sinh vật” Dybbuk ghét nhất trên đời này là giáo viên dạy toán. Vị thầy giáo, tên là Norman Blackhead, đang có một vấn đề nhỏ với modem của ông.

Dybbuk hỏi:

– Modem của ông tốc độ bao nhiêu?

– Tốc độ?

- Ờ. Tốc độ. 56. 128. 256. 512. Bao nhiêu?
- Ờ... 128.
- Kilobytes hay megabytes?
- Megabytes.

Dybbuk bật cười:

– Là kilobytes, bố già ạ. Modem nhanh nhất trên thế giới này cũng không quá 4 megabytes một giây. Ok. Thế máy tính của ông có fireguard chưa?

– Há? Ờ, chắc có.

Dybbuk lại cười một cách khoái chí:

– Bố già ơi, đó là firewall (tường lửa), chứ không phải fireguard gì gì hết. Cá là, tiếp theo thế nào ông cũng bảo tôi là ông không muốn cài đặt chương trình antibiotic^[30].

– Ồ, nhưng tôi muốn cài mà.

– Ông chắc chứ?

– Chắc chắn.

– Vậy thì ông nên đi mà nói với bác sĩ ấy, bố già, chứ tôi không thể giúp nổi cái đó.

Rồi ngừng lại một lát, cậu hỏi tiếp:

– Vậy còn chương trình antivirus (phòng chống virus) thì sao? Ông có định cài một cái không?

Không muốn phạm sai lầm lần nữa, vị thầy giáo lần này nói:

– Không cần.

Và Dybbuk lại được dịp cười như điên:

– Bố già, ông mà không cài chương trình đó là sẽ gặp rắc rối to đấy. Hệ thống của ông sẽ dính những con bọ máy tính quỷ quái khi lướt web. Ok, giờ là cái mà tôi muốn ông làm. Chạy chương trình quản lý kết nối mạng và kiểm tra cài đặt TCP/IP của ông, sử dụng lệnh ping. “Ping” nhé, bố già, chứ không phải “pong”. Đánh vần được không?

Lặng nghe Dybbuk nói, Philippa nhăn mặt khó chịu khi thấy cậu tỏ ra khoái trá với cái trò đánh đổ những người gọi đến đường dây trợ giúp xui xẻo này. Những lúc như thế này, thật khó để cô tin được Dybbuk có thể thuộc về một tộc djinn tốt. Nhưng rồi cô cố biện minh cho cách cư xử nhẫn tâm của Dybbuk, bằng cách nhắc nhở bản thân rằng cha mẹ cậu đã ly dị, và rằng người bạn thân nhất của cậu, Brad, đã bị giết chết.

Trong lúc đó, John có thể thấy rõ cậu đã ngốc nghếch như thế nào khi gọi đến số điện thoại này để nhờ giúp cài đặt cái laptop Bungle mà cậu được tặng hôm sinh nhật. Và, bất chấp lời giải thích của vị Guru Masamjhasara rằng gã mong muốn giải thoát con người khỏi ách thống trị của khoa học kỹ thuật chỉ vì muốn cứu rỗi linh hồn họ, cậu nhanh chóng tán thành ý kiến của Philippa - rằng đó không phải là một việc làm tốt - nhất là giờ đây khi cậu đã biết đưa lời khuyên lừa lọc cho người khác thì sẽ có cảm giác như thế nào.

Cặp sinh đôi nghĩ thầm trong đầu rằng, rất may là thời gian tạm trú của chúng tại Jayaar Sho Ashram ở Lucknow sẽ không kéo dài. Bằng không, chúng không chắc sẽ nhận được việc nói thẳng cho vị guru biết họ nghĩ như thế nào về một kẻ khuyến khích tin đồ của mình đối xử độc ác với quá nhiều người vô tội.



Chương 13

Bên trong lòng giếng

Ban đêm là thời điểm vô cùng thích hợp cho nhiệm vụ xuyên lòng đất bí mật của họ. Ánh trăng tròn bàng bạc tím dẫn đường cho họ đến cái giếng cổ nằm giữa khu sân sau lát sỏi gồ ghề. Vài con dơi bay lượn quanh những cái lỗ châu mai trên dãy tường thành phía trong, nhưng ngoại trừ tiếng kêu chít chít nhỏ xíu gần như không thể nghe thấy của chúng, không có gì phá tan sự tĩnh lặng của đêm tối. Ba đứa trẻ và ông Groanin sẽ phải thám hiểm lòng giếng sao cho “êm” nhất, vì bất cứ tiếng động nào vang lên ở khu sân sau có thể sẽ bị khuếch đại và thu hút sự chú ý từ một trong những khung cửa sổ sáng đèn trên tường thành. Theo như Jagannatha nói, thì vị guru sống ngay đằng sau những khung cửa sổ cao cao ấy, trong một căn hộ cực kỳ xa xỉ.

Chụm đầu lại trên miệng giếng, họ thả một hòn đá xuống lòng giếng và đếm tới mười lăm trước khi nghe được một tiếng “tôm” nhỏ vang lên từ khoảng không tối đen như mực bên dưới.

John nhận xét:

– Nó sâu cỡ 30 mét.

Ông Groanin thăm thì:

– Ta nghĩ phải cỡ 45 mét mới đúng.

Rồi ông lắc đầu, vè đầy dứt khoát:

– Quý thần ơi, ta cá là có cả vài câu chuyện nằm trong cái giếng này chứ chả chơi.

Vốn tình nguyện đi xuống giếng trên một cái gàu múc nước lớn bằng kim loại đặt trên bức tường đá của cái giếng, Dybbuk chợt dạ hỏi:

– Ý ông là sao?

Ông Groanin cho biết:

– Ta đã đọc về cái pháo đài màu hồng này. Trong thư viện của ashram. Có vẻ như, sau khi trấn áp cuộc nổi loạn, quân đội Anh đã ném mấy chục người Ấn Độ khốn khổ xuống cái giếng này...

Ngừng lại một giây để tăng thêm tính căng thẳng cho câu chuyện của mình, ông nhấn mạnh:

– ... khi họ vẫn còn sống nhăn.

Dybbuk nuốt nước bọt cái “ực” và trong khoảnh khắc âm vang này, nó dội lại lớn như tiếng “gộp gộp” của một con gà tây.

Ông Groanin, hoàn toàn không chú ý tới khuôn mặt ngày càng trở nên xám ngoét của Dybbuk, kể tiếp:

– Nghe nói, một số người còn tự nhảy xuống dưới này để trốn thoát khỏi một số phận bi thảm hơn. Có điều, ta chắc chuyện đó phải xảy ra khá lâu sau khi đại tá Killiecrankie đã giấu cái bùa hộ thân trong giếng. Ta không nghĩ đại tá của chúng ta có đủ can đảm để mò xuống giếng nếu nó đầy nhóc xác người.

Dybbuk chăm chăm nhìn xuống khoảng không tối đen, lạnh lẽo bên trong lòng giếng như bị thôi miên. Thật dễ để tưởng tượng ra cảnh một ai đó quăng mình xuống dưới đó. Và cậu cũng không thể tưởng tượng ra được một số phận khác bi thảm hơn.

Dybbuk hỏi, giọng không còn hơi:

– Chuyện gì xảy ra với chúng? Với mấy cái thầy đó. Chúng vẫn ở dưới đó hả?

– Chúng được mang ra khỏi đây khi người Anh quyết định đóng quân tại pháo đài này. Mang đi và tái chôn cất, để lính Anh có thể sử dụng nguồn

nước. Ít nhất quyển sách ta đọc nói thế.

Ông Groanin thả thêm một hòn đá khác xuống giếng. Lần này, tiếng động vang lên nghe tựa hồ tiếng rên rỉ oán than của một trong những người Ấn xấu số đã kết thúc cuộc đời bên dưới lòng giếng lạnh lẽo.

Đẩy cái gàu múc nước vào trong lòng giếng và đặt chân lên cái phanh thắng - có thể dùng để tùy ý hạ cái gàu nhanh hơn, chậm hơn, hoặc ngừng hẳn nó lại - ông Groanin hỏi:

– Ok, ta sẵn sàng rồi. Dybbuk là người sẽ đi xuống, đúng không?

Dù đang đứng trong bóng tối của cái chòi đá che trên miệng giếng, John và Philippa cũng có thể nhận ra lòng can đảm của Dybbuk đã bay biến sạch sẽ. Mà cũng không trách cậu được. Đặc biệt là sau câu chuyện vô ý của ông Groanin. Cái giếng nhìn thấy ớn, lạnh lẽo và ẩm ướt y như một lăng mộ, và thật quá dễ dàng để tưởng tượng một bộ xương đáng sợ nào đó vẫn còn ẩn mình trong lòng giếng sâu thẳm. Dù là ai bước lên cái gàu để xuống dưới, họ cũng cần đến một thần kinh vững như bàn thạch.

Cái gàu múc nước to cỡ một cái thùng rác, và được cột chặt vào một sợi dây thừng dày quấn quanh một trục quay lớn nhìn có vẻ cũ kỹ chạy dọc ngang miệng giếng. Có một cái bánh răng trên trục quay, và gắn vào nó là một tay cầm bằng gỗ nặng trĩu mà nhờ đó, người ta có thể quay trục quay để nâng hoặc hạ cái gàu. Dù đã vận nát óc, cả Philippa, John và Dybbuk đều chịu thua không biết phải sử dụng sức mạnh djinn như thế nào để tạo ra một “phương tiện” đi xuống lòng giếng khác, sao cho kẻ đi xuống có khả năng “lo được” cái vụ cuối cùng trong thông điệp bí ẩn của đại tá Killiecrankie: “*Hãy tìm kiếm con rắn thứ ba. Nhưng coi chừng con rắn thứ tám*”. Nếu biến thành một con chim, hay thậm chí là một con dơi, họ có thể bay ra vào cái giếng dễ dàng hơn, nhưng cả hai sinh vật này đều không đủ sức dịch chuyển một viên gạch trên thành giếng - vì có vẻ như họ sẽ phải làm vậy - cũng như không có khả năng vác đi một bùa hộ thân bằng vàng ròng. Tất cả những gì sức mạnh djinn có thể phụ trợ cho họ là biến ra một cái đục, một cây búa cỡ vừa, vài cây đèn pin loại tốt, cùng mấy cái bộ đàm liên lạc mini.

Như thường lệ, John là người thấy được giải pháp cho câu hỏi khó khăn: ai trong số họ đủ can đảm để đi xuống giếng. Cậu hỏi ông Groanin:

– Ông nghĩ có thể gánh nổi sức nặng của cả ba tụi cháu bên trong cái gàu không? Thay vì chỉ có một mình Dybbuk.

Groanin lắc đầu buồn bã:

– Không thể. Dù chỉ có hai đứa cũng không thể. Không thể, với chỉ một tay. Hạ cái gàu xuống thì không có vấn đề gì. Ta có thể làm nó dễ dàng với cái thẳng chân này. Nhưng nâng cái gàu lên lại là chuyện rất khó. Một việc như vậy chắc chắn đòi hỏi đến hai tay. Và như cháu thấy đấy, ta chỉ có một tay.

John gợi ý:

– Nhưng nếu ông có đủ hai tay thì sao? Và nếu cánh tay mới của ông cực kỳ mạnh?

Ông Groanin khẽ nhú mày cân nhắc gợi ý đó. Ngồi xuống bức tường đá bao quanh cái giếng, ông nói:

– Đó là một ý kiến không tồi. Nhưng John, cháu không phiền cho ta một phút suy nghĩ chứ? Cháu thấy đó, ta đã quen với việc chỉ có một tay. Quen đến nỗi, thỉnh thoảng ta tự hỏi ta biết làm gì với hai tay. Trừ khi tập yoga, dĩ nhiên rồi. Ta có thể thấy có thêm một cánh tay nữa tiện lợi như thế nào cho việc đó.

Rồi thở dài, ông nói tiếp:

– Mấy đứa biết không, Nimrod vẫn thường đề nghị tặng cho ta một cánh tay nữa, và ta luôn từ chối. Không phải vì ta thích chỉ có một tay, mà vì ta sẽ phải làm quen với việc có hai tay lần nữa. Tuy nhiên, giờ phút này, ta phải nghĩ lại, ta thật không tìm được lý do nào để nói không. Ngoại trừ việc ta đang tự hỏi liệu mấy đứa có đủ sức làm chuyện đó hay không. Ta rất ghét cuối cùng lại trông như quái vật Frankenstein với một thứ quái đản gì đó gắn vào người.

Nói thì nói vậy, nhưng ông Groanin cuối cùng cũng gật đầu. Nhắm mắt lại, ông giục:

– Thôi được rồi. Nhưng tốt nhất mấy đứa nên làm nhanh lên, trước khi ta kịp đổi ý.

Theo bản năng, John nắm lấy tay Philippa và cô nắm lấy tay Dybbuk, để họ có thể tập trung sức mạnh của mình một cách tốt nhất, vì với ba mươi hai cái xương trong một cánh tay người - hai cái ở vai, ba ở cánh tay, tám ở cổ tay, và mười chín ở bàn tay cùng ngón tay - đó là chưa kể đến hệ thống mạch máu và cơ thịt, việc tạo ra bất cứ bộ phận cơ thể con người nào từ số không là một nhiệm vụ gay go đối với bất kỳ djinn nào, ngay cả với djinn đã hoàn toàn trưởng thành.

– FABULONGOSHOOMARVELISHLYWONDER PIPICAL!

– ABECEDARIAN!

– ZYGOBRANCHIATE!

Bóng đêm bao phủ xung quanh ông Groanin khẽ run lên một chút, như một đợt sóng hơi nóng, và mùi lưu huỳnh nồng nặc bốc lên trong không khí - vì việc sử dụng quá nhiều sức mạnh djinn tập trung cao độ thường để lại mùi đặc trưng riêng của nó.

Chậm chậm hé mở mắt, ông Groanin thận trọng hỏi:

– Xong chưa?

John gật đầu:

– Dạ, xong rồi ạ.

Ba đứa trẻ bu lại chăm chú nhìn sản phẩm của mình khi lần đầu tiên sau nhiều năm trời, ông Groanin duỗi thẳng hai cánh tay ra trước mặt. Bỗng ông cắn môi cố kiềm chế sự bực mình, trách móc:

– Mấy cái đứa gốc này, sao lại đưa cho ta hai cánh tay phải thế này? Nhìn nè! Bàn tay sai hướng cả rồi.

John đổ mồ hôi hột thẫm thì:

– Chết thật.

Nhưng Dybbuk thì nói tỉnh rụi:

– Cả hai tay đều là tay phải thì cũng đâu có sao. Chả ai để ý đâu mà sợ.

Dứ dứ bàn tay bình thường của mình lên đe dọa sẽ đập cho Dybbuk một cái, ông Groanin thiếu điều rít lên:

– Dĩ nhiên có sao chứ. Ta không phải chuột thí nghiệm đâu nhé.

Ba đứa trẻ đành phải làm lại một lần nữa, và lần này không có chuyện gì xảy ra. Thậm chí để bồi thường, chúng còn thêm vào một cái đồng hồ đeo tay khá bảnh trên cổ tay trái của ông Groanin, và ông nhìn nó với vẻ mặt vui sướng đến nỗi thật khó để biết ông hài lòng về cái gì hơn - cái đồng hồ mới, hay là cánh tay mới mà nó gắn vào.

Chủ động leo vào cái gàu, John giục:

– Đi thôi. Chúng ta đang lãng phí bóng đêm quý giá đó.

* * *

Không khí trở nên lạnh lẽo, ẩm ướt khi cái gàu múc nước đưa ba djinn trẻ dần dần đi vào lòng đất bọc đá sâu bên dưới tòa pháo đài. Phần lớn thành giếng được cắt thẳng vào lớp đá sa thạch cứng, tuy nhiên cũng có đôi chỗ được đắp gạch, như thế phần đá chỗ đó bị xói mòn, hoặc có thể một thứ gì đó được gắn vào trong.

Bên trong cái gàu nước, John quay mặt về một hướng, Philippa hướng thứ hai, và Dybbuk hướng thứ ba để khi đầu lưng lại vào nhau, chúng có thể kiểm tra toàn bộ vách tường xung quanh lòng giếng khi bàn chân của ông Groanin nhẹ nhàng đưa cả ba xuống độ sâu nhìn như bất tận của nó. Ánh trăng trên đầu ba đứa trẻ nhạt dần rồi biến mất hẳn, để lại mỗi ánh đèn pin đung đưa soi đường cho chúng. Một hai lần gì đó, ba đứa trẻ liếc nhìn lên trên, nhưng sau khoảng mười lăm mét, cái miệng giếng đã hoàn toàn biến mất và tất cả những gì chúng nhìn thấy chỉ là sợi dây thừng không ngừng kêu kộp kộp trên đầu - vật thể duy nhất kết nối chúng với thế giới của ánh sáng và sự sống trên mặt đất.

Cứ chốc chốc, mỗi một nhóc djinn lại chạm vào thành tường, hy vọng khám phá được một dấu vết bị che giấu hay một viên gạch lỏng lẻo nào đó

“hé lộ” Hồ Mang Chúa Kathmandu. Bất chấp không khí ẩm ướt, thành giếng gần như khô ráo và sạch trơn hoàn toàn - một phát hiện làm ba đứa trẻ bất ngờ, cho đến khi nhớ ra cái nóng của Ấn Độ, cũng như nghĩ tới khoảng cách với mặt nước bên dưới. Nghĩ thì nghĩ vậy, chứ chẳng đứa nào dám nhìn xuống dưới, vì sợ sẽ thấy được một thứ khủng khiếp gì đó đang bò lên tường hòng tóm chúng.

Dybbuk thành linh lên tiếng, giọng âm vang bên trong lòng giếng:

– Chờ chút. Hình như tớ tìm thấy thứ gì đó.

Nhắc cái bộ đàm lên miệng, John nói:

– Ông Groanin? Tạm ngừng một phút ông ơi.

Cái gàu nước ngừng lại, tuy vẫn tiếp tục đung đưa theo vòng tròn như phần đuôi của một quả lắc. Theo hướng ngón tay của Dybbuk, John và Philippa trông thấy một lằn rạch trên tường. Soi đèn pin sát vào lằn rạch, chúng nhận ra đó là hình vẽ một con rắn hổ mang được khắc gọt trên một viên gạch.

Dybbuk nhận định:

– Vì chúng ta đang tìm kiếm con hổ mang thứ ba, tớ cá đây là con rắn đầu tiên.

Cặp sinh đôi gật đầu đồng ý, rồi John gọi ông Groanin tiếp tục hạ chúng xuống, nhưng lần này chậm hơn, để chúng không để lỡ con hổ mang thứ hai. Dĩ nhiên không cần phải nói, so với việc đi lên tầng đá trên một cái thang máy dây, việc đi xuống giếng sâu trong một cái gàu nước làm ba đứa trẻ cảm thấy khó thở hơn nhiều. Chưa gì hết, cả bọn buộc phải nuốt một viên thuốc than, vốn là cách thông dụng để trấn an bao tử cũng như nổi thấp thỏm của djinn.

Xuống thêm khoảng một mét tám, Philippa tìm thấy con hổ mang thứ hai được khắc nguệch ngoạc trên một viên gạch khác. Nhưng ba đứa trẻ không ngừng lại kiểm tra nó vì ở càng gần mặt nước bên dưới đáy giếng, không khí càng trở nên giá lạnh. Philippa khẽ rùng mình một cái, chỉ có điều cô không chắc đó là vì lạnh, hay vì chúng phải ngừng lại kiểm tra một mảng tường bị sụp - dường như một cái gì đó được nhét đằng sau bức tường. Tuy nhiên

không có viên gạch nào có khắc dấu hiệu hổ mang của Killiecrankie, cho nên chúng lại tiếp tục đi xuống, và chẳng mấy chốc, đáy của cái gàu nước chúng đang đứng bên trong chạm vào mặt nước.

John nhanh chóng ấn vào nút NÓI trên cái bộ đàm và gọi ông Groanin:

– Đừng hạ nữa. Ngừng lại ngay lập tức.

Cái gàu tiếp tục đi xuống khoảng chừng 6 tấc nữa trước khi hoàn toàn ngừng hẳn, với mực nước lúc này chỉ cách miệng gàu gần chục phân. Tâm trạng lo lắng, ba đứa trẻ lia đèn pin quanh thành giếng tìm kiếm con hổ mang thứ ba, nhưng không phát hiện được gì.

Philippa nói:

– Chắc chắn chúng ta lỡ đi qua nó rồi. Có lẽ là phần tường bị sụp ấy. Chắc viên gạch khắc con hổ mang thứ ba bị rơi xuống nước cũng nên.

Dybbuk bảo:

– Hoặc là ai đó đã đến đây trước chúng ta.

Philippa khẳng khái:

– Không gì bằng lạc quan.

Đặt cây đèn pin của mình lên phần gờ trời ra của một viên gạch, John nhúng tay thử vào nước giếng, rồi thông báo:

– Lạnh quá. Lạnh cóng luôn.

Philippa và Dybbuk cũng bắt chước dùng tay kiểm tra nhiệt độ nước. John nói đúng. Nước trong giếng lạnh như đá.

Philippa nhận xét:

– Chắc đây là nước ngầm. Chảy thẳng từ núi ra.

Dybbuk giục:

– Chúng ta nên đi ngược lên thôi. Chắc chắn chúng ta đã đi qua nó mà không biết.

Nhưng trước khi có ai đó kịp trả lời, một tiếng “tôm” lớn vang lên khi một thứ gì đó rớt thẳng xuống nước ngay bên cạnh họ.

John giật mình hỏi:

– Cái gì vậy?

Nhanh chóng nhòai đầu nhìn qua miệng gàu, John thoáng nhìn thấy một cái bộ đàm đang chìm dần vào làn nước sâu thẳm bên dưới. Trong một giây, John nghĩ cậu vừa đánh rơi cái bộ đàm của mình. Nhưng rồi cậu nhìn thấy cậu vẫn đang cầm nó. Và ngay khi cậu nghĩ đến khả năng đó là bộ đàm của ông Groanin, cái gàu nước bên dưới chân cậu thành linh rớt xuống, và trước khi ba đứa trẻ kịp trấn tĩnh lại để tập trung sức mạnh djinn, cả bọn đã chìm lút cả đầu trong làn nước lạnh giá.

Khi cố bơi lên đến mặt nước, Dybbuk hét lên:

– Chuyện quái quỷ gì xảy ra vậy?

– Làm sao tớ biết được.

John hét ngược lại, và chỉ vừa kịp lúc chụp được cái đục khỏi cái gàu nước. Liếc nhìn cái bộ đàm giờ đã trở nên vô dụng của mình, cậu vứt nó đi, rồi nhét cái đục vào dưới thắt lưng để có thể rảnh tay giữ cho thân người nổi trên mặt nước. Cũng còn may là cậu đã đặt cây đèn pin của mình trên gờ tường, vì cả hai cây đèn pin của Dybbuk và Philippa giờ đã chu du dưới đáy giếng.

Thở gấp vì nhiệt độ của nước, mỗi đứa đều cố tìm kiếm sức mạnh djinn đủ để dịch chuyển cả ba lên miệng giếng. Nhưng đã quá trễ. Cái lạnh đã thấm vào tận xương tủy, làm tan biến tất cả sức mạnh của chúng.

Dybbuk càu nhàu:

– Khi thật. Bố già ngốc nghếch kia nghĩ mình đang làm gì vậy chứ?

Rồi cậu bắt đầu hét lớn kêu cứu.

John quát:

– Im miệng giùm coi. Im lặng một chút để tớ còn nghĩ. Ông Groanin không đời nào cố tình làm chuyện như thế. Chắc hẳn đã có chuyện gì đó xảy ra.

Rồi cậu nói cho Dybbuk và Philippa nghe cậu đã thấy cái bộ đàm của ông Groanin rớt xuống nước vài giây trước khi cái gàu rơi tự do. Cậu kết luận:

– Trong trường hợp này, tớ không nghĩ kêu cứu là một ý kiến hay. Ít nhất không phải ngay bây giờ.

Dybbuk hỏi:

– Vậy chúng ta phải làm gì? Không ai trong chúng ta có sức mạnh djinn. Và chắc chắn chúng ta cũng không có đủ sức leo dây lên đến tận miệng giếng. Nhưng nếu còn ở dưới này, không sớm thì muộn sẽ chết đuối cả lũ.

Philippa trấn an:

– Không gì bằng lạc quan.

Bực tức vỗ vỗ mặt nước, Dybbuk nhăn nhó:

– Xin lỗi nếu tớ chậm tiêu hơn cậu, nhưng tớ chẳng thấy có gì đáng lạc quan ở đây cả.

Philippa bóp chát lại:

– Thế mất bình tĩnh như cậu thì giúp được gì chắc?

John cản lại:

– Cả hai ngừng cãi nhau được không vậy?

Philippa phản đối:

– Ai cãi nhau chứ?

John khuyên:

– Sao không nghĩ đến chuyện, mọi thứ có thể tồi tệ hơn? Chúng ta có thể chìm trong bóng đêm hoàn toàn. Nhưng chẳng phải chúng ta còn có đèn pin sao? Có ánh sáng, anh tin chúng ta còn một số phương án khác.

Giọng hoài nghi, Dybbuk hỏi lại:

– Ví dụ như?

John gợi ý:

– Chúng ta có thể trèo lên chỗ tường bị sụp vào. Rồi chúng ta có thể đào sâu vào trong một chút để có thể ngồi trên đó cho đến khi ráo người. Đủ ráo và đủ ấm để sử dụng sức mạnh djinn.

Philippa liếc nhìn lên thành giếng. Phần tường bị sụp vào cách đầu ba đứa trẻ khoảng mười mét. Cô không thực sự chắc mình có thể làm được điều

John vừa đề nghị, cũng như không đủ sức để la ó kêu cứu như Dybbuk đã cố làm trước đó.

Nhưng vẫn luôn hy vọng vào điều tốt nhất, Philippa gật đầu nói:

– Ý kiến hay đó.



Chương 14

Con người ma quái

Từ sau lần gặp gỡ những môn đồ mới của mình sáng hôm đó, Guru Masamjhasara luôn cảm giác ngờ ngợ như thể gã đã gặp qua người đàn ông một tay ở đâu đó trước kia. Dĩ nhiên, đó là chuyện đã xảy ra vào ít nhất mười năm về trước, và tay quản gia của Nimrod mang quốc tịch Anh, trong khi người mà gã gặp sáng nay lại là một người Ấn. Biết là vậy, nhưng thật sự cái tay tự xưng là Gupta ấy có một cái gì đó làm gã nhìn là liên tưởng ngay đến tay quản gia kia. Nhưng là cái gì mới được chứ? Vào thời điểm đó, Guru Masamjhasara còn là một tay bác sĩ có tiếng ở London với một danh sách bệnh nhân tai to mặt lớn, trong đó có phu nhân Thủ tướng Anh. Và đó là lý do tại sao vào một buổi sáng tháng Tư, năm cuối cùng của thế kỷ 20 ấy, gã được triệu hồi đến căn nhà số 10 đường Downing để chữa bệnh cho chính ngài Thủ tướng.

Đối mặt với một vị Thủ tướng có vẻ mắc chứng ảo giác và cư xử như một bé gái mười hai tuổi, có rất ít bác sĩ chẩn đoán được triệu chứng kỳ lạ của ông ta và hầu hết các tay bác sĩ sẽ đi đến kết luận rằng ngài Thủ tướng tội nghiệp đã bị điên và cần phải đưa đến bệnh viện tâm thần gần nhất. Nhưng bác sĩ Warnakulasuriya - đó là tên của Guru Masamjhasara khi đó - lại nhanh chóng nhận ra ngài Thủ tướng đã bị djinn ám. Lợi dụng mối quan hệ có sẵn giữa cha gã với Nimrod, bác sĩ Warnakulasuriya đã trực tiếp đi đến

nhà của vị djinn yêu cầu giúp đỡ. Và gã đã đung độ với vị quản gia một tay của Nimrod. Khoan đã? Chính là nó! Gã đàn ông sáng nay, Gupta, chỉ có một tay!

Vào thời điểm đó, thật sự gã cũng thấy lạ khi một người như Nimrod lại mướn một người hầu chỉ có một tay. Nhưng điều đó không đáng ngạc nhiên bằng những chuyện đã xảy ra sau đó - những chuyện đã khiến bác sĩ Warnakulasuriya quyết định từ bỏ con đường y học và nối gót cha gã trở thành một thánh tăng. Và chẳng bao lâu sau sự cố tại đường Downing, gã đã trở lại Ấn Độ, sử dụng số tiền kiếm được khi còn hành nghề bác sĩ ở London để mua tòa pháo đài màu hồng ở Lucknow, thành lập giáo phái ashram Jayaar Sho, và tự đặt mình lên ngôi vị guru.

Giáo phái ashram của gã hiện tại là một mạng lưới ma trận những trung tâm tâm linh trải khắp thế giới với số lượng lên đến hơn năm mươi, cùng vài nghìn tín đồ - một hoạt động kinh doanh béo bở. Và giờ đây, khi kế hoạch của gã đã sắp hoàn thành, điều cuối cùng mà gã muốn là không bị ai đó chõ mỏ vào phá đám. Nhất là khi chúng có liên quan đến Nimrod. Cho nên, ngay sau nửa đêm, vị guru tự phong đã phái vài tên *sadhak* bự con trong đội *Bahutbarhiya Jan Bachane* - những “vệ sĩ phi thường” của gã - đi triệu hồi cái tên Gupta đó về để gã có thể tra hỏi xem hẳn rốt cuộc là ai, hẳn cùng mấy đứa nhóc mò đến đây để làm gì.

Trên đường tới tịnh xá, những tay *sadhak* vệ sĩ phát hiện ông Groanin đứng lẫn quẩn bên cái giếng cũ nơi sân trong của tòa pháo đài.

Nhận ra một đám người vẻ mặt không lấy gì làm thân thiện đang nhắm thẳng hướng mình mà tới, ông Groanin hết hoảng. Việc đầu tiên ông làm là lập tức quẳng cái bộ đàm của mình xuống giếng, thăm cầu nguyện nó không rớt trúng đầu ba đứa nhóc. Sau đó, tự thuyết phục bản thân rằng bọn trẻ là djinn và chắc có thể tự bảo vệ bản thân, ông bỏ chân ra khỏi cái phanh thắng giữ gàu nước, giấu cánh tay mới của mình vào trong cái áo thụng Ấn Độ rộng thùng thình, và có làm ra vẻ vô tội.

Bhuttote, gã *sadhak* vệ sĩ bự con nhất, chĩa tay vào ông Groanin và hỏi bằng tiếng Hindi:

– Ông làm gì ngoài này? Bộ ông không biết có lệnh cấm ra khỏi tịnh xá sau nửa đêm hả?

Ông Groanin phân bua:

– Tôi chỉ vừa xong việc. Ở trung tâm hỗ trợ máy tính. Ngồi một chỗ suốt mấy tiếng đồng hồ, nên tôi chỉ muốn đi duỗi chân duỗi tay và hít thở không khí một chút thôi mà.

Bhuttote ra lệnh:

– Guru muốn gặp ông. Đi theo chúng tôi!

– Gặp tôi hả? Để làm gì?

– Không biết.

Giả vờ ngáp dài một cái, ông Groanin bảo:

– Nhưng vào đêm hôm khuya khoắt thế này à? Chờ đến sáng mai không được sao? Hết yoga buổi trưa lại đến trung tâm máy tính buổi tối. Giờ tôi mệt rã cả người.

Bhuttote vẫn khẳng khái:

– Không chờ được. Đó là lệnh. Nếu guru bảo đi bây giờ, nghĩa là ông phải đi ngay bây giờ. Và lại, Guru Masamjhasara không bao giờ ngủ. Trên thực tế, ngài ấy đã không ngủ trong suốt mười hai năm.

Ông Groanin chặc lưỡi bảo:

– Khổ thân chưa! Ngài ấy bị chứng mất ngủ à?

Một tay *sadhak* khác trả lời:

– Không. Chỉ là ngài ấy có quá nhiều điều cần phải nghĩ nên chẳng thể lãng phí thời gian cho việc ngủ nghỉ.

Theo các *sadhak* đi ngược vào trong đền, nơi có vị guru đang chờ, ông Groanin nhận xét:

– Tội nghiệp thật. Khổ thân ngài ấy quá.

Bhuttote khẳng khái bảo:

– Chẳng có gì là khổ thân cả. Ngài ấy dành ban đêm cho những suy nghĩ vĩ đại. Rồi chia sẻ những suy nghĩ vĩ đại ấy cho tất cả chúng ta được khai

sáng.

Dù trong đầu chả phục chút nào, ông Groanin ngoài miệng vẫn gật gù nói:

– À, đúng thế. Tôi chắc chắn tất cả chúng ta đều không muốn bỏ lỡ cơ hội được nghe những suy nghĩ vĩ đại của guru.

* * *

Nắm lấy sợi dây thừng và tay em gái, John kéo em về phía mình, miệng không ngừng cổ vũ:

– Em có thể làm được mà, Phil.

Dybbuk thì đã ở phía trên hai anh em khoảng 10 mét, gần đoạn tường bị sập.

Cả người Philippa gần như hoàn toàn mất cảm giác vì lạnh. Hai hàm răng đang lập cập đập vào nhau y như tiếng vó ngựa. Cô chưa bao giờ là một học sinh ưu tú của môn giáo dục thể chất trong trường học, và giả dụ đang còn ở New York, cô sẽ bỏ cuộc ngay lập tức vịn leo 10 mét dây thừng, nếu không muốn ăn gian bằng cách sử dụng sức mạnh djinn, dĩ nhiên. Tuy nhiên, có những thời điểm khi mà sự nguy hiểm cùng tình huống tuyệt vọng sẽ tạo ra những kỳ tích về sức mạnh thể chất và khả năng chịu đựng, và đây rõ ràng là một thời điểm như vậy. Cho nên Philippa không cần John phải thúc.

Nắm chặt lấy sợi dây thừng, cô đu người lên đủ cao để đứng trên đỉnh cái gàu nước nửa chìm nửa nổi và bắt đầu leo.

Trong khi đó, vẫn đang chờ đợi đến lượt của mình, John nhúng đầu xuống dưới mặt nước một lát để kiểm tra thử. Nhoi đầu lên, cậu lắc đầu, vừa thờ phì phò vừa cho biết:

– Anh nghĩ chỗ này phải cách đáy cả 30 mét chứ chả chơi. Nhưng mà nước cũng khá trong.

Philippa bảo:

– Làm ơn đi. Em thà không biết còn hơn.

Một cái gì đó nặng nề lại rơi xuống nước. Đồng loạt ngược đầu lên, John và Philippa trông thấy Dybbuk đang nắm lấy sợi dây thừng, chân đá đá vào phần tường bị sập của thành giếng. Một viên gạch khác rời khỏi tường và rơi xuống nước. Rồi thêm một viên nữa.

John hét lên:

- Ê, cẩn thận chứ. Nó xem rớt trúng tớ đó.
- Xin lỗi.

Dybbuk cẩn thận gạt thêm vài viên gạch khác xuống nước, trước khi đòi người vào trong cái lỗ hổng lớn trên tường vừa tạo ra. Rồi cậu nói vọng xuống:

– Leo lên đây đi. Trên này rộng lắm. Mà ráng xách cây đèn pin lên theo nhá.

Phải mất 15 phút Philippa mới có thể leo lên đến nơi. Những cố gắng đến kiệt sức của cô không phải không có cái giá của nó. Cật lực đặt chân lên lỗ hổng mà Dybbuk đã tạo ra trên tường, cô vô tình đá văng một viên gạch khác xuống dưới. Và lần này, thay vì rơi xuống nước một cách vô hại như những người anh em trước đó của nó, viên gạch rớt thẳng xuống cây đèn pin mà John đang để trên một gờ tường nhô ra, ngay khi cậu đang với tay đến để lấy nó, cây đèn rơi xuống nước.

Dybbuk kinh hoàng hét lớn, và John, người hiện đã leo được gần nửa đoạn đường, không còn lựa chọn nào khác ngoài việc nhảy ngược xuống để đuổi theo nguồn sáng duy nhất còn lại.

Vì một lý do nào đó, cây đèn pin, dù có ít tính năng chống nước, vẫn bật sáng trong suốt quá trình chìm xuống làn nước giếng lạnh cóng, làm nhiệm vụ đuổi bắt của John cũng dễ dàng hơn được một ít. John đạp chân thật mạnh, một tay nhoài về phía trước cố gắng bắt lấy đốm sáng trước mặt. Hai lần ngón tay cậu chạm vào rồi lại để vuột mất, và phải đến lần thứ ba, khi mà phổi của cậu sắp vỡ tung, cậu mới bắt được cây đèn pin.

Và đó cũng là lúc cậu nhìn thấy nó: một hình dáng ngoằn ngoèo khắc trên gạch. Con rắn hổ mang thứ ba! Không có thời gian để nhoài lên trên lấy hơi. John không nghĩ mình có thể lặn xuống dưới này một lần nữa mà vẫn còn đủ

sức để leo lên sợi dây thừng. Hoặc là bây giờ, hoặc là không bao giờ. Cậu bơi về phía con hổ mang thứ ba và, với ánh sáng chỉ đủ để thấy được mình đang làm gì, ấn cây đục vào lớp vữa hồ để nối lỏng viên gạch mà trên đó, đại tá Killiecrankie đã khắc hình một con rắn hổ mang có vẻ rõ ràng hơn hai con rắn còn lại. Thậm chí ông còn cẩn thận khắc thêm một số 3 vào kế bên con rắn để khỏi lầm lẫn. Cảm thấy viên gạch có chút lung lay, John lại dùng sức hơn nữa ấn cây đục vào để gỡ viên gạch ra.

Ngồi trên rìa tường phía trên trong bóng tối, Philippa dõi mắt chờ đợi bóng dáng anh trai xuất hiện trở lại với một tâm trạng pha lẫn tự hào và lo lắng - cô sợ anh trai mình sẽ chịu thua cái lạnh khắc nghiệt của làn nước giếng. Tất cả những gì cô và Dybbuk có thể thấy là ánh đèn pin đập dềnh bên dưới mặt nước.

Dybbuk thăm thì:

– Sao cậu ấy không quay lên chứ?

Philippa không trả lời. Và rồi, ngay khi cô định nhảy xuống tìm anh, ánh sáng dần trôi lên trên mặt nước, cô thở phào nhẹ nhõm khi nhìn thấy John. Cậu đang la hét gì đó, với một cái túi da nhỏ cầm trên tay.

Vẫy vẫy cái túi, cậu hét một cách đặc thẳng, dù giọng nói gần như không ra hơi:

– Anh lấy được nó rồi. Cái bùa thế thân ấy.

Philippa vui mừng vì thấy anh trai mình vẫn ổn, cười toe toét:

– Anh thật giỏi, John.

Dybbuk hét lên sung sướng:

– Tuyệt vời! Cậu làm tốt lắm, John!

– Òm, ít nhất tớ nghĩ tớ đã lấy được nó. Tớ đã thấy viên gạch khắc con hổ mang thứ ba khi lặn xuống dưới tìm cây đèn pin. À mà tớ cũng thu hồi được cây đèn nè.

Dybbuk chọc:

– Tụi tớ thấy mà.

Philippa tiếp tục khen:

- Quá tốt, John. Không có ánh sáng chúng ta hết đường lên luôn.
- Nó cách mặt nước khoảng 3 mét. Anh đã phải thò cả cánh tay vào trong lỗ. Thế mà nó lại bị mắc kẹt. Xém chút nữa anh chết đuối rồi.

Ánh đèn pin bỗng chập chờn và, trong khoảng một hoặc hai giây tiếp theo, thành linh tắt ngúm, ba đứa trẻ chìm vào trong bóng đen dày đến nỗi chúng tưởng như có thể gặm nhấm nó.

John nói:

- Hy vọng cái này thì không hỏng.

Nhét vôi cây đèn pin cùng cái túi da vào dưới thắt lưng, cậu bơi về phía sợi dây thừng và bắt đầu leo lên.

Gạt thêm vài viên gạch xuống dưới nước, Dybbuk phàn nàn:

- Cái tay đại tá ấy nghĩ gì không biết? Hết chuyện lại đi giấu nó bên dưới mặt nước.

Philippa nhận xét:

- Cậu biết không, tớ cá là mực nước không cao như vậy khi ngài đại tá khắc con hổ mang thứ ba. Sau khi quân đội Anh sửa sang cái giếng, mực nước chắc là đã dâng cao.

Lúc này John đã mệt lả cả người - mệt và rất lạnh - vì thế hành trình ngược lên sợi dây thừng của cậu cực kỳ chậm. Một hay hai lần gì đó, cậu thậm chí trượt chân tuột xuống cả mét, sượt tay bóng rớt trên sợi dây thừng xù xì, nhưng ít nhất nó cũng giúp cậu tạm quên đi bả vai đang cực lực biểu tình vì kiệt sức của mình. Cuối cùng thì cậu cũng đặt chân lên được rìa lỗ hổng, Dybbuk túm lấy áo John, gắng hết sức mới có thể kéo cậu lên khoảng trống ngay phía trên an toàn. Hành động này làm một số viên gạch khác và bụi bặm rơi xuống.

Giây tiếp theo đó, cây đèn pin lại chập chờn. Lăn khỏi người Dybbuk, John ho khan vài cái, móc cây đèn pin ra khỏi thắt lưng để kiểm tra. Đúng lúc này, cây đèn pin tắt phụt, nhấn chìm ba đứa trẻ trong bóng tối. John gõ nhẹ cây đèn vào lòng bàn tay bóng rớt của mình, hy vọng có lại ánh sáng, nhưng lần này nó từ chối hoạt động.

Dybbuk lau bầu:

– Tuyệt thật. Tuyệt không có gì để nói. Không đèn chúng ta làm được gì bây giờ?

John đề nghị:

– Hay là tớ thử gỡ nó ra để ráo nước xem sao? Chờ một lát, chắc là nó sẽ sáng lại thôi.

Hơi thở của Dybbuk ngày càng dồn dập. Có thể nhận ra bóng tối đang làm trầm trọng thêm chứng sợ không gian chật của cậu. Đưa tay mò mẫm trong túi quần, rốt cuộc cậu cũng tìm được một viên thuốc than khác. Nó đã bắt đầu trở nên nhão nhoẹt trên ngón tay, và cậu phải quệt nó vào trong miệng.

John khuyên:

– Điều quan trọng nhất là đừng hoảng loạn. Và cũng đừng làm hành động nào bất ngờ, để không ai trượt té xuống dưới.

Rồi vừa bắt tay vào vặn phần nắp dẹt dưới đáy của cây đèn pin ra, cậu vừa nói:

– Biết đâu được? Có khi chúng ta sẽ khô người và ấm lên trước cả cây đèn này cũng nên. Kiểu nào thì vấn đề của chúng ta cũng sẽ được giải quyết.

Dybbuk đã bắt đầu bình tĩnh trở lại - thuốc than có tác dụng rất nhanh - và bảo:

– Ok. Tớ tin cậu.

Đổ mấy cục pin ra tay, John dốc ngược cây đèn pin và vẩy vẩy mấy cái cho sạch nước, miệng tiếp tục chỉ đạo:

– Trong khi chờ, sao cậu không thử nhìn xem... à, ý tớ là, sao cậu không thử tìm cách mở rộng khoảng không này cho chúng ta?

Philippa hỏi:

– Em giúp gì được không?

Dybbuk bảo cô:

– Dĩ nhiên rồi. Tớ sẽ bắt đầu đào phía sau chúng ta. Tớ sẽ chuyển cho cậu gạch hoặc đá vụn, và nhiệm vụ của cậu là quăng chúng xuống dưới

nước, vì cậu đứng gần rìa hơn tớ.

Rồi nhét người hết cỡ vào bên trong lỗ hổng, Dybbuk kéo ra một túm gạch và đá. Cẩn thận chuyền nó cho Philippa, cậu nói:

– Đây. Vách tường ở đây mục nát cả nên cũng khá dễ. Giờ thì tớ đã biết một con chuột chũi có cảm giác như thế nào rồi.

Philippa ném cái túm gạch đá hỗn độn mà Dybbuk vừa chuyền cho vào khoảng không lạnh lẽo trước mặt. Một giây sau đó, ba đứa trẻ nghe tiếng nó chạm vào mặt nước.

John thối phù phù vào trong thân cây đèn, cẩn thận đặt mấy cục pin cùng cái nắp đậy lên trên mặt đất, rồi cuộn người quanh chúng để giữ.

John cũng biết rõ mọi chuyên có vẻ khá tồi tệ khi không có đèn. Nhưng cho dù có đèn, chúng có thể làm được gì chứ? Tận sâu trong lòng, cậu thật sự không tin tưởng vào những gì đã nói để cố vũ Philippa và Dybbuk: với nhiệt độ quá lạnh bên trong lòng giếng, viễn cảnh họ có thể thu đủ thân nhiệt để sử dụng sức mạnh djinn thật quá xa vời. Lạnh và tối - tối đến mức cậu không thể thấy được cả ngón tay mình dù dí sát nó ngay trước mắt. Cả ba thật chẳng khác nào đang ở trong một ngõ cụt. Càng nghĩ, John càng khẳng định, cách duy nhất để chúng có thể thoát khỏi cái giếng này là chờ đợi ông Groanin trở lại giải cứu. Hy vọng lớn nhất của cả ba hiện giờ là, dù bất cứ chuyện gì đã xảy ra với ông Groanin, nó cũng chỉ mang tính tạm thời mà thôi.

* * *

Guru Masamjhasara - trong tiếng Hindi, *ma samjha sara* có nghĩa là “Ta thấu hiểu tất cả mọi người” - leo xuống cái ghế nha sĩ của gã và chậm rãi bước về phía ông Groanin, cặp mắt ma quái của gã không rời khỏi mặt ông lấy một giây.

Ông Groanin, bị hai tay *sadhak* vệ sĩ to con kè kè ở hai bên, kiên nhẫn chịu đựng cái nhìn soi mói của gã guru tự phong. Ông không nói một lời,

thậm chí không phàn nàn tiếng nào khi gã guru đặt bàn tay hôi hám lên đầu ông và nhắm mắt lại, như thể làm thế gã có thể đọc được mọi suy nghĩ của ông.

Đứng yên như phỗng, gã hỏi:

– Chúng ta có gặp nhau bao giờ chưa nhỉ?

Ông Groanin trả lời:

– Chưa. Ít nhất là cho đến ngày hôm qua. Tôi chắc chắn sẽ nhớ một người nổi bật như ngài, hỡi thầy tu thần thánh.

Ấn dấu bên dưới mi mắt, đôi nhãn cầu của gã guru lặn trùng trục như thể gã đang ngắm nhìn thế giới quay tròn xung quanh. Rồi gã lại lập lại câu hỏi một lần nữa, như thể gã không nghe được câu trả lời của ông Groanin, hoặc đơn giản là gã không tin lời ông - thật khó để nói được lý do nào mới là đúng.

Ông Groanin lại một lần nữa nói:

– Chưa.

Hoặc ít nhất là ông *từng* nghĩ vậy. Giờ đây, khi đã nhìn kỹ mặt gã guru, ông Groanin chợt nhận ra trông gã có vẻ hơi quen quen. Cứ như họ đã gặp nhau nhiều năm trước đây. Thứ mà ông Groanin cảm thấy quen thuộc nhất là hơi thở kinh tởm của gã guru. Nó giống như mùi một con cá chết trong bọc nhựa vào một ngày nóng bức, với chỉ một hủ sữa chua bầu bạn. Ngoài ra, đằng sau bộ râu ông già Noel đồ sộ là một khuôn mặt mà ông Groanin nghĩ đã từng thấy qua trước đây. Nhưng cũng chính bộ râu ấy làm ông phân tâm. Hay nói đúng hơn là những thứ dính trên đó. Giờ đây, khi nhìn sát mặt Guru Masamjhasara, ông Groanin có thể thấy được cả đồng vụn đồ ăn dính trên râu - những thứ nhìn như thể đã rơi ra từ miệng hay nĩa ăn của gã guru từ những bữa ăn vài tuần trước. Một hạt ngô ngọt. Một hai hạt gạo hay ngũ cốc. Một miếng nui hình sò. Một hột cam. Một cọng mì Ý. Đó là chưa kể đến một miếng bã sing-gum, cùng mấy vệt nước mũi.

Xò rộng những ngón tay nhớp nháp của gã lên đầu ông Groanin như những vòi bạch tuộc, gã guru tuyên bố, trong chất giọng nửa Anh nửa Ấn:

– Người biết không, ta luôn có linh cảm rất mạnh về con người. Và người, bạn của ta, người làm ta lo lắng.

Ông Groanin nhún vai nói:

– Tại sao? Tôi chỉ là một người bình thường thôi mà.

Gã guru cười khúc khích:

– Ồ không. Đối với tất cả những ai đến với ashram, ta luôn nói, “Người đặc biệt”. Tất cả mọi người. Và họ đúng là vậy. Tất cả mọi người đều là độc nhất vô nhị.

Rồi chậm rãi mở mắt ra, gã nói như thể đầu óc vừa trở về sau một chuyến chu du trên mây xanh:

– Đặc biệt là những kẻ tự nhận mình bình thường.

– Có khi ngài làm tôi với ai chẳng, thưa ngài? Một người có vẻ ngoài giống giống tôi chẳng hạn.

Gã guru bảo:

– Ta không nghĩ vậy. Người là một kẻ rất đặc biệt, Gupta. Trong suốt cuộc đời, ta gặp qua rất ít người chỉ có một tay. Trên thực tế, nếu ta thành thật với bản thân, ta chỉ có thể nghĩ đến một kẻ có một tay duy nhất mà ta từng gặp qua.

Mím cười, ông Groanin bình tĩnh nói:

– À, nếu là thế, tôi có thể hiểu được tại sao ngài nghĩ đã gặp tôi trước đây. Vâng, tôi nghĩ ngài hoàn toàn đúng. Không dễ để gặp người chỉ có một tay. Chính bản thân tôi cũng chẳng gặp nhiều người một tay.

Đến giờ phút này, ông Groanin quyết định ông cần thuyết phục gã guru rằng gã đã phạm sai lầm càng nhanh càng tốt. Đó là lý do ngay giây tiếp theo, ông rút cánh tay mới của mình ra khỏi cái áo thụng rộng thùng thình và tuyên bố:

– Nhưng, như ngài thấy đó, tôi có đến hai tay.

Cầm lên hai tay của ông Groanin và bóp thử, như thể kiểm tra xem có cánh tay nào là giả không, gã guru chau mày nói:

– Kỳ lạ. Quá kỳ lạ. Ta có thể thề rằng rõ ràng người chỉ có một tay. Nhưng tại sao người lại phải giấu đi một tay như vậy? Ngay cả bà Crabbe, giáo viên dạy yoga cho người cũng nghĩ người chỉ có một tay.

– Thưa ngài, thật xấu hổ, nhưng tôi xin được thú nhận rằng tôi đã giả cụt một tay để trốn học yoga. Đó là lý do tại sao tôi giấu đi một tay. Đáng lẽ tôi không nên làm vậy. Xin lỗi.

– Người giả dạng cũng giỏi thật đấy.

Nghĩ rằng tốt nhất câu chuyện của mình phải hợp rơ với những gì bọn trẻ kể với Jagannatha, ông Groanin giải thích:

– Thưa ngài, sự thật là, trước đây tôi từng hành nghề ảo thuật gia. Và tôi thường giả cụt một tay để thuận tiện thực hiện một số trò ảo thuật.

Bóp nhẹ tay gã guru, ông Groanin mỉm cười và cho phép bản thân nói đùa:

– Tôi thành thật xin lỗi vì đã lừa dối mọi người. Nhưng như ngài có thể thấy, ngài đã lừa tôi với một người khác. Dù gì, tôi chắc chắn không đủ tài ba để mọc ra một cánh tay mới chỉ sau một đêm, đúng không, thưa ngài?

Bỏ tay của ông Groanin ra, Guru Masamjhasara bắt đầu đưa tay xoắn râu, như thể đang cố vắt ra một suy nghĩ hay ý tưởng nào từ cái mớ xồm xoàm xám xịt đó. Thay vào đó, nó chỉ làm một miếng ngô rớt ra và rơi xuống lớp lông xám xoắn tít phủ kín ngực gã như những cái lò xo nệm giường cũ kỹ.

– Đúng là người thật sự không thể, Gupta. Nếu như đó thật sự là tên của người. Ta đồng ý. Người không thể nào tự mọc ra một cánh tay mới. Nhưng người có thể được gắn thêm một cánh tay mới. Bởi một djinn.

Ông Groanin vờ che miệng cười:

– Một *djinn*. À, vâng, thưa ngài. Nếu ngài tin tưởng có những sinh vật như thế *tồn tại* thì vâng, tôi nghĩ một djinn có thể làm việc đó.

Guru Masamjhasara nói:

– Ô, họ chắc chắn *tồn tại*. Ta biết. Ta đã gặp một người trong bọn họ. Và có lẽ người cũng vậy.

Ông Groanin vẫn giữ nguyên nụ cười:

– Tôi ấy à? Ô không, thưa ngài. Tôi chỉ là một người bình thường. Tôi không biết những thứ như thế. Mẹ tôi đã dạy, chỉ có những thầy tu Bà-la-môn vĩ đại và những vị thánh mới có thể trông thấy djinn.

Hoàn toàn không để ý đến lời nói của ông Groanin, gã guru tiếp tục lăm băm:

– Trừ khi... Trừ khi người chính là djinn, dĩ nhiên. Chả trách người có thể thực hiện trò ảo thuật trên cái thang máy dây trưa hôm qua.

Rồi gã cười khúc khích bảo:

– Ô vâng. Ta đã nghe nói về chuyện đó. Những tín đồ trung thành của ta luôn kể hết cho ta nghe mọi chuyện.

Ông Groanin phân bua:

– Đó chỉ là một trò lừa rẻ tiền thôi, thưa ngài. Cái trò ảo thuật Ấn Độ với dây thừng ấy chỉ là một thú tiêu khiển tôi thường làm khi có dịp. Chỉ để không lụi nghề. Tôi chắc chắn không phải djinn, thưa ngài. Tôi chỉ là một người bình thường.

– Nếu vậy, chắc người không phiền ngồi xuống ghế nha sĩ của ta, để ta có thể kiểm tra miệng của người chứ?

Nói xong, gã guru phất tay ra hiệu cho hai tên *sadhak* vệ sĩ mang ông Groanin đến cái ghế đặt ngay chính giữa điện thờ.

Ông Groanin ghét cay ghét đắng nha sĩ. Ghét tất cả mọi thứ về họ: những ngón tay kêu lục khục, những mẩu chuyện phiếm ngu ngốc, nụ cười giả tạo đáng chán, và những dụng cụ tra tấn nhỏ nhưng khủng khiếp của họ. Nhưng điều mà ông ghét nhất là mùi của một cái răng bị khoan - Đối với lỗ mũi nhạy cảm của ông Groanin, nó gợi lại cho ông những ký ức chẳng lấy gì làm dễ chịu ở Manchester khi còn nhỏ.

Bị nhắc bỗng cả người lên cái ghế, ông hét lớn:

– Ngài định làm gì vậy?

Gã guru lơ đễnh đứng móm lỗ mũi trong mấy giây, bỏ cái thứ chất nhầy xanh nhờn vừa móm ra vào miệng nhai nhai, rồi nhặt lên một cây dùi răng từ khay dụng cụ. Bước đến bên cạnh ông Groanin, gã nói:

– Thư giãn đi. Ta chỉ muốn kiểm tra xem ngươi còn đầy đủ răng không thôi.

– Răng? Răng của tôi thì có liên quan gì ở đây?

Dĩ nhiên ông Groanin biết rõ Guru Masamjhasara muốn kiểm tra cái gì, tuy nhiên ông vẫn giả vờ như mình hoàn toàn không biết gì về djinn - đặc biệt là việc không có djinn nào còn răng khôn. Dù vậy, ông cũng không vui vẻ gì với việc gã guru thò những ngón tay dơ dáy của gã vào trong miệng ông, nhất là cái ngón vừa móc cục cứt mũi xanh lè nhầy nhụa.

Hé mắt nhìn vào bên trong miệng ông Groanin, gã guru lầm bầm:

– Hầu hết mọi người đều cho rằng ta mua cái ghế này chỉ để ngồi cho thoải mái. Nhưng dĩ nhiên, nó còn có công dụng khác - một công dụng mà ngươi sẽ sớm biết được.

Và bởi vì không nghĩ gã guru thật sự muốn tra tấn mình, mà nếu bị gã tra tấn thật thì ông sẽ khai ra hết, ông Groanin miễn cưỡng há miệng ra, cho phép gã guru kiểm tra bên trong.

Cái mũi nhăn nhăn như thể kinh tởm lắm, gã guru phàn nàn:

– Thánh thần ơi, ngươi ăn gì buổi tối mà hôi thế?

Ông Groanin cố gắng trả lời. Ông thật sự muốn nói, “Câu này nên hỏi ngài mới đúng, quý ngài có hơi thở như đít chồn hôi,” nhưng rốt cuộc ông không hó hé được gì khi mà những ngón tay dơ dáy của gã guru cùng cây dùi răng còn lấp đầy trong miệng ông.

Kết thúc khâu kiểm tra răng miệng, gã guru đứng lùi lại, quẹt tay vào râu, và thở dài một tiếng như thể thất vọng lắm. Gã bảo:

– Không. Ngươi không phải là djinn. Dĩ nhiên, không thể nói trước ngươi sẽ cố làm gì với ta nếu ngươi thật sự là djinn. Ta nói “cố”, bởi vì dĩ nhiên ta đã chuẩn bị trước cho mọi tình huống.

Đưa cho ông Groanin xem một cái mè đay đeo quanh cổ nhìn giống y cái mà cậu Nimrod nhận được qua hệ thống mail nội bộ djinn, gã lại khúc khích cười nói:

– Đây là bùa hộ mạng của ta. Cha ta tạo ra nó để giúp ông miễn nhiễm trước sức mạnh djinn. Ông là một người vĩ đại. Một thánh tăng vĩ đại. Nếu không có tấm bùa hộ mệnh nhỏ nhắn này, ta chắc chắn sẽ không thử kiểm tra rằng người. Nếu người là djinn, người có thể sẽ...

Đang nói, Guru Masamjhasara bỗng nhiên im bật. Cặp mắt của gã nheo lại và bắt đầu quay tròn một cách ma quái. Quay đầu nhìn đám *sadhak* vệ sĩ, gã hỏi:

– Chờ đã. Không phải gã này đến đây cùng ba đứa trẻ sao?

Một trong những tên *sadhak* cung kính trả lời:

– Đúng thế, thưa Đức ngài.

Gã guru lẩm bẫm:

– Ta tự hỏi... Không. Chúng không thể. Làm gì có chuyện quá may mắn như thế chứ.

Ông Groanin lớn tiếng nói theo một cách mà ông hy vọng phù hợp hình tượng một người cha thương con:

– Không được đụng đến lũ trẻ.

Vuốt ve chòm râu dài bù xù, làm một miếng cơm thập cẩm văng xuống sàn, gã guru nghiêng nghiêng đầu về một bên, như thể đang lắng nghe một tiếng nói vô hình nào đó, và tiếp tục lẩm bẫm:

– Lũ trẻ. Ta tự hỏi... Một cộng một cộng một là ba. Và rồi, gã lớn tiếng ra lệnh cho đám *sadhak* vệ sĩ:

– Tìm chúng. Tìm lũ trẻ.



Chương 15

Con rắn hổ mang thứ chín

Bên trong lòng giếng lạnh lẽo, ba đứa trẻ tiếp tục công việc đào bới trong bóng tối.

Ném một hòn đá nữa vào bóng tối và nghe nó chạm vào mặt nước ở đáy giếng, Philippa nhận xét:

– Mấy hòn đá này hơi lạ à nha. Chúng có vẻ nhẹ hơn nhiều so với mấy hòn đá ban đầu.

Dybbuk thừa nhận:

– Tớ cũng nghĩ vậy. Có khi chúng là đá núi lửa. Cái loại người ta hay dùng để chà chân ấy.

– Cậu nói loại đá bọt ấy hả? Ờ. Cũng có thể.

Ba đứa trẻ đã liên tục đào bới suốt gần một tiếng đồng hồ, và cái lỗ hổng trên tường mà chúng trú chân tạm thời trước đây giờ đã trở thành một đường hầm dài khoảng 3, 4 mét - mang đến cho ba đứa trẻ một tia hy vọng mới về lối thoát ra khỏi giếng. Quần áo của cả bọn vẫn còn ẩm ướt, và thân thể chúng vẫn còn quá lạnh để có thể phục hồi sức mạnh djinn, nhưng, ngay trong tăm tối, chúng vẫn nhận ra được tình hình có vẻ đã sáng sủa hơn một chút. Và càng đào sâu hơn vào trong vách giếng, chúng lại càng lạc quan hơn. Cả người đầy bụi bặm và gạch vụn, Philippa vẫn hăng hái thực hiện

công việc vô hình của mình, miệng không ngừng huýt sáo để tự cổ vũ tinh thần.

Dybbuk hỏi John:

– Cây đèn pin sao rồi?

John đáp:

– Có vẻ khô rồi. Để tớ thử gắn lại xem sao.

Rồi bỏ hai cục pin lại vào phần ống kim loại dài bên trong thân đèn, John vặn nắp đậy và nói:

– Ok. Cầu nguyện cho nó hoạt động đi nhé.

Rồi hít thở một cái thật sâu, cậu nhấn nút BẬT/TẮT của cây đèn.

Cây đèn pin bật lên, rọi sáng đoạn đường hầm nhỏ mà ba đứa trẻ vừa tạo nên. Nhưng không ai thở phào nhẹ nhõm. Còn lâu mới nhẹ nhõm nổi. Thay vào đó, lũ trẻ hét lên một tiếng kinh hoàng khi thành linh nhận ra chính xác chúng đang ở đâu. Bao quanh ba đứa trẻ là hàng tá bộ xương người, bởi vì chúng đang ở trong một hầm mộ, và tảng đá mà Philippa đang ôm trong lòng hoàn toàn không phải đá mà là một cái đầu lâu. Khiếp sợ, cô vội ném nó ra xa. Nó nhanh chóng biến mất trong bóng tối bên trong lòng giếng. Tương tự, Dybbuk phát hiện cái que nãy giờ cậu dùng để đào tường chẳng phải que gậy gì mà là một khúc xương đùi. Và ba đứa trẻ tình cờ biết được chuyện gì đã xảy ra cho thi thể của những người dân Ấn xấu số nổi dậy chống chính quyền mà quân đội Anh vớt lên sau khi quăng xuống giếng. Họ đã bị tái chôn cất tại đây, xác chồng chất lên nhau như những miếng xì gà trong hộp, trong một hầm mộ ngay bên trong vách giếng, nơi giấc ngủ của họ không bị phá rối suốt hơn 150 năm qua.

Những bộ xương nhiều đến nỗi ba đứa trẻ không thể nào tránh né chúng. Philippa kinh hãi quay lưng lại với một cái đầu lâu trắng hếu nhe răng cười nhưng rồi phải đối mặt với một cái khác. Và, trong cố gắng trốn tránh sâu vào trong lòng hầm mộ, Dybbuk chỉ thành công trong việc làm vài bộ xương khác rơi xuống người. Giờ đây, cái chết và sự phân hủy tế bào vật chất không chỉ tràn ngập trước mắt ba đứa trẻ mà còn lấp đầy miệng và mũi chúng.

Là đứa đầu tiên khôi phục lại tinh thần, John lia đèn pin ra xa phía trước, rọi đường cho Dybbuk. Dybbuk đang vất vả đẩy những bộ xương ra khỏi người rồi loạng choạng bò sâu vào bên trong căn nhà xác ngăm. Bức tường trong cùng của hầm mộ được làm từ gạch, nhưng lớp vữa hồ đã mục nát, và Dybbuk đã đào được một lỗ hổng đủ lớn để luồn qua. John nằm ép bụng xuống, bò lách qua Dybbuk, thò đầu và vai qua lỗ hổng trên tường để kiểm tra. Hai đứa trẻ còn lại nối gót theo John vì cậu đang cầm cây đèn pin duy nhất của cả đám - cả Dybbuk và Philippa đều không có hứng thú bị bỏ lại trong bóng tối với những bộ xương người làm bầu bạn.

Trông thấy một khoảng không rộng lớn phía trước, hoàn toàn sạch bóng xương người, John nhanh chóng quẳng mình qua cái lỗ hổng. Và, sau khi bò thêm chừng vài thước, cậu đã có thể đứng thẳng người dậy. Thở dài nhẹ nhõm - một hơi thở không còn bị lấp đầy bởi mùi xương người mục nát - cậu quay lại nhìn Dybbuk và Philippa, và nở nụ cười.

Rọi đèn pin vào một dãy bậc thang bằng đá cũ kỹ trước mặt, cậu nhận xét:

– Có vẻ như chúng ta đã tìm được đường ra.

Philippa nói:

– Tạ ơn Trời đất.

– Đó là tin tốt.

Dybbuk hỏi:

– Vậy còn tin xấu là gì?

– Cậu chưa nhận ra hả? Trong này lạnh như đá. Nhìn nè.

John thở ra một hơi trước ánh đèn pin.

– Cậu có thể thấy được hơi thở của mình đấy.

Dybbuk lầm bầm:

– Còn đỡ hơn nước giếng.

John nói:

– Đúng. Nhưng cậu không hiểu sao? Nếu nó cứ lạnh như thế này, chúng ta vẫn hết hy vọng sử dụng sức mạnh djinn.

Dybbuk nhún vai bảo:

– Mấy bậc thang này chắc chắn dẫn lên trên mặt đất. Và cái nóng ở trên đó. Cho nên, tớ bỏ phiếu là chúng ta nên đi lên. Trời biết được tớ cần ánh mặt trời như thế nào. Tớ giờ cứ y như một con rắn trong ngăn đá ấy.

John bỗng vỗ tay cái chét và nói:

– A, phải rồi. Mãi lo vụ đèn pin không hoạt động, rồi vụ mấy bộ xương, tớ xem nữa quên mất.

Đưa cây đèn pin cho Dybbuk, John lôi cái túi da ra khỏi thắt lưng và cẩn thận mở nó ra. Bên trong là một vật thể dài khoảng 15 phân, được quấn quanh bởi vài lớp giấy chống thấm. John gỡ lớp giấy ra và thở gấp một tiếng khi Dybbuk rọi đèn vào món đồ giờ đang nằm trong lòng bàn tay cậu.

Đó là tượng một con rắn hổ mang chúa đang ngóc đầu dậy. Thân hình con rắn được làm từ vàng ròng, nhưng cái đầu mà phần mang bành ra được chế tác từ một viên ngọc lục bảo khổng lồ. Cái đuôi - Dybbuk cho rằng nó không chính xác, vì nhìn giống rắn đuôi chuông hơn rắn hổ mang - được làm từ bốn cái răng khôn bọc vàng. Chính chi tiết sau cùng ấy - cùng số lượng những cái chét do bùa thể thân này gây ra - chứ không phải kích cỡ của viên ngọc lục bảo Koh-E-Qaf, khiến ba đứa trẻ phải im lặng nghiên ngẫm trong mấy phút.

Cuối cùng thì John lên tiếng:

– Thật khó tin, đúng không? Rằng bốn cái răng này từng thuộc về ông Rakshasas.

Dybbuk nhún vai nói:

– Nó làm cậu nhận ra ông ấy già như thế nào, đúng không? Dù sao thì, cũng dễ hiểu tại sao gã Hermann Goering lại muốn nó. Viên ngọc lục bảo này còn lớn hơn quả trứng gà ấy chứ. Nó đáng giá cả đồng tiền chứ chả chơi.

John nhú mày bảo:

– Đúng là vậy. Tuy nhiên, giá trị vật chất chẳng là gì so với sức mạnh nó mang đến cho bất cứ ai sở hữu nó thông qua ông Rakshasas. Cậu cứ tưởng tượng xem. Một djinn phục tùng cho riêng cậu. Không biết gã Goering có

biết về điều đó không nhỉ? Về việc cái bùa thể thân này *có thể* mang đến cho gã sự giàu có và quyền lực to lớn dường nào.

Philippa nhận xét:

– Em thì thấy nó thật là độc ác. Và em nghĩ chúng ta nên phá hủy nó. Bẻ nó thành từng mảnh nhỏ rồi ném nó cùng tất cả những bộ xương đang kia xuống giếng, nơi không ai có thể đụng vào chúng. Bao gồm cả viên ngọc.

Dybbuk há hốc mồm hỏi:

– Cậu đùa hả? Chúng ta đã trải qua bao nhiêu rắc rối mới tìm được nó, giờ cậu bảo quăng đi?

Lắc đầu quày quật, cậu nói tiếp:

– Không đời nào. Vả lại, cậu có quên gì không? Tớ đã phải trả giá nhiều hơn các cậu để đến được đây. Tớ đã phải mất đi hai người bạn.

Philippa vẫn bảo vệ ý kiến của mình:

– Chính vì thế cậu càng phải đồng ý với tớ. Cậu không nghĩ đến việc, chúng ta sẽ gặp nguy hiểm như thế nào nếu giữ nó sao? John, anh nói gì đi chứ.

John thở dài một tiếng. Hơi thở lạnh lẽo của cậu nhìn giống như một đám mây tích nhỏ. Khó để tin rằng, ba đứa trẻ vẫn đang ở trên một quốc gia nóng bức như Ấn Độ. Cậu ghét phải đồng ý với Dybbuk thay vì về phe em gái, tuy nhiên, giá trị của cái bùa hộ thân này đúng là quá cao để có thể dễ dàng quăng đi như Philippa mong muốn.

– Anh nghĩ trước khi làm gì với Hồ Mang Chúa, chúng ta cần tìm ông Rakshasas hỏi ý kiến. Dù sao, đây cũng là răng khôn của ông ấy, và cái bùa hộ thân này trao cho kẻ giữ nó quyền chế ngự ông.

Dybbuk nói:

– Nếu điều đó đáng nói. Nói thật, tớ không hiểu có lợi ích gì với việc kiểm soát được sức mạnh của một djinn đã gần đất xa trời.

Philippa trách:

– Dybbuk, đôi lúc cậu ăn nói thấy sợ luôn đó. Ông Rakshasas là bạn của chúng ta mà.

Dybbuk phản kháng:

– Tớ nói sai gì chứ? Cậu cũng biết ông ấy già như thế nào mà. Sức mạnh của ông ấy gần như ngúm rồi. Hiện giờ, tất cả những gì ông ấy có thể làm là chui ra chui vào cây đèn của mình mà thôi.

Rồi lắc đầu, cậu bảo:

– Tớ vẫn không hiểu tại sao cái giáo phái thờ hồ mang này muốn nô dịch ông ấy.

John biện minh:

– Không phải ông Rakshasas không có sức mạnh. Chỉ là, vì tuổi tác, ông ấy muốn giữ gìn nó. Ông ấy không sử dụng sức mạnh trừ những lúc thật sự cần thiết.

Quay sang Philippa, cậu bảo:

– Nói gì thì nói, anh không nghĩ phá hủy Hồ Mang Chúa và ném các mảnh vỡ xuống giếng đủ làm nản chí những ai quyết tìm nó. Lấy ví dụ như, họ có thể thuê thợ lặn xuống lấy nó lên. Hay thậm chí là thuê cả một tàu ngầm mini.

Rồi chỉ vào lỗ hổng trên tường, cậu nói tiếp:

– Ngoài ra, anh thật sự không hứng thú với việc đi xuyên qua mấy bộ xương để quay lại đó. Một lần là đã tởn đến già rồi. Cho nên, anh xin lỗi, Philippa, nhưng anh đồng ý với Buck. Chúng ta tạm thời giữ nó đi.

Dybbuk gật đầu cái rụp, như thể vấn đề đã được khép lại và không còn chấp nhận bất cứ tranh cãi nào nữa.

Liếc nhìn Hồ Mang Chúa với vẻ mặt không lấy gì làm thoải mái, Philippa nhượng bộ:

– Ok. Nếu cả hai người đều nghĩ chúng ta nên giữ nó, vậy thì chúng ta sẽ giữ nó. Chỉ có điều, đừng bảo em không cảnh báo trước. Không tốt lành gì khi giữ nó đâu, tin em đi.

Dybbuk giơ tay lên như thể muốn bảo Philippa im lặng, và cô đã chuẩn bị nổi sung với cậu trước khi nhận ra cậu đang nghe ngóng một cái gì đó.

Cô hỏi:

– Gì vậy?

Dybbuk trả lời:

– Cậu không nghe thấy gì à? Có tiếng rì rầm đâu đó.

Đưa lòng bàn tay gò gồ một bên thái dương, cô thú nhận:

– Tai tớ vẫn còn đầy nước. Nước đông lạnh.

– Nó từ phía trên mấy bậc thang này vọng xuống.

Nói rồi Dybbuk, vẫn đang cầm cây đèn pin, đi trước dẫn đường.

Gói Hồ Mang Chúa với lớp giấy chống thấm, John trả nó vào lại cái túi da, nhét vào thắt lưng, và đi theo Dybbuk. Đến giờ cậu cũng đã nghe được tiếng rì rầm mà Dybbuk nói đến.

Philippa khuyên:

– Tốt nhất cậu nên tắt đèn đi. Hoặc ít nhất vặn nhỏ nó lại, cho đến khi chúng ta biết được cái gì ở phía trước. Chỉ để phòng hờ trường hợp có ai đó không muốn chúng ta ở đây.

Dybbuk thắc mắc:

– Họ không muốn thì đã sao chứ? Chúng ta là môn đồ của ashram, không phải sao? Chúng ta tốn công gia nhập nó cũng chỉ để có thể thuận tiện đi lại mà không bị nghi ngờ thôi mà.

Philippa bảo:

– Cậu quên ông Groanin rồi à? Tớ không tin ông ấy sẽ bỏ rơi chúng ta trong cái giếng khủng khiếp đó trừ khi gặp chuyện nghiêm trọng gì đấy.

John gật đầu:

– Phil nói đúng đó, Buck. Chúng ta nên cẩn thận cho đến khi biết được chuyện gì đã xảy ra với ông Groanin.

Bước lên các bậc thang, Dybbuk nói:

– Ok thôi. Nhưng chúng ta vẫn cần một ít ánh sáng nếu không muốn ngã gãy cổ. Tớ biết điều này nghe có vẻ rất điên khùng, nhưng mấy bậc thang này phủ đầy băng.

Đặt một ngón tay lên bậc thang trước mặt, John bảo:

– Đúng là vậy. Làm thế nào mà có băng dưới này được nhỉ?

Dybbuk nhún vai nói:

– Tớ không biết Nhưng tớ nghĩ chúng ta sắp khám phá ra nguyên nhân rồi.

Nói rồi cậu đặt một bàn tay lên trước cây đèn pin, biến bàn tay thành màu đỏ, và cho phép vừa đủ ánh sáng lọt ra để cả ba có thể nhìn thấy đường đi.

Tiếng rì rầm lớn dần lên, cho đến khi ba đứa trẻ nhận ra đó là tiếng tụng kinh.

John hỏi nhỏ:

– Hay là lớp học thiền định siêu việt nhỉ?

Liếc nhìn những con số dạ quang trên mặt đồng hồ đeo tay của mình, Dybbuk lắc đầu bảo:

– Làm gì có lớp học nào vào lúc ba giờ sáng chứ. Mà, thiền định thì làm gì có chuyện tụng kinh.

Rồi ngừng bước để tập trung lắng nghe, cậu nói:

– Các cậu nghe thử xem!

– NA-GA, NA-GA, NA-GA...

Dybbuk thì thầm:

– Naga. Đó là những gì họ tụng. Naga.

Cả ba đứa trẻ khẽ rùng mình, không phải vì lạnh, mà vì sợ hãi. Vì giờ đây, chúng đã nhận ra cái từ đang được tụng đi tụng lại không ngừng trong tiếng Phạn có nghĩa là “rắn”.

Sau một lúc im lặng, Philippa cho biết:

– Tớ có một dự cảm xấu về chuyện này.

Dybbuk bảo:

– Cậu đã nói điều đó rồi.

– Trên thực tế là không. Điều mà tớ nói trước đây là, không tốt lành gì khi chúng ta giữ Hồ Mang Chúa. Tớ chỉ hy vọng nó không có liên quan đến

dự cảm xấu mà tứ cảm thấy hiện giờ. Bởi vì đây là lúc tứ thật sự không muốn dự cảm của mình trở thành hiện thực.

Dybbuk nói:

– Ờ, hy vọng thế.

Bước thêm mấy bậc thang nữa, ba đứa trẻ có thể thấy được ánh sáng le lói ở trước mặt, nên Dybbuk tắt đèn. Nối tiếp với đỉnh cầu thang là một đoạn đường hầm chật hẹp, kết thúc bằng một cầu thang kim loại nâng cao khoảng 5, 6 mét bên trong lòng một đường ống hình trụ rỗng làm bằng đồng. Đường ống rộng khoảng mét rưỡi, và trên đỉnh là một kẽ hở có đường kính chừng một mét. Xuyên qua kẽ hở này là ánh sáng chập chờn và tiếng tụng kinh đơn điệu.

– NA-GA, NA-GA, NA-GA, NA-GA, NA-GA...

Trèo lên cầu thang trong im lặng, ba đứa trẻ bám tay vào lớp kim loại lạnh lẽo và cẩn thận thò đầu ra khỏi miệng kẽ hở. Một cảnh tượng đáng kinh ngạc hiện ra trước những cặp mắt mệt mỏi bám đầy bụi của chúng.

Đó là một ngôi đền xây trong một hang động có trần cao đến 18 mét và được chiếu sáng bởi vài dây đèn điện.

Một lớp sương mù kỳ lạ nổi bồng bềnh trên mặt đất, giống như trong một màn trình diễn ảo thuật tại rạp hát, bao phủ bàn chân mang ủng cao su của gần 400 nam nữ đứng đối diện với một cái gì đó ngay bên dưới chỗ mà bọn trẻ đang đứng, tay giơ cao lên trời thể hiện sự tôn thờ. Họ khoác một lớp áo ngoài có mũ trùm đầu viền lông cừu thường thấy ở vùng Bắc Cực bên trên lớp áo thụng màu cam, trên mặt trát đầy sơn màu vàng. Như thể bị thôi miên, họ tiếp tục tụng đều:

– NA-GA, NA-GA, NA-GA...

Giờ đã hiểu rõ ý nghĩa phần cuối thông điệp của đại tá Killiecrankie - *Hãy tìm kiếm con rắn thứ ba. Nhưng coi chừng con rắn thứ tám* - Philippa thì thầm:

– Đây chính là giáo phái thờ hổ mang. Aasth Naag. Chắc chắn họ sử dụng cái ashram này để che đậy cho các hoạt động của mình.

Rơi vào im lặng, ba djinn trẻ cùng nghiên ngẫm về sự trở trêu đã xảy ra cho chúng: cái giáo phải mà ba đứa trẻ hy vọng che giấu Hồ Mang Chúa lại ở ngay bên cạnh chúng, và số phận đã đưa đẩy cả ba rơi xuống ngay giữa những kẻ mà chúng muốn né nhất.

Đến giờ thì ba đứa trẻ đã biết được bản chất thật sự của cái đường ống bằng đồng mà chúng đang ẩn nấp. Cách nơi lũ trẻ đứng chừng một mét, một cái lưỡi chẻ đôi thè ra giữa hai cái răng nanh dài: Cả ba đang ở trong miệng một bức tượng khổng lồ - bức tượng một con hổ mang chúa góc đầu. Tuy nhiên, nó không phải là đối tượng mà những tín đồ kia đang thể hiện sự tôn thờ. Không, sự thờ phụng ấy được dành cho gã đàn ông đang đứng ngay bên dưới chân lũ trẻ. Đó là Guru Masamjhasara, trong một bộ đồ hoàn toàn khác biệt so với trước đây. Thay cho lớp áo thụng trắng là một cái áo choàng lông thú dày cộm để chống lại cái lạnh khắc nghiệt kỳ lạ bao phủ khắp hang động, và thay cho đôi chân trần trước đây là một đôi ủng da cừu hợp thời trang.

Với đôi mắt sắc, John ngay lập tức nhận ra nguồn gốc của cái lạnh khó lý giải ở đây: Ở một góc đền, hai tay *sadhak* đeo găng tay da dày cộm đang dịch chuyển những khối đá khô to đùng cùng những bình ni-tơ lỏng. Cậu thầm thì:

– Tại sao họ lại cần mấy cái đó chứ?

Dybbuk nói:

– Không biết. Có lẽ để điều hòa nhiệt độ cũng nên. Trên mặt đất nóng như thế mà. Ý tớ là, ai mà biết dưới này sẽ nóng như thế nào nếu không có mấy cái đó.

John lắc đầu bảo:

– Tớ không nghĩ vậy. Đã nằm qua mấy cái giường trong tịnh xá, tớ có thể chắc chắn gã guru đó chả quan tâm gì đến sự thoải mái của các tín đồ. Phải là một lý do khác. Nhưng là gì mới được?

Gã guru rũ bỏ cái áo choàng lông thú, làm lộ ra một bộ ngực trần trụi bôi đầy hình vẽ ngoằn ngoèo màu vàng, giống như trên má và trán của gã. Rồi

gã giơ hai tay lên trời như thầy dòng làm lễ rửa tội, và những tín đồ của gã lập tức im bật.

Bằng một chất giọng sang sảng nghe nổi cả da gà, Guru Masamjhasara nói:

– Ta mang đến cho các người thực chất của những thứ mà các người ao ước. Và chứng cứ của những thứ chưa bao giờ được thấy. Tất cả những ai, nam hay là nữ, theo ta, vâng lời ta sẽ nhận được món quà của sự kỳ diệu, cùng sức mạnh trên sự sống và cái chết. Các bạn của ta, tối nay, các người sẽ chứng kiến sự thật về sức mạnh đó được minh chứng. Một sức mạnh vượt khỏi logic. Một sức mạnh vĩ đại hơn mọi sự tranh cãi. Vâng, các con của ta, một sức mạnh mà tất cả các người sẽ là nhân chứng sống.

Gã guru vỗ tay vào nhau, và hai tín đồ của gã khệ nệ khiêng ra một bể kiếng đựng đầy rắn. Có thể thấy rõ gã guru dự định sẽ đựng vào chúng.

Dybbuk thăm thì:

– Có vẻ đây là lý do họ giữ nhiệt độ thấp như vậy. Rắn là loài máu lạnh. Nhiệt độ cơ thể chúng phụ thuộc vào nhiệt độ không khí bên ngoài. Khi cơ thể rắn quá lạnh, nó sẽ trở nên buồn ngủ và lơ đãng. Khiến chúng dễ điều khiển hơn.

Quan sát một lát, John lắc đầu:

– Không phải. Cậu nhìn đi. Có bộ phận tản nhiệt hồng ngoại trong bể. Những con rắn này đủ ấm.

Ngay khi cậu đang nói, một gã *sadhak* vệ sĩ cầm lên một cây gậy dài và chọt vài lần vào những con rắn trong bể, như thế cố ý làm chúng nổi giận, và đã thành công. Một con rắn, một con hổ mang chúa cực lớn, cắn mạnh cây gậy. Ba đứa trẻ ẩn nấp bên trong bức tượng nhanh chóng nhận ra Guru Masamjhasara không hứng thú gì với những con rắn lơ đãng ngoan ngoãn. Cái mà gã muốn là những con rắn bất trị giận dữ.

Bằng một phong thái kiêu cách, gã guru tiến về phía bể rắn và cầm lên một con hổ mang chúa. Gần như ngay lập tức, con rắn cắn vào tay gã, làm chảy máu dọc xuống thân cánh tay, điều đó dập tắt ngay ý nghĩ của Dybbuk - rằng những con rắn này đã bị gỡ răng ra.

Trông thấy mình bị cắn, gã guru mỉm cười một cách vui sướng và nhặt lên một con hổ mang khác. Lần này nó cắn gã không chỉ một mà đến vài lần. Con hổ mang thứ ba cắm răng vào cẳng tay gã guru sâu đến nỗi nó không thể rút chúng ra, và con rắn cứ thế treo lủng lẳng cho đến khi sức mạnh của cơ thể vận vẹo màu đồng đất của nó làm những cái răng bị gãy, khiến nó rơi xuống đất. Gã guru nhặt nó lên và quấn quanh cổ như một cái khăn choàng bằng tơ lụa. Lúc gã guru nhặt đến con rắn thứ bảy, gã đã bị cắn nhiều không kể hết, và dường như không có vết cắn nào làm gã bận lòng.

Dybbuk nói:

– Tớ không hiểu. Đúng lý thì giờ này gã đã chết queo rồi mới phải. Hoặc ít nhất là nằm bất tỉnh nhân sự trên mặt đất.

Nhớ lại những gì người tuyết Yeti, hay bá tước Reinnerassig đã nói với họ trên dãy Annapurna - rằng djinn miễn nhiệm với nọc độc loài rắn - John quay qua hỏi Philippa:

– Em có nghĩ giống điều anh đang nghĩ không? Rằng gã có thể là một trong chúng ta?

Philippa lắc đầu bảo:

– Một djinn hả? Không. Nếu thật sự là một djinn, gã guru này sẽ không đại gì tổn công tổn sức làm nhiệt độ trong này lạnh như vậy. Gã có thể sẽ bị mất sức mạnh djinn ngay trước mặt những tín đồ của mình. Em cũng không biết. Có thể gã đã nốc trước thuốc kháng độc. Rất nhiều thuốc kháng độc.

Nhưng điều này khó có thể là sự thật. Đây đều là những con rắn hổ mang to lớn và sung mãn, mỗi con đều có khả năng tiết ra một lượng độc tố khổng lồ.

Gã guru, giờ đây đã quấn đầy rắn trên người như một cây thông Giáng sinh, nói:

– Hãy nhìn dấu hiệu. Và tin tưởng vào sức mạnh của ta, một sức mạnh vĩ đại, vì ta sẽ nói với các người rằng đã đến lúc chúng ta thống trị cả thế giới.

Gã guru nhặt lên hai con rắn khác và, vẫn đang bị cắn, giơ chúng lên cao để mọi người cùng xem.

– Tám là số hổ mang mà người tiền nhiệm của ta, Aasth Naag, cho cắn cùng một lúc. Nhưng ta mạnh mẽ hơn, vì ta có sức mạnh chống lại nọc độc của chín con rắn hổ mang. Ta mang đến cho các người chín con rắn hổ mang.

Những tín đồ của gã lại bắt đầu rầm rì tụng:

– NA-GA, NA-GA, NA-GA...

Dybbuk thầm thì:

– Tớ nổi hết cả da gà rồi đây. Mấy người này khùng hết rồi.

Philippa bảo:

– Nói vậy là còn nhẹ đó. Phải gọi họ là những kẻ sát nhân mới đúng.

Gã guru la lớn, một lần nữa làm những tín đồ của gã im lặng:

– Nhưng chờ đã, các bạn của ta. Đôi khi, để thể hiện sức mạnh trên cái chết, chúng ta phải tận mắt thấy được cái chết. Chúng ta phải ngừng lại để hâm mộ sức mạnh của nó. Vì những dấu hiệu của ta không đi theo những kẻ hoài nghi. Và nó không phải là thứ người bình thường có được. Như những gì các người sẽ chứng kiến ngay bây giờ! Các người sẽ thấy ta đã sống sót bao nhiêu lần. Các người sẽ thấy cái chết. Mang tù nhân ra đây!

Đám đông bên dưới tản ra, khi từ phía cuối ngôi đền, những tay *sadhak* vệ sĩ kéo về phía trước một người đàn ông bị trói hai tay sau lưng với khuôn mặt trắng bệch vì sợ hãi.

Ba đứa trẻ như ngừng thở, vì người đàn ông bị Guru Masamjhasara bắt đi tế thần chết ấy chính là ông Groanin.



Chương 16

Máu lạnh

John nói gấp:

– Chúng ta phải làm gì đó. Không thể để ông Groanin bị răn cắn. Có tay mới hay không, ông ấy cũng sẽ chết nếu bị một trong mấy con hổ mang kia cắn, chứ đừng nói gì đến chín con.

Dybbuk nhắc:

– Cậu có quên gì không? Chúng ta hiện giờ làm quái gì có sức mạnh.

John lắc đầu:

– Không phải là hoàn toàn không có.

Dybbuk hỏi lại:

– Tớ không chắc tớ hiểu ý cậu. Chính xác cậu muốn nói gì chứ?

John trả lời:

– Tớ muốn nói, chúng ta có thể thế chỗ cho ông Groanin. Dù sao chúng ta cũng miễn nhiễm với nọc rắn. Nam tước đã nói vậy mà.

Philippa, người có cùng suy nghĩ với người anh sinh đôi của mình, gật đầu:

– Ý kiến hay!

Dybbuk nói, giọng không lấy gì làm tin tưởng:

– Ý hay á? Tớ không nghĩ vậy. Miễn nhiệm với nợ độ của một con hổ mang là một chuyện. Nhưng đến chín con có thể lại là một chuyện khác. Các cậu không nghĩ đến chuyện đó sao? Và lỡ như một trong những con hổ mang đó là djinn thì sao? Hoặc giả như, nam tước đã nhớ sai? Hoặc có thể ông ấy đã nói dối?

John hỏi ngược:

– Thế mà tớ cứ nghĩ cậu biết rõ về điều đó cơ đấy. Khi nam tước đề cập đến vụ miễn nhiệm nợ răn, cậu ra vẻ hiểu biết lắm mà.

– Ok, tớ đã nói dối, cậu vừa lòng chưa? Về chuyện đó, tớ cũng chẳng biết gì nhiều hơn các cậu.

Philippa hỏi:

– Tại sao nam tước lại phải nói dối chứ? Ông ấy có vẻ là một người tốt mà.

Dybbuk vẫn khăng khăng:

– Vì ông ấy bị điên. Chỉ có một kẻ điên mới sống nửa cuộc đời dưới hình dáng người tuyết Yeti. Mà, cứ cho là không nói dối đi, ông ấy cũng đâu có nói rõ cái vụ miễn nhiệm đó hoạt động như thế nào. Lấy ví dụ, lỡ như chúng ta chỉ có thể miễn nhiệm nợ răn khi có đầy đủ sức mạnh? Lỡ như chúng ta không miễn nhiệm khi trời lạnh? Nếu đúng là vậy, chúng ta coi như toi đời nếu xuống dưới kia.

John bảo:

– Còn đỡ hơn không có cơ hội nào. Và ông Groanin sẽ chẳng có cơ hội nào nếu chúng ta ngồi im không làm gì.

Philippa rít nhỏ:

– John nói đúng.

Dybbuk hỏi tiếp:

– Rồi chuyện gì sẽ xảy ra chứ? Cứ cho là chúng ta bị cắn mà không chết đi. Điều đó giúp ích được gì chứ?

John lắc đầu một cách nóng nảy:

– Không phải lúc nào chúng ta cũng có được tất cả các câu trả lời. Cậu hỏi rất đúng, Buck, tuy nhiên chúng ta không có thời gian để tranh cãi. Và lại, cũng không nhất thiết cả ba chúng ta đều phải xuống dưới đó.

Cầm lấy cây đèn pin từ tay Dybbuk, John đưa nó cùng cái túi da chứa Hồ Mang Chúa cho Philippa và bảo:

– Đây. Em cầm Hồ Mang Chúa và giấu nó đi. Rồi kiếm đường ra khỏi đây.

Philippa chần chừ trong mấy giây, rồi làm theo hướng dẫn của anh trai. Không có lý do gì để cả bọn cùng bị bắt. Đặc biệt là khi chúng đang giữ Hồ Mang Chúa trong tay.

– Anh nhớ cẩn thận nhé, John.

Philippa nói, rồi leo xuống cầu thang và đi ngược về phía đoạn đường hầm. Dybbuk đi theo cô.

Leo lên bậc thang trên cùng của cái cầu thang, John bám vào cái lưỡi ché đôi của bức tượng rắn và bắt đầu thả mình xuống đèn.

Cậu hét lên với gã guru đang ở ngay bên dưới chân:

– Chờ đã! Ngừng lại! Không được đụng đến ba tôi!

Tiếng xì xầm vang lên, và những bàn tay to đùng túm lấy John khi cậu ôm lưỡi rắn lắc lư trên đầu gã guru trong mấy giây.

Gã guru lầm bầm:

– Đúng là ta đã nghe nói rắn có thói quen ợ ra thức ăn, nhưng chuyện này quá lỗ bịch.

Rồi thả những con rắn đang cầm vào lại trong bể, gã quay sang nhìn John và cười khúc khích như thường lệ. Nắm lấy cánh tay John, gã nói:

– Người biết gì không? Ta hoàn toàn không biết bức tượng đó rỗng bên trong. Ta đã sở hữu nơi này gần mười năm trời, và ta vẫn không biết điều đó. Người có tưởng tượng được không? Mà người làm gì trên đó thế?

Bắt được ánh mắt của ông Groanin, John khẽ gật đầu một cái trước khi trả lời:

– Thám thính ông chứ chi.

Gã guru hỏi:

– Thế còn hai đứa nhóc bạn người đâu rồi?

John nhún vai bảo:

– Lần cuối tôi thấy, bọn họ đang ngáy khò khò trong tịnh xá.

Gã guru mỉm cười một cách kiên nhẫn:

– Đó không phải là sự thật. Ta đã cho người tìm kiếm lũ nhóc bọn người khi bắt giữ cha người.

Liếc nhìn lên phía trên bức tượng, gã nheo mắt lại, đẩy tò mò.

– Người biết không, ta cá là chúng vẫn còn núp trên đó.

Rồi gã quay sang nói vài câu với đám *sadhak* vệ sĩ, và hai tên nhanh chóng cởi sạch sẽ đồ chỉ chừa lại cái khố. Rồi một tên leo lên vai tên kia và nâng người vào trong miệng bức tượng. Hẳn biến mất trong vài phút.

Guru Masamjhasara lại quay sang hỏi John:

– Nói! Thật sự các người đến đây vì mục đích gì? Đến ashram?

John vẫn giữ nguyên câu trả lời của mình:

– Tôi đã nói rồi mà. Để thám thính ông.

– Là cố ý? Hay vô tình?

Gã guru hết nhìn John lại nhìn ông Groanin. Và khi không nhận được câu trả lời, gã bẻ ngược tay John về phía sau.

Nghe tiếng John rên lớn vì đau đớn, ông Groanin giãy dựa hông trốn thoát sự kìm hãm của hai gã *sadhak* kề bên người, tuy nhiên ông vẫn chưa thật sự khám phá được hết sức mạnh của cánh tay mới. Ông chỉ có thể hét lên:

– Để nó yên.

Một ý tưởng đột ngột hiện ra trong đầu John. Một cách để cậu có thể hạ thấp danh tiếng của gã guru ngay trước mặt các tín đồ. Cậu vội nói:

– Chúng tôi đến để chứng minh ông chỉ là một *tên bip bọm*.

Rồi cậu vùng thoát khỏi bàn tay của gã guru và chạy đến bể răn. Có khoảng 40 hoặc 50 con răn trong đó, và tất cả chúng đều nguy hiểm chết người. Nhưng John không lưỡng lự lấy một giây. Cậu thọc cả hai tay vào

trong mớ răn đang uốn éo, phùng mang trợn má ấy, cầm lên một con hồ mang đen bóng to đùng, và giơ cao nó lên. Đám đông bên trong ngôi đền xầm xì lớn tiếng trước hành động có vẻ rất ngu ngốc của John.

John lớn tiếng nói:

– Mọi người thấy không? Không có gì đáng sợ cả. Những con răn này hoàn toàn vô hại. Tất cả đã bị lừa.

Gã guru không ngăn cản John. Thay vào đó, giống như tất cả những người đang ở trong ngôi đền dưới lòng đất này, gã hưng phấn chờ đợi kết quả hành động của John. Trong một giây, con hồ mang to lớn trong tay John dường như cũng bị hành động bất ngờ của John lôi cuốn. Gần như ngoan ngoãn, nó nhìn chăm chăm vào John với hai con mắt màu đen tròn và sáng bóng, cái lưỡi chẻ đôi thè ra ngoài miệng liếm liếm không khí. Giây tiếp theo, con răn rít lên một tiếng lớn, như âm thanh của một ấm nước đun sôi đã cạn một nửa. Một phần tư giây sau đó, con hồ mang nhanh như chớp tấn công, đầu tiên là trên cổ tay John - sâu đến nỗi nó phải uốn éo đầu mới có thể rút nanh ra - rồi sau đó là ngực cậu ở vị trí ngay phía trên trái tim. Đám đông há hốc miệng sợ hãi vì, đặc biệt là với trẻ con, vết cắn của một con hồ mang lớn ở vị trí gần tim như vậy luôn chết người.

John gần như không mấy ngạc nhiên trước việc con hồ mang cắn cậu. Điều duy nhất cậu không biết là việc đó đau như thế nào. Nó giống như cùng lúc nhận hai mũi tiêm chích ngừa từ một tay thầy thuốc vụng về. Cậu sờ ngực, và ngón tay cậu rút ra dính máu. Con răn lại cắn cậu lần thứ ba trên bàn tay đang giữ chặt phần thân giữa mập mập của nó. John hét lớn, và để rơi con răn vào lại trong bể.

Theo bản năng, John ấn bàn tay vào miệng để hút chất độc khỏi vết cắn. Đến giờ phút này, cậu không còn nghi ngờ gì về việc những con răn kia có độc hay không. Cậu thật sự có thể ném được chất độc trên bờ môi đang tê cóng dần của mình. Cậu đã phạm phải một sai lầm nghiêm trọng chăng? Nếu Dybbuk nói đúng thì sao? Lỡ như sự miễn nhiễm nọc răn cũng phụ thuộc vào nhiệt độ, giống như sức mạnh djinn? John rùng mình. Cậu bỗng cảm thấy rất lạnh. Lạnh và muốn bệnh.

Guru Masamjhasara cười khúc khích:

– Rất đau, đúng không? Ngay cả khi không có chất độc, người cũng cảm nhận rõ mình bị cắn, đúng không?

John cảm thấy da cậu hết nóng lại lạnh, rồi cảm thấy như muốn ói mửa.

– Ta được biết rắn Mỹ nhiệt đới là loài rắn cắn đau nhất. Nhưng dù nguy hiểm chết người, rắn Nam Mỹ không phải rắn độc. Nọc độc là thứ tạo nên sự khác biệt. Đặc biệt là với một con rắn như hổ mang chúa. Xét về chất lượng, nó thực tế không độc bằng loài hổ mang thường. Tuy nhiên, hổ mang chúa thường tiết ra đến 7 ml nọc độc trong mỗi vết cắn. Một số lượng khổng lồ. Đủ để giết chết một con voi. Hoặc là 40 đứa nhóc 14 tuổi. Dĩ nhiên, ta chỉ là đoán tuổi của người thôi, nhóc con.

Mim cười một cách lạnh nhạt, gã guru gật gật đầu như thể cân nhắc một chuyện gì đó. Bước đến gần John, gã cầm cổ tay cậu lên để kiểm tra mạch. Nhưng gã sờ dĩ làm thế cũng chỉ là tò mò chứ chẳng phải quan tâm gì cậu.

– Ngay bây giờ, cả hệ thống hô hấp của người đang nhanh chóng sụt giảm. Dĩ nhiên, chúng ta có thuốc kháng độc và máy hô hấp nhân tạo trong bệnh xá. Nhưng ta tin chắc người sẽ không cần đến chúng.

Rồi gã ngược đầu lên khi, từ trên đầu họ, tay *sadhak* được cử đi bắt người xuất hiện đằng sau lưng Dybbuk cùng Philippa, và buộc chúng leo xuống. Vài tín đồ khác của gã guru cũng xúm vào phụ một tay.

– Ta tự hỏi, liệu chỉ có mình người, hay cả hai đứa bạn của người cũng miễn nhiễm nọc rắn? Nếu là vậy thì tại sao? Tại sao các người có thể miễn nhiễm?

John hét lớn với đám đông tín đồ:

– Tôi không có miễn nhiễm gì hết. Mấy con rắn này đều vô hại. Hẳn ta chỉ là một kẻ lừa đảo. Mọi người có nghe không? Vị guru đáng kính của mọi người chỉ là một kẻ lừa đảo.

Gã guru mỉm cười một cách kiên nhẫn và hỏi lại:

– Nếu vậy, tại sao người phải vội vã leo xuống dưới đây để cứu cha? Hành động đó khiến ta suy nghĩ, liệu có phải cha người khác biệt với người?

Hoặc có thể là, ba đứa nhóc bọn người khác biệt với những người khác. Ta nói đúng không?

Buông cổ tay John ra, gã guru chuyển qua sẫm soi vết rằn căn trên ngực cậu trong mấy giây như thể muốn kiểm tra cậu có thật bị căn hay không. Trông thấy hai vết căn còn rướm máu, gã gật đầu nói:

– Thật là khác thường. Rất khác thường. Đúng lý thì giờ người đã chết, nhóc con.

Tay *sadhak* buộc Philippa và Dybbuk trèo xuống pho tượng đưa cho gã guru cái túi da chứa Hồ Mang Chúa. Đưa mắt nhìn Philippa, John thấy cô miễn cưỡng gật đầu.

Guru Masamihāsara cầm cái túi da như thể gã không dám nghĩ đến việc nó chứa gì bên trong. Gã lẩm bẩm:

– Không. Không thể nào. Sẽ là quá may mắn, ngay cả với một người may mắn như ta. Nhưng nó đồng thời cũng giải thích *mọi chuyện*.

Gã mở cái túi da, nhặt món đồ bên trong ra, xé bỏ lớp giấy gói, và rồi nhìn không chớp mắt cái bùa thể thân vô giá đang cầm trong tay. Một hơi thở gấp thoát ra khỏi khoang miệng đóng hờ, gã guru nói không ra hơi:

– Mười năm tìm kiếm. Cuối cùng, ta cũng có được nó.

Rồi một suy nghĩ đột ngột hiện ra trong đầu gã. Gã đã nhận ra một chuyện.

– Nó vẫn luôn ở đây, đúng không? Suốt mười năm trời ta nghĩ nó đã bị thất lạc, và bằng ấy thời gian, nó vẫn ở ngay dưới mũi ta.

Ba đứa trẻ không nói gì. Chộp lấy tai John, gã guru vặn mạnh, miệng rít lên:

– Nó luôn ở đây, đúng không?

– Á! Đúng. Bỏ tôi ra.

Càng ra sức vặn tai John, gã hỏi tiếp:

– Nó ở đâu?

Ông Groanin hét lên:

– Để thẳng nhỏ yên. Không tôi sẽ dạy cho ông một bài học.

John thấy chẳng có lý do gì để không trả lời gã guru. Đặc biệt là khi lỗ tai đáng thương của cậu còn nằm trong mấy ngón tay như thép của gã.

– Trong giếng. Chúng tôi tìm thấy nó bên trong giếng. Đại tá Killiecrankie đã để lại thông điệp dẫn đường trên một bức tranh Hiệp hội Đông Ấn. Bức tranh thuộc sở hữu của Tướng Hermann Goering. Chúng tôi đã tìm thấy bức tranh, giải mã thông điệp, và đến đây để tìm nó.

Philippa lăm bằm:

– Đáng lẽ chúng tôi nên phá hủy nó.
– Phá hủy nó? Tại sao các người lại muốn làm vậy chứ?
– Bởi vì ông thèm muốn nó đến nỗi không ngần ngại giết người vì nó. Tôi không thể nghĩ ra lý do nào khác tốt hơn.

Mỉm cười một cách độc ác, Guru Masamjhasara nói:

–Ồ, nhưng ta nghĩ người có thể đấy. Người cho ta là ai chứ, nhóc con? Một kẻ ngu? Ta từng muốn Hồ Mang Chúa để có sức mạnh kiểm soát djinn. Một lão djinn già nua tên Rakshasas. Nhưng giờ đây, khi đã có các người trong tay, lão ấy không còn quan trọng nữa.

Dybbuk giả tảng:

– Chúng tôi không biết ông đang nói gì.

Lắc lắc một ngón tay trước mặt Dybbuk - cậu nhóc djinn có thể thấy rõ mở ghét bản bên dưới ngón tay gã - gã guru nói:

– Không à? Ta có thể tiến hành khám răng lũ nhóc bọn người, biết không? Nhưng sẽ nhanh hơn nhiều nếu các người tự nói cho ta biết.

Nói rồi gã cúi người vào bể rãnh, nhặt lên một con hổ mang, và dí nó vào sát mặt ông Groanin. Con rắn tấn công ông Groanin nhưng, vừa đúng lúc, gã guru kịp giật nó lại, cho nên con rắn rớt cuộc cắn hụt mũi vị quản gia người Anh chừng vài phân.

Philippa kinh hoàng hét lớn.

Không để ý gì đến việc con rắn quay lại cắn vào tay mình, Guru Masamjhasara nói với John:

– Lần sau gã sẽ không may mắn như vậy đâu. Người là djinn, đúng không? Chỉ có một djinn mới có thể chịu một vết cắn chí mạng như vậy mà vẫn còn sống phây phây.

Dybbuk nói:

– Đúng. Chúng tôi là djinn.

– Cả ba đứa bọn người?

– Đúng, cả ba chúng tôi. Bây giờ thì để ông ấy yên. Ông ấy chỉ là một người bình thường. Nếu bị cắn, ông ấy sẽ chết chắc.

Ném con rắn vào lại trong bể, gã guru cười khúc khích:

– Djinn, đúng không? Vậy cứ tự nhiên đi. Biến ta thành một con chuột cống nào.

Dybbuk lầm bầm:

– Ước gì chúng tôi có thể. Lúc đó, tôi sẽ quẳng ông cho lù rắn này ăn. Ngoại trừ việc chúng có thể chết vì ngộ độc thực phẩm.

Gã guru lại cười nói:

– Vậy thì cho ta ba điều ước và ta sẽ thả các người đi? Không. Ta không nghĩ vậy. Các người không có sức mạnh, đúng không? Không phải là ở đây, khi nhiệt độ quá lạnh cho dòng máu djinn nóng hổi của các người.

Philippa rít lên:

– Khi đến đây, ông Rakshasas sẽ biến ông thành một con chồn hôi hám, đúng như bản chất con người ông.

Vỗ vỗ tay, Guru Masamjhasara tuyên bố với các tín đồ:

– Buổi triệu tập hôm nay kết thúc ở đây.

Rồi, liếc nhìn Bhuttote, gã ra lệnh:

– Mang chúng đi. Ta muốn cho những vị khách này xem một thứ.

* * *

Rời khỏi ngôi đền dưới lòng đất, họ đi xuyên qua một cánh cửa trượt bằng kính để bước vào một nơi nhìn giống như phòng thí nghiệm khoa học. Bốn bức tường cũng như trần và sàn đều trắng toát, và mùi hóa chất nồng nặc. Ở đây thậm chí còn lạnh hơn cả trong ngôi đền, và ngay sau cánh cửa trượt có một cái giá áo treo vài bộ áo choàng lông thú đắt tiền. Gã guru mặc lại cái áo choàng của gã, và đám vệ sĩ của gã lúi húi mặc những bộ còn lại.

Dybbuk cũng với tay định lấy một cái, nhưng bị gã guru chặn lại.

Gã bảo:

– Không. Ta nghĩ ta thích các người như vậy hơn. Nửa đóng băng.

Rồi chỉ tay vào ông Groanin, gã cười khúc khích:

– Nhưng cha người thì có thể mặc một cái. Chúng ta không có gì phải sợ hãi nóng hay không nóng cả.

Đợi ông Groanin mặc vào một cái áo choàng, gã guru khoát tay chỉ về phía một hành lang nhìn có vẻ hiện đại phía trước mặt họ và giới thiệu:

– Tất cả mọi thứ ở đây được giữ ở nhiệt độ đóng băng. Trung tâm y khoa hiện đại này là bộ phận quan trọng nhất của ashram. Và các người sẽ nhanh chóng biết được tại sao.

Dẫn đường tới một lớp cửa kính trượt khác, gã sử dụng một bàn phím số để mở nó.

– Dĩ nhiên hệ thống an ninh ở đây rất chặt chẽ. Bắt buộc phải vậy, vì những bảo vật quý báu mà ta giữ ở đây.

Vẫn cầm trong tay Hồ Mang Chúa, gã giơ nó lên một cách dương dương tự đắc.

– Quý báu như cái này. Hoặc có thể hơn.

Họ bước vào một nơi nhìn giống phòng bệnh chuyên dụng trong một bệnh viện đắt tiền. Có vài cái giường trống không, cùng vô số dụng cụ y khoa. Một tay hộ lý vận đồ bảo hộ nhiệt lượng đang ngồi giám sát vài màn hình máy tính, trong khi một gã khác đang vận chuyển một bình nitơ lỏng trên xe đẩy.

Gã guru lại khúc khích cười nói:

– Cũng may là những tín đồ của ta luôn phóng khoáng về chuyện tiền bạc. Hóa đơn cho nitơ lỏng và đá khô là khổng lồ. Một tuần một lần sẽ có trực thăng chuyên chở chúng đến đây. Dĩ nhiên, “tảng đá” không phải là một nơi dễ giao hàng. Có thể nói, đó là cái giá chúng ta phải trả cho sự riêng tư. Cần đến hàng triệu rupi để vận hành nơi này. Cho nên, không thể nói chúng ta không biết chăm sóc cho những vị khách quý của chúng ta.

Nói rồi, gã guru kéo một tấm màn che qua một bên. Đằng sau nó là hai cái giường khác, với hai người đàn ông mặc pijama cam nằm trên đó. Đủ loại dây nhợ gắn vào đầu và ngực họ để giám sát dấu hiệu sống, và hai người đàn ông nhìn có vẻ như đang bất tỉnh, đang ngủ, hoặc là đang hôn mê - thật khó để lũ trẻ có thể nói rõ.

Philippa thở gấp một tiếng. John nắm chặt lòng bàn tay và nghiến răng. Dybbuk rên rĩ.

Guru Masamjhasara nói:

– Các người nhận ra họ, đúng không?

Mỉm cười với ông Groanin, gã chỉ tay vào một trong hai thân hình bất động:

– Ta nghĩ người chắc chắn là người hầu của hã.

Rồi, liếc nhìn ba đứa trẻ, gã nói tiếp:

– Và ta nghĩ hai người các người, dù ta không biết là hai đứa nào, là cháu trai và cháu gái của hã, John và Philippa. Đứa còn lại, ta nghĩ chính là đứa nhóc đã lẩn trốn khỏi người của ta ở Palm Springs và đảo Bannerman.

Cậu Nimrod và ông Rakshasas nằm một cách yên bình trên giường, hoàn toàn không có khái niệm gì về những chuyện đang xảy ra chung quanh. Cả hai nhìn có vẻ nhỏ hơn nhiều so với lần cuối cùng ông Groanin và cặp sinh đôi trông thấy họ. Gần như là teo quắt lại. Teo quắt và ốm hơn. Và có phần già hơn. Đặc biệt là cậu Nimrod.

Chìm sâu bên trong giấc ngủ đông lạnh của mình, người cậu djinn của cặp sinh đôi theo bản năng nuốt nước miếng. Cảnh tượng đó làm Philippa cũng nuốt nước miếng một cách khó khăn.

Gạt đi một giọt nước mắt trên khóe mắt, cô hỏi:

– Họ không sao chứ?

John phản nộ nói:

– Cầm thú! Ông đã làm gì với họ?

Gã guru cười:

– Đừng lo. Họ không sao đâu. Ta có thể đảm bảo chuyện đó. Với những món hàng có giá trị lớn như thế này, làm sao ta có thể để chuyện gì xảy ra cho họ chứ. Trong số hai người bọn họ, Nimrod cần ít sự giám sát và bảo quản hơn. Hẳn ta trẻ hơn và mạnh hơn mà. Lão Rakshasas thì, với cái tuổi của lão, cần phải để tâm hơn một chút.

Liếc nhìn ông Rakshasas rồi Hồ Mang Chúa, quay nhìn lại ông Rakshasas, gã nói tiếp:

– Thật khó để tin lão ấy già như thế nào. Giáo phái này bắt đầu cũng chính từ lão ấy.

Ông Groanin mắng:

– Đồ con lợn!

– Rất có phong cách Anh Quốc đấy, ngài *Groanin*. Đó là tên của người, đúng không? Ồ không, làm sao ta có thể bị lừa gạt bởi màu da của người được. Bọn nhóc này cũng thật thông minh. Nghĩ được đến chuyện biến thành người Ấn Độ.

Rồi gã lắc đầu nói tiếp:

– Nhưng không dè để che giấu gã đàn ông một tay. Người chỉ có một tay khi mới đến đây. Với Nimrod làm khách quý ở đây, sự xuất hiện của gã đàn ông một tay - dù vẻ ngoài nhìn như người Ấn - cũng là quá mức trùng hợp.

Ông Groanin lặp lại:

– Đồ con lợn!

Gã guru cười khúc khích:

– Người biết gì không? Ta luôn muốn có một ai đó - một người Anh - gọi ta như thế. Mắng ta đồ con lợn. Ngay từ khi còn nhỏ. Nó làm ta cảm thấy như một người yêu nước. Một người Ấn chân chính. Có vẻ như ngày hôm

nay, tất cả điều ước của ta đã trở thành hiện thực. Xét đến cùng, ta đã nắm được lão Rakshasas và cái bùa thể thân giúp ta toàn quyền điều khiển lão. Có nghĩa là cuối cùng, ta đã có thể mạo hiểm giải băng cho lão. Nhưng nó không có nghĩa ta sẽ làm thế. Ít nhất không phải là bây giờ. Khi mọi thứ đã thay đổi rất nhiều.

Philippa nói:

– Tôi không hiểu. Ông nói rằng đã bỏ mười năm để tìm kiếm cái bùa thể thân này. Ông thậm chí giết người để đoạt được nó. Và rất nhiều chuyện khác, chỉ để bắt được ông Rakshasas. Và bây giờ ông lại bảo không cần?

Gã guru nhún vai trả lời:

– Lão ấy già rồi. Không còn mạnh mẽ như trước đây. Dĩ nhiên, ta nên hạnh phúc khi có thể sử dụng lão để phục vụ cho mục đích của ta. Chỉ là hiện giờ, ta đã có được một thứ tốt hơn lão. Ta đã có ba đứa nhóc bọ người. Một lợi tức bất ngờ. Mía mai quá, đúng không? Ta đã bỏ ra hàng năm trời, chưa kể đến hàng triệu đô la, chỉ để bắt được một djinn còn sống. Sau đó thì sao? Đùng một cái, ta có được năm djinn cùng một lúc. Giống y như chờ xe buýt.

Philippa hỏi:

– Ông chính là người muốn trộm răng khôn của chúng tôi, đúng không?

– Đúng thế. Đó là người của ta. Vài năm nay, ta đã cử người đi lấy trộm các báo cáo nha khoa để tìm kiếm những đứa nhóc có răng khôn sớm. Hy vọng ta có thể bắt cóc chúng. Các người thấy đó, ta thật sự đã hết hy vọng tìm ra cái bùa thể thân này. Và ta đã bắt đầu nghĩ tốt nhất nên dành thời gian và tiền bạc để kiếm răng khôn djinn làm một cái bùa mới. Mà nhắc mới nhớ. Người của ta cử đến nhà các người. Chính xác chuyện gì đã xảy ra với họ?

Bọn trẻ không trả lời, cho nên gã guru chỉ tay vào ông Groanin và nói:

– Ta khuyên lũ nhóc các người nên ngoan ngoãn hợp tác. Trừ khi các người muốn ta tìm một thú kiểng mới cho bạn của các người. Một con hổ mang kiểng chẳng hạn.

John trả lời:

- Mẹ tôi đã biến họ thành hai chai rượu.
- Thật à? Rất có óc sáng tạo. Ta nghĩ ta nên khen bà ấy một tiếng.

Philippa nói:

– Răng khôn của chúng tôi vẫn ở nhà. Ở New York. Được bảo vệ bởi sức mạnh djinn.

John gật đầu:

– Đúng thế. Không ai có thể trộm được chúng. Vậy ông còn muốn gì ở chúng tôi chứ?

Gã guru cười:

– Ta không dùng răng của các người, nhóc djinn. Không phải là bây giờ, khi ta đã tóm được các người. Không, ta muốn một thứ khác. *Ta muốn máu của các người.*

Rồi Guru Masamjhasara giải thích:

– Những djinn trưởng thành cần phải bị đóng băng, để ngăn ngừa họ sử dụng sức mạnh của mình. Vậy, ta sẽ ra sao? Bùa hộ mạng của ta chỉ có thể bảo vệ bản thân ta. Nó không thể ngăn chặn một djinn trốn khỏi đây. Tất cả những việc đó để lại cho ta một rắc rối. Các người thấy đó, không thể rút máu từ cơ thể một djinn đóng băng. Đơn giản là không thực tế. Máu di chuyển quá chậm. Thậm chí là chả di chuyển bao nhiêu. Nó y như mật đường đã đông đặc. Đó là lý do tại sao ta cần Hồ Mang Chúa. Hoặc ta đã nghĩ như vậy. Vì có vẻ những djinn thiếu niên như lũ nhóc các người sẽ mất sức mạnh ở một nhiệt độ cao hơn, so với những djinn trưởng thành như Nimrod và lão Rakshasas. Và điều đó có nghĩa ta có thể rút máu các người ngay khi các người còn tỉnh táo.

Gã guru nhe răng cười độc ác.

– Ồ, không cần tỏ vẻ lo lắng như vậy. Ta không muốn tất cả máu trong cơ thể các người đâu. Chừng nửa lít thôi. Lâu lâu một lần.

Philippa lịch sự hỏi:

– Ông định làm gì với chúng?

Gã guru gật gù:

– Một câu hỏi hay. Có lẽ ta nên bắt đầu từ đầu, khi mà tất cả những chuyện này xảy ra.

Lùa bọn trẻ đến ba cái giường trống, gã bảo:

– Thoải mái đi, và ta sẽ bắt đầu.

Khi bọn trẻ vẫn đứng nguyên tại chỗ, gã guru nói thêm:

– Ta thật sự yêu cầu đấy.

Và những tên tay sai to con của gã lập tức túm lấy bọn trẻ và trói nghiêng mỗi đứa lên một giường. Trông thấy bọn trẻ bị đối xử như vậy, ông Groanin đau lòng định nhào đến can thiệp, nhưng một gã *sadhak* đã ngăn lại với một họng súng chĩa vào bụng ông.

Gã guru ra lệnh:

– Nhốt hẳn lại.

Và ông Groanin bị lôi đi.

Đứng nhìn ba đứa trẻ vẫy vẫy trên giường một lát, gã guru ngồi xuống giữa John và Philippa với một nụ cười khinh khỉnh. Lơ đễnh móc tai bằng ngón út, rồi quẹt đồng cứt tai nâu vàng lên đám lông ngực, gã khuyên:

– Không cần phí sức tìm cách trốn thoát đâu. Các người sẽ thoải mái hơn nhiều nếu ngoan ngoãn nằm im. Nào, ta nói đến đâu rồi nhỉ?

Dybbuk mĩa mai:

– Đến đoạn ông là một kẻ thiếu cặn mà tự mãn. Và kinh tởm. Tôi thật sự không hiểu sao lại có người muốn gia nhập cái giáo phái mà ông quản lý.

Philippa thăm thì:

– Im lặng coi, Dybbuk. Tớ muốn nghe câu chuyện của gã. Gã đang chuẩn bị nói cho chúng ta biết tất cả những chuyện này bắt đầu như thế nào.

Nghiến răng, Dybbuk lầm bầm:

– Buck. Chỉ Buck thôi, ok?

Gã guru gật gù:

– Đúng là djinn nữ luôn thông minh hơn djinn nam. Ta vẫn luôn thắc mắc không biết chuyện đó đúng không.

– Ok, để xem... mười hai năm trước, ta là một bác sĩ trẻ có tên tuổi sống trên đường Harley ở London. Bên cạnh việc khám chữa bệnh bình thường, ta còn chuyên luôn mảng liệu pháp trị liệu bổ sung và thay thế. Ví dụ như, phương pháp trị liệu tâm lý vi lượng đồng căn, đá-điện-tử, trường-tư-tưởng, nhân điện. Ta đã rất thành công và kiếm được rất nhiều tiền. Một trong những liệu pháp trị liệu thay thế đó đã thu hút được phu nhân Thủ tướng Anh. Bà ta đã trở thành một bệnh nhân quan trọng của ta và ta đã trở thành người bạn tâm phúc của bà ấy. Rồi một sáng tháng Tư, bà ấy gọi điện cho ta trong một tâm trạng hoảng loạn cực độ, nhờ ta nhanh chóng đến điều trị cho chồng tại căn nhà số 10 đường Downing. Ngài Thủ tướng đã đột nhiên cư xử kỳ lạ, và nói bằng giọng một đứa bé gái. Những bác sĩ riêng của ông ấy cho rằng Thủ tướng do căng thẳng quá mức để chuẩn bị tái tuyển cử nên đã bị khủng hoảng tinh thần, và họ đều nhất trí tống ông ấy đến một bệnh viện tâm thần nào đó cho đến khi có dấu hiệu hồi phục. Nhưng khi kiểm tra, ta lại nghĩ đến khả năng ông ấy bị ám. Không phải bởi ma quỷ, mà bởi một djinn. Có thể là một djinn cỡ tuổi các người.

Rồi nhún vai một cái, gã guru kể tiếp:

– Cho đến tận bây giờ, ta vẫn không biết con bé đó là ai. Ta chỉ biết nó là người Mỹ, tuổi chừng mười hai hay mười ba gì đó. Nhưng ta dám nói, cậu Nimrod của các người có lẽ biết con bé đó là ai, vì chính hấn là người ta gọi đến giúp. Nimrod và ta chưa từng gặp nhau. Nhưng hấn là bạn của cha ta, Fakir Murugan.

Giờ đây, khi gã guru bắt đầu kể cho ba đứa trẻ nghe câu chuyện của mình, có một điều gì đó đặc biệt thu hút Dybbuk. Thậm chí là hấp dẫn cậu.

John, người đến giờ vẫn chưa thấy gì đặc biệt hấp dẫn, xen ngang câu chuyện:

– Đó là người trong hình, đúng không? Người ngồi trên một cây cột và cầm dao đầy lưng ấy?

– Đúng thế. Trong cộng đồng Hindu, đó là biểu tượng cho đức tin vĩ đại và kỹ thuật yoga siêu đẳng.

John hỏi:

– Ý ông là, cha ông tự cầm mấy con dao đó lên người?

Gả guru gật đầu.

– Thế mà tôi cứ tưởng mấy con dao đó là do bạn bè với người thân của ông ấy đâm lên.

Mim cười một cách lạnh nhạt, gã guru lờ đi lời sỉ nhục của John và kể tiếp:

– Dù sao thì, Nimrod cũng đã xác nhận chẩn đoán của ta và đồng ý thực hiện nghi lễ trục xuất djinn. Nói thật, ban đầu ta cũng nghi ngờ khả năng giúp đỡ của hã. Nhưng hã đã giúp ta mở mắt. Nimrod có tư chất lãnh đạo. Quyền năng vô hạn. Khả năng khơi mào khát vọng. Nên biết rằng trước đó, ta không thật sự hiểu biết gì về sức mạnh djinn. Ta chỉ biết những gì mà cha ta đã kể. Và giống như ông, ta chưa từng tận mắt chứng kiến sức mạnh đó. Mọi thứ thật đáng kinh ngạc. Vật chất hiện ra từ không khí. Một cái giường bay khỏi mặt đất cả mét. Cuối cùng con bé djinn cũng bị trục xuất khỏi cơ thể ngài Thủ tướng. Từ đó về sau, ta hoàn toàn hâm mộ cậu của các người nói riêng và djinn nói chung.

John nói:

– A, cậu Nimrod tuyệt thế à?

Dybbuk nuốt nước miếng một cách khó khăn và cố gắng xua đi một giọt nước mắt trên khóe mắt, gằn giọng:

– Cậu im coi, John.

– Sau đó, ta đã đọc tất cả những cuốn sách viết về djinn trong thư viện của một gã pháp sư người Anh khét tiếng tên Virgil Macreeby. Ban đầu chỉ vì tò mò. Nhưng rồi ta nhận ra có thể có một cách để tận dụng một thứ ta đang nắm trong tay. Các người thấy đó, trước khi triệu hồi Nimrod đến đường Downing, ta đã tiến hành một cuộc kiểm tra y khoa với ngài Thủ tướng, và ta đã lấy mẫu máu ngài ấy trong một ống tiêm dưới da. Sau khi con bé djinn bị trục xuất khỏi cơ thể ngài Thủ tướng, ta bắt đầu tự hỏi liệu con bé đó có lưu lại chút gì trong máu ngài ấy hay không. Và vì ta cùng nhóm máu với Thủ tướng, ta nghĩ đến việc nghiên cứu thử chuyện gì sẽ xảy

ra nếu ta tiêm mẫu máu lấy được khi ngài ấy còn bị djinn ám vào trong người ta...

Gã guru nhún vai nói tiếp:

– Và ta đã làm thế. Các người có tưởng tượng được chuyện gì xảy ra tiếp theo không? *Không có gì cả.* Hay ít nhất ta nghĩ vậy. Vài ngày sau khi truyền máu, ta phải trở về Ấn Độ thăm mẹ bệnh. Chưa đầy một tuần sau, bà ấy qua đời, và ta phải giúp đi thu lượm củi cho lễ hỏa thiêu của bà theo nghi thức truyền thống ở đây. Và trong khi lượm củi, ta đã bị một con hổ mang cắn nhiều lần. Một con hổ mang cực to. Nơi đó cách xa bệnh viện gần nhất, nên ta không nghĩ mình có thể sống sót. Nhưng rồi một điều kỳ lạ đã xảy ra: ta không cảm thấy bệnh tật gì cả. Vài người trong làng của mẹ ta đã chứng kiến ta bị rắn hổ mang cắn, và khi thấy ta không bị ảnh hưởng gì, họ trở nên sợ ta. Khi hỏi một vị già làng tại sao họ có thái độ như vậy, ta mới biết họ sợ ta là djinn. Vì như các người cũng biết, djinn miễn nhiễm với tất cả các loại rắn độc, ngoại trừ rắn biển. Ít nhất ta được thông báo như thế.

– Chắc các người cũng tưởng tượng được ta nhẹ nhõm như thế nào khi mình chiến thắng nọc rắn. Trên hết là một cảm giác hưng phấn tột độ. Sau khi đã thử sẵn thuốc kháng độc phòng trường hợp giả thuyết của ta hoàn toàn sai, ta để cho rắn cắn lần nữa. Lần này là một con rắn cạp nong, một loại rắn Ấn Độ có nọc độc mạnh gấp mười sáu lần so với rắn hổ mang. Và một lần nữa, không có chuyện gì xảy ra với ta. Ta đi đến kết luận rằng, sự miễn nhiễm của ta là kết quả của đợt truyền máu nhiễm djinn. Nó đồng thời khiến ta đặt câu hỏi: Chuyện gì sẽ xảy ra nếu ta thay thế tất cả máu trong cơ thể bằng máu djinn? Chẳng phải ta sẽ trở thành một djinn hay sao? Với sức mạnh thực hiện điều ước và khả năng sống đến tận 200 tuổi?

– Bắt tay vào việc biến điều đó thành hiện thực, ta nhanh chóng phát hiện ra một cách để kết hợp khả năng miễn nhiễm nọc rắn của cơ thể với tham vọng sống hiện tại. Ta đã nghe nói đến những giáo phái thờ rắn cổ xưa, đặc biệt là Aasth Naag và cái bùa thể thân thất lạc của nó, Hồ Mang Chúa Kathmandu. Ta nhận ra nếu tìm thấy Hồ Mang Chúa, ta sẽ có sức mạnh sai khiến lũ Rakshasas, tình cờ thế nào lũ lại là bạn thân của Nimrod. Đủ sức

mạnh để rút máu lão và sử dụng nó để thay thế máu ta. Cho nên, ta đã hồi sinh giáo phái đó. Với một sự khác biệt: Hôm nay, chúng ta là Chín Hồ Mang, thay vì Tám. Chín luôn là một con số hên nhất của ta. Ta sinh ra vào giờ thứ chín của ngày thứ chín, trong tháng thứ chín của năm 1959, trong ngôi nhà số 9, đường Chín Cây Đa, Calcutta. Và lúc đó ta cân nặng đúng chín pound^[31].

– Tất cả những ai gia nhập giáo phái đều được hứa hẹn cùng một điều: cơ hội để tiếp nhận một ít máu djinn; hay thậm chí, nếu có đủ máu, cơ hội để trở thành djinn.

John lắc đầu:

– Ông điên rồi.

Gã guru cười khúc khích:

– Đúng, ta điên vì quá phấn khởi, nhóc djinn nhỏ bé. Vì, nhờ có các người, kế hoạch của ta có thể tiến triển nhanh hơn nhiều so với dự kiến. Giờ đây, không những ta có được trong tay Hồ Mang Chúa, lão Rakshasas và Nimrod, ta còn có được ba djinn trẻ khỏe mạnh có thể cho ta ít nhất vài lít máu mỗi tuần. Có nghĩa là, ta sẽ mau chóng trở thành một djinn. Và một khi đã trở thành djinn, ta có thể dễ dàng gài bẫy những djinn khác và rút máu của họ.

Dybbuk bắt đầu đánh vật với những sợi dây trói buộc cậu vào cái giường bệnh, nhưng chỉ phí sức. Nghiến răng, cậu bảo:

– Chúng tôi sẽ không để ông làm việc đó.

Gã guru mỉm cười:

– Ồ, nhưng các người không có quyền lựa chọn ở đây. Đừng quên các người là tù nhân của ta. Các người sẽ phải ở đây và cho ta vắt máu bất cứ khi nào cần, như những con cừu ngoan ngoãn.

Philippa nói:

– Đồ ma cà rồng kinh tởm!

Gã guru gật gù:

– A, dĩ nhiên, xét theo một cách nào đó, người nói đúng. Nhưng không cần khẩn trương thế. Các người sẽ được chăm sóc tốt, ăn uống đầy đủ. Và cơ thể djinn cũng rất phi thường. Có lẽ là phi thường hơn cả những gì các người nghĩ. Không giống như con người, djinn các người dường như có thể tái tạo số lượng máu bị mất chỉ trong mấy ngày. Nhanh hơn nhiều so với người bình thường.

Guru Masamjhasara đứng lên, đeo vào một đôi găng tay cao su - đó là lần đầu tiên bọn trẻ thấy gã để ý đến vấn đề vệ sinh cá nhân - và bắt tay vào việc chuẩn bị dụng cụ truyền máu. Không thể làm được gì để ngăn gã lại, John và Philippa chỉ có thể tuyệt vọng nhìn gã cuộn một bên tay áo của Dybbuk lên, khử trùng lớp da trên cẳng tay cậu bằng một miếng gạc, rồi đâm một cây kim tiêm vào trong mạch. Vài giây sau, máu của Dybbuk bắt đầu chậm rãi rót xuống một cái túi máu để ở bên giường.

Gã guru cười cười an ủi:

– Đấy, thấy chưa? Không có gì quá tồi tệ, đúng không? Thật sự chẳng có gì đáng àm ã cả. Cho máu dễ như là khúc gỗ rơi ấy mà.

Dybbuk gầm gừ:

– Tôi ước gì ông sẽ rơi như khúc gỗ ấy. Hay tốt hơn, một khúc gỗ sẽ rơi xuống ông. Một khúc gỗ to đùng có một cái đầu sắc nhọn.

Không thèm để ý đến Dybbuk, gã guru xoay người đi đến giường John và nhanh chóng gắn một túi máu vào tay cậu.

John nói:

– Ông là một người bệnh hoạn, ông biết không? Tôi mà ra khỏi đây, thế nào tôi cũng biến ông thành một cái cầu tiêu.

Gã guru nhún vai bảo:

– Nhưng người sẽ không bao giờ ra khỏi đây được. Ít nhất là trong nhiều năm tới. Những bức tường ở trung tâm y khoa dưới đất này dày một mét rưỡi. Nhiệt độ quá lạnh để sử dụng sức mạnh djinn. Và sẽ không có ai đến giúp các người. Chẳng ai dại gì bỏ lỡ cơ hội sống đến 200 tuổi với sức mạnh

djinn cả. Djinn các người luôn đứng đầu trong trò chơi xổ số của cuộc sống, không phải sao? Với tất cả mọi cách thức tuyệt vời.

Philippa nói:

– Không quá tuyệt vời như ông thấy đâu. Ít nhất là bây giờ.

Cắm một cây kim tiêm vào tay cô, gã guru lại khúc khích cười:

– Người nói đúng đấy. *Ít nhất là bây giờ.*

Rồi gã đứng thẳng dậy ngắm nghía tác phẩm của gã: ba cái bịch nhựa đang dần dần đầy những giọt máu djinn quý giá. Lột găng tay ra, gã chấp tay vào nhau và cúi chào ba tù nhân trẻ của mình.

– Hãy sống hạnh phúc trong ngôi nhà mới của các người. Đây là nơi của sự bình thản và thư giãn. Một nơi của nghệ thuật sống buông xả. Và của sự vô vi có ý thức. Thật sự các người đã hoàn thành định mệnh của mình.



Chương 17

Sự khai sáng tự phát

Trong căn phòng giam chật hẹp bên dưới phòng thí nghiệm của gã guru, ba đứa trẻ djinn ngồi tụm lại vào nhau, run rẩy ăn trưa. Lạnh và mất máu, cả ba trắng bệch như xác chết, bởi vì cơ thể djinn, những người được tạo ra từ lửa, vốn không ưa gì cái lạnh và thường cần đến cái nóng để có thể nhanh chóng tái tạo lượng máu bị mất.

Cả ba đứa trẻ, cũng như Masamjhasara, đều không nhận ra rằng chúng đang chết dần chết mòn.

Dù luôn miệng trấn an lũ trẻ rằng chúng sẽ được chăm sóc cẩn thận, gã guru đã quá nôn nóng trong việc trở thành một djinn để chú ý đến việc những tù nhân quý giá của gã đang cạn kiệt sức sống như thế nào.

Cắm đầu vào phần ăn của mình, Dybbuk hăm hở:

– Lại là thịt nướng. Ít nhất chúng ta không bị bỏ đói.

John gật đầu:

– Ừ. Cũng còn may.

Nhưng Philippa ngồi thu lu một chỗ với hai cánh tay quấn quanh người như một cái khăn choàng, không đụng đến một miếng đồ ăn nào. Lắc đầu, cô nói:

– Ngốc quá. Cả hai người đến giờ vẫn không hiểu sao? Họ cho chúng ta ăn thịt nướng cũng chẳng phải tốt đẹp gì. Thịt nửa tải nửa chín như thế này chứa đầy chất sắt. Và cơ thể cần chất sắt để tái tạo tế bào máu.

Dybbuk bảo:

– Nhưng đâu phải chỉ thịt nướng không đâu. Còn có tỏi, hành tây, bông cải xanh, măng tây, dưa, lê... các loại mà.

Philippa bĩu môi:

– Thế mà bảo cậu ngốc cậu lại không chịu. Những thứ đó giàu lưu huỳnh. Và máu djinn cần một số lượng lưu huỳnh lớn. Cho nên, cứ tích cực ăn như cậu chỉ tổ giúp gã guru ấy nhanh đạt được mục đích mà thôi.

Dybbuk giương mày hỏi lại:

– Gì? Cậu đang đề nghị chúng ta tuyệt thực cả đám hả? Xin lỗi, nhưng tuyệt thực hay không tuyệt thực, đằng nào thằng cha khốn nạn ấy cũng sẽ rút máu của chúng ta. Có gì khác biệt chứ? Tớ phải chịu lạnh như thế này là quá đủ rồi, đừng đòi hỏi tớ phải chịu đói nữa. Và lại, một khi có cái gì đó bỏ bụng, tớ luôn thấy đỡ lạnh và đỡ mệt hơn.

Philippa giải thích:

– Cậu thấy mệt là vì bị mất máu. Trong vòng ba ngày, mỗi người trong chúng ta đã cho máu hai lần, mỗi lần khoảng nửa lít, Lần lấy máu tiếp theo, gã sẽ có đủ lượng máu djinn cần thiết để thay thế toàn bộ máu trong cơ thể. Rồi sau đó, chuyện gì sẽ xảy ra?

Hai cậu con trai im lặng trong một giây. Rồi John hỏi:

– Em nghĩ sao, Phil? Liệu gã khùng ấy thực sự có thể biến thành djinn không? Ý anh là, chắc hẳn chuyện đó không phải chỉ đơn giản như thế.

Philippa nói:

– Em không biết. Nhưng việc gã có được khả năng miễn nhiễm nọc rắn sau lần truyền máu đầu tiên cho thấy có thể gã đã đi đúng hướng.

Dybbuk nhận xét:

– Nói thiệt, tớ ngạc nhiên là không có mundane nào nghĩ ra điều này trước đây. Không biết thì thôi, chứ biết rồi, các cậu không nghĩ nó quá hiển

nhiên sao?

Philippa nhắc:

– Cậu quên hả, Buck? Việc truyền máu - ý tứ là, truyền máu thành công - chỉ mới xuất hiện chừng 100 năm về trước. Khoảng thời gian đó chỉ bằng phân nửa tuổi thọ của một djinn bình thường mà thôi.

Dybbuk nhăn mặt hỏi:

– Nói đến thời gian, các cậu nghĩ gã định giam giữ chúng ta ở đây đến bao giờ?

Philippa cho biết:

– Chúng ta sẽ không ở đây lâu đâu.
– Sao cậu dám chắc thế?
– Lý do đơn giản: hai cái Nơi Khác mà thiên thần Afriel tạo ra để thế chỗ cho tớ và John chỉ tồn tại trong một vĩnh hằng.

Dybbuk nhíu mày hỏi:

– Có nghĩa là bao lâu?

John thay em trả lời:

– Là một triệu giây. Hay nói cách khác, 11,57407407407407407407407407407 ngày. Phil nói đúng. Khi chúng biến mất, mẹ tớ sẽ nhận ra có chuyện gì đó đã xảy ra và đi tìm mẹ tớ ngay lập tức.

Dybbuk bảo:

– Tớ hy vọng các cậu đúng. Thật sự hy vọng đó. Nhưng mà, các cậu nghĩ thử xem: Mẹ tớ cũng biết tớ mất tích. Và cho đến tận bây giờ bà vẫn chưa tìm được tớ.

Rồi nhún vai một cái, cậu nói thêm:

– Ngoài ra, chúng ta hiện giờ đang ở một chỗ không dễ tìm chút nào. Bên trong một mét rưỡi đá tảng.

John bảo Philippa:

– Buck đặt vấn đề đúng đấy, Phil. Mẹ sẽ không để gì dò theo chúng ta đến tận đây. Phải chi có cách để chỉ đường cho mẹ nhỉ.

Nói đến đây, cậu bỗng sững lại một giây.

– Chờ đã. Dĩ nhiên có cách để chỉ đường. Mail nội bộ djinn. Chúng ta có thể để cậu Nimrod nuốt một thư gửi cho mẹ.

Phiiippa gật đầu:

– Chính xác. Ý kiến không tồi, John.

Dybbuk lắc đầu:

– Tớ từng nghe chuyện nhét thư vào trong chai, nhưng như thế này thì quá buồn cười. Trong trường hợp này các cậu đã quên, cậu Nimrod của các cậu đang đóng băng.

John vẫn giữ vững ý tưởng của mình:

– Có thể cậu Nimrod đang bị đóng băng, nhưng cậu ấy vẫn có thể nuốt. Tớ đã thấy cậu ấy nuốt nước miếng hôm bữa.

Philippa hỏi Dybbuk:

– Thế cậu có ý tưởng nào tốt hơn sao?

Dybbuk thừa nhận:

– Không. Tớ chả nghĩ ra được gì cả.

John lập tức bắt tay vào việc viết thư, cậu tuyên bố:

– Ok, vậy đó sẽ là kế hoạch của chúng ta. Cho dù nó có kéo dài đến sáu tháng, chúng ta vẫn phải làm. Chúng ta phải đặt được một bức thư gửi cho mẹ tớ vào trong miệng cậu Nimrod.

Đó là một kế hoạch tốt. Trên thực tế, nó là kế hoạch tốt nhất mà chúng có thể làm giờ phút này. Và đúng lý nó sẽ thành công. Vấn đề ở chỗ, mẹ của cặp sinh đôi không còn ở New York. Bà hiện đang ở Babylon, hay nói chính xác hơn là ở Iravotum, vương quốc bí mật của Djinn Xanh Babylon, vị trí mà bà Layla Gaunt đang nắm giữ. Và không có khả năng bà sẽ đến giải cứu cho hai đứa con. Bởi vì trái tim của bà Gaunt hiện đã cứng lại một chút rồi - một tính cách đặc trưng của những djinn buộc phải sống ở Iravotum. Tất cả những thứ nhận được qua hệ thống mail nội bộ djinn của bà hiện giờ chắc

cũng sẽ được bà đối xử bằng một thái độ dửng dưng. Vấn đề ở đây là, bà Layla Gaunt đã mất con mình rồi, vì trên cương vị Djinn Xanh Babylon - thẩm phán tối cao của sự công bằng trong thế giới djinn - bà không còn có thể hành xử theo cảm xúc mà chỉ theo Logic, một khái niệm rất trừu tượng. Logic là vị nữ chủ nhân khó tính nhất trên đời, và luôn luôn quan tâm đến chính bản thân nó. Những đứa con của bà Gaunt hoàn toàn không biết rằng, chúng đã vĩnh viễn mất đi người mẹ đẹp quyến rũ, tuyệt vời đã luôn yêu thương, chăm sóc chúng mười mấy năm qua. Và chúng càng không biết đấng sinh thành còn lại của mình, ông Edward Gaunt, giờ đây đang sống trong sự thống khổ không thể xoa dịu. Không còn để tâm đến công việc hay vẻ ngoài của mình, ông suốt ngày ngồi một chỗ trong nhà, mờ mịt đôi mắt vào hư không và than khóc cho sự ra đi của người phụ nữ đã mang đến ý nghĩa và ánh sáng cho cuộc đời ông. Hai Nơi Khác, John 2 và Philippa 2, dù cố gắng cũng không thể an ủi được ông Gaunt, vì ngay cả cặp sinh đôi thật cũng chỉ có thể tạo nên một vết xước nhỏ trên chiếc xe hòm đen chở nỗi đau của cha chúng.

Đôi khi, không biết gì lại còn hạnh phúc. Bị giam giữ bên trong một căn phòng lạnh lẽo bên dưới tòa pháo đài màu hồng của Guru Masamjhasara, ba đứa trẻ djinn nếu biết chuyện gì đang xảy ra ở nhà có lẽ sẽ đánh mất mọi hy vọng. Cùng với việc thường xuyên bị mất máu, sức khỏe của chúng sẽ nguy hiểm hơn nhiều.

Dĩ nhiên, không có gì là không thể. Không phải trong vũ trụ này. Đặc biệt khi bạn là một djinn. Như một nhà thơ vĩ đại từng nói, *“Không có gì người có thể làm lại không thể làm”*. Và *“Không có ai người có thể cứu lại không thể cứu”*.

* * *

Một ngày sau khi John đề ra kế hoạch sử dụng hệ thống mail nội bộ djinn của cậu Nimrod để gửi thư cho mẹ, ba đứa trẻ bị áp giải đến phòng thí nghiệm lần thứ ba để mỗi đứa bị rút đi nửa lít máu quý giá. Lần này,

Jagannatha là người trực phòng thí nghiệm. Anh mặc một bộ đồ bảo hộ tản nhiệt giống như những hộ lý khác, và Philippa nhớ lại anh đã bảo từng hành nghề y tá trước khi đến ashram. Giờ mọi thứ bắt đầu có vẻ hợp lý.

Trong khi đó, cậu Nimrod và ông Rakshasas vẫn tiếp tục chìm sâu trong giấc ngủ đông lạnh của họ. Nhưng hôm nay, Guru Masamjhasara dường như hào hứng hơn bình thường. Và gã nhanh chóng giải thích tại sao:

– Ngày hôm nay, các người sẽ có được vinh dự chào đón ta vào hàng ngũ djinn đồng bạn. Vì, một khi có thêm nửa lít từ mỗi đứa, ta dự định sẽ sử dụng chúng cùng số máu mà các người đã hiến tặng trước đó để thay thế toàn bộ máu trong cơ thể ta.

Dybbuk gằn giọng:

– Nơi duy nhất tôi chào đón ông là bên dưới bánh xe tải.

Gã guru vẫn cười tươi:

– Ta đã chờ đợi giờ phút này hơn mười năm qua. Và không gì có thể phá hủy niềm hạnh phúc hiện tại của ta. Ngay cả người cũng không, bạn djinn trẻ của ta.

– Ông chắc biết muốn làm một djinn không đơn giản chỉ là có sức mạnh biến đổi này nọ.

Philippa nói khi Jagannatha cắm cây kim tiêm vào cánh tay cô. Và cô cảm thấy trái tim mình lỡ một nhịp khi thấy anh khẽ nháy mắt với cô một cái.

Anh thầm thì:

– Cứ tiếp tục nói chuyện với ngài guru đi. Nói thật lịch sự và bình thường. Nhưng hãy nghe kỹ những gì anh sắp nói.

Philippa có thể nghe thấy tiếng nói của Jagannatha, nhưng rõ ràng miệng anh không di chuyển. Rồi cô chợt nhớ Jagannatha kể anh biết thuật nói tiếng bụng.

Cô tiếp tục nói với guru:

– Đúng thế, có nhiều thứ cần phải để ý nếu muốn trở thành một djinn. Nhiều hơn là ông nghĩ. Ví dụ như, lúc ban đầu, sức mạnh djinn cần phải được kiểm tra.

Jagannatha hỏi Philippa:

– Mấy đứa thật sự là thần đèn hả? Giống như trong truyện Aladdin? Với ba điều ước và một cây đèn thần?

Khi Philippa khẽ gật đầu, Jagannatha nhe răng cười và bảo:

– Tuyệt. Ok, nhóc con, anh sẽ giúp ba đứa trốn thoát. Cùng với cha mấy đứa. Ông Gupta, hoặc bất cứ cái tên nào khác. Người thực hiện trò ảo thuật đây. Nhưng với một điều kiện.

Gã guru nói:

– Nếu người muốn nói về vụ rãng khôn, Philippa, thì ta đã nhớ chúng từ lâu rồi. Khi còn ở trường y.

Philippa bảo gã:

– Làm djinn không chỉ như thế.

Jagannatha thềm thì:

– Điều kiện của anh là, nếu anh giúp mấy đứa ra khỏi đây, anh muốn có ba điều ước. Sau khi mấy đứa đã ấm lên một chút, dĩ nhiên. Ba điều ước giống như trong *Nghìn lẻ một đêm*. Ok không?

Philippa gật đầu nói:

– Ok.

Gã guru hỏi Jagannatha:

– Người vừa nói gì phải không, Jagannatha?

Jagannatha trả lời:

– Tôi chỉ hỏi con bé có thoải mái với cây kim không thôi, thưa ngài.

Rồi anh gắn sợi dây truyền máu của Philippa vào một cái túi đựng máu và quay sang John.

Gã guru lại quay qua Philippa hỏi:

– Ta xin lỗi, Philippa, nhưng người vừa nói gì vậy nhỉ?

Philippa bảo với gã:

– Tôi muốn nói là, sức mạnh djinn cần được định hướng và kiểm soát. Nó cần được tập trung lại bằng cách sử dụng một từ do chính ông lựa chọn.

Giống như một cái kính lúp có thể tụ năng lượng của ánh mặt trời vào một điểm nhỏ trên tờ giấy để đốt cháy nó. Từ trọng tâm có nguyên tắc hoạt động tương tự.

Guru Masamjhasara ra lệnh:

– *Người sẽ dạy ta, Philippa.*

Nằm xuống một cái giường bệnh và xắn một ống tay áo của cái áo choàng lông sói lên, gã guru tự gắn một sợi dây truyền máu lên cánh tay để chuẩn bị cho việc thay thế toàn bộ số máu trong cơ thể. Với nụ cười khúc khích đáng ghét, gã tuyên bố:

– Đúng thế. Người sẽ là guru của ta, Philippa.

Philippa nói:

– Tôi hả? Tôi không dám nhận vinh hạnh ấy đâu.

– Thế người muốn cậu Nimrod của người sẽ gặp tai nạn trong giấc ngủ sao? Hoặc gã Groanin được dạy một bài học bay từ đỉnh cao nhất của cái pháo đài này? Bay mà không có máy bay? Không, Philippa, người sẽ là guru dẫn dắt ta trên hành trình khai sáng. Hành trình khai sáng để trở thành một djinn. Vì sức mạnh là sự khai sáng thực sự, không đúng sao?

Philippa trả lời một cách kiên quyết:

– Không. Khai sáng là biết khi nào không nên sử dụng sức mạnh djinn.

Gã guru cười:

– Rồi chúng ta sẽ thấy.

Gã im lặng không nói gì nữa khi Jagannatha rút nửa lít máu từ mỗi đứa trẻ và đổ chúng vào ba lít máu đã được chuẩn bị sẵn để truyền vào cơ thể to béo của Guru Masamjhasara.

Philippa liếc nhìn Jagannatha với hy vọng anh chàng người Mỹ sẽ nhìn cô và nói cho cô biết anh dự định giúp họ như thế nào.

Nhìn tiến trình thay thế máu trong cơ thể gã guru đang bắt đầu, John nói:

– Tôi hy vọng nó làm ông nhiễm độc.

Gã guru khúc khích cười:

– Người không nghe gì sao? Djinn chúng ta miễn nhiễm với tất cả các loại độc.

John không thèm sửa sai gã. Cậu hy vọng rồi sẽ có lúc gã guru cay đắng khám phá ra djinn thực tế không có miễn nhiễm với nhện độc hoặc bò cạp. Quan trọng hơn nữa, cậu đang bận tìm cơ hội để đến gần cậu Nimrod và nhét lá thư đã viết sẵn vào miệng cậu.

Cho nên, John nhún nhường nói với gã guru:

– Thật xin lỗi. Vừa rồi tôi hơi thô lỗ quá.

– Ồ, không sao. Không cần nhắc lại chuyện đó làm gì.

Vẫn giữ thái độ lễ phép, cậu hỏi:

– Không biết tôi có thể nhìn cậu Nimrod một lát được không?

– Chẳng phải người có thể nhìn thấy hắc tử đây sao?

John phân bua:

– Ý tôi là, tôi hy vọng có thể đến gần và nắm lấy tay cậu. Tôi chỉ muốn biết rõ cậu ấy vẫn còn sống thôi.

Gã guru bảo:

– Người có nắm tay hắc tử cũng chẳng biết được điều đó đâu. Tay Nimrod giờ lạnh ngang giữa nước đá ấy chứ. Chỉ có những dấu hiệu trên màn hình phía trên đầu hắc tử là có thể cho người biết hắc tử vẫn còn sống.

John nài nỉ:

– Làm ơn đi. Điều đó rất quan trọng đối với tôi.

Bắt đầu gãi gãi mông, gã guru hỏi:

– Người đang âm mưu gì thế? Một trò lừa djinn à?

– Không, không có âm mưu gì đâu. Mà, tôi có thể làm gì mới được? Tôi không có sức mạnh. Cậu tôi cũng không.

– Tuy nhiên, người cũng nên học cách cư xử sao cho phải phép, nhóc djinn. Người xin ta một ân huệ chỉ vài giây sau khi người trù ẻo ta nhiễm độc chết.

John gật gật đầu:

– Vâng, ông nói đúng. Tôi đã xin lỗi về chuyện đó. Nhưng tôi muốn xin lỗi một lần nữa.

Hoàn thành xong việc gỡ móng, gã guru nhấc ngón tay lên mũi người người vãi cái trước khi nói:

– Vậy ta chấp nhận lời xin lỗi của người. Người có thể nắm tay hẳn trong một giây. Khi nào việc truyền máu kết thúc, và ta cảm nhận được sức mạnh djinn chảy trong huyết quản.

Rồi tiếng cười khúc khích của gã nhanh chóng chuyển sang cười khanh khách.

– Trên thực tế, ta tin rằng chuyện đó đã bắt đầu xảy ra rồi. Ta cảm thấy thật kỳ diệu. Một cảm giác về sức mạnh bên trong cơ thể cùng sự khỏe khoắn mà ta chưa bao giờ trải nghiệm qua. Một hơi ấm cùng niềm vui lan trải khắp thân thể. Đây là cảm giác của một djinn sao?

– Ờ, tôi nghĩ thế.

Nói thì nói vậy, chứ trong bụng John nghĩ thầm làm gì có cảm giác đó. Phần lớn thời gian - ít nhất khi cậu không lạnh cóng và bị một gã điên khùng rút máu - cậu cảm thấy là một djinn cũng chả có gì đặc biệt. Cảm giác rất bình thường. Y như cảm giác những người khác nghĩ về họ.

Cậu lẩm bẩm:

– Ý tôi là, tôi đoán vậy.

* * *

Hơn một giờ đồng hồ sau, khi giọt máu djinn cuối cùng đã được truyền vào cánh tay mập ú của Guru Masamjhasara, gã ngồi dậy, bỏ chân qua một bên giường, và hít một hơi thở thật sâu, như thể vừa thức dậy từ một giấc ngủ dài khoan khoái.

Gãi đầu như điên, gã ngoác miệng cười với Jagannatha và ra lệnh:

– Ta đói hoa cả mắt đây. Ta muốn ăn gì đó. Mà không, chờ chút. Miệng ta khô quá. Lấy ta ít nước coi.

Đưa cho gã guru một ly nước lớn, Jagannatha hỏi thăm:

- Ngài thấy thế nào?
- Chưa bao giờ tốt hơn. Giống như trúng một triệu đô la.

Dybbuk lâm bầm:

- Ờ. Xanh lét và nhẵn nhúm. Chúng tôi hiểu mà.

Không thềm để tâm đến Dybbuk, gã guru xoa xoa bộ ngực lông lá của mình và nói thêm:

- Nhưng khác biệt. Rất khác biệt. Bên trong cơ thể ta. Giống như một cái công tắc được bật lên trong đầu. Một cái công tắc chưa bao giờ được bật trước đây.

Sau khi nuốt một hơi hết sạch ly nước, gã guru cho phép Jagannatha đặt một cái nhiệt kế vào dưới lưỡi, rồi dùng mấy cái ống nghe để kiểm tra nhịp tim gã. Gã guru đưa cái ly trống không cho một tay hộ lý khác và, vẫn còn ngậm cái nhiệt kế trong miệng, yêu cầu thêm một ly nữa.

Chờ cho đến khi Jagannatha lấy cái nhiệt kế ra khỏi miệng, gã guru lại nuốt ực ly nước thứ hai, gần như chẳng thềm đề ý đến việc một ít nước văng ra ngoài và chảy xuống bộ râu bù xù của gã.

Gã cười ha hả với Jagannatha:

- Không biết tại sao ta lại thấy khát, nhưng đúng là ta rất khát. Mà, người biết không, ở Anh, sau khi hiến máu, người ta được thưởng cho một tách trà. Một tách trà cơ đấy! Đúng là một bọn quái lạ. Nhưng, thật ngạc nhiên, đó chính là thứ ta đang cần hiện giờ. Một tách trà Darjeeling đậm đặc.

Rồi gã gật đầu với tay hộ lý thứ hai, tay này lập tức đi chuẩn bị tách trà được yêu cầu.

Jagannatha thông báo:

- Nhiệt độ cơ thể ngài khá cao. Khoảng 38,6 độ C.
- Thật hả?

Liếc nhìn cái nhiệt kế rồi lại nhìn bọn trẻ, Jagannatha nói:

- Đó không phải là nhiệt độ bình thường với con người. Nhưng có lẽ nó là bình thường với djinn.

Biết rõ 38,6 độ C đúng là nhiệt độ bình thường đối với djinn, ba đứa trẻ nín bật trong giây lát khi nghĩ đến khả năng gã guru thật sự đã trở thành một djinn.

Philippa là người lên tiếng đầu tiên:

– Không, nghe không giống bình thường chút nào.

Gã guru hạ lệnh cho Jagannatha:

– Đo nhiệt độ con bé ấy. Để chắc chắn nó không nói dối.

Jagannatha bước về phía Philippa với cái nhiệt kế trong tay.

Cô hét lên:

– Không đời nào tôi cho phép anh đưa cái nhiệt kế đó vào miệng. Trừ khi anh lau chùi nó trước.

Jagannatha nói:

– À, xin lỗi.

Lấy ra một cái nhiệt kế khác, anh đặt nó bên dưới lưỡi Philippa. Một phút sau, anh tuyên bố:

– Khoảng 37 độ C. Bình thường.

Dĩ nhiên, dù đó là nhiệt độ bình thường với con người, nó lại là quá thấp đối với djinn. Sức khỏe của Philippa rõ ràng không bình thường chút nào. Cô biết điều đó, và hai cậu con trai cũng biết điều đó, tuy nhiên chúng không nói gì để hy vọng có thể ít nhiều xáo trộn kế hoạch của gã guru.

Jagannatha nói với Guru Masamjhasara:

– Nhiệt độ của ngài nên thấp hơn. Đặc biệt nếu xét đến việc trong này lạnh như thế nào.

Cởi bỏ lớp áo choàng lông thú của mình, gã guru nói:

– Có thể là thế. Nhưng ta vẫn thấy ổn. Mà, người có chắc nhiệt độ trong này vẫn ở mức đóng băng không thế? Ta không muốn vị khách nào cảm thấy đủ ấm để chơi phép thuật lên người chúng ta đâu nhé.

Tay hộ lý thứ hai đã quay trở lại với tách trà của gã guru. Cầm tách trà lên, gã vẫy tay về phía một cái máy đo nhiệt độ nhìn có vẻ tinh vi gắn ở trên

tường phòng thí nghiệm và ra lệnh:

- Kiểm tra thứ nhiệt độ coi.

Tay hộ lý liếc nhìn cái máy đo, đưa tay gõ gõ nó thử vài cái, rồi nhún vai bảo:

- Tất cả nhiệt độ đều bình thường, thưa ngài.

Gã guru có vẻ cáu:

– Thế là thế nào? Nhiệt độ dưới đây được giữ thấp bất bình thường mà. Làm sao mà bình thường được.

Jagannatha nói:

– Xin ngài bớt lo. Trong này vẫn lạnh cóng. Mọi thứ đều ổn cả, thưa ngài.

Gã guru càu nhàu:

– Đó chỉ là vấn đề về quan điểm. Tốt nhất người nên kiểm tra cái máy đo. Hãy chắc chắn nó hoạt động đàng hoàng.

Rồi đứng dậy, đuổi người một vài cái, và đi đến bên giường của Philippa, gã bảo:

- Được rồi, guru Philippa, chúng ta bắt đầu từ đâu đây?

Philippa nói:

– Trong này quá lạnh. Chúng ta cần đi ra ngoài. Bên dưới ánh mặt trời. Djinn có phần giống loài thằn lằn. Chúng cần cái nóng để có sức mạnh.

Gã guru cười khùng khục:

– Người nghĩ ta ngu chắc? Ngay khi người ấm lên, ta sẽ thành bánh mì nướng. Không không, đây là việc chúng ta sẽ làm. Người sẽ cho ta vài chỉ dẫn hữu ích về cách sử dụng sức mạnh djinn, và ta sẽ đi ra ngoài thực hành chúng. Mặc dù ta thật sự không nghĩ điều đó cần thiết. Ta không cảm thấy lạnh chút nào. Thậm chí là ngược lại. Dòng máu của djinn các người đang sôi sùng sục trong cơ thể ta. Giống như một chai sâm-panh lắc mạnh. Ta đang tràn đầy sinh lực đây. Thật là kỳ diệu.

Philippa bảo:

– Ok. Vậy thì ông cần nghĩ ra một từ trọng tâm. Một từ một chữ mà ông chỉ dùng khi sử dụng sức mạnh djinn của mình.

– Ta hiểu rồi. Giống như một câu kinh cầu. Hoặc một câu thần chú, đúng không?

– Không. Nó không có đơn giản như thế. Djinn được tạo ra từ lửa. Ông cần sử dụng cái từ đó để tập trung sức mạnh. Giống như cách tôi vừa giải thích khi nãy. Giống như một cái kính lúp hội tụ nhiệt lượng mặt trời lên một tờ giấy. Ngoại trừ cái âm thanh tồn tại bên trong người ông. Tất cả suy nghĩ và sự tập trung của ông cần hội tụ về một điểm bằng sức mạnh ý chí.

Gã guru gất gông:

– Vâng, vâng, vâng. Ta hiểu tất cả những điều đó. Người đang mô tả một thứ mà ta đã quá quen thuộc qua thiên định siêu việt.

Philippa nhấn mạnh:

– Và nó nên là một từ thật dài. Để ông không thể buột miệng nói ra. Ví dụ như, khi đang ngủ. Hoặc quên nó.

– Một từ. Giống như một từ khóa. Ta hiểu rồi.

Gã guru suy nghĩ trong vài giây, rồi nói:

– Được rồi. Ta chọn từ rồi đó. Giờ sao nữa?

Philippa nhúc nhích người một ít trên giường. Thật khó để làm việc đó với những sợi dây trói, cô thử nói:

– Nếu mấy cái dây trói này lỏng một chút, tôi sẽ dễ quan sát ông thực hành và giúp nếu cần.

Gã guru xua xua tay giục:

– Một lát nữa đi. Nếu người không giở trò gì.

Philippa đành thở dài và hướng dẫn tiếp:

– Ông nên bắt đầu bằng việc làm một cái gì đó biến mất. Hay ít nhất là thu nhỏ kích cỡ của nó.

Gã guru đề nghị:

– Cái tách trà nhé.

Rồi gã đặt cái tách trà cùng cái đĩa lót xuống cái bàn bên cạnh giường Philippa.

– Vâng, nếu ông muốn. Nhưng nếu không phiền, ông có thể vui lòng để nó xa khỏi đầu tôi được không? Lúc ban đầu, sức mạnh djinn có phần khó điều khiển. Thậm chí là gây nổ.

Gã guru dời cái tách cùng cái đĩa ra một cái xe đẩy và nhìn chăm chăm vào nó.

Philippa trích dẫn lại những gì cậu Nimrod đã nói với cô và John khi hai anh em bắt đầu học sử dụng sức mạnh djinn:

– Hãy hình dung sự biến mất của cái tách cùng cái đĩa đó như một tình huống hợp lý có thể xảy ra. Khi nào đã chấp nhận rằng tất cả các khả năng đều có logic, hãy nói lên từ trọng tâm của ông. Đó là cái mà ông cần tập trung vào.

Gã guru nhận xét:

– Vậy nghĩa là, nếu ta muốn nó biến mất, tất cả những gì ta cần nhớ là có được một suy nghĩ vững chắc rằng nó không có ở đó? Sau đó nói từ của ta, đúng không?

Philippa bảo:

– Tất cả những thứ có thể nghĩ ra đều là có thể.

Gã guru mỉm cười:

– Người bắt đầu nói giống ta rồi đó.

Dybbuk bĩu môi:

– À vâng. Nghe ngu như nhau.

Gã guru chau mày đe dọa:

– Đừng có quấy rầy ta tập trung tinh thần. Coi chừng ta đem người đi đóng băng như hai gã năm kia bây giờ.

Nói rồi gã chỉ tay vào cậu Nimrod và ông Rakshasas, những người vẫn còn nằm yên trên giường trong trạng thái đông lạnh, giống như những bức tượng trong một lăng mộ cổ đại. Một lớp sương mù lạnh lẽo quấn quanh

người họ, khiến ba đứa trẻ djinn thật dễ tưởng tượng họ chỉ vừa hóa thể ra khỏi một cây đèn hoặc một cái chai nào đó.

Mặt nhăn mày nhúm, gã guru tập trung cao độ vào cái tách cùng cái đĩa trong gần một phút trước khi thềm thì từ trọng tâm của gã. Với lỗ tai của bọn trẻ, nó nghe giống như FENNIMOREWAXPLUMPERTON. (Có lẽ thật sự có một từ nghe giống như FENNIMOREWAXPLUMPERTON, nhưng nếu vậy, nó không có xuất hiện trong *Từ điển tiếng Anh Oxford*, cũng như trong *Từ điển tiếng Hindu Oxford*). Trước sự kinh ngạc của tất cả mọi người - có lẽ là ngoại trừ ba đứa trẻ - cái tách trà cùng cái đĩa vỡ tan thành từng mảnh.

Gã guru bật cười sung sướng và dường như không để ý đến việc cố gắng tập trung ý chí lên cái tách cùng cái đĩa đã làm mặt gã đỏ au - đó là chưa kể sàn nhà giờ đây dính đầy nước trà. Gã cũng thở phò phò một cách nặng nề, và nhìn giống như một người vừa chạy marathon.

Gã hét lớn với Jagannatha, lúc này vẫn giữ nguyên bộ mặt kinh ngạc:

– Người có thấy không? Thấy gì không? Ta đã làm chuyện đó. Ta đã phá hủy nó bằng sức mạnh của ta.

Philippa nhận xét:

– Cố gắng lần đầu mà như vậy là tốt lắm. Rõ ràng ông đã tác động được cấu trúc phân tử của cái tách và cái đĩa. Chỉ có điều, nếu ông muốn làm biến mất một thứ gì đó, ông cần phải có một khái niệm rõ hơn về sự trống rỗng trong đầu.

Gã guru đưa tay vuốt mồ hôi trên trán và nói:

– Phào! Nghe có vẻ đòi hỏi khá nhiều công sức à.

Philippa gật đầu bảo:

– Ban đầu là vậy. Nhưng nó cũng như việc tập thể dục. Ông phải học cách phát triển phần não bộ nơi tập trung sức mạnh djinn. Djinn chúng tôi gọi nó là Neshamah. Đó là ngọn nguồn sức mạnh djinn. Ngọn lửa huyền ảo cháy bên trong người djinn như ngọn lửa bên trong một cây đèn dầu.

Rồi nghĩ nghĩ mấy giây, cô lắc đầu nói tiếp:

– Nhưng tôi không biết ông có Neshamah hay không. Ông không giống djinn chúng tôi.

Hừ một tiếng, gã guru chỉ tay vào cái áo choàng nằm trên sàn của gã và bảo:

– Người muốn nói ta đây không sánh bằng djinn các người chứ gì. Được, ta sẽ cho người thấy ngọn lửa huyền ảo của ta, nhóc con. Căng mắt mà nhìn cái áo đó nhé.

Cúi đầu về phía cái áo choàng vốn được làm từ lông sói, gã guru nhìn chăm chăm vào nó với một đôi mắt mở to thô lỗ và đôi lông mày đầy rãnh nếp như một đám ruộng bị cày xới qua. Người run lên thấy rõ và lỗ mũi thở xì khói, gã nhìn giống một con bò tót đang chuẩn bị lao vào cái áo choàng màu đỏ của một người đấu bò. Mồ hôi rơi tong tong xuống đất từ mũi, tai, cùng bộ râu gã, và một lớp sương mù hơi nóng bao phủ quanh người gã như một ảo ảnh rung rinh trên sa mạc.

Gã trầm thì:

– Lần này, người sẽ thấy một thứ biến mất ngay trước mắt. Cứ chờ mà xem.

Vẻ mặt tập trung của gã guru nhìn thật dễ sợ. Gần một phút trôi qua, và Philippa cảm thấy như gã đang quá tập trung vào việc làm một thứ biến mất để có thể quan tâm đến những chuyện xảy ra chung quanh. Quay về phía Jagannatha, cô bắt được ánh mắt anh. Cả hai đều hiểu rõ, nếu anh thật sự muốn giúp họ, đây là lúc thích hợp.

Và có lẽ Jagannatha sẽ giúp họ, nếu như không phải ngay sau đó, cái áo choàng của gã guru di chuyển vài phân trên sàn nhà, hướng về phía chân anh.

Jagannatha trầm trầm nhận xét:

–Ồ, kỹ thuật dùng siêu năng dịch chuyển vật thể của ngài thật quá ấn tượng. Hay bất cứ tên gọi nào ngài muốn sử dụng khi ngài có thể di chuyển cái áo của ngài chỉ với sức mạnh suy nghĩ.

Theo bản năng, Jagannatha bước lùi về phía sau khi cái áo choàng lại di chuyển một lần nữa. Nhưng lần này, nó không hề ngừng lại và, đáng lo hơn nữa, nó bắt đầu gặm gù Jagannatha mở một nụ cười méo xệch và nhích dần về phía cửa phòng thí nghiệm khi cái áo choàng lông thú bắt đầu mang hình dáng giống một con chó. Hoặc một con sói. Đó là một sự đề phòng thông minh, vì chỉ một giây sau, một con sói to đùng vẻ ngoài dữ tợn nhảy bổ vào Jagannatha với một tiếng tru lớn và hàm răng nanh nhe ra đầy đe dọa. Anh chàng người Mỹ chạy bán sống bán chết, cùng những tay hộ lý khác, và, trong sự thờ phào nhẹ nhõm của ba đứa trẻ còn bị trói chặt trên giường, con sói đuổi theo họ.

Trong khi đó, gã Guru Masamjhasara đã chuyển sang màu đỏ au. Rồi trước sự chứng kiến của ba đứa trẻ, da gã lại chuyển sang màu tím bầm, rồi màu xám, và cuối cùng là màu đen. Nhưng như thế vẫn chưa đủ kinh ngạc, vì những chuyện xảy ra tiếp sau đó còn tồi tệ hơn. Khói bắt đầu thoát ra từ lỗ tai, lỗ mũi, thậm chí là từ dưới những ngón tay dơ dáy của gã. Giây tiếp theo, gã guru há hốc miệng và phát ra một tiếng rống rợn người - kèm theo một đám mây bằng khói thật lớn - gã đá đổ cái xe đẩy đặt Hồ Mang Chúa cùng cái bình nước, một thứ có lẽ có thể giúp gã hạ thấp nhiệt độ để sống sót. Rồi gã loạng choạng đi đến phía bên kia phòng thí nghiệm và ngồi gục xuống cái ghế đặt giữa giường cậu Nimrod và ông Rakshasas. Gã tiếp tục ngồi ở đấy, thân thể không ngừng co giật, với nhiều khói hơn nữa thoát ra từ dưới mông.

Vặn vẹo người trong dây trói để có thể nhìn rõ hơn chuyện đang xảy ra, Dybbuk nhận xét:

– Gã nổi điên rồi.

John thì bảo:

– Tớ không nghĩ vậy.

Ngay khi cậu đang nói, một ngọn lửa mỏng màu xanh nhạt bao trùm lấy cơ thể gã guru, và gã bắt đầu bốc cháy như một ngọn bấc đèn cầy lớn.

– Nhìn giống mấy trường hợp người tự bốc cháy. Tớ đã đọc về mấy cái vụ đó trên báo. Thịnh thoảng lại có người khi không bỗng bốc cháy mà

không rõ nguyên nhân.

Một mùi cháy khét không lấy gì làm dễ chịu bắt đầu tràn ngập không khí, và phải mất đến một, hai giây sau, bọn trẻ mới nhận ra chúng đang ngửi thấy mùi bộ râu bù xù dơ bẩn của gã guru bị ngọn lửa thiêu trụi. Và ngay khi ba đứa trẻ đang nhìn cảnh tượng trước mặt với một biểu hiện pha lẫn giữa ngạc nhiên và kinh hoàng, một con ruồi xanh hơi bị cháy xém rù rù bay ra khỏi bộ râu, như thể miễn cưỡng phải rời bỏ cái nơi mà nó đã sinh sống thoải mái trong nhiều năm.

Philippa bảo:

– Không có gì là tự phát, tự cháy ở đây hết. Chỉ là gã rớt cuộc đã phát hiện djinn được tạo ra từ lửa. Với một cái giá phải trả khá đắt. Hoặc là, do gã đã tập trung suy nghĩ quá mức vào Neshamah. Ngọn lửa cháy bên trong chúng ta.

Dybbuk nhún vai:

– Dù gì đi nữa, gã cũng bị nướng chín rồi.

Và vì Guru Masamjhasara không động đậy, cũng không phát ra tiếng động nào ngoại trừ tiếng xèo xèo như mỡ rán trên chảo, cặp sinh đôi chẳng mấy chốc đồng ý với đánh giá của Dybbuk: gã guru đã chết.

John động đậy tay và vai để thử giãy ra khỏi dây trói. Đáng tiếc là không thể nào dịch chuyển được những sợi dây trói làm bằng da. Cậu hỏi:

– Chúng ta làm gì bây giờ?

Philippa nói:

– Em nghĩ chỉ có thể hy vọng Jagannatha sẽ quay lại cõi trói cho chúng ta mà thôi.

Ba đứa trẻ bỏ ra mấy phút tiếp theo để la hét cầu cứu.

Một cách vô vọng.

Ngọn lửa xanh bao phủ thi thể của gã guru kéo dài thành một điểm màu vàng cao hơn đầu gã chừng chục phân. Hơi ngạc nhiên là, qua lớp mặt nạ lửa, khuôn mặt gã guru nhìn như thể gã cuối cùng đã tìm được một sự khai sáng nào đó. Và, nếu xét theo nghĩa đen, đó là sự thật.

Dybbuk bật cười một cách độc ác khi thấy Philippa quay mặt đi hướng khác để tránh nhìn cảnh tượng trước mặt. Và, là một người không bao giờ thấy ngượng khi đưa ra lời nhận xét khiếm nhã về một điều quá hiển nhiên, cậu nói:

– Tớ đoán là chúng ta sẽ phải nằm đây nhìn một lát. Ít nhất thì tớ có một nhận xét cho gã điên ấy: gã tạo ra một đám lửa khá đẹp đấy.



Chương 18

Trốn thoát

Trên chiếc ghế giữa giường của cậu Nimrod và ông Groanin, thi thể của Guru Masamjhasara tiếp tục cháy âm ỉ trong một màn lửa xanh nhạt suốt vài giờ, Không thể nào cởi bỏ những sợi dây trói giữ chặt chúng xuống giường, ba đứa trẻ không có lựa chọn nào khác ngoài việc nằm đó ngó và chờ đợi Jagannatha hoặc một tay hộ lý nào đó quay lại giải thoát cho chúng. Nhưng theo thời gian trôi qua, ba đứa trẻ dần nhận ra với việc con sói còn chạy lông nhông khắp nơi - có thể nghe được tiếng tru của nó ở đâu đó vọng lại - ít khả năng có ai đó đủ can đảm quay trở vào phòng thí nghiệm. Và có lẽ cả đám sẽ rơi vào trạng thái tuyệt vọng, nếu không phải đồng thời nhận ra sức nóng từ vụ tự cháy của gã guru đang làm hai cơ thể đông lạnh của cậu Nimrod và ông Rakshasas *tan chảy* dần.

Những vũng nước lớn bắt đầu xuất hiện ngay bên dưới giường ba đứa trẻ, và chẳng mấy chốc, cả sàn nhà đều ướt nhẹp. Nhận ra một Nimrod và Rakshasas đã băng đồng nghĩa với một Nimrod và Rakshasas tỉnh táo, bọn trẻ bắt đầu lớn tiếng gọi họ, hy vọng tiếng động sẽ kích thích họ thức dậy sớm hơn. Và dần dần, hai djinn trưởng thành bắt đầu hít thở bình thường, cho đến khi cậu Nimrod hít một hơi thật sâu, lẩm bẫm càu nhàu, di chuyển hàm vài lần, ngáp một cái, rồi mở mắt ra.

John đang nằm gần cậu mình nhất, reo lên:

– Cậu Nimrod. Tạ ơn Trời, cậu tỉnh lại rồi.

Cậu Nimrod lại ngáp dài một lần nữa, lơ lơ chớp mắt, và rồi chậm rãi ngồi dậy ôm đầu như thể đang cố xoa dịu một cơn đau nửa đầu khủng khiếp. Cậu bảo:

– Đóng chai ta đi, chứ ta thấy tệ quá. Như thế ta đã ngủ hàng trăm năm. Nhân danh Solomon, rốt cuộc ta đang ở đâu thế này? Và...

Trông thấy cái xác còn đang cháy dở ngồi bên cạnh, cậu Nimrod nhanh chóng lăn ra khỏi giường và hỏi:

– Chuyên quái quỷ gì xảy ra với người đàn ông này vậy?

John nhắc:

– Khoan nói đến chuyện đó, cậu cởi dây trói cho tụi cháu được không? Tụi cháu bị kẹt ở đây cả mấy tiếng đồng hồ rồi.

– À. Dĩ nhiên là được.

Cẩn thận bước vòng qua cái xác bốc cháy của gã guru, ông nói thêm:

– Thứ lỗi cho cậu, John, nhưng cậu thật không thể nhận ra cháu, hay em gái cháu. Hay Dybbuk. Dybbuk, đúng không? Ô, đúng là Dybbuk. Cả ba đứa đều đổi màu so với lần cuối gặp cậu. Làm cậu cứ tưởng mấy đứa là công dân của bán lục địa Ấn Độ chứ.

John lắc lư đầu theo một phong cách thuần Ấn và trả lời bằng tiếng Hindu:

– Thì hiện tại tụi cháu đúng là người Ấn mà.

Và trong khi cậu Nimrod bắt tay vào việc cởi bỏ dây trói cho ba đứa trẻ, chúng kể cho cậu nghe toàn bộ câu chuyện, tận cho đến lúc Guru Masamjhasara bốc cháy.

Cậu Nimrod nhận xét:

– Đúng là một gã ngớ ngẩn. Cậu có thể cảnh báo gã chuyện gì sẽ xảy ra, nếu gã nghĩ đến việc hỏi cậu trước.

Bước đến kiểm tra ông Rakshasas, người vì tuổi tác nên đến giờ vẫn chưa hồi tỉnh, cậu nói tiếp:

– Đây không phải lần đầu tiên một chuyện như thế xảy ra. Trước đây cũng có vài trường hợp mundane thử bơm máu djinn vào cơ thể. Một tay hiệp sĩ người Phần Lan tên là Polonus Vorstius năm 1654. Và một nữ bá tước vùng Cesena năm 1731. Dĩ nhiên cả hai đều bốc cháy. Chính họ là khởi nguồn cho cái ý tưởng người tự cháy. Một ý tưởng hoàn toàn vô lý. Không ai tự dưng bốc cháy. Nguyên nhân là do sự kết hợp giữa máu djinn và vi khuẩn trên cơ thể người. Mấy đứa thấy đó, khi vi khuẩn tái sản sinh, chúng tạo ra nhiệt. Rất nhiều nhiệt. Và vấn đề là, mundane có nhiều vi khuẩn trên người hơn djinn chúng ta. Đặc biệt là vào 200 năm về trước, khi con người tắm rửa ít hơn bây giờ. Vi khuẩn làm da người dễ bắt lửa. Và máu djinn đóng vai trò như một que diêm châm ngòi đốt.

Philippa bảo:

– Vi khuẩn hả cậu? Vậy là quá đúng với gã guru này rồi. Tay chân gã dơ hầy à. Chỉ có Trời mới biết có bao nhiêu vi khuẩn ẩn náu trên da gã.

John nhắc:

– Và đừng quên bộ râu của gã. Cứ y như tổ cú ấy.

Cậu Nimrod gật đầu nói:

– Mấy đứa bắt kịp vấn đề rồi đó.

Trông thấy một thứ gì đó lấp lánh rơi trên sàn, bên dưới cái giường mà ông Rakshasas đang nằm, cậu Nimrod sững người lại trong một giây trước khi cúi xuống nhặt nó lên. Đó là Hồ Mang Chúa, vốn văng xuống đó khi Guru Masamjhasara đá đổ cái xe đẩy.

Lo lắng khi thấy ông Rakshasas mãi vẫn chưa tỉnh dậy, Philippa đặt một tay lên vai ông và hỏi:

– Ông Rakshasas sẽ không sao, phải không cậu?

– Anh Rakshasas đã già. Rất già. Bị đóng băng ở cái tuổi của anh ấy không tốt đẹp gì. Nhưng cậu nghĩ cái này có thể sẽ giúp được anh ấy.

Nói rồi cậu Nimrod nhắc một tay của ông Rakshasas lên, và cẩn thận khép lại những ngón tay già nua, gầy gò của ông quanh cái bùa thể thân vô giá. Cậu bảo:

– Được tái hợp với những cái răng khôn của chính mình chắc chắn sẽ giúp anh ấy hồi phục nhanh hơn.

Và ngay khi cậu Nimrod đang nói, ông Rakshasas chậm rãi mở mắt ra. Nhìn ba đứa trẻ với vẻ mặt lo lắng đang quay quanh giường, ông nói:

– Chắc chắn một người đàn ông không thể trông cậy vào đôi mắt của mình nếu tưởng tượng của anh ta đã vượt ngoài tầm kiểm soát. Nhưng phải nói là ba *balbachhe*^[32] các cháu nhìn rất giống ba đứa trẻ người Mỹ mà ông biết.

Philippa mỉm cười:

– Là tụi cháu nè, ông Rakshasas. Philippa và John. Và Dybbuk.

– Ý cháu là, các cháu không phải *bhikhari*^[33]? Vì ông không có tiền cho các cháu đâu nhé.

– Không. Tụi cháu đã biến thành người Ấn Độ để dễ dàng trà trộn vào đây.

Ông Rakshasas khen ngợi:

– Thật là một ý kiến thông thái. Vì ngay cả một con hổ cũng tìm cách để không bị chú ý.

Liếc nhìn Guru Masamjhasara, ông nói thêm:

– Đáng tiếc, ông không thấy người đàn ông này có thể dễ dàng trà trộn vào đâu cả.

Dybbuk gợi ý:

– Đâu, cháu thấy gã ấy cũng có thể trà trộn vào một đám cháy rừng, hoặc giả dạng một con lợn nướng đấy chứ.

Ngồi dậy và nhìn thấy Hồ Mang Chúa đang nằm trong tay mình, ông Rakshasas thở dài một tiếng và quệt nước mắt. Ông nói:

– Ta đang cầm gì thế này? Người ta nói đúng. Con cá bắt được vào cuối ngày vẫn tươi ngon như con cá bắt được đầu tiên.

Dybbuk lầm bầm:

– Nghĩa là sao cơ?

Ông Rakshasas lắc nhẹ đầu và mỉm cười với Dybbuk:

– Sau bằng đó năm trời, cuối cùng ông cũng kiếm được nó. Ông chưa bao giờ nghĩ mình có thể. Và cảm giác này thật quá tuyệt vời.

Cậu Nimrod cũng cười:

– Anh có thể cảm ơn mấy đũa nhóc này về chuyện đó...

Rồi, đưa mắt nhìn một vết nứt lớn mở ra bên trong vết cháy đen thui trên trần nhà, ngay phía trên thi thể vẫn còn cháy dở của gã guru, cậu nói thêm:

– ... sau khi chúng ta thoát ra khỏi đây. Càng nhanh càng tốt. Tôi không thích tình trạng hiện giờ của cái trần nhà chút nào.

John nhắc:

– Khoan đã. Chúng ta chưa thể rời khỏi đây nếu không có ông Groanin. Họ nhốt ông ấy đâu đó dưới này.

Cậu Nimrod ngạc nhiên hỏi:

– Anh Groanin á? Anh ấy đang làm gì ở đây? Anh ấy ghét Ấn Độ lắm mà.

Dybbuk trả lời cộc lốc:

– Để trông coi tụi cháu.

Cậu Nimrod nhe răng cười, rồi nói từ trọng tâm của mình:

– QWERTYUIOP!

Nhưng không có gì xảy ra.

– Không ổn. Cậu vẫn còn đông lạnh một nửa. Chúng ta đành phải đi kiếm anh ấy theo cách của mundane vậy. Anh Rakshasas? Anh đi bộ được không?

Người gần như cứng đơ, ông Rakshasas đi xuống giường. Đặt chân xuống đất, ông nói:

– Được. Nhưng tuổi già là một cái giá phải trả rất cao cho kiến thức và sự hiểu biết.

Cặp sinh đôi lập tức giúp ông đứng lên. Với những cái xương trên vai lách cách đập vào nhau, ông nói thêm:

– Dĩ nhiên, những lúc như thế này, ông ước gì mình chết trẻ. John, Philippa, để ông khoác tay lên vai hai cháu một lát nhé. Một lần một bước chân vẫn là đi bộ đúng cách.

Ngay sau khi hai djinn trưởng thành mặc lại quần áo, tất cả cùng bước đến cánh cửa trượt bằng kính. Không ai ngoại đầu nhìn lại khi xác gã guru cuối cùng cũng trượt xuống mặt đất, nơi nó và cái ghế tiếp tục bốc cháy bằng số lượng mỡ đầy nhóc trong cơ thể gã.

* * *

Cậu Nimrod lo lắng về đám cháy quả không thừa: Không chỉ làm rã băng hai cơ thể đông lạnh của cậu Nimrod và ông Rakshasas, sức nóng từ cái xác bốc cháy của gã guru còn đốt luôn sàn nhà của căn phòng ngay phía trên phòng thí nghiệm, và giờ đây khói đen đã tràn ngập cả khu trung tâm y khoa dưới mặt đất.

Dybbuk hỏi:

– Khói lửa thế này, làm sao tìm được ông Groanin đây?

Cậu Nimrod trả lời:

– Đơn giản thôi.

Rồi cậu mở hết công suất âm lượng hét lớn tên của vị quản gia một tay.

Ba đứa trẻ bắt đầu hụp xuống theo một lúc, rồi đồng loạt im lặng khi thấy cậu Nimrod ra hiệu và cùng giông tai lên nghe ngóng. Dybbuk, vốn có lỗ tai nhạy nhất ở đây, chỉ về phía cuối hành lang, tuyên bố chắc nịch:

– Hướng này. Cháu chắc chắn nghe được cái gì đó ở dưới kia.

Cậu Nimrod chụp lấy một cái mặt nạ oxy cùng một bình không khí từ kho chứa của phòng thí nghiệm trước khi đi theo Dybbuk, vì cậu biết rõ, không giống năm djinn bọn họ, ông Groanin sẽ gặp khó khăn trong việc hít thở ở dưới này.

Vặn chìa khóa mở một cánh cửa nhìn giống cửa phòng giặt, Dybbuk bảo:

– Trong này.

Vị quản gia một tay lão đảo bước ra, vừa ho khù khụ vừa lắp bắp nói:

– Cám ơn Trời. Ta nói, cám ơn Trời vì điều này. Xém nữa là ta trở thành cá hồi nướng rồi. Hoặc bất cứ món xông khói nào đó.

Ông lại ho khù khụ một lần nữa, và chỉ ngừng lại khi cậu Nimrod giúp ông buộc cái mặt nạ oxy vào mặt.

Kinh ngạc khi thấy cậu Nimrod và ông Rakshasas, ông hỏi:

– Chuyện gì xảy ra với hai người vậy, thưa ngài?

Cậu Nimrod cho biết:

– Tôi và anh Rakshasas bị gã guru cho người bắt cóc ngay trong khách sạn ở Calcutta. Nếu không có anh và lũ trẻ, chắc tụi tôi còn bị nhốt ở đây dài dài.

Ông Groanin hỏi:

– Thế còn gã guru khùng điên đó? Gã đâu rồi?

Cậu Nimrod bảo:

– Tôi e là gã đang còn bận bắt lửa. Và tất cả chúng ta cũng sẽ bắt lửa nếu không nhanh chóng tìm đường ra khỏi đây.

Kẹp cái bình không khí vào bên dưới cánh tay mới của mình, ông Groanin chỉ tay ngược về lối hành lang và nói:

– Tôi nghĩ lối ra ở hướng này. Tôi đã nghe thấy nhiều người chạy theo hướng này khoảng một giờ trước đây.

Cậu Nimrod thắc mắc:

– Anh Groanin à, nếu tôi nhìn không lầm, anh có đến hai tay, đúng không?

Qua lớp mặt nạ oxy, ông Groanin nháy mắt với ba đứa trẻ và nói:

– Ngài không nhìn lầm đâu. Tay tôi *chính xác là số nhiều*. Nhiều hơn một tay an toàn hơn, phải không mấy đứa?

Họ nhanh chóng di chuyển - ít nhất là với tốc độ đi bộ nhanh nhất mà sức khỏe của ông Rakshasas cho phép - ngược xuống cái hành lang ngập ngụa

khói và xuyên qua vài lớp cửa, cho đến khi đụng phải một cái thang máy. Khác với cái thang máy dây kéo bằng sức lười ở bên ngoài ashram, cái thang máy này vận hành bằng điện, tuy nhiên lại có vẻ như không hoạt động. Dybbuk đã thử nhấn nút gọi thang máy vài lần nhưng không có chuyện gì xảy ra, và khi bước lùi lại để ngược nhìn bảng hiển thị số tầng, cậu vấp phải một thứ gì đó trong khói. Một thứ gì đó có lông bù xù nằm trên mặt đất. Đó là con sói, đang kiệt sức nằm gục một chỗ vì bị sặc khói. Dybbuk bế nó lên và ẵm trên tay.

Cậu giải thích:

– Chúng ta không thể bỏ nó lại đây. Nó sẽ chết mất.

Dường như nhận ra một người bạn, con sói tỉnh táo lại một chút và, hoàn toàn không còn vẻ dữ tợn như ban đầu, thè lưỡi liếm mặt cậu bé djinn như muốn nói lời cảm ơn.

Cậu Nimrod lăm bắm:

– Trừ khi chúng ta có thể mở cánh cửa thang máy này...

Cậu bỏ dở câu nói giữa chừng, tuy nhiên tất cả mọi người đều có thể hiểu ra suy nghĩ của cậu. Ngay cả djinn cũng không thể hít khói mãi. Không những thế, lượng oxy trong bình không khí của ông Groanin rồi cũng có lúc cạn kiệt.

Cậu Nimrod khẩn cấp nói lớn:

– QWERTYUIOP!

Một lần nữa, không có chuyện gì xảy ra. Cậu Nimrod đưa mắt nhìn ông Rakshasas, tuy nhiên vị djinn già khẽ lắc đầu như thể xác nhận điều mà cậu đã biết: rằng cả ông vẫn chưa phục hồi lại sức mạnh djinn vốn có.

Quay qua ba đứa trẻ, cậu hỏi:

– John? Philippa? Dybbuk? Có đứa nào có lại sức mạnh djinn chưa?

Ba đứa trẻ lắc đầu. Tuy hành lang ngập đầy khói, dưới này vẫn rất lạnh.

Ông Groanin nhăn mặt bảo:

– Đúng là những người lười vận động mà.

Rồi đưa cho cậu Nimrod cái bình không khí thông với cái mặt nạ oxy mà ông đang đeo, ông nói:

– Đây, giữ cái này một lát để tôi rảnh tay lo cái cửa này coi. Từ khi bọn nhỏ cho tôi một cánh tay mới, tôi luôn có cảm giác cả hai tay mạnh hơn trước rất nhiều. Khi bị đám tay sai của gã guru nhốt lại, tôi nghĩ mình có thể xách cổ chúng lên và giộng đầu chúng vào nhau ấy chứ.

Dybbuk tự hào nói:

– Thì *tụi cháu* làm thế mà. Làm cho hai tay ông mạnh hơn khi đưa cho ông một cái tay mới. Mà nhắc mới nhớ. Tại sao lúc đó ông *không* giộng đầu chúng vào nhau?

Ông Groanin làu bàu:

– Hỏi ngớ ngẩn! Vì một trong bọn chúng chĩa súng vào ta chứ sao. Tay khỏe mạnh là một chuyện. Có khả năng chống đạn lại là một chuyện hoàn toàn khác.

Nhét ngón tay vào khe hở giữa hai cánh cửa thang máy và, nhìn giống như Samson trong đền Philistines^[34], ông Groanin bắt đầu dồn sức đẩy chúng ra.

Một tiếng két chói tai của kim loại va chạm vào nhau vang vọng trong làn không khí ngập đầy khói, như tiếng một con thuyền nhổ neo. Trong một giây, hai cánh cửa thang máy chống cự lại sự tấn công của ông Groanin, trước khi thành linh mở bật ra như hai cái nắp đậy trên một hộp các-tông, hơi cong một chút khi ông quản gia kê vai và lưng vào giữa lấy đà.

Có hơi chút bất ngờ trước sức mạnh mới mẻ của vị quản gia, cặp sinh đôi sau mấy giây đầu đã nhận ra chẳng có cái thang máy nào đằng sau cánh cửa.

Ông Groanin nhún vai nói:

– Tiếc thật!

Tuy nhiên, ở một bên vách của đường thông thang máy là một cái cầu thang bảo trì kéo dài lên đến đỉnh. Khói tràn vào đường thông nhanh chóng bốc ngược lên trên, hứa hẹn một không khí trong lành, và, đối với năm djinn, là năng lượng quý giá từ ánh mặt trời.

Ông Groanin quay sang nói với cậu Nimrod, hiện vẫn đứng ngay sát bên ông để giữ lấy cái bình không khí:

– Chúng ta có thể leo lên cái cầu thang đó, thưa ngài. Và tôi nghĩ tôi không cần cái này nữa.

Gỡ cái mặt nạ oxy ra và bám vào cầu thang, ông Groanin bắt đầu leo lên.

– Tốt nhất tôi nên đi trước. Phòng trường hợp có ai trên đó cần một cú đấm vào mũi.

Trong lòng, ông Groanin thầm hy vọng sẽ tìm thấy một gã *sadhak*. hay một tay hộ lý nào đó phía trên, để ông có thể cho chúng một trận, vì cái tội dám bỏ mặc ba đứa trẻ và ông bất kể sống chết.

Cậu Nimrod bảo:

– À vâng, anh cứ tự nhiên, Groanin.

Rồi quay lại bọn trẻ, cậu làm mặt hề và phàn nàn:

– Cậu sẽ nghe kể lẽ đến chết cho coi. Anh ấy, một mundane, cứu mạng tất cả chúng ta.

Dybbuk nhún vai:

– Chỉ vì chúng ta đã cứu ông ấy trước mà.

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Ờ, cũng có thể nói như vậy. Mà, Dybbuk nè, ta nghĩ cháu phải bỏ con sói lại thôi. Cháu cần hai tay để leo cầu thang, đúng không?

Dybbuk nhe răng cười:

– Ai bảo cháu phải ẵm nó theo?

Rồi nhắc con sói qua đầu và cuốn nó quanh vai như một cái khăn choàng cổ, cậu tuyên bố:

– Cháu sẽ khoác nó. Yên tâm, nó quen với việc đó mà. Dù gì thì ngày hôm qua nó vẫn còn là một cái áo choàng lông thú. Đúng không, chàng trai?

Con sói lại liếm mặt Dybbuk một lần nữa, trước khi cuộn người một cách thoải mái quanh cổ cậu. Và Dybbuk bắt đầu leo lên cầu thang, theo sau là Philippa và John.

Quay lại nhìn ông Rakshasas, cậu Nimrod lo lắng hỏi:

– Anh thì sao, Rakshasas? Anh leo nổi không?

Liếc nhìn lên phía trên cái đường thông, ông Rakshasas gật đầu bảo:

– Có lẽ đó là cách duy nhất để sống thọ. Nhưng cậu đi trước đi, Nimrod. Tôi chỉ làm cậu chậm lại thôi.

Bám vào cầu thang và đặt chân lên thanh ngang đầu tiên, cậu Nimrod hỏi thêm:

– Anh có cần tôi cầm hộ Hồ Mang Chúa không? Để anh dễ leo lên ấy mà.

Nhét cái bùa thể thân vào bên dưới cái khăn xếp của mình, ông Rakshasas bảo:

– Không, cảm ơn. Tôi sẽ giữ nó. Tôi không bao giờ để nó rời tôi một lần nữa.

Cái khoang thang máy che khuất đỉnh đường thông, nhưng cũng may cho sáu con người cùng một con sói đang leo lên, có một tầng lầu ở ngay bên dưới nó. Ông Groanin rời khỏi cầu thang và đặt chân lên một đoạn gờ tường chật hẹp, bắt đầu đẩy cánh cửa dẫn ra tầng này bằng cánh tay siêu mạnh của mình. Nó khó hơn nhiều so với ở bên dưới: ông Groanin cần phải thật cẩn thận để không bước lùi lại hoặc mất thăng bằng, vì một cú ngã từ độ cao này chắc chắn sẽ chết người. Nhưng cuối cùng ông cũng đã thành công. Cái hành lang nhỏ mà ông bước vào nằm ngay bên dưới điện thờ, và dẫn tới một nơi nhìn giống phòng kiểm soát an ninh. Trên một cái bàn đặt ở trong góc, một cái màn hình ti vi vẫn đang hiển thị hình ảnh của cái phòng thí nghiệm ngập đầy khói bên dưới mặt đất. Bất cứ ai theo dõi màn hình này chắc hẳn đã chứng kiến rõ ràng cảnh gã guru bốc cháy, rồi đến cảnh hai djinn trưởng thành hồi sinh. Ông Groanin nghĩ thầm, này giờ không thấy ai, hóa ra tất cả mọi người đều trốn sạch vì sợ đòn trả thù của vài djinn giận dữ đối với những mundane bắt giữ họ.

Xuyên qua tòa pháo đài màu hồng, ông Groanin đến được tòa tháp có cái thang máy dây, và chỉ thấy con lừa đang nhai yến mạch trong máng. Sợi dây đã bị cắt. Cái thang máy đã biến mất, và trong mấy giây, ông Groanin tự hỏi họ xuống dưới tầng đá bằng cách nào bây giờ. Cho đến khi ông nhớ ra chủ

nhân của mình là một djinn đầy quyền năng, và, sau khi đã sưởi ấm người dưới ánh mặt trời Ấn Độ nóng hừng hực, sẽ có thể dễ dàng hô biến ra một ngọn lốc gió để nhanh chóng đưa họ về London.

Duỗi duỗi tay mấy cái để thả lỏng cơ bắp, ông Groanin đi ngược về phía đường thông thang máy, nơi ông Rakshasas là người cuối cùng leo ra khỏi cái cầu thang bảo trì và bước vào ánh mặt trời nóng bỏng tràn đầy năng lượng.

Ông Groanin xoa xoa hai tay với nhau, một việc mà ông đã không làm trong suốt hàng mấy năm trời, và hỏi cậu Nimrod:

– Thế giờ chúng ta quay về London đúng không, thưa ngài?

Bước vào phòng kiểm soát an ninh, cậu Nimrod bảo:

– Không hẳn. Chúng ta còn phải vòng qua thăm Calcutta một chút đã. Anh Rakshasas và tôi còn cất một cái phích nhiệt ở trong phòng khách sạn, với hai djinn khá nguy hiểm bên trong.

Ông Rakshasas gật đầu nói:

– Dĩ nhiên. Cặp hồ sinh đôi vùng Sunderbans. Tôi đã quên khuấy bọn họ. Cậu nói đúng, Nimrod. Không nên để hai người đó lại chút nào.

Mặt tái đi, ông Groanin nuốt nước miếng đánh ực một tiếng rõ to và hỏi lại:

– Hồ? Hai người vừa bảo “hồ” hả?

Ông có lý do để sợ hồ, vì chính một con hồ đã cắn đứt cánh tay trái của ông, và ăn mất nó. Giống như loài hồ thường làm.

Cậu Nimrod trấn an:

– Ồ, không cần tỏ vẻ khủng hoảng như thế, anh Groanin. Tôi chắc chắn anh không có gì phải lo đâu. Nhưng, nói gì thì nói, tốt nhất tôi vẫn nên kiểm tra xem cái phích nhiệt đó có bị gì không.

Nói rồi cậu Nimrod nhặt cái điện thoại trên bàn lên và gọi cho khách sạn Grand Hotel. Tuy nhiên, sau khi thanh toán xong số tiền khách sạn còn tồn đọng, cậu nhanh chóng biết được cái phích nhiệt đã không cánh mà bay.

Cậu Nimrod thông báo:

– Có vẻ như chúng ta đã quá trễ. Ai đó đã trộm mất cặp hồ sinh đôi của chúng ta rồi.

Duỗi mình như một con mèo dưới ánh nắng mặt trời, cậu Nimrod cảm nhận được sức mạnh djinn đang cuộn cuộn quay trở lại thân thể. Và trông thấy nụ cười của ba đứa trẻ cùng ông Rakshasas, cậu biết họ cũng đã hồi phục. Cho nên, cuối cùng cũng chỉ mình ông Groanin là không cười.

Nâng niu ôm lấy cánh tay mới của mình, ông Groanin nói:

– Thưa ngài, nếu không phiền, tôi thật không muốn đến Calcutta săn hồ chút nào. Tôi sẽ rất ghét nếu phải mất đi cánh tay này lần nữa. Để mất một cánh tay cho một con hồ còn được gọi là không may, chứ mất đến hai cái thì chỉ có bị chửi là bất cần.

Cậu Nimrod nói với ông:

– Tôi không nghĩ giờ quay lại Calcutta tìm cái phích nhiệt đó có ích lợi gì, anh Groanin à. Bất cứ ai trộm nó giờ chắc hẳn đã cao chạy xa bay rồi.

Rồi cười tùm tùm, cậu nói tiếp:

– Tôi chỉ ước gì có thể thấy được bản mặt của tên trộm khi hắn mở cái phích ra. Nếu không chuẩn bị trước các biện pháp phòng tránh phù hợp, e là hắn sẽ gặp một bất ngờ không lấy gì làm thú vị. Anh có nghĩ vậy không, Rakshasas?

Ông Rakshasas bảo:

Đúng là mỗi tội ác đều sẽ bị trừng phạt. Nhưng có những tội ác thực sự bao gồm luôn đòn trừng phạt của nó. Tội ác của Guru Masamjhasara là một. Và có vẻ cái này cũng vậy. Dĩ nhiên bị bắt sẽ rất đau. Nhưng còn đau hơn nếu bị bắt và bị ăn thịt.



Chương 19

Hàng miễn đổi, miễn trả

Ba điều ước vượt quá mức độ tham lam của một con người bình thường.

Oleaginus, tên nô lệ mundane của Iblis tộc Ifrit, lập đi lập lại câu nói đó trong đầu, và chắc sẽ còn xoa xoa hai bàn tay lúc nào cũng dính đầy mồ hôi của gã vào nhau một cách đặc ý nếu không phải gã còn bận nâng niu cái phích nhiệt mà gã đã trộm khỏi két an toàn trong phòng khách sạn của cậu Nimrod ở Calcutta. Gã tự nhủ với lòng rằng, mình chắc chắn đã bỏ túi ba điều ước. Iblis chắc chắn sẽ rất hài lòng khi gã giao cho hắn cái phích nhiệt nhất cặp sinh đôi.

“Ba điều ước vượt quá mức độ tham lam của một con người bình thường.”

Điều ước đầu tiên của gã sẽ là một tỉ đô la. Hoặ hai tỉ. Hai lúc nào cũng tốt hơn một.

Sau khi rời khỏi Calcutta, trước khi quay về Las Vegas, Oleaginus có tạt ngang qua New York một chuyến chỉ để kiểm tra hai đứa nhóc mà người của Iblis đang theo dõi 24/24. Và, y như gã dự đoán, cặp sinh đôi đang sống tại căn nhà của gia đình Gaunt trên đường 77 phía Đông chỉ là một cặp Nơi Khác. Muốn xác minh sự tồn tại của Nơi Khác thật ra là một vấn đề đơn giản, miễn sao ta có thể không ngần ngại mà tàn nhẫn ra tay. Nơi Khác

không có linh hồn, đồng nghĩa với việc chúng không thể bị giết. Và, để chứng minh rằng gã đã đúng và bọn tay sai của Iblis ở New York chỉ là một lũ đàn độn, Oleaginus đã chọn một giải pháp đỡ tốn công nhất: trộm một chiếc taxi vàng và tông thẳng vào hai đứa nhóc giả mạo.

Vụ tai nạn tông-xe-rồi-bỏ-trốn do Oleaginus dàn xếp nhìn cứ y như thật. Một nữ nhân chứng của vụ đụng xe xảy ra trên đại lộ Madison đã ngất xỉu. Thậm chí phần mui xe nơi cặp sinh đôi giả mạo bị tông vào còn lồm một tẹo. Nhưng, ngay khi Oleaginus quan sát hai cái thân người bất động đầm đìa máu nằm vạ vạ trên đường, hai Nơi Khác đã biến mất không một dấu vết. Quay trở lại căn nhà trên đường 77 phía Đông vài phút sau đó, Oleaginus không mấy ngạc nhiên khi thấy hai đứa trẻ djinn giả mạo qua cửa sổ tầng hai. Điều này có vẻ như đã xóa bỏ hoàn toàn mọi ngờ vực trong đầu gã. Gã đích thị đang nắm giữ cặp sinh đôi bên trong cái phích nhiệt.

Đặt chân vào khách sạn Croesus, Oleaginus không thèm liếc mắt đến hàng trăm con bạc đang đâm đầu vào những cái máy đánh bạc tìm kiếm thần tài mà đi thẳng đến thang máy dẫn lên tầng mái, đầu không ngừng lăm nhăm lại câu chuyện gã đã tìm thấy cặp sinh đôi ở Ấn Độ và dùng những dụng cụ bắt djinn do Iblis cung cấp để nhốt chúng vào cái phích nhiệt như thế nào.

Căn phòng khổng lồ trên tầng mái không có mấy thay đổi. Vẫn là một tầm nhìn bao quát toàn cảnh Las Vegas. Và Iblis vẫn mặc bộ pijama bằng tơ lụa đen bóng mà hắn đã mặc trong lần cuối Oleaginus gặp hắn. Chỉ khác là móng tay và bộ râu của hắn đã dài hơn, và những con chuột cống cũng mập và dữ tợn hơn nhiều. Trông thấy Oleaginus bước vào phòng chủ nhân chúng, lũ chuột bắt đầu rít lên the thé như bị kích động.

Iblis lên tiếng:

– A, a, a. Xem con mèo tha cái gì vào đây kìa. Nếu đó không phải là Oleaginus, miếng bọt biển người. Nhìn cái bản mặt kính tòm của người, ta đoán hoặc là người đã chấp nhận xấu xí suốt đời, hoặc là người có tin tốt cho ta. Và tốt nhất người nên hy vọng đó là lý do thứ hai.

Oleaginus mỉm cười gượng gạo và cố gắng lờ đi cái dạ dày đang nhộn nhạo từng đợt của gã. Ở gần Iblis và những con chuột kiếng của hắn luôn

làm gã căng thẳng đến mức chỉ muốn chui ngay vào toilet để xả vài phút. Ngay cả khi làm việc xuất sắc, không ai có thể đoán được Iblis sẽ xử sự thế nào. Hẳn là một djinn có khả năng làm mọi việc bất chấp đạo lý thông thường.

Giơ cao cái phích nhiệt dán nhãn DJINN SINH ĐÔI như một chiếc cúp vô địch, Oleaginus hí hửng tuyên bố:

– Tôi đã bắt được chúng, thưa ngài. Cặp sinh đôi. Chúng ở trong này, thưa ngài.

Iblis nhú mào nói:

– Nghe khó tin quá, Oleaginus. Hai đứa nhãi ranh đó đang ở New York. Người của ta theo dõi chúng 24/24.

– Không, thưa ngài. Đó là hai Nơi Khác. Tôi đã tông xe vào chúng để kiểm tra. Cán chúng bẹp dí như hai con gián. Chúng chết ngắc như một cặp chim cừu tuyệt chủng.

Rồi nhún vai, gã nói tiếp:

– Nhưng chỉ vài phút sau, chúng lại sống phây phây ở nhà. Nhảy loi choi khắp nơi như thể chẳng có gì xảy ra. Tôi đã tận mắt chứng kiến.

Iblis nói, giọng vẫn đầy ngờ vực:

– Nghe có vẻ thú vị đấy. Người đã sử dụng phép trói buộc djinn giống như ta đã nói à?

Oleaginus nói dối:

– Vâng, thưa ngài.

Iblis chậm rãi nở một nụ cười ác độc, một nụ cười mà Oleaginus cảm thấy đáng sợ chẳng kém khi hấn cau có. Vẫy Oleaginus lại gần, hấn nói:

– Oleaginus, người gần như làm ta tin tưởng sự tồn tại vô nghĩa của người rớt cuộc cũng có một mục đích nào đó. Mang nó lại đây coi. Cái phích nhiệt của người.

Oleaginus bước về phía giường, tuy nhiên khi gã cúi người về phía chủ nhân để đưa cái phích, con chuột cống yêu quý nhất của Iblis bỗng ghen tị vọt về phía cổ họng gã.

Sợ điếng người, Oleaginus loạng choạng nhảy lùi lại, tay lóng ngóng cố bắt lại cái phích nhiệt đang trượt khỏi tay.

– Không!

Cùng với tiếng hét lớn bất thường của Iblis, một ngọn lửa gì đó nhảy ra khỏi người gã djinn và thiêu rụi tất cả những con chuột cống trong phòng, trước khi ngừng lại cách Oleaginus có vài phân. Vẫn còn bốc khói, con chuột đã tấn công Oleaginus một phần ngàn giây trước đó rớt phịch xuống sàn như một ổ bánh mì mốc. Trong cùng một phần ngàn giây đó, Iblis gạt những con chuột bị nướng chín còn lại ra khỏi người, nhảy dựng lên, vòng qua giường và kịp bắt lấy cái phích nhiệt khi Oleaginus đã để vuột nó.

Iblis nhận xét:

– Có vẻ như người không phải loại người chơi thể thao, Oleaginus.

Oleaginus thanh minh:

– Xin lỗi, thưa ngài. Nhưng là con chuột. Nó xém nữa cắn cổ tôi.

– Đúng là cái thứ ăn tạp không biết chọn lựa mùi vị.

Iblis nói qua loa, mắt vẫn dán chặt vào cái phích nhiệt. Hắn băng qua cái sàn nhà bằng đá cẩm thạch để đi tới một cái máy scan nhiệt để trên nóc một tủ đựng rượu, đặt cái phích bên dưới thấu kính cảm nhiệt của nó, và nhìn chăm chăm qua ống kính hai cái đốm tròn màu đỏ sậm đang lờng lộn di chuyển bên trong.

Rên lên một tiếng đầy thỏa mãn, Iblis lẩm bẩm:

– Vui sướng. Vui sướng, thích thú, hoan hỉ, mừng rỡ, hớn hở, nhớn nhợ, hạnh phúc, đê mê, khoái trá thuần khiết khi nghĩ đến...

Vỗ nhẹ cái phích nhiệt như đang âu yếm, hắn nói tiếp:

– Cái phích nhỏ dững cảm! Phải chứa những đứa trẻ khủng khiếp như thế bên trong!

Rồi hắn ngược đầu lên khỏi ống kính và nhìn chăm chăm vào Oleaginus với ánh mắt như xuyên thấu và nói, giọng hơi ngạc nhiên:

– Người làm tốt lắm. Đối với một mundane, thế là tốt đấy. Bình thường ta sẽ chẳng bận tâm đến việc giữ lời hứa với một sinh vật cấp thấp như người,

Oleaginus. Nhưng không phải ngày nào ta cũng có cơ hội để thoải mái ra tay độc ác nhất và khó tin nhất với hai đứa nhóc mà ta sẵn lòng ra tay và ghét cay ghét đắng. Vì vậy, nói đi! Phần thưởng của người. Một chỉ số IQ có ba chữ số chẳng? Hay chỉ là một khoản tiền bản thủ?

Oleaginus cục cựa người một cách không thoải mái dưới ánh mắt chăm chú của chủ nhân hẳn. Gã lắp bắp hỏi:

– Ừm, thưa ngài, ngài đang nói về ba điều ước phải không ạ? Thưa ngài, trên thực tế, chính xác ngài đã nói là: “Ba điều ước vượt quá mức độ tham lam của một con người bình thường.”

Iblis nói:

– Ta nghĩ là người đúng. Thế người sẽ chọn tiền bạc, phải không? Tại sao ta lại không ngạc nhiên nhỉ? Ta vẫn luôn tự hỏi, tại sao những mundane có được ba điều ước không bao giờ ước có thêm một tí thông minh, Hoặc có thêm sức lôi cuốn. Đó là những thứ hữu dụng hơn nhiều so với tiền bạc. Tiền không là gì cả, Oleaginus. Không là gì. Cứ nhớ lấy lời ta. Chúng chỉ là những con số không hơn không kém.

Oleaginus bảo:

– Tiền chỉ là điều ước đầu tiên của tôi thôi, thưa ngài.

Iblis liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Hẳn thật sự ghét ban ba điều ước cho mundane. Một công việc nhàm chán kinh khủng.

– Thế thì người nói nhanh đi. Điều ước đầu tiên của người.

– Tôi ước tôi giàu chết đi được, thưa ngài.

Trong một giây hứng khởi, Iblis đùa nghịch với ý tưởng làm Oleaginus chết trước khi làm gã giàu có, nhưng rồi gạt bỏ nó vì những lý do vụ lợi. Oleaginus có lẽ còn có giá trị lợi dụng. Cho nên hẳn kiên nhẫn hỏi:

– Người có một con số cụ thể chưa? Phòng trường hợp trong đầu người còn chưa rõ ràng về chuyện đó.

Oleaginus mỉm cười rạng rỡ:

– Tôi ước tôi có 5 tỉ đô.

Iblis chờ cho Oleaginus chỉ định rõ về đơn vị tiền tệ, nhưng khi thấy gã không nói gì nữa, hấn búng tay cái chét và tuyên bố:

– Đây. Xong rồi. 5 tỉ đô.

Rồi trước sự sững sờ của Oleaginus, Iblis rút ra một tờ giấy từ không khí và đưa cho gã.

– Đây là số tài khoản của một ngân hàng ngoài khơi Jamaica, nơi 5 tỉ đô đang chờ đợi người.

Điều mà Iblis không nói cho Oleaginus biết là, 5 tỉ đó là 5 tỉ đô Jamaica, một đơn vị tiền tệ có giá trị thua xa đồng đô la Mỹ. (Trên thực tế, một đô Jamaica chỉ đáng giá 1/60 đô Mỹ, và điều đó có nghĩa 5 tỉ đô của Oleaginus chỉ đổi được khoảng 83 triệu đô Mỹ. 5 tỉ đô Jamaica không phải là tệ, nhưng nó không thể sánh với 5 tỉ đô Mỹ). Dĩ nhiên, Iblis có dư sức để cho Oleaginus 5 tỉ đô Mỹ. Chỉ là, hấn không thể cưỡng lại được cảm giác khoái trá khi lừa Oleaginus. Gã, hay bất cứ mundane nào khác. Dù gì, đó cũng là lý do tộc Ifrit mở casino: để lừa lọc con người.

Săm soi những con số trên số tài khoản mới của gã, Oleaginus nói:

– Cám ơn ngài.

– Và điều ước thứ hai của người là gì?

– Tôi muốn trở nên hấp dẫn hơn, thưa ngài.

– Người thật sự thích thử thách sự kiên nhẫn của ta, phải không Oleaginus?

Iblis hỏi với một tiếng thở dài đầy chịu đựng. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, Iblis cân nhắc việc biến Oleaginus thành một cục nam châm và rung đùi nhìn các đồ vật kim loại này nọ bay xẹt qua phòng để dính chặt vào cơ thể gã. Thay vào đó, hấn tiếp tục thương hại gã.

– Nói rõ ràng vào, đồ ngốc. Phải cẩn thận với những gì người ước. Hoặc ta sẽ không chịu trách nhiệm cho bất cứ chuyện gì xảy ra với người. Người muốn hấp dẫn như một cục nam châm hả?

– Không. Hấp dẫn với phụ nữ, thưa ngài.

– Vậy thì phải *nói* như thế chứ.

– Tôi ước tôi trở nên hấp dẫn hơn với phụ nữ, thưa ngài.

Iblis lại búng tay lần thứ hai và nói:

– Xong.

Oleaginus xoay người lại và ngắm nghía mình trong tấm gương treo trên tường. Có đôi chút thất vọng, gã nói:

– Nhưng nhìn tôi vẫn như cũ.

Iblis mỉm cười:

– Ồ, tin ta đi. Với 5 tỉ đô trong nhà băng, chắc chắn ngươi sẽ trở nên hấp dẫn với phụ nữ Còn điều ước thứ ba đâu?

Oleaginus khẽ chau mày, ngờ ngợ rằng mình đã bị lừa, tuy nhiên có cho vàng gã cũng không dám tranh cãi với một người như Iblis. Nhìn thấy chủ nhân rõ ràng đã bắt đầu chán với việc ban thưởng cho người hầu, gã vội vàng nói:

– Tôi muốn có một tài năng, thưa ngài. Một loại thành tích gì đó.

Iblis khen:

– Hoan hô. Người làm ta ngạc nhiên đấy, Oleaginus. Một tài năng. Vì người chẳng có tài năng hay thành tích gì, ta chắc ngươi sẽ có rất nhiều lựa chọn. Tuy nhiên, ngươi có thể nhanh lên không? Ta còn có một cuộc hẹn với hai đứa nhãi này, và một chai axit sulfuric.

– Axit?

Iblis mỉm cười trả lời:

– Để đổ vào trong cái phích chứ chi. Mỗi lần một giọt.

– À.

– Cho nên, một tài năng. Người muốn sở hữu tài năng kiểu nào? Tài gây cười? Không, quá viễn tưởng. Tài gây rắc rối? Không, cai đó người có sẵn rồi. Tài giao tiếp chẳng hạn? Có lẽ ta sẽ hoan nghênh một mundane có cái tài đó.

Oleaginus luống cuống nói:

– Tôi ước tôi là một nghệ sĩ đàn dương cầm thật tài giỏi, thưa ngài. Tôi vẫn luôn muốn chơi piano.

– Một lựa chọn tuyệt vời. Đó đúng là một thứ đáng ước. Và người không biết người may mắn dường nào đâu, Oleaginus. Nếu người hó hé một tiếng ghita, ta đã giết người ngay lập tức. Trong tất cả các loại mundane, ta ghét nhất những kẻ ngu đến mức đi chơi ghita. Ta đã từng hủy diệt cả một cái máy bay đầy khách, chỉ vì chúng dám để một thằng nhãi dốt nhạc xách ghita lên đó.

Iblis búng ngón tay lần thứ ba. Một cái đàn piano hòa tấu vĩ đại hiện ra ở một góc phòng, và Iblis ra hiệu cho Oleaginus ngồi xuống chơi nhạc.

– Tôi nên chơi bản nào bây giờ, thưa ngài?

– Người có thể chơi tất cả các bản nhạc, cho nên cứ việc chớ bất cứ bản nào người thích.

Nói thì nói vậy, nhưng Iblis vẫn điều khiển ý chí của Oleaginus để gã chơi bản *Impromptu* của Schubert.

– Tôi biết rồi, thưa ngài. Tôi sẽ chơi bản *Impromptu* của Schubert.

Iblis nói:

– Ồ, lựa chọn tốt đấy.

Trên thực tế, Iblis đang mong đợi đến giây phút hẳn có thể chỉ ra cho Oleaginus rằng, đáng lẽ gã nên dùng điều ước thứ ba của mình để không còn phải làm thuê cho Iblis. Tất cả số tiền ở Jamaica sẽ không giúp ích được cho Oleaginus bao nhiêu nếu gã vẫn phải cù cung phục vụ Iblis. Phục vụ, hầu hạ, và chơi piano. Nhưng điều thú vị đó là dành cho tương lai, sau khi Iblis đã tận hưởng cảm giác nhìn lũ nhóc sinh đôi nhà Gaunt bị axit ăn mòn dần. Một khoái cảm mà hẳn cần được nhắm nháp từ từ. Bắt đầu ngay từ bây giờ.

Nhặt lên cái phích nhiệt, Iblis nói lớn với lớp vỏ kim loại bên ngoài:

– Ok, John và Philippa, tao không thể nói cho hai đứa bày biết tao vui sướng như thế nào khi gặp lại chúng mày đâu. Chỉ là lần này, lão ngốc Nimrod không có ở đây để cứu chúng mày. Và lần này, tao sẽ không còn dễ thương với chúng mày như lần trước đâu.

Không nghe thấy tiếng trả lời, hắn nói tiếp:

– Sao rồi, lũ Marid? Không lời thách thức nào à? Chúng mày làm tao thất vọng đấy.

Rồi gã bật cười một cách thích thú.

– Nhưng đến khi tao xong việc với chúng mày, chúng mày sẽ phải van xin ta tha thứ cho mà xem.

Vẫn không nghe thấy gì, Iblis khẽ chau mày. Chẳng thú vị gì khi tra tấn kẻ thù của hắn nếu giọng chúng không có vẻ gì là bị tra tấn. Và nhe răng cười một cách ác độc, Iblis cầm cái phích và lắc lên lắc xuống lia lịa trong mấy giây, y như một tay đua xe giải Grand Prix lắc sâm-panh mừng chiến thắng.

– Đây. Chuyện này sẽ làm chúng mày ngoan ngoãn hơn một chút.

Iblis ép sát tai vào thành phích.

– Mèo ăn mất lưỡi chúng mày rồi hả, lũ ranh kia? Rất tốt. Đây là chúng mày buộc tao nặng tay đấy nhé.

Rồi thầm thì tên của John và Philippa cùng từ trọng tâm - là từ TETRAGRAMMATONITIS - để buộc bọn nhóc phải phục tùng ý chí của hắn, Iblis mở cái phích nhiệt ra và đặt nó lên sàn. Trước sự ngạc nhiên đáng kể của hắn, không có gì xảy ra. Không khói. Không sự hóa thể. Không gì cả.

Iblis quay sang trừng mắt nhìn Oleaginus, lúc này đang đẩy tự tin chơi bản nhạc của Schubert. Vừa định buộc tội Oleaginus đã phạm sai lầm, rằng cái phích nhiệt hoàn toàn trống không, hắn chợt nhớ ra chính mắt hắn đã nhìn thấy hai djinn di chuyển bên trong cái phích qua máy scan nhiệt.

Hắn đành giọng nói:

– Tao biết chúng mày trốn trong đó. Chúng mày có năm giây để ra khỏi đó, trước khi tao đổ axit sulfuric vào.

Gần như ngay lập tức, khói bắt đầu ứa ra khỏi cái phích nhiệt - Iblis có lẽ sẽ nhận ra số lượng khói quá nhiều so với hai đứa trẻ, nếu không phải hắn đang quá hài lòng với chính mình. Và lớp khói này cũng đen hơn hẳn bình

thường. Khói từ phép hóa thể của djinn tộc Marid thường có màu trắng, trong khi lớp khói đang nhanh chóng chia làm hai phần này lại gần như đen.

Iblis gật gù bàu:

– Có vậy chứ.

Hắn thật chưa nhận ra có chuyện gì đó không ổn ở đây. Ngay cả khi hợp sức với nhau, hai djinn chưa trưởng thành như John và Philippa cũng không bao giờ có thể đánh bại một djinn mạnh mẽ như Iblis. Biết rõ điều đó nên Iblis có chút tự mãn và khinh địch.

– Nếu chúng mày ngoan ngoãn, có thể - chỉ là có thể thôi nhé - ta sẽ không cho chúng mày rã tan trong axit, hoặc đem chúng mày chôn sống ngoài sa mạc.

Được giải thoát khỏi cái phích nhiệt giam giữ chúng, hai con hổ djinn đợi đến đúng lúc thích hợp mới bắt đầu biến hình hổ. Đau đầu kinh khủng vì say rượu, khát nước, và rất đói bụng - đó là chưa kể đến chuyện giận dữ vì bị lừa như bông vụ ban nãy - chúng giờ đang sẵn sàng cho một sự trả thù tàn khốc nhất có thể. Nhưng chúng cũng cảm nhận được sự tồn tại của một djinn cực mạnh và biết rằng yếu tố bất ngờ là chiến thuật tranh thắng bại tốt nhất, vì chúng có thể nhận ra tay djinn bên ngoài đã lừa chúng với một ai đó.

Khi hai đám mây khói vẫn tiếp tục từ chối tích tụ lại hình dáng hoàn chỉnh, Iblis bảo:

– Chúng mày đang thách thức sự kiên nhẫn của tao đấy. Tốt lắm. Đừng nói là tao không cảnh báo...

Hắn chưa kịp dứt lời thì hai con hổ đen tuyền, mỗi con to ngang ngửa một con ngựa nhỏ và nặng phải đến 300 kg, cùng lúc lao ra tấn công. Một con cắm răng vào tay của Iblis, trong khi con còn lại ngoạm lấy đầu hắn. Và bởi vì chúng có lợi thế bất ngờ, Iblis hoàn toàn không có thời gian tập trung tinh thần đủ để sử dụng sức mạnh djinn. Rống lên một tiếng lớn, hai con hổ cắn xé người Iblis một cách thâm hiểm, và có lẽ hắn đã bị giết chết, nếu không phải vì Oleaginus bỏ chạy ra cửa thang máy khi thấy chủ nhân gã bị tấn công. Hành động phản bội hèn nhát ấy rốt cuộc lại cứu Iblis vì, trông thấy

Oleaginus, con hổ djinn đầu tiên ngừng ngoạm cánh tay của gã djinn tộc Ifrit và lao về phía tên đầy tớ mundane của hắn.

– Đừng ăn tôi. Tôi chỉ là người chơi đàn piano thôi.

Oleaginus hét lên khi con hổ chộp lấy chân gã. Và rồi cổ gã.

Với chỉ một con hổ trên người hiện tại, Iblis có vừa đủ một giây rảnh rỗi để hít thở, thăm thì từ trọng tâm và bỏ mặc cái thân thể xơ xác vô phương cứu chữa của hắn cho hai con hổ. Linh hồn Iblis nhanh chóng chạy ra khỏi căn phòng tầng mái, ngược xuống cầu thang bộ, và đi vào khu casino của khách sạn Croesus, nơi hàng trăm mundane, cả nam lẫn nữ, đang ngồi trước máy đánh bạc.

Ổn định tinh thần sau cú shock vừa rồi, Iblis bắt tay vào việc chọn lựa một cơ thể mới.



Chương 20

Suy nghĩ cuối cùng

Đã đến lúc rời khỏi tòa pháo đài màu hồng cùng cái ashram giờ đã vắng bóng người để bay về nhà.

Nhưng họ sẽ bay hướng nào đây? Đông hay Tây? Nếu chọn hướng Đông, Lucknow gần Palm Springs hơn New York. Nhưng nếu từ Lucknow bay về hướng Tây, London nằm ngay trên đường đến New York. Yếu tố quyết định cho vấn đề này cuối cùng lại là mẹ của Dybbuk, bác sĩ Sachertorte. Cậu Nimrod đã đổ mồ hôi hột khi phát hiện bà đến giờ vẫn chưa biết được con trai mình ở đâu, thậm chí còn không biết nó còn sống hay không. Vì thế, mọi người cuối cùng thống nhất rằng, cậu Nimrod, ông Rakshasas cùng ông Groanin sẽ đi hướng Tây để về London, trong khi ba đứa trẻ sẽ vì Dybbuk mà làm một ngọn lốc gió khác bay đến Palm Springs ở hướng Đông.

Cậu Nimrod nghiêm khắc nói với Dybbuk:

– Mẹ cháu vì cháu mà lo đến phát bệnh mất, Dybbuk. Tội nghiệp cô ấy. Bao nhiêu chuyện đã xảy ra còn chưa đủ, bây giờ còn... John với Phiiippa trốn nhà đi như vậy cũng là không hay ho gì, nhưng ít nhất mẹ tui nó còn được thanh thản đầu óc chút ít. Nhờ có hai Nơi Khác.

Dybbuk cay đắng mỉm cười:

– À vâng, xin lỗi là Palm Spring chẳng có mấy thiên thần quanh quần ngoài đường. Ít nhất là không nhiều đủ để cháu thấy được. Và không người nào cháu quen biết có thể hô biến ra một Dybbuk giả tạo. Nếu như cho rằng có một Dybbuk thật sự. Giờ cháu không còn có thể chắc chắn bất kỳ điều gì nữa. Và lại, cái người phụ nữ mà cậu gọi là “tội nghiệp” ấy, bà ấy đáng bị như vậy. Vì những gì bà ấy đã làm.

Vẻ mặt trầm tư suy nghĩ, cậu Nimrod nói, giọng có vẻ gượng gạo:

– À. *Chuyện đó* à?

Cái cách mà ông nói chữ “*chuyện đó*” làm cặp sinh đôi nghĩ rằng, *chuyện đó* - dù *chuyện đó* là chuyện gì - là một chuyện ông biết rất rõ. Và làm chúng có phần tò mò muốn biết về *chuyện đó* hơn.

– Cháu đổ lỗi cho mẹ, đúng không?

Dybbuk bảo:

– Cháu không nghĩ cháu là người đầu tiên đổ lỗi cho bà ấy. Cậu không nghĩ vậy sao?

– Dybbuk, có lẽ chúng ta nên nói riêng một chút về chuyện này, được không?

Nói rồi cậu Nimrod dẫn Dybbuk, giờ được đồng hành bởi con sói, quay lại phòng kiểm soát an ninh, và đóng cửa lại sau lưng họ.

Đứng bên ngoài, Philippa thầm thì:

– Rốt cuộc *chuyện đó* là như thế nào nhỉ?

John nhún vai nói:

– Em biết Dybbuk mà.

Philippa lắc đầu bảo:

– Thực tế là không. Bất chấp tất cả những gì chúng ta đã cùng nhau trải qua, em không nghĩ em thật sự biết rõ về Dybbuk. Có một điều gì đó không đúng về cậu ấy. Một điều mà em không thể nào chạm đến.

– Em đang trầm trọng hóa vấn đề đấy.

Nói thì nói vậy, nhưng trong lòng John biết Philippa nói đúng. Có một điều gì đó về Dybbuk mà cậu cảm thấy không được minh bạch như vẻ bề

ngoài của nó.

– Em lo nghĩ quá sao? Vậy cái bí mật giữa cậu ấy và cậu Nimrod là gì?

Khi Dybbuk và cậu Nimrod đi ra khỏi căn phòng gần 15 phút sau đó, không có lời giải thích nào được đưa ra, và cũng không ai đặt câu hỏi. Dù sao câu chuyện giữa Dybbuk và cậu Nimrod cũng mang tính chất cá nhân, và dù tò mò muốn chết, cặp sinh đôi vẫn tôn trọng sự riêng tư của bạn chúng. Nếu Dybbuk muốn nói về nó, vẫn còn vài tiếng đồng hồ để nói khi cả ba bay trên ngọn lốc gió hướng về phía Đông.

Ngay sau khi cậu Nimrod gửi một con nguyên tố Nước xuống dưới phòng thí nghiệm ngầm bên dưới mặt đất để đảm bảo ngọn lửa được dập tắt đàng hoàng, họ đi lên chỗ cao nhất của tòa pháo đài màu hồng, ngọn tháp đặt cái thang máy dây, để chuẩn bị hai ngọn lốc gió riêng biệt của mình.

Philippa hỏi:

– Nó thì sao?

Cô đang nói về con lừa trước giờ vẫn quay cái tời để vận hành thang máy dây. Giờ đây, khi sợi dây đã bị một tín đồ ashram nào đó trên đường chạy trốn cắt đứt, con lừa im lặng đứng trong chuồng của nó, nhàn nhã gặm yến mạch và tận hưởng thời gian nghỉ ngơi hiếm có.

– Giờ tất cả mọi người đã chạy hết, lấy ai cho nó ăn đây.

Dybbuk, hiện giờ rất gắn bó với con sói, và rõ ràng dự định sẽ mang nó theo lên ngọn lốc gió đi về Palm Springs, gật đầu nói:

– Philippa nói đúng. Chúng ta không thể bỏ nó lại đây.

Ông Rakshasas cho biết:

– Ở Cork có trại chăm sóc lừa. Đó là giải pháp tốt nhất của chúng ta hiện giờ. Chúng ta có thể mang nó theo, rồi thả nó ở đó.

Cậu Nimrod mỉm cười bảo:

– Một con lừa. Đến trên một ngọn lốc gió.

Ông Rakshasas nói:

– Luôn có lần đầu tiên cho tất cả mọi việc. Thậm chí là ở Cork. Một con ngựa thần Pegasus của người Ai-len. Nếu có ai chú ý, người ta sẽ gọi nó

như vậy.

Cậu Nimrod nhún vai:

– Ồ, tốt thôi. Cứ để nó làm Pegasus của người Ai-len vậy.

Họ chào tạm biệt nhau, và Philippa, người chịu trách nhiệm lái lốc gió chặng đầu, đang chuẩn bị bắt tay vào việc thì ông Groanin đột ngột ngăn cô lại.

– *Mấy đứa* có quên gì không vậy? Cả ba đứa đều là người Ấn Độ. Và, quan trọng hơn, ta cũng vậy. Ta muốn màu da cũ của mình, cảm ơn rất nhiều. Ta không phủ nhận ta, cũng như bao tử của ta, rất vừa ý khoảng thời gian làm một người Ấn. Đó là một kinh nghiệm ta sẽ không bao giờ quên. Cho ta một cái nhìn mới về một Groanin khác. Nhưng ta là ta, một cậu bé đầu trọc da hồng mập mạp đến từ Moss Side.

John thắc mắc:

– O, thế chả phải ông đến từ Manchester sao, ông Groanin?

– Moss Side là Manchester, con trai. Hãy nhớ điều đó.

Ba đứa trẻ djinn bắt tay vào nhau, thầm thì từ trọng tâm của chúng, và biến mình cùng ông Groanin trở lại như cũ. Tuy nhiên, vì kiến thức là một thứ không thể bị quay ngược lại, dù là với sức mạnh djinn, nên khả năng nói tiếng Hindi của họ còn nguyên - một điều rất *kam ka* (hữu ích) vì có đến hơn một tỉ người trên trái đất nói ngôn ngữ này.

Trở lại con người thật của mình, ba đứa trẻ một lần nữa nói lời tạm biệt, rồi Phiippa tập trung ý chí tạo ra một ngọn lốc gió cho cả ba.

Cậu Nimrod hét lớn dặn dò:

– Nhớ đừng bay quá nhanh. Nhất là ở Oklahoma.

Nhưng ngọn gió đã thổi bay lời của cậu trước khi đến được tai bọn trẻ, và chỉ trong vòng chưa đầy một phút chúng đã bay về hướng Đông, giơ tay vẫy chào lần cuối ba dáng người đứng trên tháp.

Ông Groanin nói:

– Tôi sẽ nhớ mấy đứa nhỏ này lắm.

Tháo cái khăn trùm đầu ra, ông Rakshasas gỡ cái bùa thể thân Hồ Mang Chúa mà ông đã đặt trong đó cho an toàn. Nhìn chăm chăm vào nó với vẻ mặt suy tư, ông nhẹ giọng nói:

– Tôi mắc nợ chúng mọi thứ.

Cậu Nimrod hỏi:

– Anh định làm gì với cái đó?

Ánh mặt trời lấp lánh trên cái đầu bằng ngọc lục bảo của bùa thể thân khi ông Rakshasas cẩn thận giơ nó lên và đưa cho ông Groanin. Ông bảo:

– Đây. Tay anh khỏe. Giúp tôi bẻ gãy phần ngọc lục bảo và phần đuôi, được không?

Ông Groanin hỏi:

– Ông có chắc về điều đó không?

– Hoàn toàn chắc chắn.

Làm như được nhờ vả, ông Groanin bẻ gãy Hồ Mang Chúa thành ba phần - phần thân bằng vàng ròng, phần ngọc lục bảo ở đầu, và phần đuôi chứa những cái răng khôn - rồi đưa hết lại cho ông Rakshasas.

Xoay xoay viên ngọc lục bảo trong lòng bàn tay như một quả trứng, ông Rakshasas nói:

– Có rất nhiều người nghèo ở Ấn Độ. Viên ngọc lục bảo này sẽ được cắt thành nhiều phần. Rồi chúng cùng với phần vàng này sẽ được bán để giúp họ. Còn về những cái răng của tôi...

Khẽ lắc đầu, ông nói tiếp:

– ... Tốt nhất chúng ta nên thả chúng ở đâu đó trên đường về. Địa Trung Hải có thể là một nơi phù hợp. Hoặc là eo biển Anh. Không ai có thể sở hữu chúng lần nữa. Không bao giờ.

* * *

Philippa lái lốc gió đưa cả bọn tới tận Hakone, một khu resort suối nước nóng gần núi Phú Sĩ, ngọn núi cao nhất ở Nhật Bản. Đáng lẽ chúng sẽ ở lại Nhật lâu hơn, vì đó là nơi cả ba đứa trẻ luôn muốn đến thăm, nhưng cặp sinh đôi hơn lúc nào hết lại nóng lòng muốn về nhà gặp lại cha mẹ. Từ Nhật, John đưa cả bọn đi tiếp chặng thứ hai của hành trình: đến đảo Maui ở Hawaii, cách đó nửa vòng Thái Bình Dương. Và từ đây, Dybbuk thay tay lái cho chặng thứ ba: đến khu Bờ Tây nước Mỹ, và tới Palm Springs.

Cậu nói:

– Quay về đây cảm giác kỳ kỳ sao ấy. Hơi giống bị tuột dốc.

Philippa gật đầu với vẻ mặt thông cảm (hoặc ít nhất cô hy vọng thế). Cô vẫn chưa quên cậu bạn thân nhất của Dybbuk, Brad, cùng cha cậu ấy đã bị giết ở Palm Springs.

John hỏi:

– Lỡ gặp cảnh sát thì sao?

Dybbuk điềm tĩnh nói:

– Tớ có thể lo được cảnh sát. Tớ là djinn, không phải sao?

Rồi cậu nhe răng cười:

– Nếu họ hỏi quá nhiều câu mắc dịch, tớ sẽ làm họ biến mất.

Philippa và John đưa mắt nhìn nhau. Đôi lúc, thật khó để biết Dybbuk đang nói giỡn hay thiệt.

Philippa, đang rất nôn nóng muốn biết về cuộc đối thoại bí mật giữa Dybbuk và cậu Nimrod, nhận xét:

– Mẹ cậu sẽ mừng lắm khi thấy cậu cho coi.

Dybbuk trả lời với giọng nghe không có vẻ gì là thuyết phục:

– Ờ, có lẽ.

Cậu chỉ mỉm cười khi con sói trù mến liếm liếm tay cậu. Cậu bảo:

– Tớ sẽ gọi nó là Colin. Tớ sẽ nuôi nó.

Rồi vỗ đầu con sói và nghịch ngợm xoắn tai của nó, cậu nói với con sói:

– Tội nghiệp mày. Bằng ấy năm phải sống dưới thân phận một cái áo choàng. Chắc là mày đói bụng lắm đây.

Nhưng điều đó không thật sự đúng. Sau khi công con sói ra khỏi đường thông thang máy của tòa pháo đài màu hồng, Dybbuk đã đút cho Colin ít nhất ba miếng thịt bò to ngon lành tạo ra bằng sức mạnh djinn.

Sói khó có thể coi như một con thú kiểng bình thường, và Philippa tự hỏi mẹ Dybbuk sẽ phản ứng như thế nào với Colin. Cô cũng không tránh khỏi suy nghĩ có khi Dybbuk mang con sói về nhà chỉ để chọc tức mẹ. Philippa luôn nghĩ bác sĩ Sachertorte là một người phụ nữ rất tốt. Bà đã làm gì để Dybbuk hờn giận như vậy? Khi cả bọn hạ cánh xuống sân golf ở ngay sau nhà Dybbuk, Philippa rất cuộc cụng không nhin được đã hỏi thẳng Dybbuk.

Dybbuk không trả lời mà hỏi lại:

– Cậu có bao giờ giận cha mẹ mình chưa?

Họ đang bước ngang qua một thảm cỏ xanh, và Dybbuk đưa chân đá một quả bóng golf nằm ở đó. Rồi lại thêm một quả khác.

Philippa trả lời:

– Dĩ nhiên là có. Nhưng không phải giận phát điên tới mức phải trả đũa, như những gì cậu ám chỉ khi nói với cậu Nimrod. Vì một chuyện mà mẹ cậu đã làm với cậu.

Dybbuk nói khi họ băng qua một đường lăn bóng:

– Philippa, ba người chúng ta đã cùng nhau trải qua rất nhiều chuyện. Chúng ta là bạn, đúng không?

Cặp sinh đôi gật đầu.

– Vậy thì đừng phá hỏng tình bạn đó bằng việc tra hỏi tớ những chuyện mà tớ hiện giờ chưa thể nói. Lúc còn ở ashram, tớ đã khám phá ra một chuyện quan trọng. Một sự liên hệ. Một chuyện đã xảy ra rất nhiều năm về trước. Một chuyện riêng tư đối với tớ và gia đình tớ. Tớ hứa, tớ sẽ kể chuyện đó cho các cậu nghe sau này. Nhưng không phải là ngay bây giờ, ok?

Cặp sinh đôi đồng thanh:

– Ok.

Rồi họ đi theo Dybbuk vào căn nhà xây dựng theo phong cách một đồn điền Mexico.

Vừa nhắc thấy Dybbuk, bác sĩ Sachertorte đã hét lên một tiếng sung sướng và đưa tay ôm chặt con trai. Bà hỏi trong làn nước mắt:

– Con đã ở đâu vậy chứ? Có biết mẹ lo lắng cỡ nào không? Mẹ nghĩ mẹ đã mất con mãi mãi rồi, Dybbuk.

Dybbuk chịu đựng cái ôm của mẹ trong vài giây, rồi nhẹ nhàng đẩy bà ra và giải thích - cùng với một vài câu nói xen vào đúng chỗ của John và Philippa - chính xác chuyện gì đã xảy ra. Trong khi cậu đang nói, bác sĩ Sachertorte liếc nhìn con sói cùng cặp sinh đôi với ánh mắt có phần không thoải mái. Và khi Dybbuk kết thúc lời giải thích của mình, bác sĩ Sachertorte không nhắc gì tới việc trừng phạt con trai. Thay vào đó, bà có vẻ quan tâm hơn đến điều mà cặp sinh đôi đã dàn xếp trước khi rời New York.

Bà hỏi:

– Có nghĩa là, trong chừng đó thời gian, John và Philippa sống tại nhà hai đứa ở New York chỉ là hai Nơi Khác?

Philippa gật đầu bảo:

– Cháu e là vậy.

Bác sĩ Sachertorte lăm băm:

– Thế nào mà...

John, lần đầu tiên cảm nhận được một chuyện gì đó không ổn đã xảy ra, hỏi:

– Thế nào gì ạ?

– Không có gì. Chỉ là cô nghĩ, đã đến lúc các cháu nên về nhà rồi đó. Các cháu không nghĩ vậy sao? Ý cô là, nếu cô nhớ chính xác, Nơi Khác chỉ tồn tại trong một vĩnh hằng. Nghĩa là, cỡ mười một ngày, đúng không?

John cho biết:

– Chính xác là 11,57407407407407407407407407407 ngày.

Rồi liếc nhìn đồng hồ đeo tay, cậu nói:

– Theo đồng hồ của cháu thì, tụi cháu vẫn còn dư được một ngày.

Philippa hỏi:

– Cô Sachertorte, cô sẽ không nổi giận với Dybbuk, phải không? Ý cháu là, cậu ấy sẽ không đi đến London hay Ấn Độ nếu không phải vì cháu và John.

Bác sĩ Sachertorte lắc lắc cái đầu xinh đẹp của bà và nói:

– Dĩ nhiên là không rồi, cháu yêu của cô. Làm sao cô có thể nổi giận với Dybbuk chứ. Cô chỉ mừng là rốt cuộc nó đã về nhà. Và đó cũng là nơi các cháu nên về. Ok?

Bác sĩ Sachertorte nở một nụ cười có phần buồn bã, một nụ cười làm cặp sinh đôi cảm thấy như có một chuyện gì đó bà không nói với chúng - không phải là về bản thân bà hay Dybbuk, mà chính là về John và Philippa.

John nói với Philippa:

– Cô Sachertorte nói đúng đó, Phil. Chúng ta nên về nhà thôi.

Rồi cậu quay lại định chào tạm biệt Dybbuk. Nhưng Dybbuk đã biến mất.

– Cậu ấy đâu rồi nhỉ?

Gật đầu chỉ về phía cầu thang, bác sĩ Sachertorte nói:

– Chắc là nó lên phòng rồi.

John và Philippa tìm thấy Dybbuk đang chăm chăm nhìn vào mặt sau gương linh hồn của cậu. Và cặp sinh đôi chưa bao giờ thấy cậu có vẻ mặt buồn bã và thất vọng đến thế.

John hỏi:

– Có chuyện gì à?

Trông thấy cặp sinh đôi đứng ở cửa phòng mình, Dybbuk vội vã kéo một miếng vải che cái gương lại và lắc đầu bảo:

– Không có gì.

Rồi cậu nhẹ nhàng đẩy hai đứa ra khỏi phòng và đóng cửa lại sau lưng.

– Các cậu phải đi à?

Cậu hỏi, và gấn một nụ cười trên mặt, bắt tay John và khẽ hôn lên má Philippa.

John trả lời:

– Ừ.

Dybbuk nói:

– Cám ơn nhé. Vì mọi chuyện. Chúng ta đã có một chuyến đi rất vui, đúng không? Bất chấp mọi chuyện đã xảy ra.

Philippa, giờ đang rất nóng lòng muốn về nhà, nói:

– Ừ. Rất vui.

* * *

Cặp sinh đôi bay về hướng Đông, băng qua Arizona, New Mexico và Texas. Nhưng ở đâu đó trên Oklahoma, Philippa bắt đầu bay quá nhanh và, trước khi hai đứa kịp nhận ra, ngọn lốc gió của họ đã tạo ra một cơn bão xoáy. Đặc biệt ở tiểu bang này của nước Mỹ, bão xoáy là một hiện tượng quen thuộc, mặc dù nó hiếm xảy ra hơn vào thời điểm này trong năm. Tuy nhiên, vì nhiệt độ ở khu Midwest lại cao một cách bất thường, và có quá nhiều độ ẩm trong không khí của Oklahoma, ngọn lốc gió của Philippa đã bị tiếp thêm sức mạnh. Chỉ trong vòng 15 phút sau khi đi vào bầu khí quyển ở Oklahoma, cặp sinh đôi đã ngồi trên một cơn bão xoáy đúng nghĩa, một cơn bão không khí hình nón màu đen to lớn cuộn cuộn xé rách vài cánh đồng ngô và cuốn phăng đi cả một khu nhà kho trước khi cặp sinh đôi có thể kiểm soát được nó.

John nhận xét:

– Kết quả của việc quá vội vã đây mà.

Philippa thừa nhận:

– Em không thể ngăn mình lại được. Em đang rất lo về chuyện ở nhà. Chắc chắn cô Sachertorte đã không nói cho chúng ta biết một điều gì đó.

John bảo:

– Đúng là cô ấy xử sự có chút kỳ quái. Nhưng mà, nếu có một đứa con như Dybbuk, không cứ xử kỳ quái mới là lạ đó. Còn nhớ cái cách mà cậu ấy nhìn vào gương linh hồn của mình không? Cứ y như cậu ấy trông thấy ma vậy.

Philippa nhún vai nói:

– Có thể chỉ là cậu ấy đang nghĩ về Brad thôi. Dybbuk không có nhiều bạn bè. Cậu ấy sẽ nhớ Brad lắm. Đó chắc hẳn là điều làm cậu ấy phiền muộn như vậy. Đâu còn lý do nào khác, đúng không?

Nhưng ngay cả Philippa cũng không bị thuyết phục bởi lý lẽ của chính mình, và cô giữ im lặng cho đến khi hai anh em về đến New York. Dưới sự che chở của bóng đêm, cô đáp ngọn lốc gió xuống Công viên Trung Tâm, ngay bên cạnh tượng đài Alice Trong Xứ Sở Thần Tiên. Từ đó, cặp sinh đôi chỉ phải đi bộ một khoảng ngắn băng qua đại lộ Park và Madison và về đến căn nhà trên đường 77 phía Đông.

John tìm thấy chìa khóa cửa của mình, và hai anh em tự mở cửa vào trong im lặng, để phòng cha mẹ hay bà Trump đang ở cạnh hai Nơi Khác. Căn nhà có vẻ yên tĩnh một cách bất thường, chỉ có tiếng đồng hồ quả lắc trong sảnh phá vỡ sự im lặng. Cặp sinh đôi nhón chân bò lên lầu. Lên đến tầng bảy, chúng ngừng lại trong chốc lát và cúi người nấp sau lan can khi trông thấy hai bản sao của mình qua cánh cửa phòng ngủ để mở. John 2 đang ngồi đọc sách trên cái ghế yêu thích của John, trong khi Philippa 2 đang đắm chìm vào việc làm thơ. Cả hai nhìn gọn gàng và sạch sẽ không một tì vết, như thể một món hàng mới lấy ra từ trong hộp. Cặp sinh đôi chăm chú ngắm nhìn bản sao của mình trong vài phút như bị thôi miên, cho đến khi John đâm chán với việc nhìn thấy bản thân mình cư xử nèn nếp như vậy và bước vào phòng.

Cậu chào:

– Hi!

John 2 ngược mắt lên khỏi cuốn sách mà mình đang đọc. Và John kinh hãi nhận ra John 2 đang đọc một quyển Kinh Thánh. Cậu lắp bắp nói:

– Làm ơn nói với tớ là cậu không ngồi đọc cái này suốt từ khi tớ đi.

John 2 trả lời:

– Chỉ trong buổi tối thôi.

Thở dài đánh sượt, John bảo:

– Nhưng tớ chẳng bao giờ làm như thế cả. Dĩ nhiên không có gì sai với việc đọc Kinh Thánh. Chỉ là, ừm, tớ không ngoan đạo đến thế.

Cùng một khuôn mặt kinh hoàng như anh trai, Philippa nhìn đồng hồ đeo tay và nói với Philippa 2:

– Cả tớ nữa. Đáng lẽ giờ này tớ đang coi tivi, thay vì ngồi đây viết cái thứ mà cậu đang viết.

Philippa 2 cho biết:

– Tớ làm thơ. Hay chính xác hơn, thơ haiku. Một dạng thơ Nhật.

Đưa bài thơ vừa viết cho Philippa, Philippa 2 nói:

– Chính xác 17 âm tiết. 5, 7, và 5. Cậu thấy sao. Philippa đọc lớn bài thơ.

Con cá gặp một djinn.

Con cá chỉ có một điều ước.

Điều ước là con cá.

Nhún vai, cô lịch sự nói:

– Rất hay. Nhưng John nói đúng. Tụi tớ không hay xử chuẩn mực như hai cậu. Tớ ngạc nhiên là mẹ tớ không gọi cô Jenny Sachertorte, bác sĩ djinn của nhà tớ, đến khám bệnh cho các cậu đấy.

Philippa 2 cho biết:

– Mẹ cậu không có ở đây. Bà ấy đi rồi.

Philippa hỏi lại bản sao của mình:

– Đi? Cậu nói “đi” nghĩa là sao? Đi đâu?

– Rồi nhà.

John lắc đầu:

– Không thể nào. Mẹ sẽ không bao giờ rời đi mà không nói cho tụi tớ biết.

John 2 nói:

– Bà ấy đã nói cho *tụi tở*.

Philippa 2 nói thêm vào:

– Tở đoán bà ấy nghĩ bà đã nói với *các cậu*.

– À, và ta nghĩ ta nghe có tiếng nói.

Một giọng nói mà họ nhận ra vang lên. Quay đầu nhìn lại, cặp sinh đôi trông thấy cậu Nimrod của họ đang đi lên cầu thang.

– Cậu e là Nơi Khác của cháu nói đúng đấy, Philippa. Mẹ cháu *đã* nghĩ bà đã nói với hai đứa.

John hỏi:

– Nói với tụi cháu chuyện gì mới được? Chuyện gì đang xảy ra ở đây vậy, cậu Nimrod?

Cậu Nimrod nhẹ giọng nói:

– Đáng tiếc là cậu không biết được chuyện này, cho đến khi trở về London. Và ngay khi biết được, cậu đã cưỡi lốc gió lao thẳng đến đây. Ayesha, Djinn Xanh Babylon, đá qua đời, và mẹ cháu đã đi tiếp nhận vị trí của bà ấy.

Cặp sinh đôi lặng người. Đột nhiên chúng sáng tỏ ra rất nhiều chuyện đã xảy ra ở Iraq vài tháng trước. Vì sao mà Philippa có thể rời khỏi Iravotum dễ dàng như thế.

Cậu Nimrod gật đầu nói:

– Chắc là các cháu đã đoán được lý do rồi phải không? Mẹ cháu đã đồng ý thế chỗ cho cháu, Philippa. Trong việc trở thành Djinn Xanh đời tiếp theo. Đó là lý do tại sao chị ấy ra đi. Theo như những gì cậu biết, chị ấy đã ở đó rồi. Ở Iravotum.

Philippa tuyên bố:

– Tụi cháu sẽ đến đó. Tụi cháu sẽ tìm mẹ và mang mẹ về.

Cậu Nimrod lắc đầu bảo:

– Không thể.

– Sao lại không thể? John đã đi tìm cháu. Anh ấy đã chứng minh chuyện ấy là có thể mà. Và chắc chắn vẫn còn kịp. Cháu biết rõ về chuyện đó. 30 ngày. Đó là khoảng thời gian cho một trái tim đủ cứng để trở thành Djinn Xanh.

Quay nhìn John, Philippa hỏi:

– Chúng ta có thể làm được điều đó, đúng không John? Đúng không?

John, vốn biết rõ hành trình đó vất vả như thế nào, ngồi xuống và ủ rũ gật đầu nói:

– Nó sẽ rất khó. Rất, rất khó. Nhưng cháu chần chừ tại cháu sẽ làm được. Tại cháu có thể mang mẹ quay về.

Nhưng cậu Nimrod vẫn lắc đầu:

– Cậu e là không. Không phải là lần này. Mẹ các cháu là một người thông minh. Rất thông minh.

– Tại sao cậu nói vậy? Mẹ cháu đã làm gì?

Cậu Nimrod thở dài:

– Chị ấy đã chuẩn bị sẵn mọi chuyện. Để đảm bảo các cháu không thể rời khỏi New York. Trong ít nhất 30 ngày. Và khi 30 ngày qua đi, dĩ nhiên mọi chuyện đã quá trễ.

Philippa vẫn khẳng khẳng:

– Mẹ không thể ngăn cản tại cháu được. Khi tại cháu thật sự muốn đi.

Đi ngược xuống dưới lầu, cậu Nimrod bảo:

– Đi theo cậu. Nhưng mà, các cháu nên chuẩn bị trước tinh thần cho một cú sốc khác nhé.

* * *

Cậu Nimrod đẩy cửa phòng làm việc của ông Gaunt và đi vào trong, John và Philippa theo sát sau lưng. Một cảnh tượng kỳ lạ đập vào mắt họ. Ngồi trên chiếc ghế bành bọc da để sát bên bàn làm việc là một người đàn ông già

nua mặc một bộ áo ngủ bằng lụa. John nghĩ ông cỡ tám mươi tuổi, nhưng Philippa đoán ông phải già hơn. Không có đứa trẻ nào nhận ra người đàn ông, dù ông dường như nhận ra họ, và phải đến một hay hai phút sau, cặp sinh đôi mới nhận ra sự thật.

Thở gấp một tiếng, Philippa thều thào gọi:

– Cha?

Người đàn ông già nua mỉm cười một cách yếu ớt nhưng không nói gì, như thể ông đã không còn có khả năng nói chuyện. Sợ run cả người, cặp sinh đôi lao đảo đi đến bên cạnh ông. Ở khoảng cách gần hơn, tất cả mọi nghi ngờ đều tan biến. Người đàn ông già nua này chính là cha họ, ông Edward Gaunt.

Nước mắt giàn giụa, John nắm lấy một bàn tay vàng vọt chỉ còn da bọc xương đầy đồi mồi của cha và lắp bắp hỏi:

– Chuyện gì xảy ra với cha vậy?

Ông Edward Gaunt chỉ ho một tiếng và chảy nước dãi một cách vô ý thức.

Cậu Nimrod giải thích:

– Trước khi rời đi, mẹ các cháu đã đặt một phép trói buộc Methusaleh lên anh ấy. Một thứ làm đẩy nhanh quá trình trao đổi chất trong cơ thể và tăng nhanh tốc độ lão hóa của anh ấy. Cùng lúc đó, chị Layla đã giải thích với hai bản sao của các cháu rằng, mỗi một ngày các cháu không có ở đây để dùng sức mạnh kiểm soát lại hiệu ứng ấy, anh ấy sẽ già đi 20 năm. Dĩ nhiên, chị ấy không biết đó chỉ là hai Nơi Khác thay vì hai đứa con của mình. Và đó là lý do tại sao cha các cháu già đi như vậy.

Philippa mếu máo hỏi:

– Cậu không thể làm gì sao?

– Cậu e là không. Đó là phép trói buộc của chị Layla. Cậu không thể can thiệp vào nó.

Philippa khóc rống lên:

– Tội cháu biết làm gì bây giờ.

John cũng sụt sùi:

– Đều là lỗi của tụi cháu. Nếu tụi cháu không trốn đến Ấn Độ, cha sẽ không như thế này.

Cậu Nimrod nghiêm giọng nói:

– Nghe cậu nói này, John, Philippa! Nếu hai đứa không đến Ấn Độ, cậu và ông Rakshasas sẽ vẫn bị đóng băng. Và khả năng là chúng ta sẽ phải ở đó trong thời gian dài. Đủ dài để Guru Masamjhasara tìm thấy Hồ Mang Chúa Kathmandu.

Vỗ nhẹ vào bàn tay xương xẩu của ông Edward Gaunt như thể đang an ủi, cậu nói tiếp:

– Tuy nhiên, theo như những gì ta biết, tiến trình gia tăng tốc độ lão hóa này có thể được đảo ngược. Nói cách khác, cha các cháu sẽ trẻ dần, cho đến khi trở lại như cũ. *Chừng nào không có ai trong hai đứa rời nhà đi tìm mẹ.* Các cháu phải kiên nhẫn chờ đợi thôi.

Rồi cậu Nimrod im lặng trong giây lát, như thể một chuyện gì đấy đang làm cậu phiền lòng.

Đoán được đó là chuyện gì, Philippa lên tiếng:

– Cháu xin lỗi, cậu Nimrod. Cậu nghĩ chắc tụi cháu là những đứa trẻ ích kỷ lắm. Tụi cháu chỉ biết nghĩ đến bản thân thôi. Ayesha cũng là mẹ của cậu mà.

John cúi đầu nói:

– Cháu cũng xin lỗi.

Cậu Nimrod bảo:

– Cám ơn cháu, Philippa. Cả John nữa.

Từ túi áo khoác của mình, cậu Nimrod rút ra điều xì gà to đùng và châm lửa đốt. Thả ra một cụm khói lớn, cậu thở dài và nói:

– Cho nên, như các cháu thấy, các cháu không thể nào đuổi theo chị Layla đến Iravotum. Không phải là lần này. Cả hai đứa cần phải ở đây trong 30 ngày để chăm sóc cha và ngăn không cho anh ấy già hơn nữa.

John hỏi một cách ảo não:

– Chuyện gì sẽ xảy ra với mẹ cháu, cậu Nimrod?

Ngay bây giờ John đã cảm thấy nhớ mẹ da diết. Không có mẹ, ngôi nhà này không còn mang cảm giác như một mái ấm gia đình nữa.

– Chị ấy sẽ phải hoàn thành định mệnh của mình, John. Đó là chuyện sẽ xảy ra. Tất cả chúng ta đều phải làm vậy.

Philippa lắc đầu:

– Làm sao cháu có thể chịu được khi nghĩ đến mẹ phải ở đó chứ? Trong tòa lâu đài lạnh lẽo ấy. Chỉ có một mình.

Cậu Nimrod nói:

– Chị ấy chỉ phải ở đó trong 30 ngày thôi. Sau đó, chị ấy sẽ ở Berlin. Tại nơi ở chính thức của Djinn Xanh Babylon. Các cháu sẽ có thể thấy chị ấy. Chỉ là, cậu phải cảnh báo trước, chị ấy sẽ không còn như xưa nữa. Và lại, chị ấy cũng không phải chỉ có một mình. Chị ấy có một người bạn đồng hành.

– Bà Glumjob à?

– Nghe nói bà Glumjob đã quay về Mỹ. Chính xác là về Bắc Carolina. Không, cậu đang nói về một người khác.

Cặp sinh đôi cùng nhau hỏi:

– Là ai?

– Các cháu có nhớ cậu bé nhặt rác người Guiana gốc Pháp không? Người mà Iblis đã làm phép chú hình nhân sau khi cậu ấy giải thoát hẳn khỏi cái chai nước hoa mà chúng ta nhốt hẳn bên trong ấy?

John gật đầu bảo:

– Cháu nhớ ạ. Tên cậu ấy là Galibi Magana, và phép chú hình nhân đó đã biến cậu ấy thành một dạng búp bê sống.

Philippa tiếp lời:

– Mẹ cháu đã cất cậu ấy trong một cái hộp để trên tủ đồ của mẹ. Thình thoảng, mẹ lấy cậu ấy ra khỏi hộp, nhìn một lúc rồi hứa một ngày nào đó sẽ giúp cậu ấy biến lại bình thường. Cậu muốn nói là, mẹ đã mang cậu ấy theo hả?

Hất đầu về phía cầu thang, cậu Nimrod nói:

– Theo như những gì hai Nơi Khác nói, chính xác chuyện ấy đã xảy ra. Cậu có linh cảm là, chị Layla định dùng sức mạnh của Djinn Xanh để gỡ bỏ phép chú hình nhân và biến cậu ấy lại bình thường.

John hỏi:

– Mẹ cháu có thể làm vậy sao? Vượt qua sức mạnh của Iblis?
– Chị ấy là Djinn Xanh mà. Chị ấy gần như có thể làm tất cả những gì mình muốn.

Philippa hỏi:

– Và Galibi sẽ trở thành bạn đồng hành của mẹ? Giống như bà Glumjob?
Giọng của Philippa có vẻ như đang hờn giận. Lắc lắc đầu một cách buồn bực, cô nói:

– Tại sao không là cháu chứ? Cháu có thể làm bạn đồng hành của mẹ mà.

John gật gật đầu:

– Cả cháu nữa.

Cậu Nimrod lắc đầu bảo:

– Hai đứa sẽ không vui vẻ gì với chuyện đó. Và chị Layla chắc chắn cũng không muốn vậy. Nhưng đó lại là một cuộc sống tốt hơn cho Galibi. Chắc chắn là tốt hơn nhiều so với việc sống trên nóc tủ. Hoặc là nhặt rác sống qua ngày. Như thế này, cậu ấy sẽ được dạy dỗ kiến thức và có tương lai tốt hơn. Và khi cậu ấy lớn lên, cậu dám nói chị Layla sẽ tìm một thứ gì đó cho cậu ấy. Một công việc chẳng hạn. Hoặc ba điều ước. Ai biết được.

Nắm lấy tay cha, Philippa nói:

– Chuyện này phá hủy cuộc sống của cháu rồi. Cháu không ngại nói cho cậu điều đó đâu, cậu Nimrod. Chuyện này quá tồi tệ.

Rồi cô gạt nước mắt khỏi má và đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ.

Cậu Nimrod an ủi:

– Mọi chuyện có thể tồi tệ hơn. Cậu nghĩ đó là điều các cháu nên tự nói với lòng để vượt qua chuyện này.

John sụ sùi:

– Tệ hơn chuyện mẹ rời khỏi nhà hả? Cháu không thấy còn có chuyện nào tệ hơn thế.

* * *

Cậu Nimrod để cặp sinh đôi yên tĩnh một lát. John nói đúng. Không có gì tệ hơn khi mẹ rời nhà. Ông vẫn còn nhớ rõ cảnh tượng mẹ của cậu, bà Ayesha, rời khỏi nhà, và nỗi đau mà ông cùng chị Layla phải chịu suốt mấy tháng sau đó. Ngay cả nỗi đau ông cảm thấy hiện giờ trước cái chết của Ayesha cũng không là gì so với nỗi đau khi đó. Mất mát là một chuyện, nhưng bị từ bỏ - đó là cảm nhận của ông và chị Layla lúc đó - lại là một chuyện hoàn toàn khác. Ông quyết định ở lại đây đêm nay.

Buổi sáng hôm sau, hai Nơi Khác biến mất.

John thừa nhận:

– Cháu mừng là họ đã biến mất. Họ bắt đầu làm cháu nổi da gà đây.

Cậu Nimrod hỏi:

– Nhưng sao cháu không bảo họ biến mất ngay ngày hôm qua? Cậu nghĩ, tất cả những gì cháu làm là yêu cầu thôi mà.

Philippa nói:

– Tụi cháu không muốn thôi. Cậu có bao giờ yêu cầu bản thân mình biến mất chưa?

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Ừm, chưa bao giờ.

John cho biết:

– Chuyện đó không dễ dàng đâu.

Cậu Nimrod lại hỏi:

– Mà họ đã ở đây bao lâu rồi nhỉ?

John trả lời:

– Một vĩnh hằng. 11,57407....

Cậu Nimrod cắt ngang John:

- Được rồi. Cậu biết một vĩnh hằng kéo dài bao lâu mà.
- Chú Afriel đã bảo họ tồn tại trong chừng đó thời gian.

Cậu Nimrod nói:

– Những điều thiên thần nói thường là sự thật. Đó là lý do tại sao chúng ta tốt nhất nên lắng nghe họ khi họ xuất hiện trong cuộc sống của chúng ta. Đúng là vài thiên thần có hơi đạo mạo. Có hơi lên mặt đạo đức. Nhưng người thông minh sẽ biết để ý đến họ khi họ ở quanh. Thiên thần biết những chuyện mà djinn chúng ta không bao giờ có thể biết được. Những chuyện bí mật. Những bí ẩn của vũ trụ. Mà, nhắc mới nhớ, lần cuối hai đứa gặp Dybbuk, nó thế nào rồi?

Philippa bảo:

- Kỳ quái. Như mọi khi.

John lắc đầu nói:

– Không. Không đúng. Cậu ấy kỳ lạ hơn bình thường. Lần cuối gặp, cậu ấy đang chăm chăm nhìn vào gương linh hồn của mình. Và nhìn như thể cậu ấy không muốn ai trông thấy nó.

Cậu Nimrod hỏi:

– Thế hai đứa có thấy gì không? Ý cậu là, hai đứa có thấy hình ảnh gì phản chiếu trong gương linh hồn của cậu ấy không?

Cặp sinh đôi lắc đầu.

John cho biết:

– Cậu ấy đã che nó lại. Trước khi tụi cháu kịp thấy gì.
– Điều này rất quan trọng đó. Cậu ấy có nói cho hai đứa biết đã thấy gì không?

John trả lời:

– Không ạ. Nhưng dù đó là gì, cháu không nghĩ nó làm cậu ấy cảm thấy hạnh phúc. Trên thực tế, cậu ấy dường như còn không chịu nổi khi nhìn vào nó.

Philippa lẩm bẩm:

– Cháu tự hỏi...

Cậu Nimrod hỏi:

– Chuyện gì?

Cô nói:

– Cháu đang tự hỏi, tại sao Dybbuk lại không chịu nổi khi nhìn thấy linh hồn của chính mình? Cậu ấy là một người nghịch ngợm. Bướng bỉnh. Tính khí thất thường. Thậm chí đôi lúc có phần độc ác. Nhưng cậu ấy dù sao cũng chỉ là một đứa trẻ. Ý cháu là, chắc chắn cậu ấy cũng không quá tệ. Không có gì ảnh hưởng đến linh hồn của cậu ấy.

Cậu Nimrod nói:

– Cậu đã từng nói với hai đứa rằng, có sáu tộc djinn, đúng không? Nhưng nếu nói cho đúng, sẽ có đến bảy tộc djinn. Vì thỉnh thoảng, sẽ có một djinn sinh ra không phải Marid hay Ifrit, Jinn hay Ghul, Jann hay Shaitan. Mà là một djinn lai giữa hai tộc. Trong trường hợp này là Marid và Ifrit.

Philippa thắc mắc:

– Cháu không hiểu. Rõ ràng cô Sachertorte là tộc Marid mà. Cả chú Sachertorte cũng vậy.

Cậu Nimrod nói:

– Ừ, đó đúng là sự thật Nhưng có một vấn đề ở đây. Một vấn đề khó khăn. Đặc biệt là với Dybbuk. Anh Sachertorte không phải là cha ruột của Dybbuk. Anh ấy chỉ vừa phát hiện ra chuyện này gần đây. Đó là lý do tại sao cậu ấy và anh Sachertorte không sống chung với nhau nữa.

John hỏi lại:

– Cậu đang nói, Dybbuk là nửa Marid, nửa Ifrit hả?

Cậu Nimrod gật đầu:

– Cậu e là vậy, John. Có cái tốt trong người Dybbuk. Nhưng cũng có cái xấu trong đó. Đó là cái mà cậu ấy thấy khi nhìn vào gương linh hồn của chính mình. Đằng sau ánh sáng và cái đẹp là một thứ gì đó tối tăm và ghê tởm. Và luôn có một sự tranh đấu bên trong Dybbuk giữa cái tốt và cái xấu

để giành quyền thống trị linh hồn cậu ấy. Đó là lý do tại sao cậu rất vui khi thấy hai đứa kết bạn với cậu ấy. Bởi vì, với sự giúp đỡ của các cháu, cậu tin rằng cái tốt sẽ chiến thắng.

Philippa thăm thì:

– Tội nghiệp Dybbuk. Nhưng làm sao chuyện đó có thể xảy ra chứ? Cô Jenny Sachertorte có vẻ là một người tốt mà.

– Bởi vì Iblis đã dùng phép trói buộc lên anh Sachertorte và giả làm anh ấy.

John trở mặt hỏi:

– Cậu không định nói cho cháu biết, Iblis là cha của Dybbuk chứ?

– Cậu e đó là sự thật, John à.

– Và Dybbuk biết điều đó?

Cậu Nimrod gật đầu bảo:

– Dĩ nhiên. Đó là một bí mật được chôn kín. Không ai biết điều ấy ngoại trừ gia đình họ. Thực tế, cậu thậm chí còn không chắc Iblis có biết chuyện đó hay không nữa.

Philippa hỏi:

– Nếu nó được giữ kín như vậy, làm sao cậu biết được?

– Hai đứa có nhớ về lễ trục xuất djinn đã vun đắp ý tưởng trở thành một djinn cho Guru Masamjhasara không?

John trả lời:

– Cháu nhớ. Cậu đã thực hiện lễ đó cho Thủ tướng Anh. Gã guru đó bảo ngài Thủ tướng bị djinn nhập. Một cô bé khoảng mười hai tuổi gì đó.

Cậu Nimrod cho biết:

– Cô bé đó là Faustina, chị gái của Dybbuk.

Philippa hỏi lại:

– Người đã đột ngột biến mất ấy hả?

Cậu Nimrod ngạc nhiên hỏi:

– Cháu biết về chuyện đó à?

Philippa nhún vai nói:

– Chỉ chút ít thôi. Tụi cháu đã thấy ảnh của chị ấy, ở nhà bà dì của Dybbuk. Trên đảo Bannerman.

– Hai đứa đã đến đó hả?

John giải thích:

– Đó là nơi Dybbuk đến trốn, khi tay sai của gã guru truy lùng cậu ấy. Có vẻ như cậu ấy khá gắn bó với Max, con khi đột quản gia của bà dì cậu ấy.

– Ừ, đó cũng là nơi...

Cậu Nimrod bỏ dở câu nói, và nhìn có vẻ suy tư trong giây lát, như thể nhớ ra điều gì đó.

Philippa nhắc:

– Cậu đang kể cho tụi cháu về chị Faustina.

Cậu Nimrod gật gật đầu rồi kể tiếp:

– Ừ. Faustina là một đứa trẻ rất thông minh. Một đứa bé vàng. Lấy ví dụ như, cô bé là một tay chơi Djinnversoctoannular thậm chí còn xuất sắc hơn cả cháu, Philippa. Và luôn được các djinn khác đánh giá khá cao. Thông minh. Suy nghĩ hợp lý. Chính Faustina là người đã nói cho cậu biết Iblis là cha của Dybbuk trong lễ trục xuất. Vào lúc đó, gia đình Sachertorte đang sống ở London và mẹ của cô bé, chị Jenny, người vừa mới hạ sinh Dybbuk, là một fan hâm mộ của Thủ tướng Anh. Hâm mộ từ xa thôi. Các cháu phải hiểu là họ chưa bao giờ gặp nhau. Khi biết được sự thật về Iblis, Faustina đã tính toán phải làm một chuyện gì đó. Và, sau mấy tháng trời nghe mẹ mình ca ngợi ngài Thủ tướng hết lòng, Faustina đã quyết định ngài Thủ tướng là người duy nhất có đủ sức mạnh bắt giữ Iblis. Đó là lý do tại sao cô bé lại đi ám Thủ tướng. Faustina là một cô bé rất nghịch ngợm, về khoản này, cô bé đặc biệt giống Dybbuk.

– Dĩ nhiên, mọi chuyện không có dễ như vậy. Bản thân Faustina chưa bao giờ đi ám ai trước đó. Phải nói là cậu rất kinh ngạc khi thấy cô bé có thể trụ lâu như vậy. Nhưng Faustina đã phạm sai lầm trong việc giữ nguyên giọng nói của mình, và nó đã khiến người ta lập tức nhận ra có chuyện

không đúng với ngài Thủ tướng. Và rồi mọi thứ vượt ra khỏi tầm kiểm soát. Cảm giác nắm quyền lực trong tay là một thứ mật ngọt chết ruồi. Và, khi nhận ra Thủ tướng thật sự không thể giúp được gì cho mình, Faustina nổi giận với ngài ấy. Và với mẹ mình. Sau đó cậu đến. Cậu hoàn toàn không biết đó là Faustina, nên đã trực xuất cô bé ra khỏi cơ thể Thủ tướng.

– Sau lễ trực xuất, cậu biết được ai là người đã ám ngài Thủ tướng, và lập tức đi kiểm thân thể của Faustina. Cuối cùng nó được giấu trong Bảo tàng Sáp của Madame Tussaud. Cậu đã chờ và chờ, nhưng linh hồn Faustina không bao giờ quay về để lấy lại thân thể. Ít nhất đó là điều cậu nghĩ. Và rồi, cậu nhớ ra khá trễ về mẫu thử máu mà bác sĩ Warnakulasuriya - tên gọi của Guru Masamjhasara khi đó - đã lấy khỏi cơ thể Thủ tướng trước lễ trực xuất. Một việc làm cực kỳ nguy hiểm với bất kỳ djinn nào khi đang ở ngoài cơ thể của mình. Hai đứa thấy đó, một phần nhỏ trong linh hồn của Faustina đã mất đi vĩnh viễn. Điều đó có nghĩa cô bé sẽ không thể tập trung đủ tất cả linh hồn để quay về thể xác. Không phải 100%.

Hít mấy hơi điếu xì gà của mình, cậu Nimrod tiếp tục nói:

– Đó là điều Dybbuk phát hiện ra khi mấy đứa ở Ấn Độ. Cậu ấy đã liên kết hai chuyện lại với nhau, và đoán được người Guru Masamjhasara đang nói tới chính là chị gái mình. Người chị mà cậu ấy chưa bao giờ gặp mặt.

John nói:

– Tội nghiệp Dybbuk.

Nhưng Philippa lại nói:

– Tội nghiệp *Faustina*. Vậy cuối cùng chuyện gì đã xảy ra với chị ấy?

Cậu Nimrod cho biết:

– Thân thể cô bé vẫn còn ở trong Bảo Tàng Sáp của Madame Tussaud. Như một bức tượng sáp. Còn về linh hồn cô bé...

Cậu Nimrod nhún vai nói tiếp:

– ... Cậu đã hỏi thăm khắp London. Chị Jenny Sachertorte cũng vậy. Nhưng chúng ta không bao giờ tìm thấy gì. Tìm kiếm một bóng ma không phải là một chuyện dễ dàng. Ngay cả với djinn chúng ta. Có vẻ như linh hồn

Faustina không gắn vào một nơi cụ thể nào. Như một ngôi nhà, hay một tòa cao ốc. Có lẽ cô bé ấy vẫn còn trôi nổi đâu đó.

Philippa thăm thì:

– Thật kinh khủng!

Cậu Nimrod gật đầu:

– Ừ. Đúng là rất kinh khủng.

Cậu Nimrod im lặng trong một giây. Và rồi trái tim cậu bỗng nhảy tưng trong lồng ngực như thể một con khỉ hoang bị nhốt trong chuồng. Tại sao cậu không nghĩ đến Faustina trước đây? Dĩ nhiên rồi! Faustina! Cô bé ấy có thể là câu trả lời cho tất cả mọi việc. Cậu sẽ phải hội ý với ông Rakshasas, dĩ nhiên. Rồi điều tra về các bức tượng sáp ở London, nơi cơ thể không linh hồn của Faustina vẫn “trú ngụ”. Nhưng nếu cậu có thể lần theo dấu vết linh hồn của Faustina, cậu sẽ có thể nắm trong tay một hy vọng không tưởng nhỏ nhất, yên ắng nhất, mỏng manh nhất, xa xôi nhất rằng một ngày nào đó, bằng một cách nào đó, cậu có thể tạo ra một trường hợp mà nhờ đó, chị Layla của cậu có thể quay về với căn nhà yêu thương và gia đình hạnh phúc của chị. Nhưngg cậu không muốn bọn trẻ nuôi hy vọng.. Đó sẽ là không công bằng. Và quá tàn nhẫn. Lỡ cậu không thành công thì sao? Cho nên, cậu mới tự bảo bản thân, tốt nhất khoan hãy nói gì. Ít nhất không phải bây giờ. Cho đến khi đó, John và Philippa sẽ phải chịu đựng nó và va chạm cuộc sống một ít.

Cậu Nimrod nói:

– Rất kỳ lạ, đúng không? Cách mà mọi chuyện liên hệ với nhau. Cách mà từ một chuyện dẫn đến một chuyện khác, rồi từ một chuyện khác lại dẫn đến một nơi mà từ đó lại dẫn chúng ta quay trở về điểm xuất phát. À, gần như là mọi chuyện. Không có gì thật sự tồn tại một mình cả.

Cặp sinh đôi giữ im lặng. Cậu Nimrod cho rằng, chúng vẫn đang nghĩ về Faustina và Dybbuk đáng thương. Nhưng thật sự hai anh em đang nghĩ về mẹ mình, người bị cướp đi chồng, con cái và tất cả bạn bè, và về sự cô lập đáng sợ mà bà buộc phải gánh chịu. Và, dù cậu Nimrod có nói gì đi nữa, chẳng phải bây giờ mẹ họ phải tồn tại một mình như một bóng ma hay sao?

Sự bất công đó lớn đến nỗi chỉ nghĩ đến nó cũng làm cặp sinh đôi muốn ngộp thở.

Nhưng rồi, với mỗi phút nữa trôi qua, cặp sinh đôi bắt đầu nghĩ về việc, một ngày nào đó, chúng sẽ thay đổi mọi chuyện và mang mẹ quay về với mình vĩnh viễn. Dù vĩnh viễn có kéo dài bao lâu. Và không chuyển động môi, những đứa trẻ của cây đèn đã lập lời thề, một lời thề bằng ngoại cảm mà chỉ có những cặp sinh đôi mới có thể lập ra, rằng họ sẽ làm mọi thứ bình thường trở lại. *Bất chấp cái giá phải trả với djinn và cả thế giới.*

Cậu Nimrod nói:

– Cậu nghĩ có lẽ cậu sẽ phải dọn đến đây sống với các cháu. Ít nhất là cho đến khi mọi chuyện trở lại bình thường.

Cậu ngược ngùng nhún vai khi bắt gặp ánh mắt thống khổ của cặp sinh đôi, cậu nhận ra câu nói vừa rồi của cậu không tưởng như thế nào.

– Ờ, ý cậu là, gần như bình thường.

Cặp sinh đôi vẫn không nói gì.

– Không, không bình thường. Chuyện đó không thể xảy ra, đúng không? Không, cậu chỉ sẽ sống ở đây một thời gian thôi. Và giúp các cháu vượt qua giai đoạn khó khăn này. Cả anh Groanin nữa, nếu hai đứa thích. Và cả anh Rakshasas nếu muốn. Tất cả chúng ta sẽ ở đây vì hai đứa. Vì bất cứ ước muốn nào của hai đứa.

Philippa là người mở miệng nói:

– Quá buồn cười, phải không? Hai djinn không thể ước cho điều mà họ thật sự mong muốn. Ai có thể tin chuyện như vậy có thể xảy ra chứ?

Cậu Nimrod nói:

– Cậu muốn nói với các cháu một điều mà anh Rakshasas trước đây từng nói với cậu. Rất nhiều năm trước đây. Cậu luôn thấy câu nói đó có ích, thật đó. Và cậu nghĩ nó đúng cho bất cứ ai, djinn hay mundane. Câu nói đó là: *Đừng bao giờ ước một cái xương đòn nói ra một điều ước nơi xương sống của chúng ta trú ngụ. Đôi lúc, chúng ta phải bỏ lại vài thứ nơi chúng ta tìm thấy chúng. Và chúng ta nên nhận ra một sự việc chỉ là một sự việc, vì tất cả*

điều ước của chúng ta không thể biến nó thành một cái khác. Vì nếu chúng ta cố gắng thay đổi mọi thứ trên thế giới dựa theo ý chí của chính mình, chúng ta sẽ chẳng khác nào một đứa trẻ.

John khẳng định nói:

– Nhưng tội cháu vẫn là những đứa trẻ mà.

Khẽ mỉm cười, cậu Nimrod đưa tay xoa đầu John và Philippa một cách trìu mến. Rồi cậu nhẹ giọng bảo:

– Các cháu không còn là trẻ nhỏ nữa, John. Không còn là như thế...

HẾT TẬP 3

Chú thích

- [1] Nguyên văn: Pillared Room.
- [2] Nguyên văn: Terracotta Room.
- [3] Nguyên văn: a singed cat is always better than he looks.
- [4] Camera an ninh.
- [5] Nhà thiết kế kim hoàn người Nga gốc Pháp.
- [6] Nguyên văn: Eremite.
- [7] Nguyên văn: parlor pouest.
- [8] Đông nam Manhattan, thành phố New York.
- [9] Thổ dân da đỏ Bắc Mỹ
- [10] Nhân vật trong tác phẩm *Truyện thuyết về thung lũng ngái ngủ của Washington Irving*
- [11] Nhân vật trong tác phẩm *Truyện thuyết về thung lũng ngái ngủ của Washington Irving*
- [12] Viết tắt của Young Men's Christian Association: Hiệp hội Thanh niên Cơ đốc giáo.
- [13] Gurkha, hay còn gọi là Gorkha là thị tộc cai trị ở thung lũng Kathmadu và bị đánh bại vào năm 1814-1816 bởi lãnh chúa Hastings, mở rộng đế chế của họ khắp Nepal vào thế kỷ XVIII. Rất được nể bởi tài tác chiến của mình, quân đoàn Gurkha đã được vua Nepal điều qua quân đội Ấn-Anh và phục vụ xuất sắc trong nhiều cuộc giao tranh thuộc địa bao gồm cả cuộc binh biến Ấn, và trong Thế chiến thứ Nhất và thứ Hai.
- [14] Spirit of Ecstasy.
- [15] Flying Lady.
- [16] Học thuyết về sự ban tặng những đặc tính thần thánh lên con người. Theo Hồi giáo, Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo, Chúa Trời tạo ra loài

người dựa trên hình ảnh của chính mình.

[17] Một quận ở hạt Dan Laoghaire-Rathdown, Ai-len. Nổi tiếng với trường đua Leopardstown.

[18] Đơn vị tiền tệ của Ấn Độ.

[19] Món ăn đạo phổ biến ở Ấn Độ.

[20] Người có uy tín lớn trong cộng đồng người Hindu.

[21] Nguyên văn: Tibetan prayer wheel, một vật có thân hình trụ bằng sắt hay gỗ, quay quanh trục có tay nắm cũng bằng gỗ hay sắt. Những câu kinh được khắc trên ống hình trụ sẽ xoay vòng khi có người kéo quả cân có dây chuỗi gắn liền vào thân trụ.

[22] Luck = may mắn, now = hiện giờ.

[23] Có nghĩa *I am in luck now*, một cách chơi chữ bằng cách kết hợp chữ Latin với địa lý.

[24] Nhiệt độ cơ thể của một djinn bị bệnh sẽ hạ xuống chứ không phải tăng cao.

[25] Thiên sư tu hành khổ hạnh.

[26] Viết tắt của *Personal Digital Assistant*, thiết bị kỹ thuật số hỗ trợ cá nhân, có các phần mềm ứng dụng giúp người dùng sử dụng như một máy tính thu gọn.

[27] Crab tiếng Anh nghĩa là *con cua*.

[28] Well (danh từ) tiếng Anh nghĩa là *giếng nước*. Còn well (phó từ) có nghĩa là *tốt, hay, đúng, sung túc, khăm khá*.

[29] Nguyên văn: the old well-house.

[30] Nghĩa là *kháng sinh*.

[31] 1 pound = 0,454 kg.

[32] Balbachhe tiếng Hindu nghĩa là *trẻ em*.

[33] Bhikhari tiếng Hindu nghĩa là *ăn mày*.

[34] Trong Kinh Thánh, người Philistine - kẻ địch thời xưa của người Do Thái ở nam Palestin đã bắt Samson và đưa vào đền để mua vui trong lễ

mừng chiến thắng. Samson đã dùng hai tay kéo sập cột đền và làm đền đổ đè lên kẻ thù.

Table of Contents

[Lời của Tác Giả](#)

[Chương 00: Chuyện đã xảy ra chỉ vài tuần sau khi cặp sinh đôi John và Philippa ra đời ở Thành phố New York](#)

[Chương 1: Hoạt họa](#)

[Chương 2: Tiệc sinh nhật](#)

[Chương 3: Răng và Móng](#)

[Chương 4: Những cặp sinh đôi](#)

[Chương 5: Đảo Bannerman](#)

[Chương 6: Thầy tu Xanh Lục](#)

[Chương 7: Những người thích nóng](#)

[Chương 8: Giá lạnh ở Calcutta](#)

[Chương 9: Nunc Fortunatus Sum](#)

[Chương 10: Hoàn hảo](#)

[Chương 11: Những lời nói lơ đễnh](#)

[Chương 12: Ác để Tốt](#)

[Chương 13: Bên trong lòng giếng](#)

[Chương 14: Con người ma quái](#)

[Chương 15: Con rắn hổ mang thứ chín](#)

[Chương 16: Máu lạnh](#)

[Chương 17: Sự khai sáng tự phát](#)

[Chương 18: Trốn thoát](#)

[Chương 19: Hàng miễn đổi, miễn trả](#)

[Chương 20: Suy nghĩ cuối cùng](#)